NĂM THỨ MƯỜI HAI • #137 • SEPTEMBER 2000

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL: (714) 839-8746 • FAX: (714) 839-8215

ĐÈN KÉO QUÂN

TÂM THANH

CHUYỆN MỘT NGƯỜI YÊU PHƯỢNG VĨ

HƯỚNG DƯƠNG

TIỀN CỔ VIỆT NAM

LỤC ĐỨC THUẬN

Hãy quyết định cho qúy quyến một tương lai ổn vững!

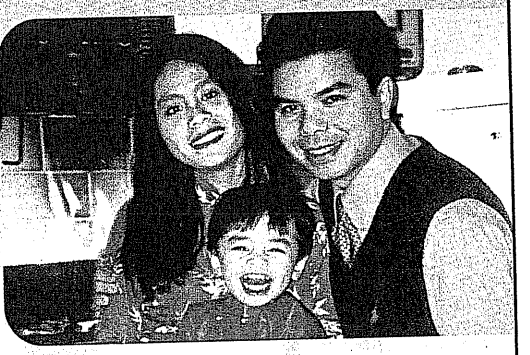

Trong tất cả những gì qúy vị có thể làm được cho gia đình, thì điều quan trọng nhất mà qúy vị có thể làm được là chuẩn bị cho họ khỏi gặp khó khăn khi qúy vị không thể làm gì được nữa. Đây là lúc mà NEW YORK LIFE có thể giúp đỡ qúy vị.

Với rất nhiều sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và tài chánh khác nhau, chúng tôi hân hạnh cung ứng cho qúy vị những gì cần thiết, hầu qúy vị có thể bảo đảm cho gia đình món quà thiết yếu của một tương lai vững chắc.

Từ Bảo Hiểm Nhân Thọ Toàn Phần hoặc Đoản Kỳ cho đến những sản phẩm thích hợp cho việc bảo tồn bất động sản, lợi tức hưu trí phụ trội, và nhiều món khác nữa.

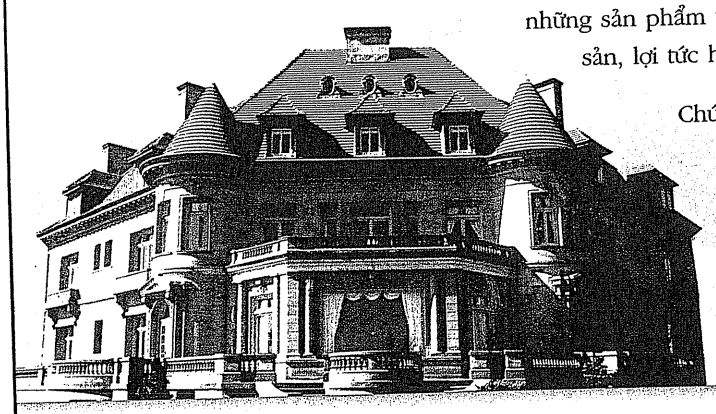

Chúng tôi hoan nghênh cơ hội được phục vụ qúy vị thiết kế một chương trình bảo hiểm đúng với ý muốn của qúy quyến. Xin vui lòng gọi hoặc đến thăm chúng tôi tại cơ sở dưới đây:

NEW YORK LIFE INSURANCE COMPANY.

Cung ứng bảo hiểm và những dịch vụ tài chánh khác

IRVINE
2020 S. Main St., Suite 200
Irvine, CA 92614 • (714) 560-7800

BREA
3230 E. Imperial Hwy, Suite 100
Brea, CA 92621 • (714) 572-2100

LONG BEACH
6700 E. Pacific Coast Hwy, Suite 180
Long Beach, CA 90803 • (562) 493-2571

LA PALMA
6 Centerpointe Dr., Suite 600
La Palma, CA 90623 • (714) 228-2779

POMONA
3201 Temple Ave., Suite 200
Pomona, CA 91768 • (909) 598-2333

NEW YORK LIFE
The Company You Keep.®

©2000 New York Life Insurance Company, 51 Madison Avenue, New York, New York 10010. All rights reserved

www.newyorklife.com

TRUNG TÂM THÚY NGA

HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

VIDEO CA, VŨ, NHẠC, KỊCH ĐẶC BIỆT

thúy nga

PARIS BY NIGHT 55

DƯỚI ÁNH NẮNG MẶT TRỜI

Điều Khiển Chương Trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN & NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

* Với những nhạc phẩm TOP HITS Việt Nam và Ngoại Quốc được trình diễn sống động, thu hình theo lối MTV qua nhiều hình ảnh ngoại cảnh tươi đẹp dưới ánh nắng mặt trời.
* Với mùa **Vu Lan Báo Hiếu** thật xúc động, nhớ Mẹ, thương Mẹ, hướng về Mẹ qua nhạc cảnh vĩ đại hiếm có **"Mục Liên Thanh Đề"**.
* Với hài kịch trào lộng **"Lá Sầu Riêng Đông Lạnh"**, cười ra nước mắt qua những cảnh đời trái ngược của xã hội xưa và nay được diễn xuất tài tình bởi Hồng Đào, Quang Minh, Trang Thanh Lan, Mỹ Trinh và Mỹ Huyền.

Với Sự Góp Mặt Của:

NHƯ QUỲNH - THIÊN KIM - LƯU BÍCH - LOAN CHÂU
NGỌC ÁNH - PHI NHUNG - HOÀNG LAN - TRÚC LAM
TRÚC LINH - BẢO HÂN - LINDA TRANG ĐÀI
TOMMY NGỌ - NGỌC HUỆ - ĐƠN HỒ - THẾ SƠN
NGUYỄN HÙNG - TRẦN ĐỨC - LAY MINH
ĐẶNG TRƯỜNG PHÁT

Xin liên lạc: THÚY NGA

MỸ & CANADA: P. O. Box 2174 Westminster, CA 92683 Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris FRANCE Tel: 01-45-83-23-41
ÚC CHÂU: 323 Chapel Rd., Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA Tel: (02) 796-7227
Web Site: www.thuyngaonline.com / E-mail: thuynga@thuyngaonline.com

Những Người Cộng Sản Tin

Linh Hồn Có Thật ?

Những chuyện có thật về linh hồn

phạm quế dương
trần phương

Với Sự Đóng Góp Của **hoàng hải thủy**

- *Chuyện có thật của giáo sư Trần Phương, cựu Phó Thủ Tướng CSVN, gọi hồn và tìm mộ em gái.*
- *Cựu Đại tá CSVN Phạm Quế Dương giúp tìm mộ cố Đại Tá VNCH Phạm Phú Quốc nhờ "ngoại cảm."*
- *Dân chúng trong nước hiện xôn xao về chuyện những người có khả năng tiếp xúc, nói chuyện cùng vong hồn người cheat.*

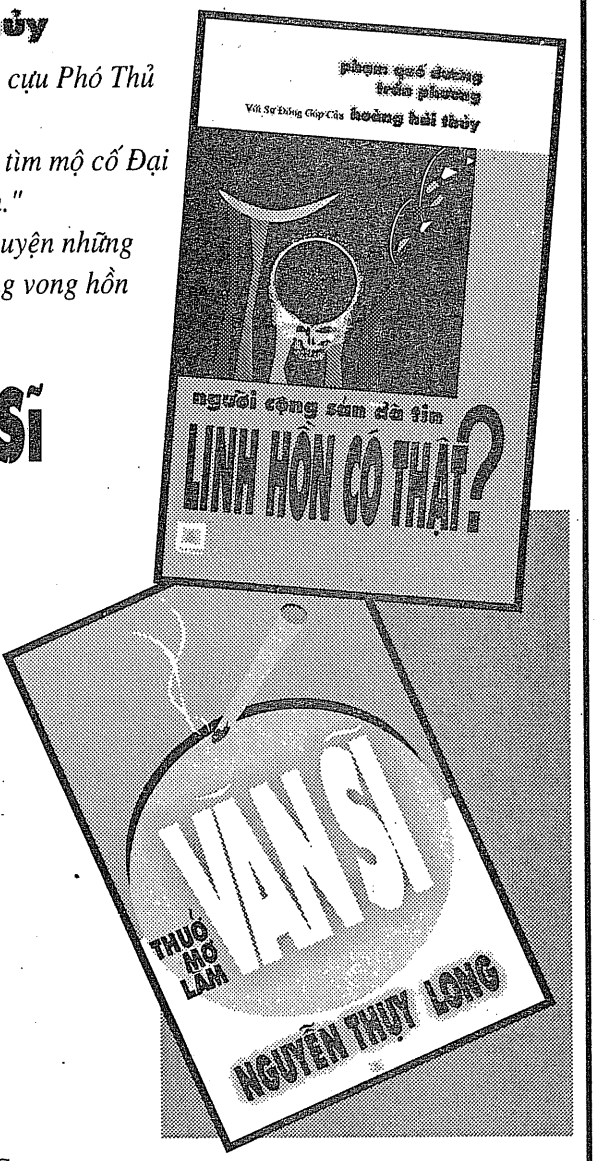

Thuở Mơ Làm Văn Sĩ

Nguyễn Thụy Long

Tác phẩm mới nhất của nhà văn Nguyễn Thụy Long, viết xong Tháng Năm. 2000, giữa những cơn thổ huyết.

Một hồi ký lôi cuốn như "Chuyện Kể Năm 2000" của Bùi Ngọc Tấn.

Cùng với chuyện của Bùi Ngọc Tấn, Nguyễn Thụy Long kể về một miền đất khác, một khoảng thời gian khác, ít nhiều hạnh phúc hơn nhưng vẫn đầy chua sót.

TỰ LỰC *phát hành*
714-531-5290
www.tuluc.com/ BUYBOOK@TULUC.com

TUỔI XANH

Nhà Xuất Bản
TUỔI XANH
Email: vietrans@aol.com

Trình bày bìa: Họa sĩ Etcetera

"Đôi Mắt Là Cửa Sổ Của Tâm Hồn"

ThanhThảo đã được Bác Sĩ Michael Rose điều chỉnh thị giác bằng phương pháp LAZIK và nay đã có thị giác toàn hảo. Cuộc sống của Thanh Thảo đã có nhiều thay đổi tốt đẹp hơn từ ngày không còn bị lệ thuộc vào kính cận và contact lenses.

Nếu quý vị muốn có thị giác toàn hảo và khỏi phải lệ thuộc vào kính mắt hoặc contact lenses, xin hãy đến với những bác sĩ chuyên nghiệp. ***Bác sĩ Michael Rose*** và ***Bác sĩ Marc Rose*** là hai bác sĩ chuyên ngành về phương pháp ***LAZIK*** với trên 10 năm kinh nghiệm và đã hoàn tất trên 20,000 cuộc giải phẫu Laser và điều chỉnh thị giác. ***Bác sĩ Michael Rose*** là vị bác sĩ thứ nhì được chứng nhận được phép áp dụng phương pháp giải phẫu ***LAZIK*** tại miền Nam California.

SOUTH COAST LASER CENTER

3420 Bristol Street, Ste. 700
Costa Mesa, CA 92626
(714) 957-0272

ROSE EYE MEDICAL GROUP

3325 North Broadway
Los Angeles *(Lincoln Heights)*, CA 90031
Tel: 1-888-LASER-03

Để được tham khảo miễn phí, xin gọi:

(714) 957-0272

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

*** CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.**
*** HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.**

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*
** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
*** TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG**
*** LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI**
*** NHA KHOA THẨM MỸ**
*** NHA KHOA NHI ĐỒNG**

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

Đã tái bản hạn chế hai bộ trường thiên của nhà văn

NGUYỄN MỘNG GIÁC

(ấn bản có sửa chữa và bổ sung)

Mùa Biển Động
(5 tập)
Giá 65 MK
(Ngoài USA thêm 5MK)

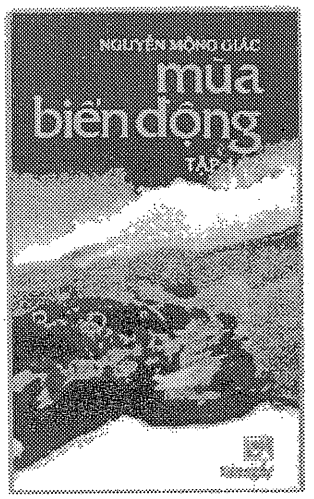

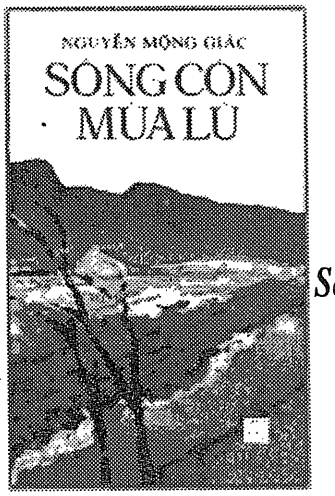

Sông Côn Mùa Lũ
(4 tập)
Giá 65 MK
(Ngoài USA thêm 5MK)

Thư từ, chi phiếu xin gửi về:
Nguyễn Khoa Diệu Chi
P.O. Box 1359 - Garden Grove, CA 92843
Phone: **(714) 894-8535** * *E-mail:* **nmg@vinet.com**

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

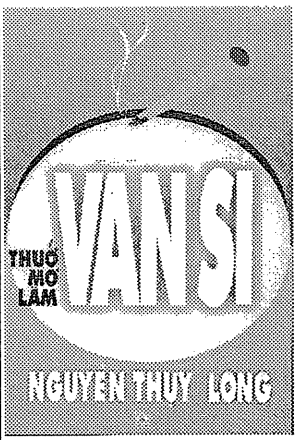

THUỞ MỚ LÀM VĂN SĨ

Hồi ký của **NGUYỄN THỤY LONG**, ghi lại quãng đời gian nan nhưng hào hứng với các bạn văn nghệ cùng trang lứa, trước khi trở thành nhà văn nổi tiếng với những tác phẩm *Loan Mắt Nhung, Kinh Nước Đen v.v...*
Giá 14 Mỹ kim.

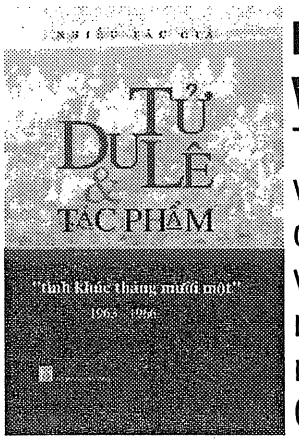

DU TỬ LÊ VÀ TÁC PHẨM

Tập trung bài viết về thơ Du Tử Lê của nhiều tác giả, với minh họa của những họa sĩ nổi tiếng.
Giá 18 Mỹ kim.

NGƯỜI CỘNG SẢN ĐÃ TIN LINH HỒN CÓ THẬT?

Bài viết của những nhân vật trong nước: **PHẠM QUẾ DƯƠNG, TRẦN PHƯƠNG** về những chuyện tiếp cận với linh hồn người chết trong quá trình đi tìm các mộ phần phiêu tán trong chiến tranh, trong đó có hài cốt của cố Đại tá Phạm Phú Quốc. Giá 8 Mỹ kim.

THIẾU LÂM KIẾN AN VIỆT NAM

Trình bày đầy đủ nền tảng võ thuật, với các thế võ, các bài quyền cước của môn phái Thiếu Lâm Kiến An Việt Nam.
Giá 15 Mỹ kim.

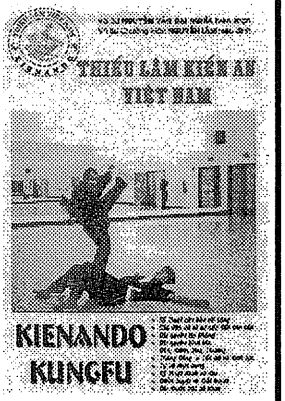

SÁCH TUYỂN CHỌN - MỚI XUẤT BẢN / TÁI BẢN

- Để Lành Bệnh Tự Nhiên (Trần Viết Hoài Đồng)	$18.00
- Việt Nam Niên Biểu tập 1 - C (Chính Đạo)	$22.00
- Dĩ Vãng (Sĩ Quốc)	$10.00
- Cộng Sản Đang Lừng Lững Trở Lại (Đại Dương)	$20.00
- Nghĩ Quẩn Viết Quanh (Hoàng Hôn)	$20.00
- Nhìn Quanh Một Mình (Nguyễn Ngọc Ngạn)	$22.00
- Đạo Phật Và Truyện Kiều (Nhóm Cư Sĩ Phật Giáo Hoa Sen)	$6.00
- Ngài Chủ Tịch tập 1 (Trường Sơn Lê Xuân Nhị)	$18.00
- ETCETERA (365 Hí Họa chọn lọc)	$25.00
- Tiếng Hờn Chân Mây (Trần Thy Vân)	$12.00
- Lời Tỏ Tình Đã Cũ (Hoàng Chính)	$10.00
- Chuyện Thâm Cung Dưới Triều Đại Hồ Chí Minh (Việt Thường)	$18.00
- Từ Bi Và Kẻ Thù (Đức Đạt Lai Lạt Ma)	$15.00
- Sự Tái Sinh Của Các Lạt Ma Tây Tạng (Phương Dung)	$22.00
- An Hưởng Tuổi Vàng (BS Nguyễn Ý Đức)	$12.00
- Bùa Yêu (Hùng Sơn)	$15.00
- Chuyện Kể Năm 2000 tập 1 + 2 (Bùi Ngọc Tấn)	$32.00
- Thế Kỷ (Nguyễn Văn Chức)	$14.00
- Sài Gòn Tuyết Trắng (Vũ Thụy Hoàng)	$18.00
- Tiếng Xưa (Đỗ Tiến Đức)	$15.00
- Người Nữ Tu Huyền Chức (J.Ngọc)	$16.00
- Ánh Sáng Và Bóng Tối (Liên Hoa Bảo Tịnh)	$14.00
- Những Băn Khoăn Trước Thời Cuộc (LS Hoàng Duy Hùng)	$16.00
- Dấu Chân Trên Cát (Nguyên Phong)	$17.00
- Lịch Sử Triết Học Phương Đông 5 tập (Nguyễn Đăng Thục)	$49.00
- Cây Thuốc Việt Nam (Lương Y Lê Trần Đức)	$33.00
- Giai Thoại Thiền Sư (Lâm Thanh Huyền)	$10.00
- Trầm Tư (Võ Hồng)	$7.00
- Khung Rêu (Nguyễn Thị Thụy Vũ)	$15.00
- Tuyển Tập Bình Luận Chính Trị tập 3 (Trần Bình Nam)	$18.00
- Bí Mật Hậu Trường Chính Trị tập 3 (Trần Giặc Văn Bút) (Đặng Văn Nhâm)	$18.00
- Lối Cũ Chẳng Sao Quên (Bích Huyền) Song Ngữ	$15.00
- Phòng 111 (Đặng Mai Lan)	$12.00
- Nhân Chứng Một Chế Độ tập 1 + 2 (Huỳnh V. Lang)	$43.00
- Vòng Quanh Thế Giới tập 1 + 2 (Người Việt Hải Ngoại)	$30.00
- Nhật Bản Dưới Mắt Người Việt tập 1 + 2 (Đỗ Thông Minh)	$36.00
- Nước Nga Dưới Mắt Người Việt (Lan Hương)	$20.00
- Nhận Diện Chân Dung Nhà Văn (Lý Hồng Xuân)	$16.00
- Đường Trần Quyện Gót (Uyên Cơ)	$20.00
- Vương Bụi Hồng (Uyên Cơ)	$20.00
- Mưa Nhã Nam (Nguyễn Huy Thiệp)	$10.00
- Lịch Sử VN 1975 - 2000 (Nguyễn Đình Tuyến)	$30.00
- 100 Truyện Ngắn Hay Trung Quốc 3 tập	$38.00
- Nhà Văn Việt Nam Thế Kỷ 20 (4 tập)	$68.00
- Trung Quốc Nhật Tuyệt	$36.00
- Phong Thủy Dẫn Giải Và Thực Hành (2 tập) Đoàn Văn Thông	$28.00
- Câu Chuyện Của Rampa (Trần Viết Anh Thi Dịch)	$15.00
- Lịch Sử Văn Học Trung Quốc (2 tập bìa cứng)	$40.00
- Đại Việt Sử Ký Toàn Thư 4 tập (khổ lớn bìa cứng)	$74.00
- Hải Thượng Y Tông Tâm Lĩnh (4 tập khổ lớn bìa cứng)	$79.00
- Đời Sống Các Đế Vương Trung Hoa 5 tập	$63.00
- Mưu Lược Gia Tinh Tuyển 7 tập	$79.00
- Cuộc Chiến Chưa Tàn (Trần Nhật Kim)	$15.00
- Vũng Lầy Nước Mắt (Trần Nhật Kim)	$10.00
- Thu Còn Vương Nắng (Nguyễn Lý Tưởng)	$15.00

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
www.tuluc.com

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 839-8746
Fax: (714) 839-8215
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:

Phát hành & Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương

Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiểu Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

Hình bìa: *Phóng sinh*, tranh **Nguyễn Thị Hợp**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui**
Ảnh: tư liệu

MỤC LỤC

Số 137 . Tháng Chín 2000

KINH TẾ - CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

18 Quan hệ biện chứng giữa phát triển và dân chủ - **Võ Nhân Trí**
26 Vài suy nghĩ về trường Đại học cộng đồng tại Việt Nam - **Đoàn Thanh Liêm**
28 Mối đe dọa độc dược ma túy ở Đông Nam Á - **Cổ Lũy**

LỊCH SỬ

35 Đơn vị, trọng lượng và kim loại của tiền đồng, tiền kẽm Việt Nam - **Lục Đức Thuận**
73 Vấn đề trọng đại nhất của nghìn năm tới - **Trần Ngọc Ninh**
88 Công cuộc nghiên cứu Việt sử tại Bắc Mỹ - **Trần Anh Tuấn**

TIỂU LUẬN - TÀI LIỆU

43 Hệ thống học vị và học hàm khoa học ở vài nước Tây phương - **Nguyễn Văn Tuấn**
69 Chút phận đàn bà...- **Thuận Văn**
107 Về cái chết của nhà văn Nhượng Tống - **Lê Nguyễn Thái Thuận**
109 Giới thiệu sách: Văn học và Cách mạng - **Hoàng Nguyễn**

VĂN

63 Đến với nước Nga - **Phạm Xuân Đài**
81 Đèn kéo quân - **Tâm Thanh**
93 Chuyện một người yêu phượng vĩ - **Hướng Dương**
99 Lời của buổi sáng - **Nguyễn Hòa Trước**
104 Xóm đình Đa Cát - **Trần Huy Sao**

THƠ

83. Khoảnh khắc - **Nghiêm Bằng. 86.** Đêm thu uống rượu, Thưa em - **Trần Lộc. 91.** Một mai về với núi rừng - **Tùy Anh. 95.** Ngỏ tình phai - **Trần Yên Hòa. 101.** Dấu chân ngày - **Khánh Hà. 106.** Chuyện xưa, Từ sau lần hẹn - **Trần Huy Sao. 112.** Tháng ngày - **Tôn Nữ Thu Nga**

MỤC THƯỜNG LỆ

7 Bạn đọc viết
11 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
11 Thư trị sự - **Phan Mỹ Sương**
12 Tin Việt Nam
50 Sổ Tay
56 Đời sống quanh ta - **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm**
114 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

Kẻ khác Pirate chứ không phải chúng tôi

Tháng trước tại mục này có đăng bức thư của GS Nguyễn Đình Hòa gửi ông Giám đốc nhà xuất bản Thế Giới ở Hà Nội. Nay nhận được thư trả lời từ Hà Nội do GS Hòa chuyển, chúng tôi xin đăng "để rộng đường dư luận."

Nhà Xuất Bản Thế Giới
46 Trần Hưng Đạo, Hà Nội

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2000

Kính gửi: Ngài Giáo sư - Tiến sĩ Nguyễn Đình Hòa

Thưa Ngài,

Tôi đã nhận được thư của Giáo sư gửi cho tôi đề ngày 4 tháng 7 năm 2000. Đây là lá thư thứ hai tôi nhận được của Ngài.

Cám ơn Ngài về những lời lẽ thẳng thắng và cởi mở trong thư.

Nhân đây tôi xin được trình bày chi tiết để mong Ngài thấu cho về việc cho in cuốn từ điển *Vietnamese - English Student Dictionary* do Ngài biên soạn.

Nhân một lần đến thăm một ông bạn già, ông có đưa cho tôi xem một cuốn từ điển Việt-Anh dùng cho sinh viên mà ông kiếm được ở Sài Gòn sau năm 1975. Tôi xem thấy có vẻ hữu ích cho học sinh, tôi đã xin phép Nhà nước Việt Nam được tái bản cuốn này với số lượng là 1000 bản vào năm 1993. Riêng lời nói đầu thấy không phù hợp với không khí chính trị và quan hệ Việt-Mỹ lúc bấy giờ nên tôi đã bỏ.

Ở thời điểm lúc đó, luật lệ của ta chưa hoàn chỉnh, vả lại cũng không biết tác giả hiện ở đâu? Nếu biết, chắc hẳn rằng chúng tôi sẽ phải xin phép (về đạo lý, đó là một cách ứng xử văn hóa tối thiểu, chưa nói về mặt pháp lý đây là thuộc quyền sở hữu trí tuệ).

Mãi sau khi nhận được thư của Ngài và nhân có một lần gặp ông Nguyễn Kim Thản, đã quá cố, tôi mới biết rõ địa chỉ của Giáo sư.

Tôi thấy ân hận về việc làm của mình khi nhận được thư và qua một vài người khác mới biết rõ về Ngài. Sau đó, tôi lại được gặp ông Trung, Giáo sư trường Đại học Giao thông Hà Nội, gọi ông là cậu. Tôi có trình bày với ông Trung về "sự tích" tái bản cuốn từ điển của Ngài và mong ông Trung có dịp trình bày để Giáo sư thấu hiểu cho. Và tôi còn dặn ông Trung là khi nào Giáo sư - Tiến sĩ Nguyễn Đình Hòa có dịp về thăm quê nhà, tôi xin được tiếp kiến Giáo sư tại trụ sở nhà xuất bản để "xám hối" việc làm của mình.

Bẵng đi gần 10 năm, tôi tưởng như thiếu sót đó đã trở về dĩ vãng. Ai ngờ "vết thương cũ" lại tái phát.

Thực tình lần này (trong bức thư ngày 4-7-2000 mà Ngài đề cập), chúng tôi bị oan. Chúng tôi chỉ tái bản có một lần duy nhất. Kẻ nào đã "đội lốt" Nhà xuất bản chúng tôi để tái bản cuốn từ điển đó là một kẻ ăn cướp. Ngài có thể gửi thư kiện tới Cục Bản quyền Bộ Văn hóa - Thông tin của Việt Nam để họ điều tra tìm thủ phạm.

Tôi cũng chưa hề nhìn thấy cuốn từ điển đã tái bản như Ngài nói. Chúng tôi sẽ cho kiểm tra và báo cáo việc này với Nhà nước.

Sự việc là như vậy, rất mong Giáo sư - Tiến sĩ hiểu và thông cảm cho.

Chúc ngài và gia quyến sức khỏe và may mắn.

Thành kính,

Mai Lý Quảng

Vấn đề trích dẫn tài liệu

Là một người thuộc thế hệ sau, tôi rất chú ý tìm hiểu về các vấn đề lịch sử có liên quan đến Việt Nam và ông Hồ Chí Minh. Thành ra, tôi để ý đến bài *"Lột trần huyền thoại Hồ Chí Minh"* đăng trong *Thế Kỷ 21*, số 133, tháng Năm, năm 2000. Tác giả của bài viết là ông Trần Gia Phụng, một người viết sử mà ông Trần Anh Tuấn, trong bài "Công cuộc nghiên cứu Việt sử tại Bắc Mỹ" được đăng trong cùng số báo, nhận xét là *"Trần Gia Phụng viết một cách thận trọng, và sử dụng phương pháp sử một cách nhuần nhuyễn. Phần chú thích trong sách báo nào của ông cũng hợp cách và công phu. [...] Nội dung những sử phẩm của ông sẽ giúp cho độc giả những kiến giải lịch sử vững chắc kinh qua sự trình bầy tất cả những quan điểm khác nhau về một sự kiện lịch sử."* Thực vậy, tôi thấy bài viết *"Lột trần huyền thoại Hồ Chí Minh"* của ông Trần Gia Phụng rất công phu. Tuy nhiên, bài viết này sẽ rất bổ ích cho người thuộc thế hệ sau nếu các dữ kiện được trình bày một chính xác và khách quan hơn.

Về vấn đề chính xác, trong trang 37, ông Trần Gia Phụng viết: *"Theo tài liệu của Vũ Thư*

Hiên và Nguyễn Minh Cần, bộ chính trị đảng Cộng sản Hà Nội đã đưa một cô gái thuộc sắc tộc Nùng ở Cao Bằng là Nông Thị Xuân về phục vụ Hồ Chí Minh năm 1955. Lúc đó, bà Xuân 22 tuổi và ông Hồ khoảng 65 tuổi. Năm sau, bà Xuân sinh hạ một người con trai được đặt tên là Nguyễn Tất Trung. Sau một thời gian chung sống, Hồ Chí Minh sa thải bà Xuân. Viên bộ trưởng công an Hà Nội là Trần Quốc Hoàn đã hiếp dâm bà Xuân, rồi cho người thủ tiêu một cách tàn bạo." Tài liệu mà ông Trần Gia Phụng dẫn chứng là cuốn hồi ký "Đêm giữa ban ngày" của ông Vũ Thư Hiên và bài viết "Thêm vài 'mẩu chuyện' về cuộc đời của Hồ Chí Minh" của ông Nguyễn Minh Cần, đăng trên Thế Kỷ 21, số 96, tháng 4 năm 1997. Tuy nhiên dựa theo hai tài liệu này thì những trích dẫn trên của ông Trần Gia Phụng có ít nhất là bốn điểm không chính xác, hay nói cho đúng hơn là sai:

1. Vào thập niên 50 cho tới giữa thập niên 70, Đảng Cộng sản Việt Nam có tên là "Đảng Lao Động Việt Nam," chứ không có đảng nào là "Đảng Cộng sản Hà Nội" cả; và vào thập niên 50, không có một cơ quan nào có tên là "Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Hà Nội" cả.

2. Trong cuốn hồi ký của ông Vũ Thư Hiên và bài viết của ông Nguyễn Minh Cần, không có chi tiết nào để viết là "*Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Hà Nội đã đưa một cô gái thuộc sắc tộc Nùng ở Cao Bằng là Nông Thị Xuân về phục vụ Hồ Chí Minh.*" Thực vậy, trong cuốn hồi ký "Đêm giữa ban ngày," ông Vũ Thư Hiên viết "*Ban bảo vệ sức khỏe Trung ương tuyển vào trông nom sức khỏe cho Bác Hồ.*" (Những chữ in đậm là do tôi nhấn mạnh). Trong bài viết đã dẫn, ông Nguyễn Minh Cần viết: "*... cuối năm 1954, [cô Xuân] đã tình nguyện vào làm công tác hộ lý trong một đơn vị quân nhu. Được mấy tháng thì ủy viên Trung ương Đảng, chủ nhiệm Tổng Cục Hậu cần Trần Đăng Ninh, gặp cô Xuân nói chuyện vài lần, rồi đầu năm 1955 cho xe đón cô Xuân về Hà Nội, nói là để phục vụ Bác Hồ.*" Theo một thư mà ông Nguyễn Minh Cần trích dẫn trong bài viết của ông, họ của bà Xuân là Nguyễn, không phải Nông.

3. Chưa có bằng chứng đáng tin cậy nào để khẳng định rằng bà Xuân lúc đó là 22 tuổi. Trong bài viết đã dẫn, ông Nguyễn Minh Cần viết "*... cô Nguyễn Thị Xuân (tên gọi trong gia đình là Sang) và em họ, cô Nguyễn Thị Vàng, 22 tuổi...*" Tuy cách viết không rõ ràng, nhưng theo cách hiểu thông thường thì bà Vàng (chứ không phải bà Xuân) lúc đó là 22 tuổi.

4. Cả hai tài liệu mà ông Trần Gia Phụng dẫn chứng, không có chi tiết gì để cho rằng *"Sau một thời gian chung sống, Hồ Chí Minh sa thải bà Xuân."* Ngược lại, ông Vũ Thư Hiên viết *"Cô Xuân rất được lòng Bác Hồ."* Ngoài ra, theo ông Vũ Thư Hiên, ông Hồ Chí Minh không sống chung với bà Xuân. Xin trích một đoạn trong "Đêm giữa ban ngày" như sau:

"[...]

- Cùng được Trần Đăng Ninh tuyển một lúc với cô Xuân còn có hai người em gái cô ta, một em ruột, một em họ, cũng là con gái gia đình gốc cách mạng cả. Họ được bố trí ở trong một ngôi nhà ở phố Hàng Bông Thợ Nhuộm, sát đường Quang Trung. Thông thường, Trần Quốc Hoàn tự thân đưa cô Xuân vào gặp bác rồi đưa về ...

- Mỗi lần như vậy bà ta ở lại khoảng bao lâu?

- Không chừng. Có khi chỉ một đêm, có khi đôi ba hôm ... Cô Xuân rất được lòng Bác."

Ngoài ra, bài viết của ông Trần Gia Phụng còn cho biết thêm "[...] *theo sử gia và nhà hoạt động chính trị Trần Trọng Kim, ông Hồ đã sống chung với bà Đỗ Thị Lạc, bí danh "chị Thuần," và sinh hạ một người con gái."* Tuy nhiên, trong phần ghi chú, ông Trần Trọng Kim viết: *"Trong số 22 người ấy có một nữ đảng viên tên là Đỗ Thị Lạc là người sau có đứa con gái với Hồ Chí Minh,"* mà không hề có đề cập đến bí danh "chị Thuần" gì cả. Ông Trần Trọng Kim cũng không có viết gì để có thể khẳng định là ông Hồ Chí Minh "sống chung tạm bợ với Đỗ Thị Lạc" như ông Trần Gia Phụng viết!

Về vấn đề khách quan và khoa học, tôi thấy bài viết của ông Trần Gia Phụng có chứa nhiều từ ngữ và câu văn nhiều cảm tính và thiên vị. Có lẽ do hẳn học và thiếu bình tĩnh, nên bài viết của ông có quá nhiều đoạn lẫn lộn giữa trình bày sự thực (facts) và bình luận (comments) hay suy luận cá nhân.

Nói tóm lại, dựa vào những tài liệu mà tôi có trong tay, một vài chi tiết trong những "bằng chứng" mà ông Trần Gia Phụng làm cơ sở cho bài viết của ông đã không đồng nhất. Vấn đề có ý nghĩa quan trọng hơn là *hoàn toàn*

không có bằng chứng đích thực nào để độc giả có thể nhìn thấy, có thể xác nhận hay tái xác nhận được. Và, khi ông dẫn chứng lại từ những bằng chứng này, ông cũng không trích dẫn một cách chính xác hay trung thực.

Sau cùng, xin nhấn mạnh ở đây là tôi chưa bàn đến nội dung bài viết đúng hay sai, chưa nói đến những suy luận trong bài viết có logic hay không, và cũng không bàn đến tính chính xác và độ tin cậy của những dữ kiện trong đó; nhưng tôi chỉ muốn nêu một vấn đề có tính học thuật mà thôi. Đây là một vấn đề then chốt, vì nếu phương pháp không vững và bằng chứng không nhất quán thì mọi suy luận và diễn dịch đều không có giá trị.

Trong hoạt động khoa học, trích dẫn sai tài liệu gốc là một lỗi lầm nghiêm trọng và khó tha thứ, vì tính phản khoa học và phản trí thức của việc làm. (Trong các trường đại học và cơ sở nghiên cứu ở các nước Tây phương, giáo sư hay sinh viên phạm lỗi lầm này thường bị kỷ luật, thậm chí đuổi khỏi trường.) Tôi thấy cách làm việc này làm cho việc đi tìm sự thật của thế hệ sau sẽ rất gian nan, và nếu không chịu sửa đổi thì nền học thuật của Việt Nam trong tương lai quả rất ảm đạm.

Nguyễn Khiêm *(Sydney, Úc)*

"Ông Tám"

* Tôi tình cờ gặp *Ông Tám* trong *Thế Kỷ 21* vào tháng Tám dương lịch:

- bắt đầu là một *Ông Tám* bằng xương bằng thịt, "khoảng bốn mươi, lúc nào cũng đội một cái mũ len," sống ở làng quê - mũ len để che đi quá khứ? . *Ô ng Tá m* là biệt danh miệt vườn. "Mình có biết mặt mũi cha mẹ mình ra sao đâu?" thì làm sao biết được bảy anh chị? - Nhưng kêu là *Ông Tám* cho gần gụi, thay vì Ông Cả, Ông Hai;

- tiếp đó là một *Nguyen Thanh Tam* (trên bìa luận án không bỏ dấu, tên cúng cơm của Ông Tám), qua 24 đoạn bút ký tự thuật.

* Tôi sững sờ bắt gặp trong bút ký NTT: "bố TĐT," "bố NMT," HCM, rồi Socrate, Simone de Beauvoir, Sartre, mấy địa danh Athènes, Louvain. Ngoài ra là *Triết học, Tự do, L'Etre et le Néant* v.v. Bài *"Triết học đi về đâu?"* (đăng trên cùng số *Thế Kỷ 21* tháng Tám 2000) cũng sử dụng bấy nhiêu chất liệu nhưng không gột nổi nên hồ: đầu bài là một câu hỏi, cuối bài vẫn y nguyên câu hỏi. Ngược lại, *Ông Tám* miệt vườn mai danh ẩn tích, cứu khốn (giúp đỡ quả phụ tử sĩ) phò nguy (bốc thuốc Nam) mới làm người đọc trăn trở.

Trong số người quen của *Ông Tám* có TBL (Trần Bích Lan) và CTT (Cung Trầm Tưởng) "làm thơ tới quá chớ!" Trong tam cá nguyệt san *Thân Hữu* (Hè 1998), tác giả Bạch Công kể lại trong thập niên 50, Trần Bích Lan, Lê Trạch Lựu (tác giả ca khúc *Em tôi*), Trịnh Viết Thành (nhà báo) v.v. sống trong "dãy nhà trọ làm bằng gỗ gần métro Sèvres-Lecourbe ở quận 15 (Paris)." (Năm 1952), "Lan đậu Tú tài 2 với mention assez-bien."

Mấy nhân vật xuất hiện trong bút ký của Ông Tám phần nhiều đã có đủ hai nhóm số tử-sinh rồi khép lại dấu ngoặc: NMT (1909-1997), TĐT (1917-1993), TBL (1932-1998) v.v. Triết học cũng đã khép ngoặc, bị tăng T-54 cán chết thê thảm vào giữa năm 75. Trên nấm mồ mọc đầy sậy (tư tưởng). Sau một phần tư thế kỷ, lau sậy đòi bỏ dấu khép ngoặc, quay lại với kiếp *Người (Homo sapiens)*.

* *Ông Tám* và *Triết học đi về đâu?* gặp nhau trong *Thế Kỷ 21*. Chủ đề tháng Tám của tạp chí không phải là Triết học. Câu chuyện nói tới đều quá cũ, không ăn nhằm gì đến thời sự. Tác giả Nguyễn Văn Thà ở tận bên Na Uy, chưa hân hạnh làm quen. Có phải những cây sậy mọc trên nấm mồ Triết học đã xui khiến cả hai viết cùng một đề tài, trong cùng một số báo, qua hai thể loại bổ túc cho nhau?

Lê Đình Thông
(Paris, Pháp quốc)

Lại chuyện lỗi lầm y khoa

Xin thành thật cám ơn độc giả Hoàng Mạnh Hải (*Thế Kỷ 21, số 135, tháng Bảy, 2000*) đã có chú ý đến bài viết *"Y khoa và những lầm lẫn chết người" (Thế Kỷ 21, số 134, tháng Sáu)*. Tôi nghĩ đây là một vấn đề quan trọng mà đồng hương, nhất là những người cao niên, nên để ý, bởi vì phần lớn những tai nạn y khoa thường xảy ra trong những người trên 55 tuổi. Đại đa số những lỗi lầm có hậu quả nguy hiểm thường xảy ra trong nhà thương. Theo tường trình của Giáo sư Lucian Leape (Đại học Harvard, Mỹ) và Bác sĩ Wilson (Úc), khoảng 40% tới 50% các tai nạn y khoa xảy ra ở phòng giải phẫu (1). Nơi "nguy hiểm" thứ hai là những khu điều trị (tức wards), chiếm 27% trong tổng số tai nạn. Những khu điều trị có kỹ thuật cao như khu khẩn cấp

(Emergency Department, Intensive Care Unit hay ICU) và khu sinh sản cũng là những nơi mà nhầm lẫn y khoa có thể xảy ra, nhưng ở một tỷ lệ thấp hơn (khoảng 3% tới 5%).

Đối với bệnh nhân, có thể nói những tai nạn có ảnh hưởng lớn đến tính mạng của mình xảy ra trong khi nằm nhà thương là (a) bị đưa vào khu vực ICU; (b) ngừng tim (cardiac arrest); và (c) chết. Điều đáng nói là trước khi bị những tai nạn này, bệnh nhân thường có dấu hiệu suy yếu hệ thống hô hấp và tuần hoàn, nhưng không được bác sĩ và y tá quản lý tới nơi tới chốn. Theo một nghiên cứu vào thập niên 80, có đến 60% tới 84% trường hợp bệnh nhân bị ngừng tim *đã* có những dấu hiệu suy giảm về áp huyết, hệ thống hô hấp, và thậm chí hôn mê trước đó khoảng tám giờ, nhưng lại không được quan tâm đúng mức và không có biện pháp gì để đối phó với tình hình nguy kịch đó. Nói một cách khác, có đến 60% tới 80% trường hợp ngừng tim có thể cứu được nếu nhân viên y tế theo dõi và có biện pháp cấp cứu kịp thời.

Điều này nói lên sự thiếu nhịp nhàng, thiếu tổ chức trong các bệnh viện, mà đặc biệt là ở các khu cấp cứu. Nhưng thay đổi hệ thống làm việc trong một tổ chức đòi hỏi phải có một sự hợp tác giữa các thành viên làm việc trong tổ chức đó. Trong giới y khoa, mà đặc biệt là giới giải phẫu, quan niệm phân chia đẳng cấp còn rất nặng nề và cứng nhắc. Khi được hỏi *"Trong một nhóm làm việc, các thành viên cấp thấp có nên chất vấn các thành viên cấp cao hay không,"* khoảng 25% các nhà giải phẫu trả lời "không," so với 3% trong các bác sĩ chuyên khoa và 2% trong các phi công trưởng. So sánh với các phi công trưởng, các nhà giải phẫu cũng là những người ít khi chịu nhìn nhận mình bị căng thẳng (stress) trong làm việc. Theo một nghiên cứu tâm lý, có đến 70% bác sĩ giải phẫu không chịu nhận là mình bị căng thẳng, so với 26% trong giới phi công. Nên nhớ là khoảng phân nửa các tai nạn do nhầm lẫn trong y khoa xảy ra tại các phòng giải phẫu (2).

Vấn đề y đức đang là một đề tài nóng bỏng trong y khoa, không những ở các nước có nền kỹ nghệ tiên tiến như Mỹ, Âu, Úc châu, mà còn ở Việt Nam nữa. Nhiều bài báo trong nước gần đây đã báo động về tình trạng thiếu y đức của một số bác sĩ trong nước. Nhiều trường hợp bác sĩ và y tế tìm cách moi tiền bệnh nhân một cách công khai. Có bệnh nhân không được điều trị chỉ vì họ không có tiền đút lót cho nhân viên y tế. Có trường hợp đau lòng như bệnh nhân phải quỳ lạy bác sĩ để được chữa trị! Chuyện khó tin nhưng có thật. Tôi sẽ quay trở lại đề tài này trong một dịp khác.

Có thể nói con số tai nạn y khoa và những hậu quả chết người do sự sai sót trong các bệnh viện và giới bác sĩ gây ra rất khổng lồ; ấy thế mà rất ít người trong cộng đồng hay biết đến. Có nhiều trường hợp lỗi lầm không hề được công bố trên các báo chí công cộng, mà chỉ được giải quyết qua điều đình giữa bệnh viện hay bác sĩ và nạn nhân. Chỉ có vài trường hợp do khám phá ngẫu nhiên hay do bất đồng trong thương lượng mới gây ra sự chú ý của giới báo chí và truyền thông. Nếu một vài tai nạn xảy ra liên tục trong một hãng hàng không thì công chúng sẽ rất phẫn nộ và đòi hỏi phải có cải tiến lề lối quản lý và làm việc. Nhưng rất "may mắn" là trong y khoa, tai nạn chỉ xảy ra một cách dần dà (thay vì ào ạt cùng một lúc cả hàng trăm mạng người như tai nạn máy bay), nên công chúng vẫn để yên cho giới y khoa, và giới y khoa vẫn im lặng và im lặng ... Nhiều bài báo nghiên cứu về nhầm lẫn y khoa bị chủ bút các tờ tạp chí y khoa uy tín ém nhẹm, không cho công bố, vì một phần sợ bị rắc rối trước pháp luật và một phần do truyền thống bênh vực nhau trong y giới (không muốn làm phiền đến đồng nghiệp). Số lượng nghiên cứu được công bố cũng rất ít, và hầu như giới có thẩm quyền vẫn không chịu tìm cách giải quyết vấn đề cho tới nơi tới chốn.

Đối với bệnh nhân nói chung, những khám phá này có ý nghĩa quan trọng. Không phải nhà thương nào cũng có phẩm chất về chăm sóc bệnh nhân giống nhau. Có nhà thương có tỷ lệ tử vong cao, và có nhà thương có tỷ lệ tử vong thấp. Có nơi mức độ khác biệt lên đến 20 lần! Cố nhiên, tỷ lệ tử vong không phải là một chỉ số đo phẩm chất chăm sóc bệnh nhân (vì nó phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau), nhưng là bệnh nhân, chúng ta nên nghiên cứu và tìm hiểu cẩn thận trước khi quyết định vào điều trị ở một nhà thương. Một khi đã vào nhà thương, đối với người cao niên không

thông thạo tiếng Anh, những khám phá này cũng có nghĩa khuyến cáo rằng không thể phụ thuộc hoàn toàn vào các nhân viên bệnh viện được, và cũng nên tự mình cảnh giác với những dấu hiệu đáng lo ngại để kịp thời báo cho bác sĩ, y tá. Câu nói "Ngừa bệnh hơn chữa bệnh" mà tiền nhân nói vẫn là một chân lý.

Ghi chú:

1. Loạt bài nghiên cứu do Giáo sư Lucian Leape thuộc đại học Harvard chủ trì được công bố trên tạp chí *New England Journal of Medicine* năm 1991, số 324, trang 370 - 384. Bài nghiên cứu do Bác sĩ Ross Wilson (Úc) chủ trì được công bố trên tạp chí *Medical Journal of Australia* năm 1995, số 163, trang 458 - 471.

2. Tác giả công trình nghiên cứu này là Tiến sĩ J. Bryan Sexton và đồng nghiệp, trong bài viết *"Error, stress, and teamwork in medicine and aviation: cross sectional surveys"* (tạm dịch: *Sự nhầm lẫn, căng thẳng, và sự chung sức đồng đội trong y khoa và hàng không: một cuộc khảo sát thiết diện*) công bố trên tờ *British Medical Journal,* năm 2000, số 320, trang 745 - 749.

Nguyễn Văn Tuấn
(Australia)

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Lâm Vĩnh Thế, Thế Dũng, Sương Mai, Trương Duy Hy, Võ Nhân Trí, Phạm Thiện Hỷ, Nguyễn Văn Tuấn, Trần Yên Hòa, Thảo Chi, Thúc Nguyên, Tôn Nữ Thu Nga, Ngô Đình Vận, Nguyễn Thế, Việt Dũng, Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Văn Thọ.

Vân Phố Hoàng Đống *(Aliso Viejo CA)*: Cảm ơn ông đã gửi bài "Phương trình phồn thịnh hóa Việt Nam." Chúng tôi đồng ý với hầu hết các ý kiến trong bài, tuy nhiên cách trình bày dưới dạng toán học không cần thiết, và có thể khiến độc giả thấy khó tiếp thu hơn. Phương trình dưới dạng đơn tuyến cũng bỏ sót mất tác dụng hỗ tương giữa các biến số. Trân trọng.

Bà **Tôn Thất Ân** *(Medford, MA)*: Chúng tôi rất cám ơn bức thư đầy thiện chí của bà về chuyện báo bị chậm hay thất lạc. Thực ra những yếu tố như khuôn khổ của Label lớn hay nhỏ, nét mực đậm hay nhạt... chúng tôi nghĩ không phải là yếu tố gây trở ngại cho việc phân phối của bưu điện, vì tất cả đều đúng tiêu chuẩn chung. Theo kinh nghiệm, gửi báo theo lối Bulk Rate tới những nơi xa xôi ít người mua báo thì hay có trục trặc, những vùng như thế gửi theo First class thì chắc hơn. Kính.

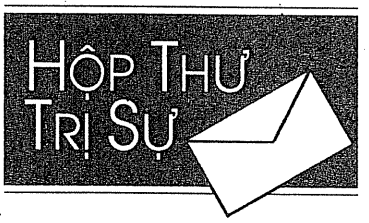

Độc giả gia hạn và độc giả mới

Michael Bui (Pearl City HI), Tran Tan Viet (San Jose CA), Nguyen Van Hai (Louisville KY), Thomas H. Nguyen (Bridgeport CT), Kimmy Duong Le (Raleigh NC), Thuy Tran (Westlinn OR), Phung Ngoc Hieu (Seattle WA), Vu Van Minh (Waterloo IA), Nguyen Dinh Cuong (Cerritos CA), Dam Trung Phap (Dallas TX), Lib:DWC Librabry (Epworth IA), Tan Van Hong (Santa Ana CA),Nguyen Van Thanh (Arlington VA), Do Huy Hoang (Oklahoma City OK), Thai Tu Hap (Rosemead CA), Tran Ngoc Du (Austin TX), Nguyen Cao Hoang (Pasadena CA), Nguyen Van Luan (Garden Grove CA), Truong V.Thanh (Elk Grove VA), Han Long Toan (Wilmette IL), Michael Bui (Peatl City HI), Nguyen Duc Luy (Sparks NV), Tran Duc Ai (Irvine CA), Huan Do (Garden Grove CA), Vu That (Gaithersburg MD), Trinh Ngoc Bang (Irving TX), Le Cong Mung (Morgan Hill CA), Nghiem Xuan Hy (Garden Grove CA), Dang Trung Chinh (AUSTRALIA), Thanh Kim Khuu (Beaverton OR), Tran Loi (Thousand Oaks CA), Hồ V. Phong (FoxBoro MA), Nguyễn Thị Ngọc Dung (Reston VA).

Độc giả thay đổi địa chỉ

Tran Nhu (Elk Grove CA), Tran Thi Hang (Lakeforest CA), Dang Chu (Santa Rosa CA), Huynh Van Tinh (Rochester MN), My Linh Ta Nguyen (GERMANY), Nghiem Xuan Hy (Garden Grove CA).

Vì lý do kỹ thuật, mục Chân Trời VHNT tháng này không đến được với bạn đọc, thành thật cáo lỗi cùng quý vị.

CÔNG KHAI CA TỤNG "CHUYỆN KỂ NĂM 2000"

Kính gửi: Ông Trần Đức Lương - Chủ tịch nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Đồng kính gửi: Các vị đứng đầu cơ quan lập pháp và hành pháp nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Tôi, Chu Thành, bút danh Tú Sót, nguyên là cán bộ biên tập nhà xuất bản Thanh Niên, 71 tuổi, đã nghỉ hưu, đề nghị huỷ bỏ quyết định 395QĐBVHTT như sau:

Gần đây đọc "Tạp chí sách," "Báo Văn hoá" thấy in quyết định trên ra lệnh đình chỉ phát hành, thu hồi tiêu hủy cuốn tiểu thuyết "Chuyện kể năm 2000" của tác giả Bùi Ngọc Tấn (nhà xuất bản thanh niên xuất bản năm 2000) do thứ trưởng bộ văn hoá thông tin Phan Khắc Hải ký lệnh.

Ngược lại dư luận đông đảo bạn đọc trong và ngoài nước thì sục sôi khen ngợi.

Là một cán bộ biên tập lâu năm của nhà xuất bản Thanh niên, giữ lời hứa chia tay ngày nghỉ hưu: "luôn gắn bó với nhịp tim của NXBTN" tôi tìm đọc tập sách và thấy: dư luận bạn đọc đúng, quyết định 395 của bộ văn hoá thông tin và cục xuất bản là sai - "sai chết người"!

Tôi coi đấy là một vụ "tử hình văn học," còn nguy hiểm, di hại hơn cả một vụ tử hình một con người xương thịt. "Chỉ tôn thắng nhục tôn," Thái sử công đã di huấn như vậy thì "thua rằng đừng lấy làm chơi." Nếu nói một câu thơ là một binh đoàn thì đây là một vụ xử tử hàng mấy binh đoàn. Đó là chưa kể đến người cha đẻ và bà đỡ ra nó thân phận sống chết thế nào?

Nước ta có câu ca:

Đừng coi là cái nụ đinh
Sự ấy tày đình phải kháp tai vua

Chuyện tày đình phải thấu tai vua! Một vụ tử hình long trời lở đất người đứng đầu nhà nước không thể không biết. Để sửa sai kịp thời tôi đề nghị Chủ tịch nước thân chinh đứng ra giải lệnh (Dù có ra lệnh hay không).

Rút kinh nghiệm bản thân, năm 1989 khi tập thơ "Gà trống đẻ" của Tú Sót vừa in xong thì có lệnh "thủ trưởng" đình chỉ phát hành, chỉ vì trong đó có bài "Trạm bơm nước"

Nước non anh giữ lấy vì
Non lo việc nước, nước thì cứ non
Ruộng đồng non nước héo hon
Nước anh bơm thế liệu còn non chăng?

Ông ta cho là ẩn ý phạm thượng... Tôi bực mình: làm văn mà không "nói Sơn Tây xanh cây Hà nội" thì bỏ bút cho xong.

Thợ giữ trạm bơm nước cũng như ông Chủ tịch nước, lo việc nước không tròn thì không bằng người quét rác làm tròn trách nhiệm. Viên không thể nào thắng Cán, bí quá tôi đành phải gửi tập "Gà trống đẻ" đề nghị thủ tướng cho ý kiến.

Rất nhanh, không đến một tuần, Thủ tướng Phạm Văn Đồng trả lời bằng văn bản hoan nghênh và chúc mừng Tú Sót.

(Năm đó mắt thủ tướng kém nhưng tự tay viết, hàng chữ không còn ngay đẹp như trước, rất cảm động. Xin gửi thư kèm quí vị cùng xem).

Biết các vị vô cùng bận việc nước, có thể chưa có thì giờ đọc, hoặc đọc chưa kỹ, tôi đề nghị tập sách cần được đọc kỹ, cần cho hội thảo rộng rãi để sửa sai kịp thời.

Riêng ý kiến tôi, một cán bộ theo cách mạng đã nửa thế kỷ, một biên tập viên xuất bản đã hơn 30 năm tuổi nghề, một người cầm bút (Tú Sót), tác giả của năm tập thơ, xin thưa:

"Chuyện kể năm 2000" của Bùi Ngọc Tấn là một chuyện đáng kể năm 2000, không những cho năm 2000 mà còn đáng kể cho nhiều thiên niên kỷ sau này.

Vì đó là sách xếp hạng quí hiếm. Nếu con cháu ta sau này được đọc "hắn" thì tránh được vết xe đổ , không bị rơi vào thảm họa như "hắn," như già Độ, như Nguỵ, như Cẩn và họ sẽ tìm cách xoá sổ bọn quỉ dữ Khuổng... để làm người lương thiện như ông Hoàng, ông Thưởng...

Cứ rút kinh nghiệm ông hàng xóm, người bạn lớn sát nách ta, gần đây họ cho tái bản và phát hành rộng rãi tập "Người Trung Quốc xấu xa" của Bá Dương một tác giả Hoa Kiều hải ngoại thì đủ

thấy "Chuyện kể năm 2000" của Bùi Ngọc Tấn kể lúc này là rất hợp thời. Xã hội Việt Nam đã có chiều hướng thăng hoa về nhiều mặt. Nếu anh mạnh thực sự, không nói là vô địch, thì không... sợ địch vô nhà. Không kẻ địch nào xuyên tạc được sự thật.

Nhân đây tôi cũng đề nghị Ông Chủ tịch và các vị đứng đầu cơ quan lập pháp và hành pháp xem lại và sửa chữa những vụ việc của nhà nước xử lý sai lầm đối với những Chí sĩ tâm huyết ưu thời mẫn thế, tự do tư tưởng, muốn góp trí thức làm cho đất nước giàu mạnh. Lịch sử và chúng dân đều thừa nhận và hoan nghênh họ. Theo chỗ tôi biết, đó là những người bạn đồng tâm đồng chí, phúc hoạ cùng chung. Lịch sử không thể xếp các vị Hoàng Minh Chính, Trần Độ, Hà Sĩ Phu, Bảo Cự, Bùi Minh Quốc, Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Tiến, Trần Khuê, Thanh Vân, Dương Thu Hương... ngoài danh sách hậu duệ Chu Văn An được.

Đối với họ, không thể xử sự theo lối đi dép:

Gian nan vất vả cùng đi

Giường cao chiếu rộng anh thì bỏ tôi.

(TS)

Không lấy tâm sáng mà soi xét, xử sự lầm lỗi thì dễ đổi bạn thành thù, lưu lại mối nguy hại đời đời cho dân nước.

Tóm lại, với chuyện kể năm 2000 của tác giả Bùi Ngọc Tấn, tôi coi đó là:

"Nhất chi hồng hạnh xuất tường lai"

Một nhánh hồng hạnh vượt rào, đáng trân trọng biết bao, đáng kích lệ tự hào biết bao!

Là cựu thành viên của Nhà xuất bản Thanh niên, là một bạn đọc có trách nhiệm, là người cầm bút có lương tri, trước các bậc trọng tài, trước những người giữ cán cân công lý, tôi xin đứng về phía tác giả và bạn đọc tâm huyết *"Chuyện kể năm 2000"* nói lên lời đồng cảm.

Cầm vàng mà lội qua sông

Vàng trôi không tiếc tiếc công cầm vàng

Cùng với tiếng kêu khẩn thiết:

Xưa đốt sách chôn học trò

Lẽ nào nay lại đem tro ấy thờ?

Làm sai đáng sợ, nhưng thấy sai không sửa còn đáng sợ hơn. Đề nghị Chủ tịch nước cho lệnh sửa sai kịp thời:

Trao tặng "công huân văn học" cho tác giả Bùi Ngọc Tấn, trọng thưởng những dũng sĩ khai sinh *"Chuyện kể năm 2000,"* xử phạt nghiêm minh những kẻ thiếu tri thức, thiếu trách nhiệm, cơ hội, lợi dụng chức quyền làm điều thất đức mất của hại người!

Hà thành ngày rằm tháng 7 Canh thìn

Tú Sót

Địa chỉ liên hệ:

Tú Sót

67 Ngõ Sông Tô Lịch P.Khương Trung - Q. Thanh Xuân

Tel : 8. 535 911

NGƯỜI ÊĐÊ TẤN CÔNG NGƯỜI KINH TẠI TỈNH ĐẮC LẮC

Sáng ngày 8 tháng 8, khoảng 150 người dân thuộc sắc tộc Êđê có võ trang đã bất ngờ tấn công và đốt phá một thôn xóm người Việt mới từ miền Bắc vào lập nghiệp ở một địa điểm phía Bắc thị xã Buôn Ma Thuột. Một đoàn cán bộ của huyện EA H'leo về công tác tại Thôn 8 của xã Ea Hiao đã bị dân Êđê tấn công trong khi dân chúng chạy trốn vào rừng.

Đoàn công tác của huyện gồm 15 người mà trong số đó có sáu cán bộ công an đã bị đám người Êđê vây đánh. Viên sĩ quan công an huyện và viên trưởng công an xã bị đánh trọng thương cùng với hai người khác. Nhà của trưởng thôn và phó thôn bị đốt cháy rụi cùng với tám ngôi nhà khác. Cây cối và vườn tược bị chặt phá tan hoang, thiệt hại nặng nhất là các vườn trồng cà phê và cây ăn trái. Nguyên nhân của vụ đánh phá này là do việc nhà cầm quyền dồn dân sắc tộc Êđê đi nơi khác để lấy đất cho đám di dân mới từ miền Bắc vào lập nghiệp.

Theo lời nhà chức trách địa phương thì số người Việt này không phải thuộc đoàn di dân theo chính sách của chính phủ cộng sản ở Hà Nội, mà là những di dân tự do đi từ miền Bắc mới vào năm 1997. Mặc dầu những di dân này không thuộc diện chính sách nhưng họ vẫn được nhà cầm quyền cấp đất để cất nhà và được phép khai hoang để trồng tỉa.

Xóm dân cư mới lập này được nhà chức trách đặt tên là Thôn 8 của xã Ea Hiao. Nhưng vùng này nguyên là một "buôn" của người Êđe có tên gọi là Buôn Sếch, là nơi mà sắc tộc này sinh sống từ rất lâu đời. Cách trồng tỉa của người Êđê cũng giống như người các sắc tộc khác ở cao nguyên Trung Phần — mà bây giờ gọi là Tây Nguyên— là ở mỗi khu ruộng rẫy họ chỉ gieo trồng vài vụ rồi chuyển đi canh tác ở khu khác. Đây là cách gieo trồng truyền lại

từ đời này qua đời khác, và không phải là người Êđê bỏ hẳn khu ruộng rẫy cũ mà chính là để cho đất nghỉ và được thiên nhiên làm cho màu mỡ trở lại.

Các di dân mới đến từ miền Bắc thấy những khu ruộng rẫy mà người Êđê đang cho nghỉ thì tưởng là bỏ hoang liền chia nhau hưởng dụng. Chính vì tình trạng xâm cư xâm canh này mà ngay từ năm 1997 đã xảy ra nhiều vụ tranh chấp về ruộng rẫy giữa người Êđê và đám di dân mới.

Trong tất cả các vụ người Êđê khiếu kiện người di dân chiếm ruộng rẫy của họ, nhà cầm quyền cấp huyện và cấp tỉnh đều dựa vào chính sách của chính phủ cộng sản ở Hà Nội mà xử ép người Êđê. Riêng vụ người Êđe đòi đất ở Buôn Sếch, nhà cầm quyền lại ra một quyết định rất bất công là bắt buộc họ phải dời khỏi nơi đang sinh sống để đi định cư định canh, lập buôn mới ở xã Đlei Yeng rất xa buôn cũ.

Chính sách chung của Hà Nội đối với lề lối sinh sống của người dân các sắc tộc trên cả nước là bắt buộc họ phải định canh định cư đặng dễ kiểm soát. Theo chính sách này thì dân các sắc tộc —chữ của Hà Nội là các dân tộc ít người, gọi tắt là "người dân tộc"— phải bị dồn vào sống trong các khu vực do chính phủ chỉ định. Các văn bản về chính sách này luôn luôn nhấn mạnh rằng: "công tác định canh định cư là một trong những nhiệm vụ chiến lược của cách mạng."

Sở dĩ gọi là nhiệm vụ chiến lược là vì từ năm chục năm trước cho đến ngày nay, nhà cầm quyền cộng sản thường xuyên gặp phải sự chống đối của dân các sắc tộc sinh sống ở vùng giáp giới với Trung Quốc, với Lào và với Cămpuchia. Tổng số "người dân tộc" kiểm kê được vào khoảng hơn 8 triệu người, chiếm 12 phần trăm dân số Việt Nam.

Riêng vùng phía tây Trường Sơn mà trước kia gọi là Cao nguyên Trung phần, bây giờ gọi là Tây nguyên, có hơn 800,000 người thuộc sáu sắc tộc chính. Nhiều nhất là người Giarai có gần 280,000 rồi đến người Êđê có trên 200,000. Người ta thường nhập chung hai sắc tộc này sinh sống ở ba tỉnh Kontum, Pleiku và Đắclắc và gọi là người Rađê.

Vào cuối thập niên 50, dưới thời Đệ nhất Cộng hòa Việt Nam ở miền Nam, một số thủ lãnh các sắc tộc này vốn có khuynh hướng thân Pháp đã lập ra Mặt trận Thống nhất của các Sắc tộc bị Áp bức (Front Unifié pour la Libération des Races Opprimées). Mặt trận này chống lại chính phủ Sài Gòn và thường được biết với danh xưng gọi tắt theo tiếng Pháp là FULRO. Sang đầu thập niên 70, lực lượng nòng cốt của các sắc tộc lại hợp tác với Lực lượng Đặc biệt của Mỹ và của Việt Nam để chống lại lực lượng cộng sản xâm nhập từ miền Bắc.

Sau năm 1975, các lực lượng FULRO còn lại ở phía đông và phía tây Trường Sơn tiếp tục chiến đấu võ trang chống lại cộng sản từ miền Bắc vào. Đến tháng 8 năm 1976, Bộ Tổng Tư lệnh ở Hà Nội quyết định huy động toàn thể lực lượng ở Tây nguyên nhằm tiêu diệt các tổ chức FULRO. Chiến dịch này được trao phó cho Quân đoàn 3 phối hợp với các lực lượng võ trang của cộng sản ở địa phương và kéo dài trong hai năm.

Cho đến hôm nay, sau vụ người Êđê đánh phá đốt nhà ở xã Ea Hiao, nhà cầm quyền quân sự cũng như chính trị tỉnh Đắclắc lại có khuynh hướng dùng các biện pháp mạnh theo khẩu quyết là: xử lý nhanh, dứt điểm sớm, không để cho bạo động lây lan. Theo nhận định của những người sinh sống lâu năm ở thị xã Buôn Ma Thuột thì vùng Tây Nguyên có thể đi tới mất ổn định do các việc đối xử bất công với người dân các sắc tộc đi đôi với việc đẩy nhanh nhịp độ dồn ép họ phải đi khỏi vùng đang sinh sống để đi định cư định canh tại các buôn mới. (Hai Trang)

DI CHUYỂN 11.000 DÂN RA KHỎI KHU PHỐ CỔ CỦA HÀ NỘI

Nhà cầm quyền thành phố Hà Nội đang nghiên cứu kế hoạch di dời 11.000 dân trong khu phố cổ của thành phố này nhằm giảm thiểu mật độ dân số tại khu vực này vì quá đông. Mật độ dân số khu phố cổ Hà Nội hiện giờ là từ 600 đến 700 người, thậm chí 1.000 người trên một cây số vuông trong một môi trường hết sức ô nhiễm.

Hãng tin AFP trích dẫn lời Phó Văn Phòng Kiến Trúc Sư Trưởng thành phố Hà Nội nói rằng theo kế hoạch thì cư dân có quyền sở hữu bất động sản hợp pháp sẽ được đền bù về mặt tài chánh cũng như được giúp đỡ đến khu dân cư mới dự trù sẽ được xây dựng tại Gia Lâm ở ngoại ô Hà Nội. Riêng người cư trú bất hợp lệ thì sẽ bị trục xuất.

Tuy nhiên, theo AFP, chính quyền địa phương chưa xác định khi nào sẽ thực hiện dự án di chuyển dân cư trên đây.

Khu phố cổ Hà Nội là một di tích lịch sử từ thế kỷ 15 đang bị ô nhiễm và dân chúng phải sống trong tình cảnh rất chật chội. Tuy nhiên, người ta không rõ ai sẽ nằm trong số 11.000 người phải rời bỏ khu vực này.

KHÁM PHÁ HÀNG NGÀN QUẢ BOM ĐỦ LOẠI

Nguồn tin từ giới truyền thông nhà nước CSVN hôm Thứ Ba 22 tháng Tám cho hay các toán công binh trong khi mở đường xa lộ Bắc Nam, dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh đã khám phá hàng ngàn quả bom đủ loại và một quả bom bi đã phát nổ hồi tháng trước làm một binh sĩ thiệt mạng.

Theo tờ "Lao Động" thì bộ quốc phòng CSVN chịu trách nhiệm rà mìn mở đường dọc theo tuyến đường dài 1,690 cây số này từ bốn tháng nay.

Tin trên cho biết trong đoạn đường dài 310 cây số được khai thông đến nay, các toán dò mìn đã khám phá ra 13 trái bom hạng nặng từ 250 đến 3000 cân anh, gần 3,000 quả bom bi và gần 900 quả lựu đạn.

Một thiếu tá công binh CSVN tên Nguyễn Văn Bính cho hay có rất nhiều bom đạn còn sót lại trên khúc đường này. Đường xa lộ Bắc Nam theo dự trù sẽ chạy dọc theo con đường mòn lúc trước quân đội cộng sản Bắc Việt dùng để chuyển quân và đồ tiếp liệu tấn công vào miền Nam.

Con đường này đã từng bị không quân Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa oanh tạc nặng nề với nhiều loại bom, kể cả bom bi với tầm sát thương rất lớn.

Chính phủ Mỹ hồi tháng Sáu vừa qua đã cho hay sẽ đưa Việt Nam vào danh sách các quốc gia được trợ giúp để tháo gỡ mìn bẫy và sẽ cung cấp máy móc dò mìn cùng chuyên viên huấn luyện với chi phí tổng cộng là 1.7 triệu mỹ kim để tìm kiếm và phá hủy những bom mìn còn sót lại.

MÙA VU LAN, CSVN GIA TĂNG KHỦNG BỐ PHẬT GIÁO

Mùa đại lễ Vu Lan năm nay, nhà cầm quyền CSVN gia tăng các hoạt động khủng bố nhắm vào các tăng sĩ cũng như các huynh trưởng trong các gia đình Phật tử thuộc Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất, theo nguồn tin do Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế ở Paris loan báo.

Theo nguồn tin này, suốt hai tuần lễ đầu tháng Bảy vừa qua, công an Sài Gòn đã bao vây và canh gác cẩn mật các chùa Thanh Minh Thiền Viện, Giác Minh, Liên Trì, Già Lam v.v...là nơi thường trú của hàng giáo phẩm Viện Hóa Đạo.

Trước đó, huynh trưởng Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Việt Nam bị thẩm vấn liên tiếp ba ngày tại Đà Lạt. Sự khủng bố căng thẳng đến độ gia đình phải chở huynh trưởng Nguyễn Châu vào nằm phòng cấp cứu ở bệnh viện liên tiếp năm ngày. Ngày 4-8 vừa qua, công an đã cho đòi các thượng tọa Tích Tâm Định (trụ trì chùa Thanh Tuyền) và thượng tọa Thích Quảng Huệ (trụ trì chùa Linh Sơn) đến thẩm vấn. Các tăng sĩ này đã biểu lộ lòng dũng cảm và bất khuất trước sự hạch hỏi và dọa nạt, vu cáo của các tên công an của chế độ.

Đặc biệt thượng tọa Thích Tâm Định đã bị hạch hỏi về lý do tại sao ngài lại dám ly khai giáo hội Phật giáo quốc doanh để gia nhập Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Lời lẽ khúc chiết, rành rẽ và can đảm của ngài đã làm cho tên công an phải cứng họng và phải để cho ngài ra về.

DỰ ÁN KHAI THÁC KHÍ ĐỐT NAM CÔN SƠN BỊ TRÌ HOÃN

Nguồn tin từ Tổng cục Dầu khí CSVN cho hay dự án khai thác mỏ hơi đốt trên thềm lục địa phía nam thường được gọi là dự án Nam Côn Sơn lại bị đẩy lùi lại và không biết đến bao giờ có thể bắt đầu sản xuất.

Nguồn tin này nói rằng những bất đồng ý kiến trong việc thương thuyết với các nhà khai thác ngoại quốc về giá cả khai thác cũng như giá bán, bên cạnh các điều kiện về khai thác, khai thác bao nhiêu, hủy bỏ hợp đồng và các điều khoản trừng phạt v.v...vẫn còn bế tắc.

Những dự trù trước kia tưởng đã có thể cung cấp khí đốt cho thị trường tiêu thụ trong nước từ năm 2000, bị đẩy xa hơn đến năm 2002, và bây giờ thì không biết bao giờ mới qua những bế tắc vừa phát sinh.

Một trong những điểm căn bản gây trở ngại chính là giá khai thác và giá bán khí đốt. Nhà cầm quyền Hà Nội đòi hạ thấp giá bán ra cho người tiêu thụ lấy cớ đại đa số dân chúng trong nước nghèo khổ

không có khả năng tiền bạc nhiều. Trong khi đó các nhà đầu tư ngoại quốc là những kẻ kinh doanh, họ đã phải trả giá khai thác rất cao cho nhà nước VN, thì phải bán ra với một giá đem lại lợi nhuận cho họ.

Dự án khai thác khí đốt Nam Côn Sơn là một liên doanh được thành lập với sự tham dự của các hãng BP Amoco, ONGC-Videsh Ltd (Ấn Độ) và Petro Vietnam. Trước đây công ty Mobil của Mỹ cũng có dính vào nhưng sau bỏ chạy vì thấy nhiều phiền hà và không có ăn.

CÓ 288 CÔNG TY CỦA VIỆT KIỀU Ở SÀI GÒN

Hiện đang có 288 công ty ngoại quốc mà chủ nhân là giới Việt kiều đầu tư làm ăn ở Sài Gòn, theo cơ quan thông tấn nhà nước. Các công ty này có vốn hoạt động lên đến 509 tỉ đồng Việt Nam. Số công ty do Việt kiều đầu tư làm ăn tại đây gia tăng theo thời gian và chỉ riêng sáu tháng đầu năm nay có 27 dự án làm ăn của Việt kiều đã được cấp giấy phép hoạt động. Những dự án mới với số vốn đầu tư 37.5 tỉ đồng thuộc khu vực y phục và xây cất.

Năm ngoái một Việt kiều tên Trịnh Vĩnh Bình về nước từ Hòa Lan đem theo hàng ngàn ký vàng với nhiều triệu đô la đầu tư trong đó có việc đầu tư nhà cửa đất đai, đã bị kết án tù. Dư luận Hòa Lan, kể cả chính quyền nước Hòa Lan, rất quan tâm đến vụ này.

Từ năm 1998, có 26 dự án đầu tư của Việt Kiều với tổng số đầu tư trị giá 114.5 triệu đô la được cấp giấy phép theo luật đầu tư nước ngoài thuộc các lãnh vực du lịch, khách sạn, xây văn phòng, dịch vụ bảo trì máy điện toán và ngành thực phẩm gia súc.

Vẫn theo tin của hãng tin nhà nước CSVN, chỉ trong ba tháng đầu năm nay, Việt kiều đã gửi về nước 138 triệu mỹ kim giúp thân nhân. Hiện có khoảng 11,000 Việt kiều cư ngụ trong thành phố Sài Gòn trong khi có khoảng 250,000 người tại đây có thân nhân cư ngụ ở nước ngoài.

TS NGUYỄN THANH GIANG HỐI THÚC VÀO ĐƯỜNG KINH TẾ TRI THỨC

Tiến sĩ Nguyễn thanh Giang vừa gửi cho các lãnh tụ của Cộng đảng Việt Nam một bài viết kêu gọi họ hãy đưa nhanh đất nước vào nền kinh tế tri thức hầu giúp quốc gia thoát ra khỏi cảnh nghèo khó.

Bài viết dài khoảng 5,000 chữ của tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang được viết trong tháng 7-2000 có lẽ là bài mới nhất của ông vừa được anh em của nhóm Nối Kết phổ biến trên mạng lưới điện toán toàn cầu Internet ngày 12-8 vừa qua.

Theo sự suy nghĩ của tiến sĩ Giang, tiền của, công sức và mồ hôi của toàn dân đã đổ dốc ra hàng ngày cùng với nhiều sự phí phạm trong khi đất nước vẫn còn là một trong 20 nước nghèo nhất trên thế giới hiện nay.

Các lãnh tụ thì, nhất là Lê Khả Phiêu, cứ động nói ra là lập đi lập lại luận điệu "cải cách kinh tế theo định hướng XHCN," một thứ cải cách nửa vời bị cả thế giới cho rằng Hà Nội sợ mất quyền bính chính trị khi không còn kiểm soát được bao tử của dân chúng. Nhưng TS Giang nói rằng cần phải đưa đất nước đi nhanh vào con đường kinh tế tri thức.

Tiến sĩ Nguyễn thanh Giang nhắc nhở cho giới lãnh tụ Hà Nội thấy những kỹ sư tin học ở Việt Nam tuy mới chỉ kiếm được khoảng 4,000 mỹ kim/năm (trong khi người làm cùng việc này ở Hoa Lục kiếm được 12,000 mỹ kim và tại Ái Nhĩ Lan kiếm được 200,000 năm) mức lợi tức này đã cao mấy chục lần so với những người đổ mồ hôi trên đồng ruộng, nương rẫy.

Tiến sĩ Giang chỉ trích các lãnh tụ Hà Nội "vẫn mạnh tay đổ đi bao nhiêu tiền của, nước mắt, mồ hôi, ra sức vực dậy cho được khu gang thép Thái Nguyên đã quá sức lỗi thời, một cách khiên cưỡng khiến nó phải sống vật vờ như không hồn..."

Tiến sĩ Nguyễn thanh Giang, một nhà địa chất nổi tiếng trong và ngoài nước đã bị bỏ tù mà không xét xử vì những bài viết vì dân vì nước của ông. Nay ông vẫn còn bị quản thúc tại gia và các phương tiện làm việc của ông đã bị tịch thu. Công an lúc nào cũng đầy chung quanh nhà ông, ngăn chặn mọi cuộc tiếp xúc và đi lại.

THÁI BÌNH BẤT ỔN CHÍNH TRỊ BA NĂM LIỀN

Tỉnh Thái Bình đã mất ổn định chính trị ba năm liền, theo sự tiết lộ qua bản tin của tờ SGGP số ra ngày 14-8 và đồng thời nói cần tìm ra "những bài học sâu sắc." Lần đầu tiên, có sự tiết lộ như vậy trên một tờ báo của nhà nước về tình hình chính trị bất ổn kéo dài của một địa phương, bình thường phải được bưng bít.

Qua một vài bản tin quốc tế vào năm 1997 người ta chỉ biết lờ mờ về cuộc nổi loạn của dân chúng nông dân

nhiều nơi trong tỉnh Thái Bình. Số người chết, viên chức nhà nước hay nông dân, không được nói đến. Bao nhiêu nông dân bị bắt, bao nhiêu đảng viên nhà nước bị thanh trừng trước các lời tố cáo của dân chúng cũng không được tiết lộ.

Tờ SGGP nói rằng, Thủ tướng Phan Văn Khải và phó thủ tướng Nguyễn Công Tạn của CSVN đã đồng thời đến tỉnh Thái Bình "làm việc" trong ngày Chủ Nhật 13-8. Chuyến đi của Phan Văn Khải có thể nói là chuyến viếng thăm đầu tiên của một viên chức cao cấp nhất của nhà cầm quyền Hà Nội đến tỉnh này sau cuộc vùng dậy của nông dân nhiều ấp xã trong tỉnh Thái Bình hồi ba năm trước.

Nạn tham nhũng, cửa quyền quá tệ hại khiến nông dân đã phải vùng lên, bắt giữ nhiều cán bộ nhà nước và họ đã bị chế độ đem quân đội đến đàn áp. Nhiều nông dân nay vẫn còn đang ở tù vì chống tham nhũng và cửa quyền. Khi nội vụ bùng lớn, Hà Nội đã phải cử Phạm Thế Duyệt, một ủy viên trung ương đảng, đến Thái Bình điều đình với nông dân và một số viên chức trong tỉnh đã bị cách chức.

Theo bản tin này, Thái Bình vẫn còn là một tỉnh nghèo và sống với nghề "thuần nông." Phan Văn Khải "lưu ý các cấp bộ Đảng, chính quyền và đoàn thể tại Thái Bình cần tìm ra những bài học sâu sắc từ ba năm mất ổn định vừa qua." Tờ báo trên cũng viết rằng cũng vì tình hình bất ổn mà "nền kinh tế của tỉnh vốn đã chậm phát triển lại chậm thêm mấy năm." Tờ SGGP không nói đến nay tình hình đã hoàn toàn ổn định chưa.

MỚI TIẾT LỘ: DÂN NAM ĐỊNH "NỔI LOẠN"

Một biến cố chính trị có nhiều ý nghĩa xảy ra ở một xã trong tỉnh Nam Định hồi tháng Sáu vừa qua, nay mới được tiết lộ ra ngoài. Dân chúng xã Hồng Thuận thuộc huyện Giao Thủy đã bắt nhốt hai huyện ủy viên suốt năm ngày đòi hủy bỏ kết quả bầu cử Hội Đồng Xã mà họ cho rằng đi ngược lại ý dân. Sự việc được biết đến qua một bản báo cáo của các viên chức địa phương luân lưu trong nội bộ được tiết lộ ra ngoài, nguyền rủa, bôi bẩn những kẻ cầm đầu cuộc nổi loạn đồng thời với việc chê trách các viên chức huyện bị bắt là hèn nhát, cần phải trừng phạt.

Ba năm trước, vào mùa hè năm 1997 đã xảy ra cuộc vùng dậy của dân chúng Thái Bình. Họ cũng bắt giữ nhiều đảng viên chức việc nhà nước vì không chịu nổi các tệ nạn tham nhũng, cửa quyền. Qua nội dung của bản báo cáo nội bộ của đảng bộ địa phương, tỉnh Nam Định có thể là điểm nóng mới tiếp nối biến cố Thái Bình. Dân chúng ngày càng bất mãn trước tệ nạn tham nhũng, cửa quyền ngày càng trầm trọng mà dù Hà Nội đưa lên hàng quốc sách để sửa trị cũng thấy bất lực.

Chuyện bắt nguồn từ ngày 28-4 khi xã Hồng Nhuận bầu cử Ủy Ban Nhân Dân (Hội Đồng Xã) mà nhà nước áp đặt những kẻ không do dân chúng bầu ra, gạt bỏ ra ngoài những người có uy tín, được dân xã tín nhiệm vì cho rằng những người này không thần phục đảng và đòi thực thi dân chủ.

Xã Hồng Thuận là một xã công giáo. Một số người trong xã ngày 19 tháng 6 đã bắt giữ (trong khi có nguồn tin khác nói các ông này đã đi theo, không phải bắt cóc) hai huyện ủy viên tên Bùi Quốc Tịch và Lê Song Hào.

Điều đáng để ý trong vụ nổi dậy này còn có sự tham dự của nhiều cán bộ, đảng viên tại địa phương cũng như những chức việc, đảng viên già đã nghỉ hưu, không phải chỉ là phong trào thuần túy quần chúng. Những người này đã chiếm giữ trụ sở Ủy Ban Nhân Dân Xã làm nơi giam giữ ông Tịch rồi sau đó cả ông Hào suốt năm ngày đêm để yêu cầu nhà cầm quyền huyện hủy bỏ kết quả cuộc bầu cử áp đặt, trái lòng dân. Nhà cầm quyền địa phương đã gửi văn thư trình bày nội vụ nhưng dưới hình thức lăng mạ những người tham dự đến các cơ quan truyền thông của đảng, đến các cơ quan trong tỉnh, hầu hy vọng cứu vớt thể diện cho chế độ.

Theo bản phúc trình này, xã Hồng Thuận có hơn 14,000 người và đảng có hơn 100 cán bộ đảng viên tại đây. Một số đảng viên đã nhìn thấy sự tầm bậy của nhà nước nên đã cùng dân chúng làm cái việc lương tri thúc đẩy phải làm. Bản báo cáo của nhà cầm quyền địa phương đòi bắt ngay những người tham dự cuộc vùng dậy, dân cũng như đảng viên, cách chức hai huyện ủy viên Tịch và Hào vì cho rằng hèn nhát. Sau khi viên chức huyện thỏa thuận theo các đòi hỏi của người dân Hồng Thuận, khi hai viên chức Tịch và Hào được thả ra thì đã lật lọng, tiến hành cuộc đàn áp.●

QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA PHÁT TRIỂN VÀ DÂN CHỦ
(Dialectical relationship between development and democracy)

KINH TẾ VIỆT NAM 13 NĂM ĐỔI MỚI

VÕ NHÂN TRÍ
(Tiến sĩ Kinh tế học)

LTS. - Giáo sư Võ Nhân Trí đã đọc tài thuyết trình về "Phát Triển và Dân Chủ" trong cuộc Hội thảo Chính trị do Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ tổ chức tại tòa nhà Longworth House, thuộc Thượng Viện Hoa Kỳ, Washington D.C.

Sau đây là phần thứ nhất của bài thuyết trình này, kiểm điểm 13 năm "đổi mới kinh tế" của chế độ Cộng Sản ở Việt Nam. Trong các phần sau tác giả phân tích khía cạnh chính trị và ảnh hưởng giữa kinh tế và chính trị.

Giáo sư Võ Nhân Trí đã tốt nghiệp Tiến sĩ Kinh tế học tại Pháp và tiếp tục nghiên cứu tại Anh quốc trước khi về Hà Nội trong thời gian chiến tranh Việt Nam, với hy vọng dùng khả năng chuyên môn để phục vụ đất nước. Ông đã thất vọng khi biết sự thật trong chế độ Cộng Sản và sau năm 1975 đã tìm cách trở lại Sài Gòn, rồi qua Pháp. Hiện nay ông sống tại Pháp, nghiên cứu và thuyết trình về tình trạng Việt Nam để góp phần đưa đất nước tới một chế độ dân chủ, tự do và kinh tế phát triển.

*

Quan hệ giữa phát triển (cả kinh tế lẫn xã hội) và dân chủ đích thực, tức là giữa kinh tế và chính trị thông thường có tính cách biện chứng, tức là nó có ảnh hưởng lẫn nhau; cái nầy ảnh hưởng đến cái kia (một cách tích cực hoặc tiêu cực); cái nầy có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm cái kia và ngược lại. Những nhà triết học gọi đó là quan hệ biện chứng (dialectical relationship).

Trong báo cáo nầy, chúng tôi chỉ muốn nói đến sự ảnh hưởng lẫn nhau của chính sách "đổi mới" kinh tế và "đổi mới" chính trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam (ĐCSVN).

Kinh tế nhiều thành phần quốc doanh vẫn chủ đạo

Như ai cũng biết, trước năm 1986, vì bắt chước một cách máy móc mô hình xã hội chủ nghĩa (XHCN) theo kiểu Staline-Mao của Trung Quốc, "Kinh tế [Việt Nam] lâm vào khủng hoảng và suy thoái trầm trọng... Đại hội Sáu [của ĐCSVN] đã thừa nhận những sai lầm... trong lãnh đạo..., chủ yếu là duy ý chí..., muốn tiến nhanh... lên chủ nghĩa xã hội" (1). Và ông Nguyễn Đức Bình, ủy viên Bộ Chính Trị, còn nói rõ hơn: "Đảng ta đã phạm sai lầm..., nóng vội trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ ngay nền kinh tế nhiều thành phần..., duy trì quá lâu cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp" (2).

Xuất phát từ tình hình đó, và sau khi tham khảo ý kiến của Liên Xô cũ (Gorbachev), ĐCSVN đề ra trong Đại hội lần thứ sáu (tháng 12, 1986) chính sách gọi là "Đổi Mới." Ngay khi đó, chúng tôi đã lưu ý rằng cái gọi là "đổi mới" nầy vẫn nằm trong quỹ đạo XHCN, và chỉ "nhằm tăng hiệu năng" của CNXH, như ông Nguyễn Văn Linh đã nhấn mạnh lúc đó, mà thôi (3). Nói một cách khác, chủ trương "đổi mới" nầy, theo quan niệm của ĐCSVN, chỉ là một sự chuyển biến từ *CNXH kiểu cũ* (còn được gọi là "CNXH thực tế") qua *CNXH kiểu mới* (theo kiểu Đặng Tiểu Bình ở Trung Quốc) mà thôi, chớ không phải là thay đổi hẳn chế độ XHCN, cả cũ lẫn mới, bằng một chế độ phi XHCN. Vì vậy chúng ta thấy, ngay từ lúc đầu, chính sách "đổi mới" (tức là CNXH "đổi mới") chứa đầy mâu thuẫn và gặp rất nhiều hạn chế, trong lĩnh vực kinh tế cũng như chính trị, trong lý thuyết cũng như trong thực tiễn.

(Xin chú ý là trong báo cáo nầy khi nói về CNXH là nói về CNXH theo kiểu Mác-Lê-Mao, khác hẳn với "Chủ nghĩa xã hội dân chủ" mà ta thấy ở Bắc Âu hoặc ở Anh, Pháp, Đức v.v... hiện nay).

Đại hội 6 của ĐCSVN đã chủ trương, ngoài việc xóa bỏ "cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp," việc phát triển "một nền kinh tế hàng

hóa nhiều thành phần" và thực hiện một chiến lược kinh tế mở" (4).

Sau đó, Đại hội 7 của ĐCS (tháng 6/1991) nói rõ thêm: Chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần phải "vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý... của nhà nước, theo định hướng XHCN," và nhấn mạnh "lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm" (5).

Tại Đại hội ĐCS lần thứ 8 (tháng 6/1996), các thành phần kinh tế được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên như sau (6):

a) Kinh tế nhà nước: bất chấp hiệu quả kinh tế của nó ra sao, nó phải đóng "vai trò chủ đạo" đối với các thành phần kinh tế khác vì nó là "lực lượng vật chất để Nhà nước thực hiện chức năng... quản lý vĩ mô."

b) Kinh tế hợp tác, mà nòng cốt là hợp tác xã. Theo quan niệm của ĐCSVN, hai thành phần kinh tế này là "nền tảng" của nền kinh tế XHCN.

c) Kinh tế tư bản nhà nước: nó bao gồm các liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản tư nhân ở trong nước và tư bản nước ngoài. (Theo Lênin - và ĐCSVN - thành phần kinh tế tư bản nhà nước là "ba phần tư của CNXH" nếu Nhà nước XHCN "kiểm soát được nó" (7).

d) Kinh tế cá thể, tiểu chủ.

e) Kinh tế tư bản tư nhân. Điều đáng chú ý trong năm thành phần kinh tế thì thành phần này đứng hạng chót trong thứ tự ưu tiên của ĐCSVN.

Trong năm thành phần kinh tế nói trên, chúng tôi muốn phân tích thêm về (a) và (d+e).

Về kinh tế nhà nước thì chủ yếu phải nói tới doanh nghiệp nhà nước (DNNN) vì nó đóng vai trò chủ yếu trong thành phần kinh tế này và là nền tảng của nền "kinh tế thị trường theo định hướng XHCN." Trong báo cáo trước Quốc hội (tháng 4, 1998), Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng nhận xét về khu vực kinh tế nhà nước như sau: "Khu vực DNNN đang nắm giữ một khối lượng rất lớn về tiền vốn, tài sản, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và hoạt động trên hầu hết những khâu và lĩnh vực then chốt của nền kinh tế. Tuy nhiên *một bộ phận lớn* các DNNN hoạt động kém hiệu quả,... số DNNN khó khăn thua lỗ càng tăng lên, tạo ra sức ép nặng nề hơn trên các lĩnh vực thu chi ngân sách, việc làm, nợ quá hạn, vốn vay ngân hàng..." (8).

Trong một cuộc gặp các doanh nghiệp hồi đầu tháng 9/1999, Thủ tướng Phan Văn Khải nói, có ít nhất là 30% DNNN làm ăn thua lỗ (9). Nhưng theo báo cáo đầu năm 1998 của Bộ Tài Chính thì, nếu tính đầy đủ các chi phí quy định hiện hành, số DNNN bị lỗ lên đến trên dưới 50% (10). Còn theo một báo cáo của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (QTTQT) "có đến 60% các DNNN bị lỗ, trong đó có 16% là lỗ triền miên" (11).

Ở đây cũng cần nêu lên hiện tượng có những DNNN "sử dụng bài toán tồn kho để không bị lỗ trên sổ sách" hoặc "trên sổ sách (thì thấy) làm ăn có lãi liên tục, trong khi đã ăn gần hết vốn" (12). Nói cách khác, các DNNN này khai có lãi nhưng đó là lãi ma.

Còn nợ của DNNN thì coi như là "ngập đầu: tính hết năm 1999, tổng số nợ của DNNN lên đến 126,366 tỷ đồng, bằng 109% tổng số vốn nhà nước trong các doanh nghiệp này"! (13).

Một bi kịch nữa là "đi đôi với quốc nạn tham nhũng trầm trọng tràn lan vô phương cứu chữa thì năng lực quản lý lãnh đạo các doanh nghiệp này lại cực kỳ thấp kém. Hiện nay có tới 65% giám đốc... các DNNN không có khả năng... hiểu được quyết toán tài chính hằng năm của doanh nghiệp mình phụ trách, theo nhận xét của... Trưởng ban đổi mới quản lý doanh nghiệp trung ương (trên thực tế lên tới 80%...)" (ibid).

Tình hình làm ăn của DNNN như vậy mà ĐCSVN vẫn gán cho nó "vai trò lãnh đạo" và coi nó là cột sống của "nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN"! Và ai mà "đòi bỏ vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước," theo ông Nguyễn Đức Bình, (là rơi vào) "quan điểm tự do hóa tư sản" (14). Tán thành quan điểm này, Tổng bí thư Lê Khả Phiêu cũng "hoàn toàn bác bỏ những quan điểm trái với... đường lối của Đảng... (như là) bài bác vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh" (15).

Chính vì lý do chính trị - tư tưởng này "mà trong hành xử cụ thể đã có không ít trường hợp quốc doanh nghiệp lẽ ra đã bị giải thể nhưng vẫn được hà hơi tiếp sức để sống tiếp..." (16). Đây là một ví dụ điển hình cho thấy giáo điều chính trị cộng sản kìm hãm tiến bộ kinh tế, thậm chí đi ngược lại sự hợp lý về mặt kinh tế như thế nào!

Và cũng vì lý do chính trị - tư tưởng giáo điều mà ĐCSVN cũng chưa chịu "cởi trói" thật sự khu vực kinh tế tư nhân (bao gồm cả kinh tế cá thể, tiểu chủ, và kinh tế tư bản tư

nhân), nhất là kinh tế tư bản tư nhân, dù họ thừa biết lợi thế, tiềm năng và vai trò tích cực của nó (như thu hút nhân công chẳng hạn) như thế nào. Thậm chí có người trong ĐCS còn nói trong tương lai "các thành phần kinh tế tư nhân (sẽ) được cải tạo theo CNXH" là đằng khác! (17).

Lãnh vực quốc doanh làm kinh tế suy giảm

Cách đây vài năm, trong một cuộc hội thảo ở Paris, chúng tôi có dịp gặp một nhà nghiên cứu ở Hà Nội qua, và anh ấy, do vô ý, đã nói rằng không thể để kinh tế tư bản tư nhân phát triển mạnh quá được vì tới một mức nào đó, họ sẽ đòi thành lập một đảng chính trị để bảo vệ quyền lợi kinh tế của họ, và như vậy sẽ có đa đảng, và đó là điều tối kỵ! Do đó cho nên ta không ngạc nhiên khi thấy, dù ĐCSVN chủ trương "khuyến khích tư bản tư nhân đầu tư vào sản xuất... đi đôi với tăng cường quản lý [họ]" (18) nhưng trong thực tế, như Thủ tướng Phan Văn Khải đã thừa nhận trước Quốc hội (tháng 11, năm 1999), khu vực kinh tế tư nhân "còn bị kỳ thị phân biệt đối xử, nên chưa giải tỏa được tâm lý e ngại đầu tư kinh doanh làm giàu" (19). Và ông Khải cam kết sẽ xóa bỏ "dần" tình trạng nầy (chúng ta hãy chờ xem!).

Gần đây, chính phủ Việt Nam đã ban hành "Luật doanh nghiệp" vào tháng 6 năm 1999 và nó có hiệu lực chính thức từ ngày 1/1/2000 nhằm tạo điều kiện cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển. Nhưng hơn bốn tháng sau khi chính phủ công bố hai nghị định thực hiện "Luật doanh nghiệp," cuộc giằng co vẫn tiếp diễn gay gắt giữa Tổ công tác thi hành luật của chính phủ và các bộ, ngành và tỉnh vì họ đã ban hành nhiều quy định đi ngược lại tinh thần của "Luật doanh nghiệp" (20).

Dù sao, như ông Lê Khả Phiêu đã nhấn mạnh trong một tài liệu "Mật" rằng ai "coi kinh tế tư nhân là thành phần kinh tế chủ lực trong kinh tế thị trường" là điều "sai trái," và "cần phải đấu tranh chống lại." (21).

Những điều vừa nêu bên trên cho thấy nhận xét của một số nhà quan sát nước ngoài cho rằng "nhà nước (Việt Nam), khi gia nhập kinh tế thị trường, cho thành phần kinh tế tư nhân tự do phóng túng" (22) là hoàn toàn sai sự thật.

Điều đáng chú ý là, sau khi công kích và đả phá kinh tế nhiều thành phần (không cộng sản) trong 38 năm qua (1958-86), ĐCSVN lại quay trở lại chủ trương một nền kinh tế nhiều thành phần kinh tế. Như vậy là sau khi chạy một vòng khá lớn trong 38 năm, ĐCSVN lại quay trở lại bước đầu, nhưng tiếc thay là điều đó chỉ được thừa nhận sau bao nhiêu đau khổ, bao nhiêu lãng phí sức người, tiền của và thời gian!

Để minh họa cơ cấu năm thành phần kinh tế nói trên, chúng tôi xin đưa ra vài con số tổng quát theo bảng 1:

Bảng 1: Cơ cấu của Tổng sản phẩm trong nước theo thành phần kinh tế (%)

Tổng sản phẩm trong nước (TSPTN, hoặc GDP tiếng Anh) trong các khu vực:	1991	1994	1998	1999
	100,0	100,0	100,0	100,0
Kinh tế quốc doanh	29,2	40,1	40,2	40,2
Ngân hàng ngoài quốc doanh (tập thể, tư bản nhà nước, cá thể và tiểu chủ; tư bản tư nhân)	70,8	53,5	50,0	49,4
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	00,0	6,4	9,8	10,4

NGUỒN: Số liệu của Tổng Cục Thống Kê, Hà Nội, trích theo CIEM,Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, Kinh tế Việt Nam 1999, Hà Nội, tháng 2/2000, tr. 12

Các số liệu trong bảng 1 cho ta thấy là sau năm 1989, khi các biện pháp "đổi mới" đã thực sự đi vào cuộc sống thì tỷ trọng của khu vực kinh tế quốc doanh trong Tổng Sản Phẩm Trong Nước (TSPTN, hoặc gọi tắt tiếng Anh là GDP) *tăng lên* dần (thay vì giảm dần như người ta trông chờ với chính sách "đổi mới"), còn khu vực kinh tế ngoài quốc doanh thì lại

giảm dần: từ 29,2% năm 1991, tỷ trọng kinh tế quốc doanh tăng lên tới 40,2% của TSPTN năm 1999, trong khi đó thì tỷ trọng kinh tế ngoài quốc doanh giảm dần từ 70,8% xuống còn 49,4% của TSPTN, năm 1999. (Như vậy là tình hình ở Việt Nam khác hẳn với tình hình ở Trung Quốc vì ở đó, với cải cách thị trường XHCN người ta thấy tỷ trọng của kinh tế quốc doanh bị giảm dần với thời gian; và ngược lại, tỷ trọng của kinh tế ngoài quốc doanh lại tăng lên dần trong cơ cấu của TSPTN). Xin lưu ý là khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (non state sector) *không đồng nghĩa* với khu vực kinh tế tư nhân (private sector) như một số nhà nghiên cứu ngoại quốc và Việt kiều lầm tưởng bởi vì trong khu vực kinh tế ngoài quốc doanh còn có kinh tế tập thể, kinh tế tư bản nhà nước, ngoài kinh tế tư nhân.

Nếu ta gộp cả kinh tế quốc doanh với kinh tế tập thể - cả hai khu vực kinh tế nầy "nền tảng của kinh tế thị trường XHCH" như ĐCSVN thường nói - thì ta thấy trong năm 1999 chẳng hạn (23) tỷ trọng của chúng ñó lên tới 49,2% của TSPTN; nếu gộp cả kinh tế tư bản nhà nước (mà ĐCSVN cho là có tính chất "3/4 XHCN") thì ta thấy tỷ trọng tổng cộng (8%) của các thành phần kinh tế XHCN là bán XHCH lên tới 52,2% của TSPTN trong năm 1999. Trong khi đó thì nếu ta gộp kinh tế cá thể, tiểu chủ (34%) và kinh tế tư bản tư nhân (3%) thì ta thấy khu vực kinh tế tư nhân nói chung chỉ lên tới 37% của TSPTN trong năm 1999 mà thôi. Ở đây cũng phải nói thêm là trong kinh tế tư nhân thì chủ yếu chỉ có loại doanh nghiệp nhỏ mà thôi. Và ở Việt Nam, cũng như ở Trung Quốc, các ranh giới giữa khu vực tư nhân và khu vực quốc doanh rất lu mờ vì ai cũng biết rằng một số người làm ăn được trong khu vực tư nhân đều hoặc xuất thân từ khu vực quốc doanh hoặc có quan hệ mật thiết (không nói là "móc ngoặc") với khu vực quốc doanh.

Có người cho rằng nền kinh tế Việt Nam hiện nay không còn tính chất XHCN gì nữa, hoặc là đã trở thành nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Nói như vậy là không đúng sự thật. Theo thiển ý, đặc tính của nền kinh tế Việt Nam hiện nay là một nền kinh tế hỗn hợp lũy tích các khía cạnh tiêu cực nhất *vừa* của CNXH *vừa* của chủ nghĩa tư bản hoang dại theo kiểu Trung Quốc (24), như về *cơ bản* vẫn có tính chất CNXH, nhất là khi phải tính đến vai trò điều tiết quan trọng của Nhà nước XHCN ở tầm vĩ mô của nó. Tính chất XHCN ở đây là loại *CNXH theo kiểu Đặng Tiểu Bình* (Trung Quốc), tức là một loại CNXH mà trong cái gọi là "giai đoạn đầu" của nó, đảng và nhà nước Cộng Sản lợi dụng khía cạnh tích cực của chủ nghĩa tư bản - mà trước đây họ công kích - để góp phần thúc đẩy phát triển sức sản xuất, hiện đại hóa nền kinh tế (25).

Quá trình thay đổi gần đây

Sau khi phân tích các thành phần kinh tế, chúng tôi xin bàn tới *kết quả của các quá trình "đổi mới" kinh tế trong mấy năm qua* (26).

Theo số liệu chính thức thì TSPTN tăng liên tục từ 1991 đến nay, nhưng giá trị của nó, tính theo giá hiện hành, thì còn ở mức độ rất thấp: chỉ lên tới 228,9 nghìn tỷ đồng, hay 20,9 tỷ Mỹ kim năm 1995, và 386,7 nghìn tỷ đồng hay 27,8 tỷ Mỹ kim năm 1999 (27).

Điều nầy nói lên tiềm lực yếu kém của kinh tế Việt Nam sau 13 năm "đổi mới," nhất là khi ta so sánh TSPTN của Việt Nam với các nước láng giềng. Điều nầy ai cũng biết cả. Nhưng có lẽ ít ai chú ý là lợi tức của 620,000 Việt kiều ở Mỹ, dựa trên Thống kê (Census) của Hoa Kỳ năm 1990 chẳng hạn, đã lên tới 19 tỷ Mỹ kim, trong lúc đó thì 72 triệu dân trong nước, cũng trong năm đó, chỉ tạo ra một TSPTN trị giá 16,5 tỷ Mỹ kim mà thôi (28).

Một nhà kinh tế học Việt kiều ở Mỹ đã ước lượng rằng, lợi tức hằng năm trước khi đóng thuế của hơn hai triệu người Việt ở nước ngoài lên tới từ 75 đến 100 tỷ Mỹ kim trong năm 1999 (29), trong lúc đó thì gần 80 triệu dân ở trong nước chỉ tạo ra một TSPTN là 27,8 tỷ Mỹ kim mà thôi (tức là hơn từ ba đến bốn lần). Sở dĩ TSPTN thấp kém như vậy là do chính sách kinh tế XHCN giáo điều sai lầm trước 1986, và do "đổi mới" nửa vời của ĐCS từ đó đến nay. Nếu được sống trong một thể chế dân chủ, tự do thì chắc chắn đồng bào ở trong nước có thể tạo ra một TSPTN cao hơn gấp bội so với hiện nay.

Về tốc độ tăng trưởng của TSPTN trong mấy năm qua thì xin xem bảng thống kê (bảng 2).

Các số liệu bảng 2 cho thấy trong kế hoạch năm năm (1991-95) tốc độ tăng trưởng của Việt Nam tăng liên tục từ 1991 đến 1995, tức là từ 6% lên tới 9,5% (trung bình trong kế hoạch nầy là tăng 8,2%/năm). Đó là "thời kỳ hoàng kim của kinh tế Việt Nam" (30). Sở dĩ có tăng trưởng kinh tế khá cao trong giai đoạn

Bảng 2: Tốc độ tăng trưởng TSPTN (1991-1999). (%)

	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999
TSPTN (hoặc GDP)	6,0	8,6	8,1	8,8	9,5	9,3	8,1	5,8	4,8

NGUỒN: Tổng cuộc Thống Kê, Hà Nội, trích theo:
* Xuân Quang, tạp chí Dân Chủ và Phát Triển (Đức), số 17 tháng 3/2000, tr.31
* và Nguyễn Đại Lai, tạp chí Nghiên Cứu Kinh Tế, Hà Nội, tháng 1/2000, tr.3 (số liệu năm 1999)

nầy là có ba lý do:

1) nhờ "phát triển kinh tế nhiều thành phần" cho nên đã khai thác được triệt để tiềm lực sẵn có mà cơ chế cũ (như xóa bỏ kinh tế tư nhân và kế hoạch hóa tập trung) đã không cho phép khai thác có hiệu quả. Nói một cách khác sở dĩ có tăng trưởng kinh tế khá nhanh là nhờ sửa chữa sai lầm của chính sách kinh tế của ĐCSVN trước 1986;

2) nhờ sự phát huy tác dụng của đầu tư nước ngoài, và một số khoản đầu tư trong nước trước đó;

3) thêm vào đó là vì điểm xuất phát để tính toán là quá thấp cho nên chỉ cần nhích TSPTN lên một ít thôi thì ta thấy tỷ lệ tăng trưởng vọt lên cao, đó chỉ là vấn đề toán học thuần túy mà thôi.

Tuy nhiên sau thời kỳ "hoàng kim" thì ta thấy, *bắt đầu từ năm 1996* (Đại hội ĐCSVN lần thứ 6), tốc độ tăng trưởng của TSPTN có xu hướng giảm dần cho tới cuối năm 1999: từ 9,3% xuống còn 4,8%. Thực tế này bác bỏ luận điệu lừa bịp của ông Đỗ Mười, lúc đó là Tổng bí thư, khi ông khẳng định trong báo cáo trước Đại hội ĐCSVN lần thứ 7 (tháng 6/96) rằng "nước ta đã ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng và kéo dài hơn 15 năm" (31). Gần đây, ông Lê Khả Phiêu cũng tiếp tục nói sai sự thật khi ông nói rằng "sau 12 năm đổi mới [ĐCS] đã đưa nền kinh tế nước ta ra khỏi khủng hoảng trầm trọng kéo dài..." (32). Thủ tướng Phan Văn Khải, thành thật hơn, vì trong bài diễn văn đọc trước Quốc hội (28/10/98) ông đã thừa nhận rằng "nhịp độ tăng trưởng kinh tế đã bắt đầu *giảm sút từ năm 1996*, lúc đầu ở mức nhẹ, sau nặng dần; những yếu tố thiếu lành mạnh (...) đe dọa sự ổn định kinh tế vĩ mô đã xuất hiện *trước khi* bùng nổ khủng hoảng... (tài chính ở Châu Á từ giữa năm 1997 - VNT)... Vì vậy chúng ta cần nhìn nhận rõ những mặt yếu kém của bản thân nền kinh tế nước ta mà cuộc khủng hoảng khu vực làm *tăng thêm* và bộc lộ rõ hơn" (33) (chúng tôi nhấn mạnh - VNT).

Tiếp theo ông Khải, một nhà kinh tế học ở Hà Nội nói rõ hơn: "Kinh tế Việt Nam đã biểu hiện sa sút ngay từ đầu năm 1996... trước hết [là] do những yếu kém về cơ cấu" (34), và "cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á [chỉ] làm trầm trọng hơn sự sa sút kinh tế chứ không phải là tác nhân chính cho sự sa sút đó" (*ibid*). Nói một cách khác, trái với nhận định của một số nhà lãnh đạo và bộ máy tuyên truyền ở Việt Nam, nguyên nhân chủ yếu của sự suy thoái kinh tế hiện nay là do yếu tố bên trong nền kinh tế (do "đổi mới" đã nửa vời rồi mà còn dẫm chân tại chỗ từ 97 đến nay) (35) chớ không phải do yếu tố bên ngoài (khủng hoảng tài chính ở Châu Á từ giữa năm 1997); yếu tố thứ hai chỉ làm trầm trọng thêm yếu tố thứ nhất mà thôi. Khủng hoảng tài chính ở Châu Á chỉ có tác động tới kinh tế Việt Nam "từ đầu năm 1998" (36) (như làm giảm xuất cảng, giảm đầu tư trực tiếp nước ngoài v.v...). Năm 1999, tăng trưởng kinh tế chỉ đạt 4.8% theo số liệu chính thức của Hà Nội (mức thấp nhất từ 1991 đến nay) còn theo Ngân Hàng Thế Giới và Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế thì chỉ có khoảng 3.5-4%.

Theo số liệu của Ngân Hàng Châu Á, tăng trưởng của một số nước bị khủng hoảng hồi năm 1997 đã vượt lên khá nhanh, từ tăng trưởng *âm* lên *dương* (ví dụ Thái Lan: từ 9.4% năm 1998 lên +3% năm 1999; Nam Triều Tiên: từ 5.8% năm 1998 lên +8% năm 1999) trong lúc đó thì kinh tế Việt Nam giảm từ dương thấp đột biến xuống dương thấp hơn (từ +5,8% năm 1998 xuống +4,8% năm 1999). Từ 1997, nhờ tiến hành một số cải cách, các nước trong vùng đã "phục hồi kinh tế và

có thể tăng trưởng nhanh vào thập niên sắp đến" trong khi đó thì "tình hình giảm sút tốc độ phát triển kinh tế của [Việt Nam] chưa chặn được" (37). Và điều đó, lẽ dĩ nhiên, làm cho Việt Nam *tụt hậu hơn nữa* so với các nước trong vùng, và ngày càng khó bắt kịp họ. Nhiều nhà kinh tế học ở trong nước như ông Lê Đăng Doanh, Viện trưởng Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương (38) - và đại diện các tổ chức tài chính kinh tế (39) cũng đã lên tiếng báo động về việc này.

Thêm vào đó cũng phải thấy rằng "năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và của doanh nghiệp [Việt Nam] còn yếu hơn nhiều nước trong khu vực" (40). Khi xếp hạng về môi trường kinh doanh của 62 nước trên thế gới, Việt Nam đứng 49 trong thời kỳ 1994-98 và tụt xuống thứ 52 trong thời kỳ 1999-2003, trong khi đó thì Thái Lan từ thứ 28 lên thứ 31 còn Singapore thì từ thứ 5 lên thứ 7, theo một tài liệu nghiên cứu của Anh (41). Theo một nhà kinh tế học Hà Nội thì "thách thức cơ bản của Việt Nam trong giai đoạn mới là yêu cầu thoát khỏi nguy cơ tụt hậu xa hơn [hiện nay không còn là "nguy cơ" nữa mà là thực tế phũ phàng rồi! VNT], phải hội nhập quốc tế nhanh hơn trên cơ sở cải thiện mạnh mẽ sức cạnh tranh tổng thể... [chủ yếu] là trên hai phương diện: cạnh tranh thu hút đầu tư nước ngoài và cạnh tranh sản phẩm trên cả thị trường quốc tế lẫn thị trường trong nước. Có thể nói thách thức nầy là cực kỳ gay gắt" (42).

Việt Nam phải làm gì?

Để thoát khỏi tình trạng trì trệ hiện nay, để có tốc độ tăng trưởng cao và bền vững, *Việt Nam phải làm gì?*

Trong nước, một số nhà kinh tế học đã khuyến cáo rằng Việt Nam "phải dấn thân vào một làn sóng cải cách quyết định mới, đoạn tuyệt với cơ cấu tranh tối tranh sáng giữa nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung với kinh tế thị trường." Cụ thể là phải "1) điều chỉnh vai trò kinh tế nhà nước trong đó trọng tâm là... cải cách doanh nghiệp nhà nước, đồng thời phải tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho khu vực kinh tế tư nhân, coi đây là động lực cho tăng trưởng kinh tế; tiếp tục thu hút đầu tư nước ngoài...; 2) cải cách bộ máy hành chính nhà nước, chống một cách hiệu quả nạn quan liêu, tham nhũng, nhũng nhiễu dân và doanh nghiệp...; 3) tập trung nỗ lực phát triển hệ thống thể chế thị trường, trước hết là hệ thống tài chính, ngân hàng...; 4) cải cách và phát triển... mạng lưới an toàn xã hội, tích cực xóa đói giảm nghèo..." (43).

Những đề nghị trên đây là rất hợp lý, và cũng có nhiều điều giống như đề nghị của Ngân Hàng Thế Giới, Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế v.v... (44). Tuy nhiên còn có một điều cơ bản mà các nhà kinh tế học trong nước không dám đưa ra (vì nó đi ngược lại đường lối của ĐCSVN) là phải có tự do kinh tế, tức là tự do thành lập doanh nghiệp, sản xuất và thương mại, trao đổi tư liệu sản xuất, hàng hóa và dịch vụ; tự do chuyển dịch vốn, tư bản, lao động; tự do quyết định giá cả, đầu tư, mua bán v.v... Một số công trình nghiên cứu của "Fraser Institute" và "Heritage Foundation" đã đi đến kết luận là tự do kinh tế là cơ sở của sự tăng trưởng và phồn vinh kinh tế; nó tạo cho nền kinh tế có nhiều khả năng cạnh tranh; nó giúp đầu tư có hiệu suất cao v.v... (45). Đối với Việt Nam, tự do kinh tế không những giúp tăng trưởng kinh tế, hiện đại hóa công nghiệp và tăng cường khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp mà còn cho phép Việt Nam hội nhập thành công vào tiến trình toàn cầu hóa để đưa đất nước tiến lên phồn vinh. Nó là một điều kiện tối cần để thực hiện một nền kinh tế thị trường thật sự (chớ không phải "kinh tế thị trường theo định hướng XHCN" như hiện nay).

Đi đôi với tự do kinh tế, Nhà nước phải thi hành một chế độ pháp trị với một luật lệ minh bạch, bảo vệ và bảo đảm quyền tư hữu và các quyền kinh tế cá nhân khác, tự hạn chế tối đa việc xen vào sản xuất và thương mại, và khuyến khích thật sự kinh tế tư nhân v.v...

Nói tóm lại, chúng tôi đề nghị những biện pháp cải cách sau đây:

1- Cải tổ một cách kiên quyết và khẩn trương các DNNN, và tư nhân hóa một bộ phận DNNN.

2- Cởi trói kinh tế tư nhân; tạo cho nó điều kiện hoạt động bình đẳng với kinh tế quốc doanh trong sản xuất và kinh doanh; không hạn chế nó ở quy mô nhỏ bé như hiện nay; tạo điều kiện để nó dần dần trở thành nền tảng của kinh tế thị trường thật sự.

3- Cải cách khẩn trương hệ thống tín dụng - ngân hàng.

4- Cải tổ mạnh mẽ quan hệ thương mại quốc tế, nhất là sau khi "Thỏa ước trao đổi thương mại bình thường" Mỹ - Việt đã được ký kết; tạo điều kiện thuận lợi cho việc hội

nhập tiến trình toàn cầu hóa.

5- Tiến dần đến tự do kinh tế.

Để thực hiện những đề nghị kinh tế này, phải có một quyết tâm chính trị cao. Do đó, cần gây sức ép tối đa cả trong nước lẫn ngoài nước đối với tập đoàn lãnh đạo ĐCSVN để họ phải chuyển qua một thể chế chính trị dân chủ thật sự (chớ không phải "dân chủ XHCN" như hiện nay) trong đó có cả tự do kinh tế và tự do chính trị. Vì chỉ có một thể chế *chính trị* dân chủ thật sự mới có thể thực hiện một cách triệt để các đề nghị *kinh tế* nói trên: hai mặt này gắn bó với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau một cách biện chứng như đã nói trên. Điều nầy dẫn chúng tôi một cách tự nhiên đến phần nói về "đổi mới" chính trị trong 14 năm qua.

(Còn tiếp)

Chú thích

(1) Nguyễn Minh Tâm, tạp chí *Nghiên Cứu Kinh Tế* (sẽ gọi tắt NCKT), Hà Nội, tháng 4/2000, tr. 59. Cùng xem:

- Võ Nhân Trí, *Vietnam's Economic Policy since 1975,* Institute of Southeast Asiãn Studies, Singapore, 1990; và Allen & Unwin, Sydney 1990 (chương 2+3).

- Marie - Sybille De Vienne, *L'Economie du Vietnam (1955-95)*, Cheam, Paris, 1994, tr. 101-123.

- A. FForde & S. De. Vylder, *Vietnam: An Economy in Transition,* Sida, Stockholm, 1988.

- Tetsusaburo Kimura, *The Vietnamese Economy 1975-86: Reforms and International Relations,* Institute of Developing Economies, Tokyo, 1989.

(2) Nguyễn Đức Bình, *Tạp chí Cộng Sản* (sẽ gọi tắt *TCCS*), số 4, tháng 2/2000, tr. 17.

(3) Võ Nhân Trí, *Vietnam's Economic Policy...*, sđd, tr. 186-97.

(4) *6th National Congress of the Communist Party of Vietnam* (Documents), FLPH, Hà Nội, 1987, tr. 64; 99-100.

(5) Nguyễn Minh Tân, *NCKT,* tháng 4/2000, tr. 56.

(6) Đảng Cộng Sản Việt Nam, *Văn Kiện Đại Hội Đại Biểu Toàn Quốc Lần Thứ VIII,* Nxb Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội, 1996, tr. 93-96.

(7) Trung Tâm Hội Chợ Triển Lãm Việt Nam, *Vietnam 2000,* Nxb Thống Kê, Hà Nội, 1997, tr. 403-404.

(8) *TCCS,* số 9, tháng 5/1998, tr. 5. Về tình hình bi đát của DNNN, xem thêm Nguyễn Minh Thông, *TCCS,* số 18, tháng 9/1999, tr. 19, và Nguyễn Ngọc Hiệp, tạp chí *Thông Luận,* Paris, (sẽ gọi tác *TL*, tháng 2/1999, tr. 21-25; và tháng 5/1999, tr. 22-25).

(9) Tạp chí *Diễn Đàn* (sẽ gọi tắt *DĐ*, Paris, tháng 4/1000, tr. 7.

(10) *DĐ*, tháng 3/1998, tr. 9, và tháng 5/1998, tr. 7.

(11) Tạp chí *Việt Nam Dân Chủ* (sẽ gọi tắt *VNDC*), Paris, tháng 11/1999, tr. 14.

(12) *Thời Báo Kinh Tế Sài Gòn,* trích theo tạp chí *Thế Kỷ 21* (sẽ gọi tắt TK21, USA, tháng 1/2000, tr. 24.

(13) Xem "Kiến nghị của năm công dân gửi Quốc Hội," *DĐ*, tháng 6/200, tr. 11.

(14) Nguyễn Đức Bình, *TCCS,* số 5, tháng 3/1999, tr. 9.

(15) Xem *"Hai tài liệu mật của ban chấp hành trung ương ĐCSVN"*, do Lê Khả Phiêu ký ngày 10/8/98, *DĐ*, tháng 1/1999, tr. 16.

(16) Nguyễn Trân, *Tuổi Trẻ*, 12/10/97.

(17) *NCKT,* tháng 5/198, tr. 30. Ông Nguyễn Văn Linh cũng đã có ý kiến như vậy trong bài diễn văn đọc ở Hội Nghị Trung Ương ĐCSVN lần thứ 6, tháng 3/1999, *Nhân Dân*, Hà Nội (sẽ gọi tắt *ND*, 31/3/89.

(18) ĐCSVN, *Văn Kiện Đại Hội Đại Biểu Lần Thứ VIII,* sđd, tr. 96.

(19) Trích theo *DĐ*, tháng 1/2000, tr. 5. Về diễn biến kinh tế tư nhân trong giai đoạn 1990-2000, xem Nguyễn Hữu Đạt, *NCKT,* tháng 3/1990, tr. 13-24; riêng về năm 1999, xem *DĐ*, tháng 1/2000, tr. 5.

(20) Trích theo *DĐ*, tháng 2/2000, tr. 3-4, và tháng 6/2000, tr. 3-4.

(21) *Hai Tài Liệu Mật..., DĐ*, tháng 1/1999, tr. 17.

(22) Jean Claude Pomonti & Hughes Tertrais, *Vietnam Communistes et Dragons,* Ed. Le Monde, Paris 1994, tr. 77.

(23) Về các số liệu của năm 1999, xem *Saigon Eco*, Janvier - Pévrier, 2000, tr. 9.

(24) Jean Louis Rocca, "Le Capitalisme Chinois...," *Pouvoirs*, N# 81, Ed, Seuil, Paris, 1997, tr. 25-26.

(25) Jean-Pierre Cabestan, "Le Parti Communiste Chinois..., *Pouivoirs*, N# 81, Seuil, Paris 1997, tr. 32-33; Về Trung Quốc, xem thêm Quang Huy, *TCCS,* số 23, tháng 12/99; Quan điểm nầy được áp dụng ở Việt Nam từ Đại hội 8 của ĐCSVN, xem: Trung Tâm Hội Chợ Triển Lãm Việt Nam, *Vietnam 2000,* sđd, tr. 404.

(26) Thư mục chọn lọc:

a) Về sách:

* CIEM, Viện Nghiên Cứu Quản Lý Kinh Tế Trung Ương, *Kinh Tế Việt Nam 1999,* Hà Nội, tháng 2/2000.

* Michel Herland, *Le Vietnam En Mutation,*

Notes Et Études Documentaires, La Documentation Francaise, Paris, 1999, tr. 73-136.

* Agence Financière Pour L'Asie (Ambassade de France à Tokyo), *Le Ralentissement Confirmé de L'Économie Vietnemienne en 1998,* Réf: 235/JYM/jym, Tokyo, 9/6/99.

- World Bank, *Vietnam's Economy in 1999,* Dec. 1999.

* Jamie Riedel & William S. Turley, *The Politics and Economies of Transition to an Open Market Economy in Vietnam,* OECD Development Center, Sept. 1999.

* Cuong Le Van & Jacques Maziers (Eds), *L'Economie Vietnamienne en Transition: Les Facteurs de Réussite,* Ed. L'Harmattan, Paris 1998.

* Gabriel Kolko, *Vietnam: Anatomy of Peace,* Routledge, London & New York, 1997, Chương 1+2.

* Adam Fforde & Stephen de Vylder, *From Plan to Market. The Economic Transition in Vietnam,* Westview Press, USA, 1996, Chương 1, 5; 7-9.

* Võ Nhân Trí, *"10 Năm 'Đổi Mới' Kinh Tế: Chính Sách & Thành Quả,"* trong *Kỷ Yếu Hội Thảo Chính Trị,* International Committee for a Free Vietnam. World Seminar and Vietnamese Political World Conference, 1996, Washington D.C, April 23&24, 1996, tr. 114-126.

* Niên Giám *Asia 1991 Yearbook - Asia 2000 Yearbook* (phần nói về Việt Nam).

b) Về *Tạp chí:*

* Nguyễn Minh Tân, *NCKT, tháng 4/2000.*

* Trần Đình Thiên, ibid, tháng 3/2000.

* Nguyễn Minh Tú, ibid, tháng 1/2000

* Nguyễn Đại Lai, ibid, tháng 1/2000.

* Võ Nhân Trí & Anne Booth, *Asian Pacific Economic Literature*, ANU, Canberra, Vol. 6; N# 1; May 1992, tr. 16-40.

* Vietnam, *EIU Country Report 1st Quarter 2000,* London, The Economist Intelligence Unit Limited 2000.

* Vietnam, *EIU, Country Profile 1999-2000,* London, The Economist Intelligence Unit Limited, 1999.

* Nguyễn Ngọc Hiệp, *TL,* tháng 1/2000, và tháng 2/2000.

* Xuân Quang, tạp chí *Dân Chủ & Phát Triển* (sẽ gọi tắt là *DCPT*, (Đức), tháng 3/2000, và tháng 6/2000.

(27) Vietnam, *EIU Country Report 1st Quater 2000,* tài liệu đd, tr. 55.

(28) Trích theo Quân Tử, *Kỷ Yếu Hội Thảo Chính Trị...,* sđd, tr. 141.

(29) Tạp chí *Thế Kỷ 21,* (USA), tháng 5/2000, tr. 54.

(30) Nguyễn Minh Tân, *NCKT,* tháng 4/2000, tr. 56.

(31) ĐCSVN, *Văn Kiện Đại Hội... Lần Thứ VIII,* sđd, tr. 12; 67; 154.

(32) Lê Khả Phiêu, *TCCS*, số 11, tháng 6/1999, tr. 3.

(33) Phan Văn Khải, *Nhân Dân*, 29/10/98. Cùng xem nhận xét của Trần Đình Thiên, *NCKT,* tháng 3/2000, tr. 5.

(34) Nguyen Minh Tu, *NCKT,* tháng 1/2000, tr. 13-15.

(35) Faith Keeman, *Far Eastern Economic Review* (sẽ gọi tắt là *FEER)* Dec. 18, 1997. Lúc đó ông Đỗ Mười trả lời với báo chí như sau: "Cái gì cũng có giới hạn. Khi bụng đã no thì đương nhiên phải ngừng ăn" (*ibid*).

(36) Nguyen Minh Tu, *NCKT,*, tháng 1/2000, tr. 13.

(37) Nguyễn Mai, *TCCS,* số 5, tháng 3/2000, tr. 21.

(38) Ông Lê Đăng Doanh thừa nhận hiện nay Việt Nam đang tụt hậu so với các nước trong vùng: xem *DĐ*, tháng 1/1999, tr. 8, và tạp chí *Việt Nam Dân Chủ* Paris, tháng 2/2000, tr. 7; và Nguyễn Mai, *TCCS*, số 5, tháng 3/2000, tr. 21); và Trần Đình Thiên, *NCKT,* tháng 3/2000, tr. 11.

(39) *VNDC*, tháng 5/2000, tr. 15 và 39; và *Vietnam Investment Review* (sẽ gọi tắt là *VIR*, April 24-30, 2000.

(40) Xem chú thích (37).

(41) Vietnam, *The EIU 1st Quarter/1999,* trích theo Nguyễn Mai, xem chú thích (37).

(42) Trần Đình Thiên, *NCKT,* tháng 3/2000, tr. 11.

(43) Nguyen Minh Tu, *NCKT,* tháng 1/2000, tr. 15. Cùng xem Trần Đình Thiên, *NCKT*, tháng 3/2000, tr. 12.

(44) *"Preparing for Take Off,"* An Informal Economic Report of the World Bank Consultative Group Meeting for Vietnam, Hanoi, Dec. 14-15, 1999. (Bản phúc trình nầy đề ra một chương trình ba năm nhằm chuyển đổi khu vực kinh tế tư nhân, cơ cấu tổ chức các DNNN, tổ chức hoạt động ngân hàng, và quan hệ thương mại quốc tế).

(45) James Gwartney, Robert Lawson, Dexter Samida, *Economic Freedom of the World 2000,* The Fraser Institute, Vancouver (Canada); và Gerald P.O 'Driscoll Jr., Kim R. Holmes, Melanie Kirk Patrick, *2000 Index of Economic Freedom,* the Heritage Foudation, Washington (USA), trích theo Nguyễn Ngọc Hiệp, *TL*, tháng 6/2000.●

VÀI SUY NGHĨ VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỘNG ĐỒNG TẠI VIỆT NAM

ĐOÀN THANH LIÊM

Trong ý hướng góp phần suy nghĩ vào việc cải tiến hệ thống giáo dục cấp Đại Học tại Việt Nam, tôi xin đề xuất một số ý kiến cụ thể như sau:

1) Đại Học Cộng Đồng là Trung tâm nghiên cứu cho công cuộc phát triển kinh tế xã hội và văn hoá (think tank) cho mỗi địa phương.

Ta cần lôi kéo Đại Học vào nhập cuộc với hạ tầng cơ sở cấp tỉnh, huyện và thị trấn, hầu phát động được tại mỗi địa phương một chương trình phát triển toàn diện và điều hoà (total and harmonized development), phù hợp với điều kiện đặc thù tại mỗi khu vực. Với đặc tính địa lý xã hội khác nhau, ta có thể chia ra chừng mười khu vực, để thiết lập tại mỗi nơi một Đại Học Cộng Đồng, được sắp xếp từ Nam ra Bắc như dưới đây:

- Khu vực Đồng bằng Cửu Long
- Khu vực Miền Đông Nam Phần
- Khu vực Tây Nguyên
- Khu vực Duyên Hải Trung Phần (Nam Ngãi Bình Phú)
- Khu vực Bắc Trung Phần (Thanh Nghệ Tĩnh Bình Trị)
- Khu vực Đồng bằng Hồng Hà
- Khu vực Hưng hoá - Hoà Bình (Tây Bắc Phần)
- Khu vực Sơn La - Lai Châu (Tây Bắc Bắc Phần)
- Khu vực Lạng Sơn Cao Bằng (Đông Bắc Bắc Phần)
- Khu vực Duyên Hải Bắc Phần (Quảng Ninh, Kiến An)

2) Khi mới thành lập, thì tại mỗi tỉnh sẽ có một phân hiệu (subunit) với sự tự trị mềm dẻo và phải tự cấp tự túc đến mức tối đa. Sau này sẽ phát triển để mỗi cấp huyện có một cơ sở nhằm đi sâu sát với hạ tầng địa phương hơn.

Có thể nói mỗi một trường Đại Học Cộng Đồng (ĐHCĐ) như vậy là một hệ thống các đơn vị phân hiệu ở các tỉnh trong khu vực. Mỗi tỉnh do một ban sáng lập đứng ra vận động thành lập cơ sở cho địa phương mình, rồi cùng bàn thảo phối hợp với cơ sở trung tâm để xúc tiến việc tổ chức, quản trị và điều hành.

Lấy thí dụ về trường hợp của Miền Đông Nam Phần, thì cơ sở trung tâm của ĐHCĐ sẽ đặt ở thành phố Biên Hoà và các phân hiệu sẽ ở các tỉnh Tây Ninh, Bình Dương, Lâm Đồng, Long Khánh, Phan Thiết, Bà Rịa v.v...

3) Thời gian thể nghiệm: 3 - 5 năm

Lúc đầu chưa có sẵn giáo sư làm thành phần giảng huấn cơ hữu và cũng chưa có Ngân sách để xây dựng cơ sở trường ốc, nên ĐHCĐ chỉ có thể do một Ban Vận Động thành lập để liên hệ với các tỉnh, mỗi nơi phát động việc thành lập cơ sở phân hiệu tại địa phương. Nơi nào xong trước, thì bắt tay vào hoạt động ngay, chứ không bắt buộc phải mở đồng loạt các phân hiệu ở mỗi tỉnh lỵ cùng một lúc. Lại nữa, mỗi phân hiệu lại phải đáp ứng các nhu cầu khác nhau của mỗi địa phương, cụ thể như phân hiệu ở Phan Thiết thì khác biệt hẳn với phân hiệu ở Tây Ninh hay Lâm Đồng.

Trong thời gian thể nghiệm này, chỉ nên chú trọng đến các khoá đào tạo ngắn ngày (1-3 tháng), các lớp học buổi tối hay cuối tuần, nhằm nâng cấp về kỹ thuật và văn hoá cho những người đang phải đi làm việc toàn thời gian, hơn là cho những sinh viên thuần túy. Mỗi phân hiệu sẽ chú trọng vào việc tổ chức

các seminar, workshop nhiều hơn là việc dạy học dài ngày cho các sinh viên theo đuổi từ chương khoa cử.

Như vậy Ban Giảng Huấn (Teaching staff) lúc đầu sẽ cậy nhờ vào ba thành phần như sau:

a) Thành phần tại chỗ: các bác sĩ, kỹ sư, giáo sư trung học đệ II cấp, các vị có kinh nghiệm về hoạt động chuyên môn nhiều nghành nghề.

Vì là người tại chỗ, đang làm việc tại địa phương, nên các vị này gắn bó mật thiết với công cuộc phát triển ở địa phương. Đây chính là nòng cốt của Phân hiệu ĐHCĐ tại mỗi tỉnh, huyện.

b) Thành phần thỉnh giảng trong nước: Các giáo sư Đại học ở các thành phố lớn như Sài Gòn, Đà Lạt, Nha Trang, Huế, Hà Nội, Hải Phòng v.v... Các chuyên viên cấp cao các ngành chuyên môn.

c) Thành phần thỉnh giảng từ hải ngoại: Các giáo sư Đại học, các chuyên viên cấp cao từ hải ngoại có thể về trong nước, vào các kỳ nghỉ, để góp phần giảng dậy tùy theo yêu cầu của mỗi địa phương.

Với lối tổ chức linh động và thoáng như vậy, trong giai đoạn thử nghiệm dăm ba năm đầu, ta có thể vừa hoạt động vừa rút kinh nghiệm, để lần hồi hoàn thiện được việc tổ chức và điều hành ĐHCĐ cho phù hợp với nhu cầu riêng biệt của mỗi địa phương.

Tiếp theo là giai đoạn củng cố và phát triển có thể kéo dài tới 10 năm.

Như vậy là phải mất cỡ 15 năm, ta mới có cơ tổ chức được một ĐHCĐ với dạng tương đối hoàn chỉnh.

4) Ba nhiệm vụ chính yếu của ĐHCĐ:

- Nghiên cứu
- Bồi dưỡng chuyên môn
- Đào tạo chuyên viên trung cấp

a) Tại mỗi phân hiệu ở một tỉnh, ĐHCĐ phải đề ra được một chương trình nghiên cứu dài hạn nhằm góp phần vào công cuộc phát triển toàn diện của địa phương cơ sở của mình. Đây là nhiệm vụ chính yếu của mỗi phân hiệu. Dĩ nhiên công cuộc phát triển tại mỗi tỉnh luôn phải đặt trong bối cảnh tổng thể của toàn khu vực cũng như của toàn thể quốc gia.

b) Việc bồi dưỡng chuyên môn cho các cán bộ, chuyên viên hiện đang làm việc tại địa phương phải được coi là ưu tiên hàng đầu của ĐHCĐ. Các chuyên viên ở địa phương cần phải được nâng cấp về kỹ thuật cũng như về trình độ văn hóa và ngoại ngữ để có thể theo kịp với đòi hỏi mỗi ngày một cao của nền kinh tế hiện đại và của lối sống mỗi ngày một tiện nghi tiến bộ trên thế giới ngày nay.

Hình thức các lớp buổi tối, lớp học cuối tuần, khóa học kỳ hè, các khóa hội thảo, các cuộc du ngoạn kết hợp với seminar v.v... rất phù hợp với phương thức vừa làm việc vừa học của lớp người đang phải đi làm tại các cơ sở sản xuất, dịch vụ hay hành chánh sự nghiệp.

c) Vì được tổ chức tại mỗi địa phương, nên việc đào tạo chuyên viên trung cấp các ngành nghề sẽ thích nghi phù hợp với đòi hỏi riêng biệt tại chỗ hơn. ĐHCĐ không có tham vọng cao xa ở tầm vóc quốc gia hay quốc tế, mà chỉ hạn chế hoạt động vừa nghiên cứu vừa giảng dạy trong phạm vi nhỏ hẹp của từng địa phương. Do đó việc đào tạo sẽ đi sâu đi sát với tình hình kinh tế xã hội và văn hóa của mỗi địa phương, nhờ vậy mà có thể đóng góp thực tế và hiệu quả vào công cuộc phát triển của địa bàn tại chỗ.

Trên đây, chỉ là một vài suy nghĩ sơ khởi nhằm vào việc thiết lập tại mỗi khu vực địa lý một hệ thống các đơn vị phân hiệu ở mỗi tỉnh dưới sự phối hợp điều hành của một cơ sở trung tâm của một Đại Học Cộng Đồng. Người viết mong được sự trao đổi thảo luận của các bạn đọc, đặc biệt là của các Hội Đồng hương mỗi tỉnh ở hải ngoại.

- Các Hội Ái Hữu Gò Công, Bến Tre, Rạch Giá, Tây Sơn Bình Định, Thừa Thiên Huế v.v... có thể làm thế nào để góp phần thiết thực và hiệu quả hơn nữa vào công cuộc phát triển ở địa phương nơi quê nhà chúng ta?
- Các chuyên gia ở hải ngoại nghĩ thế nào về chuyện phụ giúp việc đào tạo chuyên môn cho lớp đàn em ở miệt nông thôn và vùng cao nguyên tại Việt Nam?
- Các giáo sư gốc Việt Nam hiện đang giảng dạy và nghiên cứu tại các Đại Học và Viện Nghiên Cứu ở Hải ngoại đã có giải đáp nào cho cuộc chiến đấu chống nạn nghèo đói, nạn dốt nát hủ lậu ở quê hương Việt Nam chúng ta?

Tác giả bài viết ngắn ngủi này mong được đón nhận ý kiến xây dựng của bạn đọc, để chúng ta cùng hợp nhau đóng góp phần xứng đáng của mình cho tương lai tốt đẹp của xứ sở.●

Quận Cam, tháng sáu, 2000

MỐI ĐE DỌA ĐỘC DƯỢC MA TÚY Ở ĐÔNG NAM Á

CỔ LŨY

Lời mở

Cái nhìn tổng kết cuối năm 1999 hướng về một góc của Đông Nam Á: Thái Lan, một nước "kinh tế thị trường" không hề nếm mùi chiến tranh nửa thế kỷ nay. Năm 1999, Thái không còn là một nước sản xuất thuốc phiện hàng đầu nữa. Nước này không trồng đủ thuốc phiện để thỏa mãn nhu cầu nghiện ngập trong nước! Thay vào thuốc phiện và heroin là một thứ độc dược mới tên là yaba "thuốc điên," đang hoành hành ở đây với những hậu quả xã hội khủng khiếp.

Yaba là một loại methamphetamine có thể hút, tiêm hay uống vào trong cơ thể - thông thường nhất là viên nhỏ để uống. Thuốc viên yaba có thể sản xuất dễ dàng từ các phòng thí nghiệm bỏ túi nằm trong rừng sâu Miến Điện. Dân trực tiếp buôn lậu có thể mang một trăm ngàn viên yaba mỗi ba lô đeo vai để vượt biên giới. Trong một thời gian ngắn, với tình hình kinh tế đi xuống, yaba trở thành thứ độc dược được ưa chuộng nhất xuất phát từ khu sản xuất độc dược ma túy lừng danh Tam Giác Vàng (Golden Triangle) vì giá rẻ hơn hẳn heroin. Tám mươi phần trăm dân nghiện vị thành niên chọn yaba là độc dược số một. Giới thẩm quyền Thái cho biết, gần hai phần trăm học sinh, sinh viên Thái nghiện yaba, và mỗi tháng có chừng mười lăm triệu viên yaba tràn ngập thị trường Thái nhập từ Miến Điện qua hơn 1,300 dặm biên giới rừng rậm giữa hai nước. Số lượng yaba này được tiêu thụ phần lớn ở Thái, phân phối bởi các tay buôn Thái.

Một trong những người sản xuất yaba (cùng với heroin trước đây) ở Miến và Wei Hsuehkang, lãnh chúa bang người Shan thiểu số và chỉ huy trưởng Quân đội United Wa gồm hai mươi ngàn lính trang bị với súng phóng lựu, súng tự động AK-47 có ống nhòm nhìn trong đêm tối. Wei cũng xây một xa lộ dọc theo biên giới Thái-Miến và nhiều thành phố địa đầu để tiện việc chuyển vận độc dược ra khỏi Miến.

Thái Lan làm luật ngăn cấm thuốc phiện năm 1952. Nước này hợp tác với Hoa Kỳ ngăn chặn heroin từ năm 1963. Thái mới tăng ngân sách chống độc dược ma túy hơn sáu mươi phần trăm - và hy vọng sẽ có luật chống "giặt tiền" nhằm vào giới buôn lậu "nay mai." Giới thẩm quyền Thái ước lượng ngăn chặn được khoảng một phần mười yaba từ Miến qua. "Chúng tôi mới bắt đầu một hành trình lâu dài," một viên chức Thái tuyên bố.

Bên kia Thái Bình Dương, tháng Sáu năm 1982: Tổng thống đương nhiệm Ronald Reagan ra tuyên ngôn mở màn cuộc chiến chống độc dược ma túy. Mười tám năm sau, với hơn 17 tỉ bạc đổ vào cuộc chiến cho năm 1998, ánh sáng cuối đường hầm vẫn chưa nhìn thấy. Thấy chăng là những hiện tượng và con số rõ rệt: lượng sản xuất và "phẩm chất" của bạch phiến (cocaine) và heroin (rút từ thuốc phiện, và mạnh gấp bội thuốc phiện) gia tăng lớn lao đồng thời với giá cả đi xuống rõ rệt; nhiều lộ trình di chuyển độc dược ma túy mới xuất hiện; vô số những địa điểm mới cung cấp dịch vụ duy nhất là "giặt sạch" (money laundering: hợp pháp hóa những tiền "bẩn" từ những hoạt động, trao đổi phi pháp) tiền bạc từ độc dược ma túy. Đi xa hơn nữa là khía cạnh chính trị của mối đe dọa độc dược ma túy: ảnh hưởng bao trùm của tiền bạc từ độc dược ma túy lên trên chính quyền hay ít nhất là giới nắm quyền lực ở nhiều nơi, nhất là Đông Nam Á.

Toàn cầu hóa độc dược ma túy

Theo báo cáo của tổ chức Geopolitical Drug Watch có trụ sở chính ở Ba Lê, trong vòng mười năm qua mức cung cấp độc dược ma túy gia tăng đều đặn. Phần lớn những khu vực sản

xuất bạch phiến, thuốc phiện và cần sa vẫn sản xuất đều, hay phát triển rộng lớn hơn; đồng thời, những khu vực sản xuất mới (thuốc phiện ở Colombia, bạch phiến ở Cộng Hòa Georgia, thuộc Liên bang Sô Viết trước 1989) bắt đầu xuất hiện. Nhiều khu sản xuất cho nhu cầu địa phương được quốc tế hóa như vùng Trung Á, vùng núi Caucase, vùng Balkan, Ukraine và vùng Phi Châu dưới sa mạc Sahara. Ngoài những khu sản xuất độc dược ma túy thiên nhiên (drug plant cultivation) thị trường độc dược ma túy hóa học (synthetic drugs) cũng có vẻ như phồn thịnh hơn bao giờ hết. Mức phát triển lớn lao này đưa đến hậu quả rõ rệt là mọi tổ chức lớn nhỏ, hay cá nhân đều có thể mua độc dược ma túy đủ mọi loại tùy thích. Cuối thập niên 1980 mức sản xuất bạch phiến ở Mỹ Châu La Tinh nằm ở giữa 500 đến 700 tấn hằng năm; năm 1996 sản xuất đã đến mức 800 và 1200 tấn. Năm 1988, Miến Điện và A Phú Hãn (Afghanistan) sản xuất khoảng 1600 đến 2000 tấn thuốc phiện; năm 1996 mức sản xuất lên đến 4500 tấn. Mức sản xuất ở các vùng Á Châu khác cũng tiếp tục gia tăng.

Mức sản xuất cần sa gia tăng gấp đôi. Ở Ma Rốc, diện tích cần sa tăng từ 30 ngàn mẫu năm 1988 đến 70 ngàn mẫu năm 1996. A Phú Hãn và Hồi (Pakistan) sản xuất tới 2000 tấn cần sa, tương đương với Ma Rốc. Colombia (Nam Mỹ) trở lại vị trí số một về mức sản xuất cần sa sau thập niên 1970. Cần sa từ Châu Á nhất là từ Cao Miên xuất hiện đều đặn trên thị trường quốc tế. Nam Phi sản xuất hàng chục ngàn tấn cho nhu cầu địa phương và bắt đầu xuất cảng sang Châu Âu. Mức sản xuất gia tăng nhanh chóng ở các ước Kenya, Malawi, Nigeria, Ghana, Congo, Ivory Coast và Senegal thuộc Châu Phi. Mức sản xuất độc dược ma túy gia tăng theo nhu cầu độc dược ma túy. Thị trường sản xuất ở Hoa Kỳ và Châu Âu tương đối vẫn ổn định; trong khi đó thị trường tiêu thụ mới bắt đầu xuất hiện và lan rộng nhanh chóng. Thị trường bạch phiến mở rộng ở Nhật và nói chung là Châu Á, Nam Phi và nhất là Nga cùng với các nước Đông Âu khác. Thị trường heroin cũng phát triển mạnh ở hơn 20 cộng hòa thuộc Cộng Hòa Sô Viết xưa. Thêm vào đó mức tiêu thụ độc dược ma túy gia tăng mạnh mẽ ngay trong các nước sản xuất, nói chung là ở Thế Giới Thứ Ba. Rõ rệt nhất là mức tiêu thụ heroin ở Châu Á (nhất là Hồi, Ấn Độ, Thái Lan và Trung Hoa) và bạch phiến ở Nam Mỹ (nhất là ở Ba Tây, Á Căn Đình, và Chí Lợi).

Độc dược ma túy hóa học cũng xâm nhập mạnh mẽ vào Châu Á và Châu Phi. Với sự bành trướng thị trường tiêu thụ và khu vực sản xuất độc dược ma túy tổ chức phân phối cũng thay đổi rõ rệt. Từ hệ thống kim tự tháp cổ điển tổ chức phân phối chuyển sang hệ thống mạng lưới (networks) cho đến cả hệ thống tiểu thương và hoạt động tầm trung. Hoạt động phân phối không còn nắm độc quyền trong tay những hệ thống trên dưới rõ rệt bao gồm những tay nhà nghề mà lan rộng đến các con buôn "tài tử," phân tán trong các mạng lưới cung cấp đủ mọi loại độc dược ma túy, chứ không chuyên về một loại mà thôi.

Một giải thích cho hiện tượng nói trên là việc chấm dứt Chiến Tranh Lạnh giữa hai khối Tây phương và Cộng sản. Xung đột sau Chiến Tranh Lạnh không còn mang mầu sắc ý thức hệ nữa; những lực lượng chống đối nhau dựa hẳn vào những yếu tố chủng tộc, tôn giáo hoặc quốc gia. Cùng với nguồn bảo trợ ý thức hệ (ideological sponsors) nguồn bảo trợ tài chánh (financial sponsors) cũng ra đi; các lực lượng đối kháng xung đột lẫn nhau phải dựa vào những nguồn tài trợ mới. Sản xuất và buôn bán độc dược ma túy trở thành nguồn tài trợ lớn rộng hàng thứ ba - sau nhiên liệu và các kim loại chiến lược.

Mối đe dọa ở Đông Nam Á

Ba yếu tố ảnh hưởng vào khung cảnh độc dược ma túy Á Châu được xác nhận rõ rệt là: phát triển kinh tế, tự do mậu dịch, cởi mở chính trị và dân chủ hóa.

A. Phát triển kinh tế

Phát triển kinh tế mạnh mẽ ở Châu Á mang đến nhiều tệ hại về độc dược ma túy: nhu cầu độc dược ma túy gia tăng cùng với lợi tức cao. Lợi tức cao đưa đến việc sử dụng nhiều loại độc dược ma túy khác nhau. Người thượng du thiểu số ở Lào có thể hút thuốc phiện "tươi" thô sơ nhưng dân thành thị Á Châu có thể chọn lựa đủ loại độc dược ma túy khoa học tinh vi, từ heroin, bạch phiến và methamphetamine cục (dân trong nghề gọi là "đá" - "ice") cho tới các độc dược "thời trang" (độc dược hóa học hay "ảo dược" - hallucinogens) như Ectasy. Theo ông James Shinn, một thành viên cao cấp trong Hội đồng

Bang giao Quốc tế (Council on Foreign Relations) Hoa Kỳ, hơn 1500 tấn thuốc phiện sản xuất ở Châu Á nay được phân phối sử dụng ngay ở Châu Á. Châu Á nay được hỗn danh là nơi sản xuất độc dược ma túy lớn mạnh nhất trên thế giới - 40 phần trăm mức tiêu thụ toàn thế giới. Con số người nghiện ngập trong vùng lên đến mức ngoài tưởng tượng: 1.2 triệu người nghiện heroin ở Thái và 400 ngàn ở Miến; 500 ngàn người nghiện "đá" ở Nhật. Trung Hoa có 500 ngàn người nghiện heroin có khai báo, nhưng số người nghiện thật sự lên từ 1 đến 2 triệu.

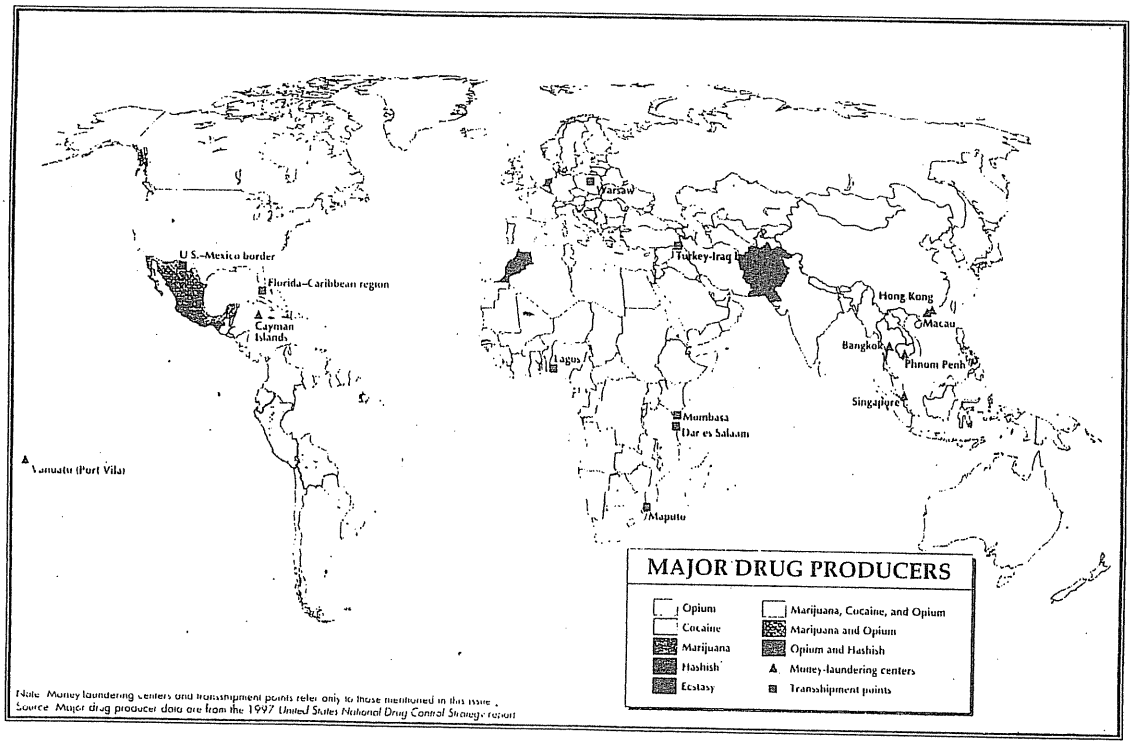

Cùng với gia tăng lợi tức, mức độ thành thị hóa (urbanization) nhanh chóng và mức độ lưu động (mobility) cao cũng thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ. Nằm ngay vòng ngoài, những siêu đô thị như Jakarta (Nam Dương), Bangkok (Thái Lan), và vùng thành thị Quảng Đông (Trung Hoa) là những khu nhà ổ chuột, nơi cư ngụ của hàng trăm ngàn thanh niên thiếu nữ gốc gác vùng quê, nay tách rời khỏi hệ thống tương tế cộng đồng nơi thôn dã. Trung Hoa có hơn 100 triệu người lang thang khắp nước đi kiếm sống. Những giá trị vật chất "văn minh, tân tiến" mới chẳng bao lâu thay thế những giá trị cổ truyền và việc tiêu thụ độc dược ma túy trở thành phương tiện giải sầu giải trí thời trang có sức quyến rũ mạnh mẽ.

Đằng sau những sản xuất, chuyển vận và phân phối độc dược ma túy ở Châu Á là những băng đảng tội ác Trung Hoa. Những băng đảng này, như Sun Yee On, Wo Hop To, United Bamboo và 14K, đã di chuyển những phòng thí nhiệm sản xuất độc dược được lưu động vào rừng sâu Đông Nam Á, gần khu vực trồng cây thuốc phiện. Cùng với những hóa chất biến chế cần thiết họ có thể "nấu" methamphetamines và các loại độc dược "thời trang" khác. Các "tổ hợp" tội ác Đài Loan đã chuyển hoạt động sản xuất "đá" tới vùng duyên hải như tỉnh Fujian, gần nhà máy của các công ty hóa chất hợp pháp Đài Loan mới dọn tới.

Cũng theo ông Shinn, hai phần ba tổng sản lượng thuốc phiện toàn cầu được sản xuất ở Đông Nam Á, phần lớn ở khu Tam Giác Vàng (Golden Triangle, bao gồm đông Miến Điện, bắc Thái và tây Lào). Khoảng 2500 tấn thuốc phiện được biến chế thành 250 tấn heroin dưới sự bảo vệ của các lãnh chúa như Khun Sa (gốc quốc dân đi tản Tưởng Giới Thạch) và "quân đội" của ông (từ 30 đến 40 ngàn người Mong Tai trang bị tối tân, kể cả trực thăng). Heroin được đưa đến Bangkok và từ đây tỏa khắp thế giới, hay chuyển đến phía bắc rồi qua

đường bộ đi tới Quảng Đông và Hương Cảng, nơi các tổ hợp tội ác người Hoa sử dụng hữu hiệu hệ thống chuyên chở đường thủy đi đến mọi nơi. Các tổ hợp nói trên liên kết với các tổ chức tội ác khác để phân phối ma túy và "giặt sạch" lợi tức lấy từ đây. Một ví dụ như tổ hợp tội ác người Hoa cung cấp "đá" cho giới anh chị yakuza Nhật, như Yamaguchi-gumi hay Inagawa-gai (những nhóm này nhập cảng, chứ không sản xuất phần lớn methamphetamines tiêu thụ ở Nhật). Các tổ hợp người Hoa cũng giúp yakuza "giặt" tiền để đầu tư vào bất động sản ở Hạ Uy Di hay các thành phố lớn Á Châu. Tổ hợp cũng hoạt động chặt chẽ với các tổ chức buôn lậu Nigeria (Phi Châu) mang heroin Á Châu vào Âu Châu, và với các tổ hợp Mỹ Châu La Tinh trao đổi heroin Miến lấy bạch phiến Colombia cho thị trường mới mẻ đôi bên.

B. Tự do mậu dịch

Tự do buôn bán hàng hóa và trao đổi tiền bạc giúp các tổ hợp tội ác người Hoa buôn lậu ma túy và "giặt" lợi tức. Một ví dụ, gần bốn triệu thùng hàng đường thủy nhập cảng Đài Loan hằng năm; sở quan thuế ở đây chỉ đủ sức khám xét khoảng 300 ngàn thùng mà thôi. Ở nhiều khu tự do mậu dịch như hải cảng Hương Cảng và Ma Cao, Masan và Iri (Nam Hàn), Batam (Nam Dương) và những khu kinh tế đặc biệt ở Trung Hoa như Shenzen, Zhuhai, Xiamen và Shantou không có chuyện khám xét thuế quan hoặc ma túy.

Lợi tức từ độc dược ma túy sau khi "giặt sạch" khó mà tìm ra tung tích nguồn cội. Dùng kỹ thuật chuyển tiền "mắt xích" nối liền nhiều định chế tài chánh các tổ hợp tội ác có thể che giấu nguồn lợi tức một cách hợp pháp viện cớ "bí mật tài chánh" của khách hàng. Các "tổ hợp" tội ác không phải đi đâu xa để "giặt sạch" lợi tức bất hợp pháp. Hương Cảng — khởi đầu bằng hoạt động buôn bán thuốc phiện từ thế kỷ 19 — với những thị trường tài chánh tối tân và không có luật lệ kiểm soát chặt chẽ, vẫn là thủ đô "giặt" tiền ở Châu Á. Chính quyền thuộc địa của Anh ở đây quay mặt làm ngơ những hoạt động bất hợp pháp. Sau khi người Anh rút khỏi thuộc địa tháng Bảy 1997, một viên chức cộng sản Trung Hoa cao cấp đưa ra nhận xét, "Nếu chúng tôi tới đây và dọn sạch ổ trộm cướp này, giới truyền thông Tây phương sẽ kêu ầm lên là chúng tôi chà đạp nhân quyền của cựu thuộc địa," theo ông Shinn.

"Giặt sạch" tiền bạc bất hợp pháp là một trong ba kỹ nghệ lớn hiện nay, cùng với kỹ thuật nhiên liệu và tiền tệ quốc tế. Ngoài Hương Cảng, nhiều địa điểm mới đã xuất hiện với mục đích rõ rệt là "giặt" tiền bất hợp pháp, nhất là tiền từ những buôn bán độc dược ma túy. Theo tờ *Jane's Intelligence Report* tháng Ba 1998, từ năm 1989 chính quyền quân sự Miến Điện đã quyết định ngưng tịch thu tiền địa phương và ngoại tệ để trong ngân hàng với nguồn gốc đáng nghi ngờ. Thay vào đó, chính quyền chỉ đánh thuế 25 phần trăm ngoại tệ rút về Miến từ những nơi như Bangkok, Tân Gia Ba và Hương Cảng mà thôi. Tờ này cũng nói là, ít nhất 60 phần trăm vốn đổ vào những khách sạn, siêu thị, dự án xây cất đường sá cầu cống qui mô, cùng những nghiệp vụ khác ở Ngưỡng Quang thủ đô Miến, đều rút từ tiền mua bán độc dược ma túy. Miến là một nước nhỏ nghèo đói với một nền kinh tế chính thức thuộc cỡ tí hon, so với các nước Đông Nam Á Khác, nay có tới 21 nhà băng tư và chi nhánh của 43 nhà băng quốc tế. Các nhà băng này đều cung cấp dịch vụ tài chánh "chính xác, an toàn và kín đáo" cho khách hàng. Ở Cao Mên, một nước nhỏ với tình trạng hỗn loạn vô luật pháp và một nền kinh tế dựa vào độc dược ma túy, có tới hai phần ba trong số 29 nhà băng ở thủ đô Nam Vang bị nghi ngờ có cung cấp dịch vụ "giặt" tiền. Chủ tịch Phòng Thương Mại ở đây bị cấm vào Hoa Kỳ vì nghi ngờ có liên hệ với kỹ nghệ ma túy Đông Nam Á. Theo báo cáo của các cảnh sát liên bang Úc, khoảng từ 600 triệu cho tới ba tỉ được "giặt" hằng năm ở Úc, để trả tiền khách sạn, nhà hàng, bất động sản, vân vân. Nhiều nhân vật quyền thế danh tiếng hoặc thương gia bỏ tiền đầu tư vào một chuyến ma túy lớn do các tay buôn lậu và băng đảng thực hiện. Ma túy được buôn từ Đông Nam Á vào tiêu thụ tại Sydney hay Melbourne. Tiền thu được đem lậu ra khỏi Úc (hoặc chuyển chính thức bởi nhiều người, nhiều lần, dưới mức 10 ngàn Úc kim mỗi lần qua nhà băng, tại Úc) rồi chuyển lại Úc một cách hợp pháp dưới chiêu hàng lợi tức buôn bán làm ăn ở Hương Cảng hay Thái.

Theo tài liệu của DEA (Drug Enforcement Agency), Hoa Kỳ, hệ thống "nhà băng" chìm của người Hoa có thể chuyển tiền từ nước này sang nước nọ rất dễ dàng. Ví dụ như, dân

buôn lậu heroin có thể chuyển nửa triệu Mỹ kim từ Hương Cảng tới Bangkok qua một tiệm bán vàng ở khu Western Market. Từ Bangkok tiền này được chuyển bằng điện toán đến thành phố Chiang Mai ở tây bắc Thái, rồi qua mạng lưới khác đến nguồn cung cấp ở Miến. Tiền kiếm được có thể gửi ngược về gốc Hương Cảng, qua các tiệm vàng ở Yawarat, ngay trung tâm phố Tầu ở Bangkok. Tiền về đến gốc có thể được bỏ an toàn và hợp pháp vào một trong 117 nhà băng quốc tế hoặc 200 công ty tài chánh ở Hương Cảng. Hoặc tiền có thể được mang tới Ma Cao và "giặt sạch" ở các trung tâm cờ bạc hợp pháp, với giấy chứng nhận là tiền được bạc. Các trung tâm cờ bạc hợp pháp là nơi chuyển tiền ma túy "lý tưởng." Phần lớn các trung tâm này công nhận "tín chỉ được bạc" (gambling credits) khắp thế giới: người được bạc ở Las Vegas chẳng hạn, có thể chuyển tiền mặt hay "tín chỉ được bạc" về Ma Cao hay ngược lại mà không cần đi qua nhà băng. Hàng tỉ Mỹ kim được chuyển như trên đi khắp thế giới và hầu như không cõ phương cách gì để kiểm soát, theo cảnh sát liên bang Úc. Theo tài liệu của Liên Hiệp Quốc, kỹ nghệ ma túy có lợi tức khoảng từ 500 đến 750 tỉ Mỹ kim hằng năm; riêng ở Thái Lan tiền bất hợp pháp lên đến 31 tỉ rút từ những hoạt động ma túy, mãi dâm, cờ bạc và buôn lậu.

Các đảo quốc nhỏ bé ở nam Thái Bình Dương, có lợi điểm là ở gần sát khu kinh tế phồn thịnh Đông Á, đã kiếm lợi tức rất nhiều qua các dịch vụ tài chánh miễn thuế cho khách hàng vùng này. Ví dụ như đảo quốc tí hon Vanuatu, với thủ đô Port Vila gồm mỗi con đường chính có tới 80 nhà băng (đại đa số nằm trong tay người Hoa từ các nơi như Nam Dương, Hương Cảng, Đài Loan và Trung Hoa), 2000 công ty "ma," cùng vô số những nhân viên bảo hiểm, kiểm toán và luật sư. Giới chức Úc tin rằng, hằng triệu Mỹ kim "bẩn" được dồn về đây qua các công ty ma và tín quĩ (trusts) dưới sự bảo vệ của mạng lưới luật lệ địa phương chằng chịt. Luật lệ cho phép bất cứ ai cũng có thể xách nguyên vali tiền mặt để vào chương mục ngân hàng không cần khai báo; luật lệ tuyệt đối bảo vệ sự kín đáo về tài chánh của khách hàng, và nhà nước không có cách gì tìm ra tung tích tiền bạc cũng như cá nhân giao thiệp với ngân hàng. Một ví dụ như, Dragon Bank thành lập ở Vanuatu và nằm trong một căn phòng hẹp ở tầng trệt của một khu nhà lầu nhỏ, có dự án tài trợ cao ốc 101 từng ở Jakarta, dự án viễn thông bốn tỉ Mỹ kim cũng ở Nam Dương, và dự án bất động sản 80 triệu Mỹ kim trên đảo Langkawi, Mã Lai.

Ngoài Vanuatu, những đảo quốc như Nauru, Tây Samoa, Cook Islands, Niue và Marshall Islands cũng nhảy vào các hoạt động "giặt" tiền tương tự. Trên giấy tờ, tất cả những đảo quốc nam Thái Bình Dương đều tôn trọng Tuyên Ngôn Honiara (tên thủ đô quần đảo Solomons sau hội nghị năm 1992) ngăn cấm "giặt" tiền bất hợp pháp. Thực tế, tất cả đều không có nguồn tài chánh hoặc định chế, hay thiện chí thi hành những gì đã cam kết. Ngày xưa, những quần đảo nam Thái Bình Dương là nơi dung dưỡng những đám hải tặc, giới giang hồ trên biển cả và những người truyền giáo. Ngày nay, đây là một thứ thiên đàng mới cho dân kiếm tiền "bẩn" từ tham nhũng hối lộ cho tới buôn lậu vũ khí và độc dược ma túy - và những dân chuyên "giặt" tiền, theo tờ *Far Eastern Economic Reiew.*

C. Cởi mở và dân chủ hóa: độc dược ma túy và chính trị

Theo ông Bertil Lintner, phóng viên của tờ *Far Eastern Economic Review*, cởi mở chính trị và dân chủ hóa nói chung trong vùng Đông Nam Á đã không đưa đến hành động đúng theo tinh thần "thượng tôn luật pháp." Ở nhiều nước tập tễnh dân chủ cũng như những chế độ chuyên chế, một hiện tượng oái ăm bắt đầu xuất hiện, hay có thể nói là tái xuất hiện. Nhiều xã hội và chính quyền ngày nay trông giống như chính quyền và xã hội cách đây mấy thập niên với tình trạng hỗn quân hỗn quan (cũng có thể gọi là vô luật pháp hay tự do phạm tội ác - để trục lợi) đi cùng với những cùm kẹp chính trị và chà đạp nhân quyền. Với hoàn cảnh như trên, người dân lương thiện, cần cù không được hưởng gì mấy từ tình trạng cực đoan này trong khi những phần tử lưu manh phạm pháp cùng một số lớn nhỏ người cầm quyền tha hồ tung hoành trục lực. Một ví dụ là miền Nam Việt Nam khi có nguồn bảo trợ ý thức hệ và tài chánh Hoa Kỳ và Việt Nam những năm gần đây. Ở Trung Hoa, khi chính quyền chuyên chế bắt đầu "cởi mở," nhiều khoảng trống quyền lực xuất hiện - những khoảng trống dân phạm pháp chuyên nghiệp có thể nhảy vào tung hoành dưới sự

bảo vệ của chiêu đề thượng tôn luật pháp: giới công an cảnh sát không thể tích cực lùng bắt băng đảng phạm pháp Trung Hoa hay yakuza Nhật Bản. Một khi đã vào tù, luật lệ dân chủ khiến chính quyền khó giam giữ tội nhân lâu hay sử dụng bằng chứng buộc tội, hoặc tịch thu tài sản như trước đây. Luật lệ mới nghiêng về hướng bảo vệ kẻ tội phạm tình nghi hay tội phạm thực thụ.

Giới công an cảnh sát, các viên chức quan thuế, tư pháp cùng các sĩ quan cao cấp trong quân đội như có thêm cơ hội nới rộng hoạt động tham nhũng hủ hóa. Nhân viên quan thuế Trung Hoa không còn thi hành luật lệ kiểm soát hàng hóa nhập cảnh vì chủ trương tự do mậu dịch mới, và giới buôn lậu đương nhiên lợi dụng tình trạng cởi mở này tới mức tối đa. Báo cáo năm 1997 của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, International Narcotics Control Strategy Report, đã đưa đến kết luận rằng, "tham nhũng hủ hóa đã lan đến tận mọi cấp bậc trong giới cảnh sát công an và quân đội."

Dĩ nhiên tham nhũng hủ hóa không phải là độc quyền của chính quyền chuyên chế. Tham nhũng hủ hóa thường bắt đầu và lớn mạnh gấp bội ở các nước "dân chủ" hơn. Giới làm chính trị ở các nước Đông Nam Á cởi mở hơn cũng cần tiền không kém gì giới chính trị ở Mỹ Châu La Tinh hoặc Hoa Kỳ. Tiền là dòng sữa mẹ cho hoạt động chính trị "dân chủ" ở Nhật, Nam Hàn, Đài Loan, Thái và Mã Lai Á - và những tổ hợp tội ác là những người đóng góp vào quỹ chính trị hồ hởi hơn ai hết.

Giới tổ hợp tội ác Á Châu rất có kinh nghiệm về tham nhũng hủ hóa. Giới này rất ngạc nhiên khi chứng kiến tổ hợp độc dược ma túy hàng đầu Medellin giết hại 250 quan tòa và cả Bộ trưởng Tư pháp ở Colombia (vì những người này dám truy tố và giam giữ "thành viên" Medellin) để rồi bị triệt hạ bởi chính quyền thối nát. Ở Châu Á cũng như ở Hoa Kỳ và nhiều nơi khác, câu trả lời cho bài toán tiền bạc và chính trị rất là rõ rệt: đâu cần gì phải đụng độ với giới chức có quyền khi mà tiền có thể mua được sự bảo vệ của giới nắm quyền chính trị.

Ở Á Châu, dịch vụ buôn lậu nhiều khi trùng hợp với tham gia trực tiếp vào chính trị. Ảnh hưởng của tiền bạc độc dược ma túy vào chính trị ở Thái là thí dụ điển hình: quốc hội ở đây đã không chịu làm luật kiểm soát chặt chẽ hoạt động "giặt" tiền độc dược ma túy hơn mặc dù Hoa Kỳ liên tiếp làm áp lực. Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đã phải than là, "Hệ thống ngân hàng tân tiến cùng một hệ thống định chế tài chánh bán hợp pháp ở đây cung ứng môi trường thuận lợi cho giới giặt tiền," theo ông James Shinn.

Khi Chiến Tranh Lạnh chấm dứt, hòa bình thịnh vượng không trở lại Châu Á như Tây Âu sau Thế Chiến Thứ Hai; điển hình nhất là hai nước Miến Điện và Cao Mên, với chiến tranh, nghèo đói kéo dài cùng với tham nhũng, hủ hóa bên cạnh hoạt động và tiền bạc ma túy gia tăng.

Ở Miến, chính quyền quân nhân đảo chánh bất chính, gọi là Hội đồng Hòa bình và Phát triển Quốc gia (State Peace and Development Council), vẫn nhì nhằng trong một cuộc nội chiến kéo dài cả thập niên với các nhóm thiểu số Quân đội Mong Tai, Quân đội Quốc gia Shan, Quân đội Kachin và Liên hiệp Quốc gia Dân chủ Myanmar chiếm đóng các tỉnh đông bắc Miến - cả trăm ngàn người trang bị tối tân với vũ khí tự động và hỏa tiễn SAM-7. Tiền sản xuất và buôn lậu độc dược ma túy tài trợ và trang bị cho cả trăm ngàn người ly khai nay tiếp tục cuộc chiến trong khi nhóm Hội đồng cầm quyền quá yếu đuối, quá bất chính và quá tham nhũng không làm gì nổi.

Trung Hoa ủng hộ Hội đồng quân đội đảo chánh/bất chánh Miến vì lý do địa dư chính trị. Miến là cửa ngõ quân sự cho Trung Hoa ra Ấn Độ Dương trong chiến lược quân bằng thế lực với nhóm các nước Đông Nam Á (ASEAN - Association of Southeast Asian Nations) ở ngay phía nam Trung Hoa. Các nước ASEAN, dù có nhột nhạt với giới quân sự và những hoạt động ma túy ở Miến, cũng mở rộng cánh tay đón nhận Hội đồng với hy vọng ngăn chặn ảnh hưởng Trung Hoa ở Đông Nam Á.

Hoa Kỳ thì băn khoăn không dám công khai ủng hộ Hội đồng (làm dụng cụ chống lại hoạt động độc dược ma túy tận gốc Tam Giác Vàng) vì vết nhơ ủng hộ những "lãnh tụ" độc tài phản dân chủ, hay giới quân sự bất chính trước đây ở nhiều nơi trên thế giới đi ngược lại chiêu đề dân chủ tự do. Lý do rõ rệt hơn là vì Hội đồng đã giam giữ tại gia lãnh tụ đối lập dân chủ, bà Aung San Suu Kyi, người được giải Nobel Hòa Bình cách đây không lâu. Các viên chức cao cấp ở Hoa Thịnh Đốn luôn luôn phải đương đầu với bi kịch chọn lựa. Giới quân sự ác ôn cầm quyền hay các nhóm ly khai

buôn lậu độc dược ma túy? Đứng về phe bảo vệ nhân quyền và tự do dân chủ ở Miến hay ngăn chặn nguồn heroin vào các thành phố tiêu thụ ở Hoa Kỳ?

Trung Hoa vẫn giữ vai trò chính trong các vấn đề liên quan đến độc dược ma túy vì, kích thước địa dư rộng lớn và những xáo trộn chính trị phát nguồn từ nỗ lực chuyển mình từ chế độ chuyên chế "cứng" sang "mềm." Từ lúc đảng Cộng Sản lên nắm quyền năm 1949, đảng luôn luôn giữ lập trường chống ma túy kịch liệt, khởi đầu với chiến dịch giải độc cho hơn 20 triệu người nghiện ngập đầu thập niên 1950. Ngày nay, Bắc Kinh lo ngại ngày đêm về bệnh dịch heroin và những bất ổn gia tăng ở các tỉnh miền nam. Phát triển kinh tế từ 1978 dựa trên phân tán quyền hành, nhất là tới các tỉnh duyên hải miền nam, đưa đến hiện tượng "công ty địa phương" - tổng hợp những quyền lợi chồng chéo giữa bộ máy nhà nước địa phương, giới hành chánh địa phương và cả bộ phận công an địa phương. Những công ty này thực sự trở thành "nhà nước" ở phần lớn Trung Hoa và tạo dựng môi trường tốt đẹp cho hoạt động phạm pháp và độc dược ma túy. Bắc Kinh khó có thể ngăn chặn hoạt động độc dược ma túy với "bàn tay sắt." Lý do chính là ngoài các "công ty" nói trên "bàn tay" cũng khó mà tin được. Những thành phần hủ hóa trong guồng máy công an và Quân đội Nhân dân đều có liên hệ mật thiết với hoạt động buôn bán độc dược ma túy. Chính sách nới rộng hoạt động của Quân đội Nhân dân trong lãnh vực tư tạo cơ hội cho nhiều sĩ quan làm tiền nhanh và mạnh qua các hoạt động sản xuất và phân phối độc dược ma túy. Giới lãnh đạo đảng cần sự ủng hộ của giới quân sự để củng cố thế lực chính trị thường quay mặt làm ngơ. Kết quả là, dù những tội ác tép riu lâu lâu có bị giam giữ và xử tử giới làm ăn cao cấp vẫn không mảy may rúng động.

Giữa Hoa Kỳ và các nước kể trên thiếu hẳn căn bản pháp lý và định chế giúp cho hợp tác hữu hiệu trong việc ngăn cản và chống đối hoạt độc độc dược ma túy. Hoa Kỳ không có thỏa thuận dẫn độ tội phạm với nhiều nước trong vùng như Miến và Nam Dương. Thỏa thuận dẫn độ với Thái Lan thường không đưa đến kết quả dẫn độ tội phạm sang Hoa Kỳ để xử án. Ngược lại tòa án Hoa Kỳ cũng không hồ hởi trong việc dẫn độ công dân Hoa Kỳ tình nghi phạm pháp vào tay cảnh sát công an Á Châu!

Thay lời kết

Bên này Thái Bình Dương: Đầu tháng Tám năm 2000, 83 huấn luyện viên thuộc Lực lượng Đặc biệt Hoa Kỳ lặng lẽ đến thành phố Florencia thuộc Colombia để mở màn huấn luyện cho tiểu đoàn thứ nhì ở nước này nhằm ngăn chặn độc dược ma túy. Đây chỉ là một phần trong nỗ lực mới gồm 1.3 tỉ Mỹ kim viện trợ: hai phần ba số tiền này dành cho Colombia với mục đích huấn luyện, trang bị gồm cả 46 trực thăng, cải thiện chính quyền, hệ thống tư pháp, bảo vệ nhân quyền và phát triển kinh tế. Một phần ba còn lại sẽ dùng cho nỗ lực toàn vùng như trùng tu phi trường cho máy bay trinh sát dễ hoạt động hơn và cải thiện lực lượng cảnh sát công an nói chung.

Sở dĩ phải dùng đến lực lượng quân sự ở đây, theo tờ *Los Angeles Times*, là vì cảnh sát công an dân sự không đủ sức đương đầu với các hoạt động sản xuất, di chuyển và phân phối độc dược ma túy có tầm vóc quốc tế nằm trong tay các "tổ hợp" tư nhân (như tổ hợp ở hai thành phố Medellin và Cali không cách Florencia bao xa), những nhóm du kích tả phái cùng lực lượng bán quân sự hữu phái. Tiểu đoàn thứ nhì nói trên gồm 780 người, và những người thuộc tiểu đoàn thứ ba trong tương lai gần, được chọn lựa kỹ lưỡng gắt gao dựa trên tiêu chuẩn thành tích về nhân quyền và liên hệ có thể có với kỹ nghệ độc dược ma túy. Bộ Quốc Phòng Colombia điều khiển điều tra phỏng vấn đợt đầu với Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ sẽ duyệt lại danh sách ứng viên thêm một lần nữa cũng dựa trên nhân quyền và liên hệ độc dược ma túy. Tiểu đoàn thứ nhất đã hoạt động từ cuối năm 1999 và tiểu đoàn thứ nhì bắt đầu huấn luyện vào tháng Chín năm nay.

Một góc Đông Nam Á: Tỉnh Sơn La ở vùng thượng du bắc Việt Nam, một nước xã hội chủ nghĩa một phần tư thế kỷ nay, theo bản tin của nhật báo *Người Việt* đầu tháng Tám năm nay, Sơn La có đến gần mười phần trăm dân số nghiện thuốc phiện. Diện tích trồng cây thuốc phiện, hay trồng trở lại sau khi bị triệt phá giữa thập niên vừa qua, bắt đầu gia tăng, nhất là ở vùng có địa hình hiểm trở giáp ranh giới Việt-Lào. Sơn La không chỉ sản xuất độc dược ma túy "đồi dào," nhiều nguồn độc dược ma túy mới đã lập đầu cầu đi vào giới nghiện ngập ở tỉnh này.

ĐƠN VỊ, TRỌNG LƯỢNG VÀ KIM LOẠI CỦA TIỀN ĐỒNG, TIỀN KẼM CỦA VIỆT NAM

LỤC ĐỨC THUẬN

Theo tục truyền thì nước Việt đã có từ bốn nghìn năm về trước, trải qua 18 đời vua Hùng với quốc hiệu Văn Lang cho đến gần 300 năm trước Công Nguyên lại mất vào tay An Dương Vương đổi quốc hiệu là Âu Lạc. Trong thời dựng nước xa xưa này, Việt Nam đã từ hình thức nhiều bộ tộc sống chung cộng đồng tiến đến hình thức một quốc gia với nhiều giai cấp được hình thành. Có dân giả, có Lạc tướng, Lạc hầu, và ngay cả có nô lệ qua câu chuyện truyền thuyết của An Tiêm và quả dưa hấu. Sự thặng dư về sản vật do năng suất làm việc được cải tiến đã nẩy sinh ra giai cấp, cho dù sự giàu nghèo chưa cách biệt quá nhiều như ngày nay, và sinh ra vấn đề trao đổi hoá vật với nhau. Vật dư đổi lấy vật cần dùng như thực phẩm đổi lấy vải vóc hoặc dụng cụ săn bắn, nông cụ; rồi đi đến vật dư đổi lấy vật trang sức hoặc vật có giá trị để có thể hoàn phục giá trị sau này như thực phẩm đổi lấy vỏ ốc, đồi mồi.

Theo lịch sử tiền tệ của Á châu, vỏ ốc đã được dùng ở nhiều nơi như một vật có giá trị để hoàn lại giá trị món hàng đã được trao đổi. Tuy nhiên ở Việt Nam cho đến ngày nay, khảo cổ học vẫn chưa tìm thấy vỏ ốc dùng như tiền tệ trong một di chỉ khảo cổ nào. Nhưng ở Trung Quốc, người ta đã tìm thấy nhiều vỏ ốc dùng như tiền tệ trong những di chỉ khảo cổ. Qua những di vật như giáp cốt, mai rùa có ghi khắc chữ cổ hình vỏ ốc, cổ tiền học gia của Trung Quốc đã khẳng định vỏ ốc được dùng làm vật trao đổi từ trước nhà Hạ, vào 2000 năm trước Công nguyên. Sự đổi chác dần đường mau chóng đến việc mua bán thương mại ở Trung Quốc. Tuy nhiên những phương tiện trao đổi như vỏ ốc, vải vóc, lúa mì, rượu lễ, kim loại có quá nhiều điều bất tiện trong việc mua bán để nảy sinh dần đến hình thức tiền tệ tiện lợi hơn. Tiến trình tiền tệ của Trung Quốc từ vỏ ốc đúc bằng đồng, lần đến đao tiền, bố tiền, tiền mặt quỷ, hoàn tiền của những thời nhà Chu, thời Xuân Thu và Chiến Quốc cho thấy việc thương mãi ở Trung Quốc tiến một bước dài.

Từ năm 220 trước Công nguyên cho đến thế kỷ thứ mười, đất nước Việt Nam đắm chìm dưới ách đô hộ của người Trung Hoa suốt hơn một ngàn năm. Bộ tộc Âu Lạc đã biết đến ách ngoại xâm từ khi An Dương Vương thần phục nhà Tần, để rồi lãnh thổ bị mất vào tay của quan úy Triệu Đà qua huyền thoại Trọng Thủy Mỵ Châu và chiếc nỏ thần. Họ Triệu là quan lại của nhà Tần, nhân dịp nhà Tần mất nước mà chiếm vùng Lưỡng Quảng và một phần Bắc Việt thành lập nước Nam Việt. Tuy nhiên, ách đô hộ của Trung Quốc thật sự bạo tàn từ khi họ Triệu suy sụp dưới thời Đông Hán, trải qua những triều đại Ngô, Tấn, Tùy, Đường và cuối cùng đến nhà Nam Hán mà Ngô Quyền với trận chiến thắng ở sông Bạch Đằng đã cởi cái ách Bắc thuộc để mở đường cho các triều đại độc lập Đinh, Lê, Lý sau này.

Vào thuở xa xưa trước thời Bắc Thuộc, Việt nam chưa có tiền tệ và có lẽ đồng tiền cũng không phải là một phương tiện thông dụng trong dân gian, cho dù Trung Quốc đã có tiền tệ trước ngày Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Quốc. Ở Giao Chỉ, có lẽ những giao dịch vào thời nhà Tần chỉ có tính chất đổi chác hơn là mua bán. Điều này có thể được khẳng định, theo tác giả Francois Thierry, rằng các nhà khảo cổ Trung Quốc cũng chưa bao giờ tìm thấy đao tiền và bố tiền của thời Xuân Thu, Chiến Quốc trong khu vực miền Nam của Trung Quốc. Loại tiền này chỉ lưu hành

trong phạm vi sông Hoàng Hà ở miền Bắc Trung Quốc.

Cuối thời Chiến Quốc, Tần Thủy Hoàng tóm thu Lục Quốc và thống nhất Trung Hoa, cũng như thống nhất hóa hệ thống tiền tệ của quốc gia này. Đồng tiền tròn Bán Lạng bằng đồng thay thế tất cả các loại tiền có từ trước. Đồng tiền Bán Lạng dựa trên đơn vị căn bản là "một lạng bằng 24 thù." Tiền Bán Lạng được đúc bằng khuôn đất sét, đập vỡ khuôn mới lấy được tiền cho nên không có đồng nào giống nhau về hình thức cũng như trọng lượng. Các nhà khảo cứu về tiền Trung Quốc đã lấy trọng lượng trung bình của một số tiền Bán Lạng mà cho rằng "mỗi thù nặng 0.646 gram, vị chi một lạng nặng 15.504 gram, bán lạng nặng 7.752 gram." Nhà nghiên cứu cổ tiền Á châu Bruce Smith dựa trên trọng lượng của những đồng tiền khai quật trong cổ mộ đời Tần trên lãnh thổ Trung Quốc cũng cho rằng "trọng lượng 1 lạng của Tần phải nhỏ hơn 20 gram," nghĩa là đồng Lạng đời Tần phải nhỏ hơn 10 gram.

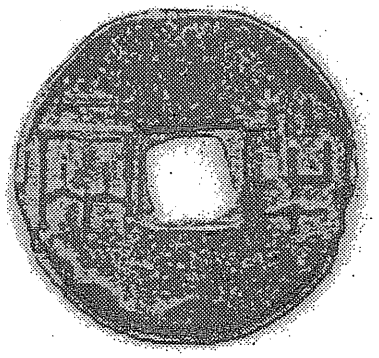

Tiền Bán Lạng
31.5 mm / 15.9 gram

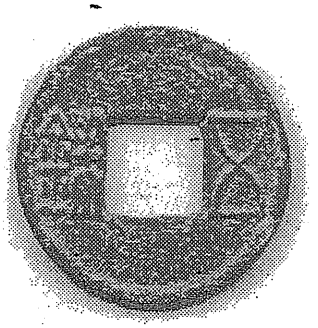

Tiền Ngũ Thù
25.5 mm / 3.6 gram

Nhà Tần mất vào tay Hán Cao Tổ, tiền Bán Lạng vẫn được triều đình Tây Hán và cho phép cả dân gian đúc để tiêu dùng. Khởi đầu, trọng lượng đồng Bán Lạng được giữ theo quy củ của nhà Tần là 12 thù, dần dần vì giặc giã loạn lạc mà trọng lượng được giảm xuống 8 thù rồi 5 thù, 4 thù, 3 thù nhưng chữ đúc vẫn là Bán Lạng. Đó là thời nhà Tây Hán suy vong để Vương Mãng chiếm đoạt chính lệnh, rồi nhà Đông Hán phục hưng được một thời gian nhưng cũng rơi vào cảnh chia ba Tam Quốc. Thứ tiền Bán Lạng to nặng 12 thù của nhà Tần và đầu nhà Tây Hán rất hiếm tìm thấy trong các cổ mộ của người Trung Quốc ở Việt Nam. Theo nhà sưu tập Lê Hoàn Hưng, anh chưa hề tìm thấy tiền Bán Lạng to ở Việt Nam. Trong nhiều năm sưu tập, chỉ có hai đồng Bán Lạng thứ nhỏ sau này của nhà Tây Hán mà anh tìm gặp trong một lô tiền hiếm hoi gồm toàn tiền Ngũ Thù ở Việt Nam.

Khi nhà Tây Hán đúc chữ Ngũ Thù trên đồng tiền 5 thù, họ đã khai sinh ra một loại tiền mới với trọng lượng khoảng 3 đến 4 gram. Lịch sử tiền tệ của Trung Quốc có những đao tiền nặng đến 40 gram, cũng như những đồng Ngũ Thù nặng dưới 1 gram; tuy nhiên đồng Ngũ Thù vẫn là một đồng tiền thông dụng nhất trong suốt nhiều triều đại từ Tây Hán, Đông Hán, Tấn, Nam Bắc triều đến nhà Tùy, trải qua nhiều thế kỷ ở Trung Quốc vì có một trọng lượng thích hợp. Ngay cả đồng tiền Thông Bảo về sau của nhà Đường, của Việt Nam cũng áp dụng theo trọng lượng thích hợp của đồng Ngũ Thù. Cuối đời Tam Quốc, Tư Mã Ý chiếm đoạt ngôi vua của nhà Ngụy thành lập nhà Tấn được một thời gian ngắn, rồi đất nước Trung Hoa lại lâm vào cảnh chia năm xẻ bảy qua giai đoạn Nam Bắc Triều. Trong những thời chiến tranh đại loạn, đời sống người dân Trung Quốc cũng khốn khổ, đầy chết chóc như tình cảnh bị bốc lột của người dân Bắc thuộc. Trọng lượng của đồng tiền Ngũ Thù theo đó cũng thăng trầm tùy theo nền kinh tế của từng thời.

Trong các cuộc khai quật cổ mộ của người Hán ở miền Bắc nước Việt, các nhà khảo cổ phần nhiều chỉ tìm thấy tiền Ngũ Thù đúc vào thời Hán trở về sau chôn cất theo những vật tùy thân của người đã mất, chứ không tìm thấy các loại tiền này rải rác trên mặt đất. Ngoài ra, một số tiền của thời Vương Mãng như tiền Đại Tuyền Ngũ Thập, Hoá Tuyền, Trị Bách Ngũ Thù cũng được tìm thấy trong những di chỉ khảo cổ trên đất Việt. Các loại tiền hiếm có hơn của các triều đại thống trị khác như loại tiền Thế Bình, Thái Bình, Định Bình đúc trước khi Tôn Quyền xưng vương, tiền Tứ Thù của nhà Nam Tống sau này lại càng hoàn toàn không tìm thấy trên lãnh thổ Bắc Việt. Nhà sưu tập Lê Hoàn Hưng cho biết trong một ký tiền Ngũ Thù tìm thấy ở Việt Nam, tỷ lệ tiền Hoá Tuyền, Đại Tuyền có thể tìm thấy là một

vài ba đồng tiền loại này. Ba ngôi cổ mộ đã được khai quật ở vùng Vân Đồn, tỉnh Hải Ninh ngày nay, mà tác giả Đỗ Văn Ninh ghi nhận có 1645 đồng tiền, đa số là Ngũ Thù và chỉ vài đồng Hoá Tuyền của Vương Mãng trong ngôi mộ. Và người nằm trong cổ mộ đã giữ chức vụ đến hàng Tam Công của triều Tây Hán. Điều này đã trùng hợp với giả thuyết của Robert Wicks đề nghị rằng hầu hết giao thương lúc đó dựa vào trao đổi hàng hóa chứ không có tính cách mua bán, còn tiền bạc chẳng qua là do quan lính Trung Quốc đồn trú tiêu dùng khi mua hàng hóa của dân địa phương mà thôi. Tác giả Thành Thế Vỹ dè dặt hơn khi đặt nghi vấn về những tiền Ngũ Thù

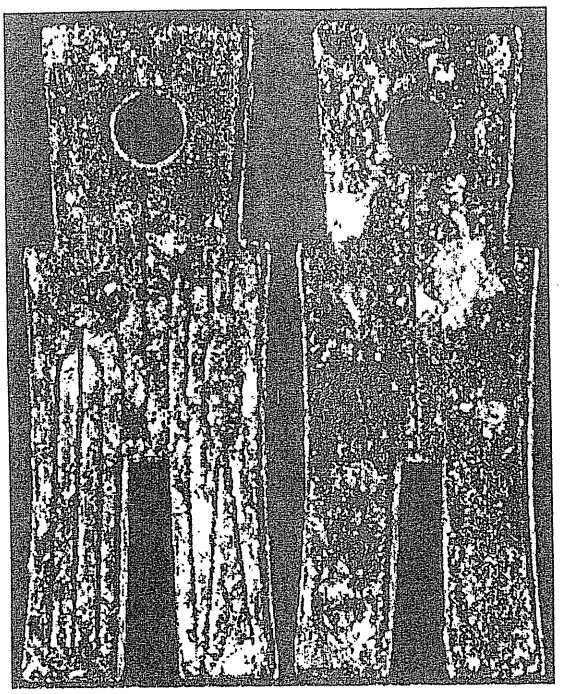

Bố Tuyền của Vương Mãng.
16,6 gram / 58,70 mm

này có thể dùng trong việc mua bán giữa Hoa Việt, hoặc cũng có thể chỉ là những tặng thưởng của vua quan Trung Quốc cho người nằm trong ngôi mộ. Trong khuôn khổ đề tài về đơn vị và trọng lượng của đồng tiền, chúng tôi sẽ trình bày chi tiết hơn về tiền tệ của Trung Quốc ở Việt Nam trong thời Bắc thuộc vào một dịp khác.

Đến năm 617, sau khi vua Tùy Dạng Đế bị thắt cổ chết, Lý Uyên ép cháu nội của Dạng Đế thoái vị rồi lên ngôi, sáng lập nhà Đường, lấy hiệu là Đường Cao Tổ. Thái thú Giao Châu của nhà Tùy bấy giờ là Khâu Hoà lại hàng phục nhà Đường. Nước Việt tiếp tục đắm chìm trong vòng đô hộ của chế độ phong kiến mới, bóc lột hà khắc hơn. Vua Đường Cao Tổ bãi bỏ tất cả những tiền Ngũ Thù đời trước, thay bằng tiền Khai Nguyên thông bảo, loại tiền "thông bảo" đầu tiên trong lịch sử tiền tệ Trung Quốc. Tiền Khai Nguyên tìm thấy nhiều trên đất Việt, ngay cả những khuôn đúc tiền, cho thấy nhà Đường không những mang tiền sang xứ ta tiêu dùng, mà còn đúc tiền ngay trên đất Việt. Lập luận nhà Đường đúc tiền trên xứ ta đã không được tác giả Tạ Chí Đại Trường chấp nhận, dù là khảo cổ đã tìm được những khuôn tiền đá Khai Nguyên, Nguyên Phong, Hi Ninh và Chí Đạo ở núi Voi, vùng Bắc Thái. Lý lẽ chính yếu của ông là vì có khuôn tiền đá Nguyên Phong, niên hiệu này chỉ có từ năm 1077, nên những khuôn tiền Khai Nguyên đó không thể xem như dùng đúc tiền vào đời nhà Đường (608-916).

Sử thần trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư nhắc đến tiền lần đầu tiên ở đất Việt khi thuật chuyện Vương Thức làm Giao Châu kinh lược Đô Hộ Sứ vào mùa thu năm Mậu Dần [858] đời Đường Đại Trung thứ 12, đã nói "Bấy giờ đói kém loạn lạc liên tiếp, sáu năm không nạp thượng cung" (thượng cung là tiền, lụa nộp sang Kinh sư để cho vua [Đường] chi dùng). Sử nhà Đường còn thừa nhận là "bọn quan lại ở An nam đánh thuế rất nặng. *Riêng thuế muối và sắt hằng năm ở Lĩnh Nam đã lên tới 40 vạn quan tiền.*" Điều này xác nhận dân Việt đã sử dụng tiền vào thời Đường khi đóng sưu thuế. Nhất là vào năm 821, nhà Đường ra lệnh tất cả những sưu thuế phải được thu bằng tiền đồng. Điều này đã gây khó khăn cho vùng Lĩnh Nam, vì dân chúng ở đấy quen dùng vàng, bạc và quế như là phương tiện trao đổi, hơn là xử dụng tiền.

Sử liệu của nhà Đường đã cho thấy có nhiều tiêu chuẩn về đo lường, chính thức cũng như không chính thức, đã được dùng ở Trung Quốc. Khởi từ đời Tần, Tần Thủy Hoàng đã cố gắng tiêu chuẩn hóa đơn vị đo lường ở Trung Quốc, nhưng mãi cho đến tận đời nhà Thanh, đơn vị cân đo của Trung Quốc vẫn có vô số tiêu chuẩn, không những tùy địa phương mà còn tùy vào phẩm vật cần đo trọng lượng. Một lạng chính thức của nhà Đường tương đương vào khoảng 40 gram hiện tại. Tuy nhiên trong dân gian lúc đó vẫn xử dụng một loại lạng chỉ nặng bằng 1/3 trọng lượng của một lạng chính thức. Có lẽ 1 lạng = 15,504 gram

nói trên là thứ lạng này chăng? Tác giả Bửu Sao cho biết chi tiết như sau, một lạng vào thời Đông Hán nặng 14,390 gram và một lạng vào thời Đường, mà vua Lê Thánh Tôn áp dụng vào hệ thống đo lường của Đại Việt, cân nặng 41 gram. Thật sự, đơn vị "lạng" tương đương với đơn vị Tây Phương "gram" rất thay đổi tùy vào trọng lượng của lô tiền để tính toán đổi ra lạng tương đương; bởi do những đồng tiền ngày xưa không có một tiêu chuẩn đúc nhất định, có đồng dầy, có đồng mỏng, nặng nhẹ khác nhau. Trọng lượng của hai lô tiền có thể cho thấy hai kết quả trung bình khác nhau. Nhưng chắc chắn rằng, một lạng từ đời Đường đã có trọng lượng khoảng gấp ba lần một lạng thời trước đó. Theo tác giả Wu Ro, trong *History of Chinese Measurement System*, ông cho thấy trọng lượng tương đương của một lạng tính theo gram qua các triều đại như sau:

Đời nhà Chu 14.929 gram
Đời nhà Tần 16.140 gram
Đời Vương Mãng 13.675 gram
Đời nhà Đường 37.301 gram

Chúng tôi không thấy sử sách nào nói đến giá trị so giữa tiền Khai Nguyên với tiền Ngũ Thù, đồng tiền bị thay thế bởi nhà Đường. Tuy nhiên dựa vào hiện vật, ta thấy trọng lượng của tiền Khai Nguyên cũng không sai biệt hơn tiền Ngũ Thù cho lắm, nên không một nhà khảo cứu nào nghĩ rằng có sự khác biệt giữa tiền cũ và tiền loại "thông bảo" mới này. Tiền Khai Nguyên của nhà Đường nặng trung bình 3.1 gram, nhưng có đồng nặng đến 3.42 gram hoặc chỉ có 2.51 gram.

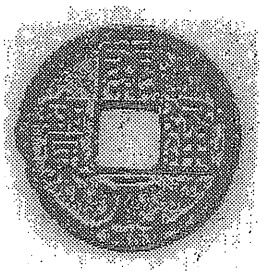

Khai Nguyên thông bảo
(tiền nhà Đường)

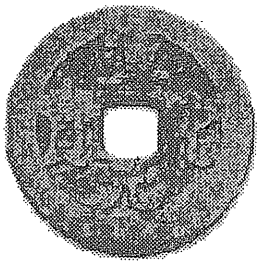

Thuần Hóa nguyên bảo
(tiền nhà Tống)

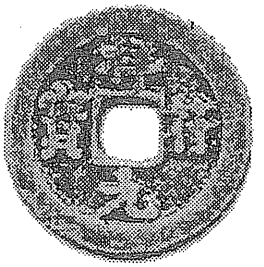

Tường Phù nguyên bảo
(tiền nhà Tống)

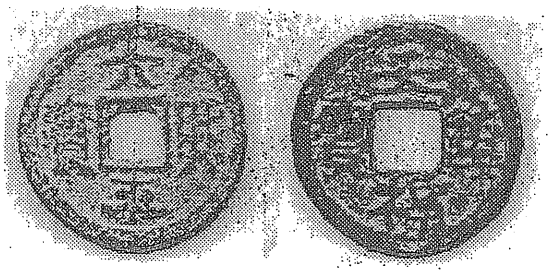

Thái Bình Hưng Bảo
(nhà Đinh)

Thiên Phúc Trấn Bảo
(nhà Tiền Lê)

Thời kỳ dựng nước: triều Đinh-Tiền Lê-Lý

Đến hơn 350 năm sau, vua Đinh Tiên Hoàng (968-1054) dẹp tan loạn 12 sứ quân, lên ngôi đế và sáng lập nhà Đinh. Vua đóng đô ở Hoa Lư, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt và đúc tiền "Thái Bình Hưng Bảo," tiền đồng đầu tiên trong lịch sử tiền tệ của Việt Nam, khai phá một kỷ nguyên độc lập tự chủ, thoát khỏi ách đô hộ của Trung Quốc. Vua của các đời Lê, Lý, Trần về sau vẫn đúc tiền Việt, nhưng có lẽ không đủ cung cấp, cũng như phải giao thương buôn bán với phương Bắc, mà dân Việt dùng thêm tiền của Trung Quốc như tiền Khai Nguyên của Đường, Thuần Hóa và Tường Phù của Tống.

Giá trị so sánh giữa tiền Việt và tiền Hoa

thời đó như thế nào, sử Việt không nói đến. Có thể trên đất Việt, một đồng Thái Bình Hưng Bảo hay một đồng Thiên Phúc Trấn Bảo trao đổi ngang với một đồng Khai Nguyên hay Tường Phù?

Tuy nhiên, trên lãnh thổ Trung Quốc, ta biết chắc rằng đơn vị tiền tệ của tiền Việt và tiền Hoa không được xem tương tự, nhờ dựa vào lời than phiền của người Tống lúc đó, trong *Vân Đài Loại Ngữ* dẫn sách *Tống Hội Yếu* "Quan Bí Thư thừa là Chu Chính Thần nói: Lúc trước làm thông phán ở Quảng Châu thấy khách thương phiên trấn thường sang Giao Châu buôn bán đem thứ tiền chữ Lê và tiền sa lạp đến Quảng Châu, làm rối loạn phép tiền tệ của Trung Quốc." *Đấy là thứ tiền mà nhà Tiền Lê nước ta đã đúc ra, bề mặt đồng tiền ấy có chữ Thiên Phúc Trấn Bảo, bề lưng có chữ Lê. Đồng tiền này nay vẫn còn, nhưng ít thấy.*

Nhà Trần với đơn vị tiền tệ đầu tiên

Đơn vị tiền tệ của Việt Nam thời Đinh, Lê và Lý ra sao, không thấy sử Việt nói đến. Sử thần Ngô Sĩ Liên, trong Đại Việt Sử ký Toàn thư, thuật chuyện từ thời Hùng Vương lập nước cả nghìn năm về trước, nhưng mãi cho đến đời vua Trần Thái Tông (1225-1258), mới nói đến đơn vị tiền tệ của nước Việt lần đầu. Có lẽ vì quan niệm của sử thần ngày xưa, khi viết sử, không chú trọng nhiều đến những vấn đề kinh tế như thương mãi, tiền tệ; hoặc vì quan niệm "trọng nông ức thương" không xem trọng giới thương nhân mua bán chăng? Hoặc có thể cũng vì đến đời Trần Thái tông, nhà vua sai Học Sĩ Lê Văn Hưu soạn Đại Việt Sử Ký lần đầu tiên, từ thời Triệu Vũ Đế tới thời Lý Chiêu Hoàng, mà sử thần sau này ra sức chép thêm nhiều chi tiết về đời vua Trần Thái Tông chăng? Sử thần biên "Bính Tuất, Kiến Trung thứ hai [1226], xuống chiếu cho dân gian dùng tiền tỉnh bách, mỗi tiền là 69 đồng. *Tiền nộp cho nhà nước, tiền thượng cung, thì mỗi tiền là 70 đồng.*" Như thế tiền dùng trong dân gian 1 quan = 10 tiền = 690 đồng, nhưng khi người dân nạp sưu thuế, phải theo hệ thống 1 quan = 10 tiền = 700 đồng. *An Nam Chí Lược do hàng thần Lê Tắc của nhà Nguyên biên soạn cũng nói "Mua bán giao dịch dùng tiền thời Đường, Tống, 70 văn làm một tiền, 700 văn làm một quan."*

Ở Trung Quốc từ ngàn xưa, tiêu chuẩn 1 lạng bạc = 1 quan = 1000 đồng là cơ bản của hệ thống đơn vị tiền tệ và tỷ giá giữa bạc và đồng trong mọi thời đại. Tuy vậy triều đình nhiều lần vẫn cố gắng kiểm soát tỷ giá này bằng cách ấn định theo luật lệ của từng triều đại. Lệ bớt tiền là một trong những áp dụng để đánh thấp giá trị của kim loại bạc xuống. Sách *Vân Đài Loại Ngữ* dẫn sách *Quy Điền Lục* của Âu Dương Tu đã cho biết Trung Quốc áp dụng thứ tiền tỉnh bách này từ thời Ngũ Đại như sau "Phép rút tiền từ đời Ngũ Đại về sau, cứ 77 đồng làm 100, gọi là tỉnh mạch (tiền rút bớt đi)." Trên thực tế không hẳn như vậy, giá trị của đồng tiền và tỷ giá bạc đồng vẫn trồi sụt theo mức cung cầu của hai thứ kim loại này trên thị trường vào thời điểm đó, chứ không lệ thuộc hẳn vào trị giá ấn định của triều đình. Ở nước Nam ta, từ thời nhà Đinh đến thời nhà Nguyễn, hầu như mọi lúc đều xử dụng phép dùng tiền theo lối "tỉnh mạch" này. Tỷ giá 1 quan ăn 700 đồng là tỷ giá cao nhất trong lịch sử tiền tệ của Việt Nam. Có lẽ vì tỷ giá sai biệt giữa đơn vị tiền tệ của hai nước, mà Chu Chính Thần thời Tống đã than phiền ở trên "tiền chữ Lê làm rối loạn phép tiền tệ của Trung Quốc?"

Tuy nhiên tỷ giá 1 quan ăn 700 hay 690 đồng cũng không hẳn là cố định trong mọi trường hợp. Theo Paul Pelliot thuật về Vương Đại Nguyên rằng dân chúng ở Giao Chỉ vào năm 1350 đã dùng 67 đồng thay vì giá chính thức 70 đồng để trao đổi một lạng Trung Thống Ngân Hóa, là thứ tiền giấy dựa trên ngân bản vị của nhà Nguyên lưu hành từ thời vua Nguyên Hốt Tất Liệt. Theo Pelliot, một lạng bạc tiền giấy của nhà Nguyên chỉ giá trị ngang với 1/10 của một lạng bạc thật, cho nên 670 đồng của Đại Việt, nghĩa là 1 quan, tương đương 1 lạng bạc thật là điều hữu lý.

Kim loại dùng để đúc tiền Việt từ nhà Đinh là một hợp kim có kim loại đồng là thành phần chính, tuy nhiên đến thế kỷ 14, vua nhà Trần lần đầu tiên đã dùng kim loại khác để đúc thử. Sử của ta ghi là "diên tiền" gọi là tiền chì, và bản dịch gọi là tiền kẽm, nhưng không rõ chính xác thành phần của hợp kim này ra sao. Sử Việt chép "Đến đời vua Trần Minh Tông, niên hiệu Đại Khánh năm thứ 10, tức năm 1323, tháng 11, vua cho đúc tiền kẽm lần đầu tiên trong nước." Tỷ giá giữa tiền này so sánh với tiền đồng thời đó ra sao, không thấy sử nói đến.

Nhưng chỉ một năm sau, tháng 12, vua lại ra lệnh cấm dùng tiền này. Đây là lần đầu

trong lịch sử tiền tệ của Việt Nam tiền kẽm được nhắc đến.

Tiền kẽm hay tiền chì, tiền thiếc? Có thể đây là thứ hợp kim thiếc, chì mà người Chiêm Thành đã biết đến trong khi giao thương với Chân Lạp vào thời đó. Và trong những lần chinh phạt Chiêm Thành trong hai đời vua Anh Tông và Minh Tông, thứ kim loại này được chú ý và thử dùng để đúc tiền? Và thuở ấy, kiến thức về kim loại chưa được rõ ràng, nên sử thần cứ gọi là "diên tiền"?

Tiền Hội Sao của nhà Hồ

Tiền giấy đã xuất hiện ở Trung Quốc từ đời vua Tống Cao Tôn, và ngay cả ở Mông Cổ như bộ lạc Nữ Chân cũng đã bắt chước nhà Tống mà phát hành tiền giấy vì trong xứ không có mỏ đồng. Đến đời nhà Nguyên, tiền giấy đã trở nên quen thuộc với người dân Trung Quốc hơn. Thậm chí có lúc triều đình nhà Nguyên cấm không cho thông hành vàng bạc và tiền đồng, mà chỉ dùng tiền giấy hoàn toàn. Marco Polo rất khâm phục về việc dùng tiền giấy ở Trung Quốc trong hồi ký của ông khi ông làm quan Thái Thú ở Hàng Châu cho triều đình nhà Nguyên vào thế kỷ 14. Ở Đại Việt, đến đời vua Trần Thuận Tông, niên hiệu Quang Thái năm thứ 9, tức năm 1396 sau Công Nguyên, Hồ Quý Ly nắm cả quyền bính trong nước, phát hành tiền giấy "thông bảo hội sao," loại tiền giấy đầu tiên trong lịch sử tiền tệ của Việt Nam. Những quy định và thể thức về tiền hội sao đều thực hiện theo lời của Thiếu bảo Vương Nhữ Chu. Theo pháp định, tiền hội sao có các đơn vị như sau :

giấy 10 đồng vẽ hình rau tảo
giấy 30 đồng vẽ hình sóng
giấy 1 tiền vẽ hình mây
giấy 2 tiền vẽ hình con rùa
giấy 3 tiền vẽ hình con lân
giấy 5 tiền vẽ hình con phụng
giấy 1 quan vẽ hình con rồng.

Trước kia, muốn có một quan, người dân phải có vài trăm đồng tiền tùy theo đơn vị quan của thời đó, chứ không có đồng tiền một quan hay một tiền. Quý Ly đã nêu lên ý niệm về tiền có đơn vị lớn lần đầu tiên trong lịch sử tiền tệ Việt nam. Tiền hội sao có hình con rồng ăn ngang bằng 10 tờ hội sao có vẽ hình mây. Và Hồ Quý Ly ra lệnh cho dân phải đổi tiền đồng ra tiền giấy, cứ một quan tiền đồng được đổi lấy 1 quan 2 tiền hội sao. Còn tất cả tiền đồng phải thu về kho của kinh thành và các xứ. Dân không được tiêu dùng trộm hay cất giữ tiền đồng, kẻ vi phạm bị trị tội như làm tiền giả, phạm nhân bị dìm dưới nước cho đến chết.

Có nhiều lý do để giải thích vì sao Hồ Quý Ly đã làm cuộc cách mạng tiền tệ này. Có thể vì ông cần xây dựng một quân đội đến 100 vạn quân mà ông từng ao ước khi hỏi các quan "Làm thế nào có được 100 vạn quân để chống giặc Bắc" và cần đồng để đúc gươm giáo? Hoặc có thể vì tiền đồng trong kho đã cạn vì hai núi Thiên Kiện và Khuẩn Mai bị lở, bít kín cửa hang đã chôn dấu tiền đồng vào thời vua Phế Đế? Nhớ lại ngày trước, khi giặc Chiêm Thành thường đốt phá, cướp bóc đến tận kinh đô, vua Phế Đế đã sai quân dân chở tiền đồng dấu trong núi. Hoặc sau cùng vì Quý Ly thật sự muốn cải cách tiền tệ, tăng số lượng tiền tệ lưu hành hầu phát triển kinh tế như ông đã từng có những thay đổi trong chính sách về ruộng đất, giáo dục, văn hoá?

Tuy nhiên Hồ Quý Ly đã thất bại trong cuộc cải cách tiền tệ này. Điều quan trọng nhất là tiền bảo sao của nhà Hồ không được bảo đảm bằng quý kim, nghĩa là có thể đổi

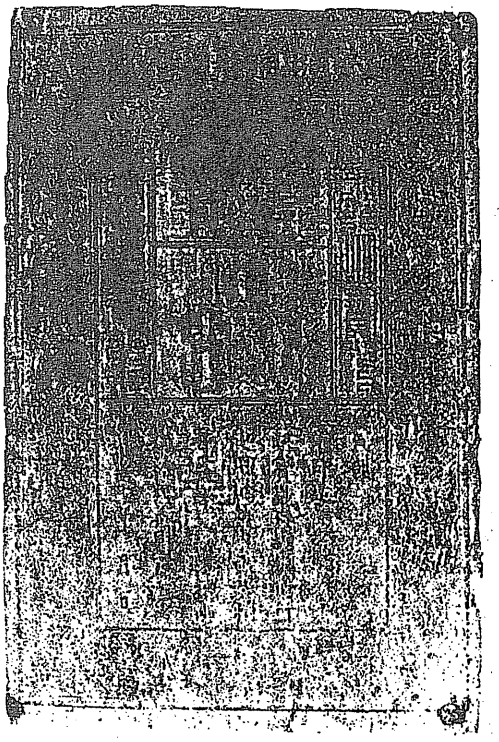

Tiền giấy Đại Minh Thông Hành Bảo Sao Nhất Quán

ngược lại ra tiền đồng hay vàng bạc. Người Trung Quốc vẫn dùng tiền đồng khi mua bán nhỏ và chỉ dùng tiền giấy khi số lượng tiền khá lớn, khiến dân chúng tin tưởng vào giá trị của tiền giấy. Chẳng trách Phan Huy Chú đã phê bình về chính sách tiền tệ của Quý Ly như sau "Giấy sao chỉ là một miếng giấy vuông chừng một thước, chỉ đáng giá năm ba đồng tiền, mà đem đổi lấy những vật giá năm, sáu trăm đồng của người ta, đã không hợp lý, mà lại làm cho người ta cất giữ, thì dễ rách nát. Kẻ làm giả mạo thì không thể bắt hết; như vậy không thể làm cho vật giá trung bình mà dân thông dụng được. Quý Ly không xét đến sự lợi hại, chỉ mộ cái hư danh là sáng tác, làm ra tiền giấy, rồi cũng úng tắc ngay, không lưu thông được, chỉ làm cho dân xốn xáo, không phải là chế độ để làm cho nước được bình trị."

Nhà Hồ cướp ngôi của nhà Trần vào tháng hai năm Canh Thìn, tức năm 1400 sau Công nguyên. Hồ Quý Ly phế bỏ vua Thiếu Đế, tự xưng là vua, lấy niên hiệu là Thánh Nguyên, đổi quốc hiệu là Đại Ngu. Nhà Minh biết việc soán nghịch của Quý Ly, rắp tâm chiếm lấy đất Việt. Năm Bính Tuất 1406, Minh Thành Tổ tiến binh đánh lấy xứ Việt, năm sau Quý Ly và con là Hán Thương đều bị quân Minh bắt được. Nước Việt mất vào tay nhà Minh. Trong thời Minh thuộc, theo sách An Nam Chí Nguyên của Trung Quốc, dân ta phải đóng sưu thuế vừa bằng tiền đồng, vừa bằng tiền bảo sao của nhà Minh. Còn tiền giấy của Quý Ly đã theo với sự sụp đổ của nhà Hồ.

Đơn vị tiền tệ vào đời Lê sơ

Sau mười năm kháng chiến chống giặc Minh xâm lăng, Bình Định Vương đã đánh bại Vương Thông, chém Liễu Thăng, các tướng Minh là Thôi Tụ và Hoàng Phúc tự trói ra hàng. Giặc ngoại xâm tan rã, xin rút binh chịu hòa. Năm 1428, Vương dành lại độc lập cho đất nước, lên ngôi, tức vua Lê Thái Tổ, đặt niên hiệu là Thuận Thiên, quốc hiệu là Đại Việt và sáng lập nhà Hậu Lê. Ngay năm đầu khi vừa lên ngôi, vua Thái Tổ cho đúc tiền Thuận Thiên. Sử ghi là tiền Thuận Thiên thông bảo, nhưng hiện vật chỉ có Thuận Thiên nguyên bảo. Vua cũng định lại đơn vị tiền tệ, lấy 50 đồng là 1 tiền, 1 quan là 500 đồng. Sách *Quảng Đông Tân Ngữ* của nhà Minh cũng chép "ở Giao Châu, người ta còn dùng tiền nhà Tống, lấy 50 đồng làm một mạch."

Đến đời vua Lê Thái Tông, vào tháng Ba, năm thứ sáu của niên hiệu Thiệu Bình, tức năm 1439 sau Công Nguyên, nhà vua ra lệnh quy định 1 quan = 10 tiền = 600 đồng. Hệ thống đơn vị tiền tệ này được dùng luôn cho đến khi nhà Nguyễn chấm dứt. Đơn vị tiền cổ này còn lưu truyền mãi trong dân gian qua những bài ca dao:

Một quan là sáu trăm đồng
Chắt chiu tháng tháng cho chồng đi thi
Chồng em cưỡi ngựa vinh quy
Hai bên có lính hầu đi dẹp đường.

hoặc qua trị giá sinh hoạt với một quan tiền tốt, ý nói là 1 quan cổ tiền = 600 đồng.

Một quan tiền tốt *mang đi*
Nàng mua những gì, nàng tính không ra
Thoạt tiên mua ba tiền gà
Tiền nữa gạo nếp với ba đồng trầu
Trở lại mua sáu đồng cau
Tiền nữa miếng thịt, giá rau mười đồng
Có gì mà tính chẳng thông
Tiền nữa gạo tẻ, sáu đồng chè tươi
Ba mươi đồng rượu chàng ơi
Ba mươi đồng mật, hai mươi đồng vàng
Hai chén nước mắm rõ ràng
Hai bảy, mười bốn kẻo chàng hồ nghi
Hai mươi mốt đồng bột nấu chè
Mười đồng nải chuối, chẵn thì một quan.

Nói chung, từ đời vua Lê Thái Tổ cho đến vua Lê Cung Hoàng, trước khi Mạc Đăng

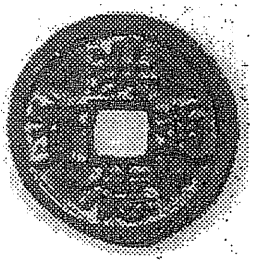
tiền Hồng Đức

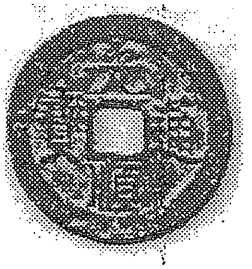
tiền Quang Thuận

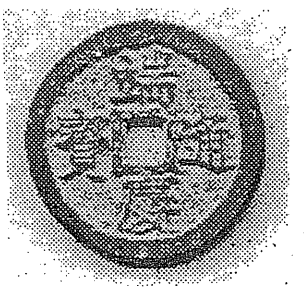
tiền Đoan Khánh

Dung soán ngôi của nhà Lê, các vua đúc tiền đều đặn. Ngoại trừ vua Lê Túc Tông, làm vua chỉ sáu tháng với niên hiệu Thái Trinh là không có đúc tiền. Tiền cổ thời Lê sơ cải tiến, đúc đầy đặn và đủ cân lượng như tiền Trung Quốc, nhất là bắt đầu từ đời vua Lê Thánh Tông với tiền Quang Thuận, Hồng Đức. Tác giả Phan Huy Chú trong Lịch Triều Hiến Chương Loại Chú đã khen ngợi rằng "Xét những kiểu tiền cổ, chỉ có tiền Khai Nguyên thông bảo của đời Đường là vừa phải hơn cả, 10 đồng tiền nặng 1 lạng, mỗi đồng tiền nặng 2 thù rưỡi, lớn nhỏ vừa phải, thật là đáng bắt chước. *Tiền cũ của nước ta thì duy có tiền Hồng Đức, Quang Thuận là gần giống như thế, còn thì thường nhẹ mỏng quá, cho nên đem ra tiêu dùng, thường hay sinh tệ. Muốn có một cái mực chuẩn định để đúc tiền nên bắt chước tiền Khai nguyên, Hồng Đức, đồng tiền nặng nhẹ mới vừa phải, mà dân mới tiện dùng.*"

Trong *Lược Sử Tiền Tệ Việt Nam* của tác giả Mai Hiên cũng nói đến tiền Hồng Đức, Quang Thuận. Ông cho rằng một đồng Hồng Đức hay Quang Thuận nặng 0.48 gram, và một tiền, nghĩa là 60 đồng, sẽ nặng một lạng hay khoảng 29 gram [0.48 x 60 = 28.8]. Có lẽ tác giả đã lầm chăng, vì tiền cổ Việt Nam nhỏ mỏng nhất như đồng Trị Bình thánh bảo cũng đã nặng gram hay 29 gram (?). Chúng tôi xin nhắc lại, khi nói về lạng của nhà Đường ở trên, tác giả Bửu Sao cho rằng vua Lê Thánh Tôn áp dụng hệ thống đo lường của nhà Đường, nghĩa là một lạng ta lúc bấy giờ nặng 41 gram.

Chúng tôi xin diễn giải ý nêu trên của Phan Huy Chú rằng:

(1) nếu xem lạng = 37.75 gram, vậy 2 thù 5 = 3.93 gram [(37.75/24) x 2.5 = 3.93]

(2) nếu xem lạng = 41 gram, vậy 2 thù 5 = 4.27 gram [(41/ 24) x 2.5 = 4.27]

(3) nếu xem lạng = 14.39 gram, vậy 2 thù 5 = 1.49 gram [(14.39/24) x 2.5 = 1.49]

(4) nếu xem lạng = 29 gram, 2 thù 1/ 2 = 3.02 gram [(29/24) x 2.5 = 3.02]

So sánh với trọng lượng của hiện vật, kết quả (3) và (4) quá sai biệt, và kết quả (1) và (2) khá gần đúng với trọng lượng 3.8 gram của tiền Hồng Đức hơn.

Thật là không ngoa với lời khen của tác giả Lịch triều Hiến Chương Loại Chí, chúng tôi đã cân trọng lượng của một số tiền đồng thời Lê Sơ sau đây, và thấy có sự cải tiến rõ rệt từ thời vua Lê Thánh Tông :

Thuận Thiên nguyên bảo 2.67 gram
Thiệu Bình thông bảo 2.86 gram
Đại Bảo thông bảo 3.77 gram
Thái Hoà thông bảo 3.18 gram

	Hồng Đức/Quang Thuận	Khai Nguyên
1 đồng	3.8 gram	3.42 gram (có thể nặng hơn do mòn rỉ)
10 đồng	38 gram	34.2 gram

đến 1.12 gram. Vả lại, dựa vào hiện vật, chúng ta biết rõ tiền Quang Thuận, Hồng Đức nặng trung bình khoảng 3.8 gram, có đồng chỉ nặng 3.57 gram nhưng có đồng nặng đến 4.25 gram. Hơn nữa, Phan Huy Chú, tác giả đã hoàn thành bộ sách dâng cho vua Minh Mạng vào năm 1820 và được ban thưởng 30 lạng bạc, một chiếc áo cà sa, 30 ngọn bút Tàu và 30 thoi mực Tàu, khi nói đến đơn vị lạng chắc hẳn dùng thứ lạng mà *Đại Nam Thực Lục* của triều Nguyễn ghi chép có trọng lượng tương đương với 37.75 gram [dùng cân Thiên Bình cho kim loại đồng] hoặc 41 gram, thứ lạng của đời Đường, chứ không phải thứ lạng nặng 15.504

Diên Ninh thông bảo 2.96 gram
Thiên Hưng thông bảo 2.53 gram
Quang Thuận thông bảo 3.57 - 3.84 gram
Hồng Đức thông bảo 3.84 - 4.25 gram
Cảnh Thống thông bảo 3.28 gram, có đồng 5.53 gram
Đoan Khánh thông bảo 6.2 gram

Một điều ngạc nhiên là đến đời vua Lê Uy Mục, niên hiệu Đoan Khánh, có những đồng tiền Đoan Khánh thông bảo thật đầy, có đồng nặng đến 6.2 gram. Chúng tôi vẫn không tìm được một lý do để giải thích thoả đáng vì sao đồng tiền được đúc nặng đến thế.

(Còn tiếp)

HỆ THỐNG HỌC VỊ VÀ HỌC HÀM KHOA HỌC Ở VÀI NƯỚC TÂY PHƯƠNG

NGUYỄN VĂN TUẤN

Đối với sinh viên và giới khoa bảng, bằng cấp đại học hay học vị vừa là cứu cánh vừa là phương tiện. Là sinh viên đang miệt mài trong các trường đại học hay cao đẳng, mục tiêu và cũng là ước mơ thực tế nhất là được tốt nghiệp, được cấp mảnh giấy có ghi tên mình kèm theo một cụm từ phản ánh tầm cỡ học lực mà mình mới hoàn tất. Vì thế, bằng cấp là một phần thưởng cho sự học tập, một bằng chứng về khả năng chuyên môn. Hơn nữa, bằng cấp còn là một "giấy giới thiệu" để được kếp nạp vào các đoàn thể của những *người có học* (learned people), một "giấy thông hành" để được thu nhận vào nghiên cứu khoa học. Đối với người đang làm việc, bằng cấp là một phương tiện để tiến thân trong các nấc thang sự nghiệp. Đối với một quốc gia, số lượng dân với bằng cấp đại học là một chỉ số về trình độ dân trí, và một thước đo về sự phát triển kinh và ổn định xã hội.

Chưa có ai làm thống kê để biết có bao nhiêu loại bằng cấp trên thế giới, nhưng ai cũng đồng ý một điều là bằng cấp, đặc biệt là ở bậc đại học, cực kỳ phức tạp và... phong phú. Chỉ riêng ở Mỹ, đã có ước đoán cho rằng các đại học Mỹ hàng năm cấp hơn 3000 loại bằng cấp khác nhau! Ngày nay, hàng năm chỉ riêng các trường đại học ở Mỹ cho ra trường khoảng 1,14 triệu cử nhân, 420 ngàn cao học và 18 ngàn tiến sĩ.

Với một số lượng bằng cấp khổng lồ và đa dạng như thế, chẳng trách nhiều người trong chúng ta rất dễ bị nhầm lẫn về tên gọi của chúng. Cộng thêm vào đó là những quảng cáo của nhiều người trên báo chí Việt ngữ, hoặc vô tình hoặc cố ý, làm cho vàng thau lẫn lộn. Nhiều tên bằng cấp đã xuất hiện trên mặt báo như "Cao học I," "Cao học II" (ở hải ngoại), "Tiến sĩ đệ tam cấp," "Phó tiến sĩ" và "Thạc sĩ" (ở trong nước). Vậy, những văn bằng này khác nhau như thế nào và chương trình huấn luyện ra sao? Bài viết này sẽ trình bày một cách khái quát hệ thống bằng cấp và chức vụ khoa bảng ở một vài nước Tây phương mà người viết đã có kinh nghiệm làm việc thực tế hay có tìm hiểu, với hy vọng là sẽ làm, hay góp phần làm, sáng tỏ được vài thắc mắc thầm kín mà tôi tin là nhiều đồng hương đã và đang có. Cố nhiên, vì tôi được đào tạo hay làm việc khoa học trong hệ thống giáo dục Anh, Úc và Mỹ, những bằng cấp của các nước này sẽ được bàn kỹ hơn những bằng cấp ở các nước khác. Qua bài viết này, tôi hy vọng bạn đọc sẽ bổ sung thêm hệ thống bằng cấp ở các nước Âu châu cho hoàn chỉnh và đầy đủ hơn.

Ngược dòng lịch sử

Hệ thống bằng cấp đại học ngày nay được bắt nguồn và mô phỏng từ hệ thống văn bằng của hai trường đại học cổ kính ở Âu châu vào thế kỷ 13: Trường Đại học Paris ở Pháp (thành lập vào năm 1170) và Trường Đại học Bologna ở Ý (thành lập vào khoảng 1158). Theo bộ luật La Mã (Roman Law), vào thời Trung cổ, mỗi ngành nghề có quyền thành lập một hiệp hội gọi là *Collegium*, và hiệp hội này bầu ra những người có danh hiệu là *Magistrates* (mà tôi tạm dịch là *"Thầy"*). Vào thời kỳ này, người được nhận vào phụ giảng được gọi là *Bachalari*. Vào cuối thế kỷ 13, Trường Đại học Paris thay đổi học vị này thành *Baccalauréat*. Lúc bấy giờ, văn bằng *Baccalauréate* hay *Bachelor* là học vị duy nhất được cấp cho những thí sinh đã (i) thi đỗ khóa thi do các các "Thầy" đặt ra; và (ii) đã học xong một chương trình giáo khoa 4 năm về

ngữ pháp (grammar), tu từ học (rhetoric logic. Sau khi xong văn bằng Bachelor, thí sinh có thể theo học tiếp chương trình Master hay Doctor. Và sau khi đã xong chương trình học Master hay Doctor (khoảng 8 năm học), một hội đồng giám khảo sẽ duyệt xét thí sinh để kết nạp vào tổ chức được gọi là *Universitas of Doctors* (1). Sự kếp nạp này cũng là một "chứng chỉ" được hành nghề dạy đại học.

Lúc bấy giờ, những danh xưng như Master, Doctor và Professor có cùng nghĩa và tương đương về giai cấp: họ hành nghề dạy học. Vào thế kỷ 13, những người dạy học tại Trường Đại học Bologna, lúc đó là trung tâm huấn luyện về luật pháp bên Âu châu, được gọi là *Doctor*. Trong khi đó ở Trường Đại học Paris, là trung tâm về văn học nghệ thuật, những người dạy học được gọi là *Master*.

Sự bình đẳng giữa Master và Doctor bị chấm dứt ở Anh và Mỹ, nơi mà văn bằng Doctor sau này được đánh giá cao hơn văn bằng Master. Ở Anh, hai trường Đại học Oxford (thành lập vào khoảng 1249) và Cambridge (thành lập vào khoảng 1209) được mô phỏng theo hệ thống tổ chức của Trường Đại học Paris; do đó, các nhà khoa bảng các môn văn hóa nghệ thuật thường được gọi là "Master," trong khi các đồng nghiệp của họ trong các môn học như triết lý, thần học, y học, và luật được gọi là "Doctor." Ngày nay, các tên bằng cấp như "Master of Arts" và "Doctor of Philosophy" có nguồn gốc từ sự phân chia này.

Ở Mỹ, Trường Đại học Harvard được thành lập vào năm 1636, với cơ cấu tổ chức được mô phỏng hoàn toàn theo hệ thống đại học ở Anh Quốc. Lúc đó, văn bằng *Baccalaureate* là văn bằng duy nhất được cấp cho sinh viên tốt nghiệp. Sau đó vài năm, văn bằng *Bachelor of Arts* (B.A.) được cấp cho sinh viên sau khi đã hoàn tất bốn năm theo học và qua một kỳ thi tốt nghiệp. Năm 1831, trường Harvard cho mở thêm chương trình học dẫn tới văn bằng *Bachelor of Science* (B.S.). Một năm sau đó (1852), trường đại học Yale cho ra đời chương trình học ba năm dẫn đến văn bằng *Bachelor of Philosophy* (B. Phil.).

Đầu thế kỷ 19, bốn sinh viên của Mỹ là Edward Everett, George Ticknor, George Bancroft và Joseph Green Cogswell được cử sang du học tại Trường Đại học Gottingen (Đức), và sau khi trở về Mỹ họ trở thành giáo sư ở Trường Đại học Harvard. Bốn người này đã có nhiều ảnh hưởng lớn trong việc hình thành một hệ thống giáo dục sau đại học tại Mỹ. Ông Everett sau này được bổ nhiệm làm hiệu trưởng Trường Đại học Harvard. Năm 1853, Trường Đại học Michigan, với cơ cấu tổ chức theo mô hình của Đức, đã quyết định đưa vào chương trình *Master of Arts* (M.A.). Sau đó bảy năm, Trường Đại học Yale (thành lập năm 1701) bắt đầu cấp văn bằng *Doctor of Philosophy* (Ph.D.). Nhưng hệ thống sau đại học thực sự mang tính "Mỹ" được bắt đầu khi hai Trường Đại học John Hopkins được thành lập vào năm 1876, và Chicago vào năm 1890, với chủ trương chỉ dạy chương trình sau đại học.

Hệ thống giáo dục cao đẳng và đại học hiện đại

Có thể nói phần lớn hệ thống giáo dục cao đẳng và đại học trên thế giới ngày nay được hình thành theo mô hình tổ chức của bốn nước (theo thứ tự): Pháp, Đức, Anh, và Mỹ. Các nước này có ảnh hưởng lớn đến nền giáo dục hiện đại ở các nước khác trên thế giới, kể cả Việt Nam, hoặc qua các chính phủ thuộc địa, chinh phục bằng quân sự và kinh tế, hoặc qua truyền giáo.

Nói một cách khái quát, sau năm năm ở bậc tiểu học và bảy năm ở bậc trung học, học sinh có khả năng hay thích theo đuổi tiếp sự nghiệp học hành có thể ghi danh hay thi vào các trường cao đẳng hay đại học để học thêm. Dù có sự khác biệt về quy mô, tổ chức, quy định, và tiêu chuẩn giữa các quốc gia, nhưng nói chung hệ thống giáo dục cao đẳng và đại học có thể chia làm ba hình thức chính mà tôi tạm đặt tên là: *cao đẳng, đại học,* và *sau đại học.*

Ở bậc "cao đẳng" (có khi được dịch là đại học cộng đồng) gồm các trường và cơ sở có chương trình huấn luyện thực tiễn, nhắm vào mục đích đào tạo thợ hay cán sự có tay nghề cao, hay chuyên viên kỹ thuật lành nghề. Các chương trình này thường kéo dài trong vòng hai tới ba năm. Chương trình dạy học ở các trường này đã bị nhiều nhà giáo dục chỉ trích gay gắt là quá thực tế và thiếu tiêu chuẩn khoa bảng. Tuy vậy, các trường này cũng được sự ủng hộ của nhiều người vì nó đem lại cơ hội cho những học sinh không đủ khả năng theo đuổi các chương trình ở bậc đại học. Hệ thống giáo dục cao đẳng của Mỹ đã được một số nước như Úc, Gia Nã Đại, Nhật và Phi Luật Tân mô phỏng theo. Ở Mỹ, các trường

Tiến sĩ Kỹ thuật). Một số trường, chẳng hạn như Trường Đại học Harvard, học vị doctorate của nghành Y tế Công cộng (Public Health) là D.Sc., trong khi đó ở các trường khác lại gọi là Dr.P.H. hay Ph.D. Tương tự, ở Trường Đại học Boston, những học sinh tốt nghiệp doctorate ngành sư phạm được gọi là Ed.D., nhưng phần lớn ở các trường khác thì lại được gọi là Ph.D. Văn bằng Ph.D. cũng được cấp cho các học sinh trong các ngành kỹ thuật, nhưng có trường ở Mỹ lại gọi là Dr.Eng.! Vì thế văn bằng D.Sc. của Mỹ không tương đương với bằng của Úc hay Anh Quốc.

* *Tiến sĩ và Bác sĩ*

Tiếng Việt ta phân biệt Tiến sĩ và Bác sĩ; nhưng trong tiếng Anh, những người có học vị Ph.D., D.Sc. và M.D. đều được gọi là "Doctor." Tuy nhiên, có sự khác biệt giữa văn bằng M.D. của Úc/Anh Quốc và M.D. của Mỹ. Không giống như ở Mỹ, nơi mà y khoa được dạy như một chương trình hậu đại học ("Graduate study," tức sau khi sinh viên đã xong chương trình Cử nhân), ở Úc và Anh, các sinh viên học y khoa được tuyển thẳng từ các trường trung học, và do đó, chương trình y khoa được xem là bậc đại học ("Undergraduate"), mặc dù thời gian huấn luyện tương đương. Trong khi các sinh viên y khoa ở Mỹ ra trường với văn bằng M.D. (Doctor of Medicine, Tiến sĩ Y khoa), các đồng nghiệp của họ ở Úc ra trường với hai bằng cử nhân M.B. và B.S. (Bachelor of Medicine và Bachelor of Surgery, Cử nhân Y khoa và Cử nhân Giải phẫu). Cần được nói thêm là mặc dù văn bằng là cử nhân, nhưng danh xưng của họ là "Bác sĩ" (Doctor).

Ở Úc, các bác sĩ đã có văn bằng M.B. B.S. có thể ghi danh theo học tiếp chương trình Ph.D. hay M.D. Chương trình Ph.D. có mục đích đào tạo các bác sĩ thành những nhà khoa học chuyên nghiệp, có khả năng nghiên cứu độc lập. Chương trình M.D. có mục đích đào tạo các bác sĩ thành những chuyên gia lâm sàng (clinical science) hơn là khoa học cơ bản (basic science). Thông thường, sinh viên phải làm một hay hai cuộc nghiên cứu lâm sàng (clinical studies) và viết luận án dựa trên các nghiên cứu này. Chương trình học M.D. thông thường là hai cho tới ba năm (ngắn hạn hơn Ph.D.). Do đó, văn bằng M.D. của Úc và Anh không có cùng nghĩa với văn bằng M.D. của Mỹ.

* *Post-doctorate (Hậu tiến sĩ)*

Khi học sinh hoàn tất chương trình doctorate, học sinh còn phải trải qua một giai đoạn "thực tập" thông thường kéo dài khoảng một tới năm năm. Người nghiên cứu trong giai đoạn này thường được gọi là "*Post-doctoral fellow*" (tạm dịch là "nghiên cứu sinh hậu tiến sĩ"). Thực ra, trong giai đoạn này, thí sinh không được cấp văn bằng gì cả, vì đây là giai đoạn mà nghiên cứu sinh phải làm việc dưới sự hướng dẫn của một giáo sư kinh nghiệm, và qua đó dần dần tự mình phát triển một chương trình nghiên cứu của riêng mình. Đây cũng là thời gian mà nghiên cứu sinh có cơ hội để "trưởng thành" nên một nhà nghiên cứu độc lập. Vì thế, "Postdoctoral fellow" không phải là một văn bằng, và không nên hiểu như là một "tiến sĩ cao cấp" (10).

Học vị ở Pháp, Đức và Nga

Ở Pháp, hệ thống giáo dục đại học trực thuộc sự quản lý của chính phủ. Do đó, việc phân chia bằng cấp và học vị được định đoạt bởi chính phủ. Kể từ năm 1968 (thời gian của cuộc "cách mạng giáo dục"), bằng cấp ở Pháp đã trở thành khá phức tạp và có khi khó mà so sánh được. Thông thường, sau bảy năm học trung học và thi đỗ tú tài, học sinh được cấp bằng *Baccalauréat*. Từ đây, học sinh có hai lựa chọn: một là thi vào các trường chuyên môn gọi là Grandes Écoles; và hai là thi vào các trường đại học "chính qui."

Nhưng trước khi thi vào các trường Grandes Écoles, học sinh cần phải học thêm khoảng một năm về toán bổ xung và một năm về toán chuyên môn. Sau đó, các học sinh sẽ phải qua một kỳ thi tuyển toàn quốc để được nhận vào các trường như École Normale Supérieure (ENS hay Sư phạm), École Nationale d'Administration (ENA hay Quốc gia Hành chính), École Polytechnique, v.v...

Tuy nhiên, nếu học sinh chọn thi vào các trường chính qui thì không phải học thêm hai năm ở trung học. Theo chương trình của các đại học chính qui, khi đã học xong chương trình đầu tiên đại học (hai năm), sinh viên có thể ra trường với bằng *Diplôme Universitaire d'Études des Litératures* (DUEL) hay *d'Études Scientifiques* (DUES). Nếu muốn theo học ngành sư phạm để ra dạy trung học, sinh viên cần phải học thêm một năm (hoặc lâu hơn) nữa với mục tiêu lấy văn bằng *Lisence* (tương đương cử nhân) và các chứng chỉ sư phạm. Tuy nhiên, sau khi có DUEL hay DUES, sinh

viên có thể theo học [cao hơn] khoảng hai tới ba năm để lấy văn bằng *Maitrise* (tương đương Master trong hệ thống giáo dục Anh, Mỹ, Úc, v.v.).

Sau khi sinh viên đã có bằng Maitrise, sinh viên muốn học doctorate cần phải trước hết học qua một đến hai năm để lấy văn bằng *Diplôme d'Études Approfondies* (DEA) hay *Diplôme d'Études Supérieures* (DES). Sau khi đã có DEA hay DES, sinh viên có thể xin vào nghiên cứu để viết luận án tiến sĩ. Năm 1964, ba văn bằng được đưa vào hệ thống bằng cấp sau đại học ở Pháp: *Doctorat du Troisième Cycle, Doctorat Université và Doctorat d'Etat* (11). Thời gian học cho bằng Doctorat du Troisième Cycle thường từ hai năm rưỡi tới bốn năm. Đây cũng là một văn bằng cần thiết để dạy đại học. Học vị Doctorat Université thường được cấp cho người nước ngoài, sau khi đã qua một đến hai năm học ở bậc hậu đại học. Người có bằng Doctorat Université không có quyền dạy đại học ở Pháp. Văn bằng Doctorat d'Etat là một học vị cao nhất ở Pháp, và được cấp cho những nhà khoa học xuất sắc qua ít nhất là hai năm (thường là từ bốn tới 12 năm) nghiên cứu sau văn bằng Doctorat du Troisième Cycle. Bằng cấp này là một điều kiện để được bổ nhiệm vào chức vụ "Professeur" (Giáo sư) đại học.

Sinh viên có văn bằng Diplôme Universitaire, License, hay Maitrise có thể dự thi lấy chứng chỉ *agrégation* (thường dịch là *Thạc sĩ* vào thời trước năm 1975 ở miền Nam Việt Nam). Cần nói thêm rằng *Agrégation* không phải là một học vị hay bằng cấp, mà chỉ là một "giấy hành nghề" giảng dạy ở vài trường hợp như giáo sư y khoa hay dược khoa (ở Pháp sinh viên học y khoa thẳng sau khi thi tú tài), và giáo sư trung học (sau khi ra trường ENS, sinh viên sẽ phải thi để được trao danh hiệu Agrégé vào tên mình).

Hệ thống học vị ở Đức rất khác biệt so với các nước như Anh, Úc và Mỹ. Vào độ 10 tuổi, sau khi đã qua bốn năm tiểu học, học sinh bước vào ngưỡng cửa của một loại trường Gymnasium để học các môn như toán, ngôn ngữ và khoa học tự nhiên. Sau chín năm học ở cấp bậc Gymnasium, khoảng 25% trong số học sinh tốt nghiệp sẽ vào trường Mittelschule và học thêm khoảng sáu năm. Theo thống kê, mỗi năm có khoảng 50% tới 60% học sinh tốt nghiệp Abitur (tương đương với trung học phổ thông) và có quyền thi vào đại học. Văn bằng đầu tiên ở bậc đại học là một học vị *Doktor*, sau khi đã qua ít nhất là 10 tới 13 năm sau khi tốt nghiệp *Abitur*. Tuy nhiên, phần đông sinh viên không theo đuổi học lâu dài như thế, nhưng họ lại chọn "ra trường" bằng một văn bằng *Diplom* sau khi đã qua bốn năm đại học. Khoảng mười năm trước, Đức bắt đầu cấp bằng *Magister Artium* (hay Master of Art các sinh viên. Bằng cấp này thường cấp cho sinh viên ngoại quốc, những người không muốn qua kỳ thi Staatsexamen để trở thành giáo viên trung học. Trên lý thuyết, ba văn bằng Diplom, Staatsexamen và Magister là ngang hàng với nhau, nhưng trên thực tế thì khác nhau xa và còn tùy thuộc theo nghành học. Chẳng hạn như trong nghành hóa học, Staatsexamen được xem là thấp hơn Magister. Nhưng trong ngành sử học, người có bằng Staatsexamen được quí trọng và xem cao cấp hơn người có bằng Magister.

Như đề cập trên, trên lý thuyết văn bằng Doktor là học vị đầu tiên của đại học Đức. Sau khi đã tốt nghiệp Doktor, thí sinh phải làm phụ tá nghiên cứu hay giảng dạy một thời gian để thu thập kinh nghiệm tiếp tục theo học văn bằng *Habilitation*, một học vị cao nhất ở Đức.

Ở Nga và Liên Xô cũ, sau khi xong trung học, học sinh phải trải qua một kỳ thi tuyển vào đại học. Sau bốn hoặc năm năm theo học và đủ điểm, thí sinh được cấp bằng "diploma." Sau khi đã có bằng diploma, sinh viên phải cạnh tranh vào chương trình hậu đại học. Sau ba năm học và nghiên cứu, thí sinh có thể tốt nghiệp với bằng *Kandidat Nauk* (Candidate in Science) (12). Sau một thời gian dài nghiên cứu và có thành tích xuất sắc, nhà khoa học có thể trình luận án để được xét cấp văn bằng *Doktor Nauk* (Doctor of Science) (12). Cũng như ở Đức và Pháp, chỉ có những ngươi có văn bằng Habilitation hay Doctor d'État mới được bổ nhiệm chức vụ giáo sư đại học, văn bằng Doktor Nauk này là một điều kiện cần thiết để được bổ nhiệm vào chức vụ giáo sư đại học ở Nga.

Một vài so sánh

So với các nước như Mỹ và Anh Quốc, hệ thống bằng cấp ở các nước Pháp, Đức và Nga (hay Liên Xô cũ) có nhiều khác biệt về thời gian đào tạo, đẳng cấp và tên gọi. Ở các nước Âu châu này, hệ thống giáo dục đại học có tính cạnh tranh cao; học sinh được nhận vào học đại học chỉ khi nào đã đỗ một kỳ thi

tuyển, có khi rất khó. Ngược lại, ở các nước như Mỹ, Anh Quốc và Úc, học sinh có thể được nhận thẳng vào đại học dựa theo số điểm đạt được trong trung học và kỳ thi tú tài.

Tuy có khác nhau về tên gọi và chương trình huấn luyện, trên bình diện tổng quan, các nước Âu châu này cũng có ba học vị chính: cử nhân, cao học và tiến sĩ. Dựa theo thời gian đào tạo, có thể xem văn bằng Bachelor trong hệ thống Anh-Mỹ tương đương với License của Pháp, Diplom của Đức và Diploma của Nga. Tương tự, có thể xem học vị Master trong hệ thống Anh-Mỹ tương đương với Maitrise của Pháp, Magister của Đức, và một số văn bằng Candidat Nauk của Nga. Cũng dựa theo chương trình và thời gian đào tạo, có thể xem văn bằng Ph.D. của Mỹ và Anh tương đương với Doctorat du Troisième Cycle của Pháp, Doktor của Đức, và một số (không phải tất cả) văn bằng Candidat Nauk của Nga. Văn bằng D.Sc. của Anh và Úc có lẽ tương đương với Doctor d'EÔtat của Pháp, Habilitation của Đức và Doktor Nauk của Nga.

(Còn tiếp)

Ghi chú

Người viết bài này xin chân thành cám ơn anh Tiến sĩ Mai Thanh Truyết, một Nhà giáo Việt Nam, người đã đọc bản thảo và góp ý làm sáng tỏ hơn về hệ thống bằng cấp ở Pháp.

[1] Thực ra, Universitas of Doctors chỉ là một hiệp hội (Guild) của những "Thầy." Theo tiếng Latin, chữ Doctorem cũng có nghĩa là "Thầy."

[2] Nhiều tờ báo Việt ngữ hải ngoại thường dịch [không chính xác] những trường "Community College" ở Mỹ là "Đại học cộng đồng," và những người tốt nghiệp từ các trường này là "kỹ sư."

[3] Tuy nhiên, trong những năm gần đây các trường này đều trở thành đại học chính thức. Chẳng hạn như trường "University College of Bristol" tuy thành lập từ năm 1876, nhưng mãi đến năm 1909 mới được công nhận là "The University of Bristol"!

[4] Ở Việt Nam còn xảy ra một sự ngộ nhận hết sức "tai hại" trên báo chí về một em học sinh người Việt Nam, 17 tuổi, đỗ đầu ở một trường trung học tư thục ở Anh; nhưng có lẽ vì nhầm lẫn trường "college" mà em theo học là "đại học," nên nhà báo đã vội viết bài ca ngợi em là một "thần đồng tốt nghiệp đại học năm 17 tuổi"!

[5] Tôi không biết tiếng Việt ta có danh từ nào để dịch văn bằng "Associate." Có người đề nghị dùng "Chứng chỉ" để dịch chữ này; tuy nhiên "Chứng chỉ" có lẽ chính xác hơn với "Certificate." Tôi đề nghị dùng cụm từ "Cử nhân dự khuyết" cho văn bằng "Associate."

[6] Hai văn bằng Bachelor of Science (B.Sc. hay B.S.) và Bachelor of Arts (B.A.) thường được dịch là "Cử nhân Khoa học" và "Cử nhân Văn chương." Tuy nhiên, hai văn bằng này rất bao quát. Một sinh viên theo học môn Tâm lý học (Psychology) có thể tốt nghiệp với văn bằng B.A. nếu bộ môn này chịu sự quản lý của phân khoa Văn chương (Faculty of Arts), hoặc B.Sc. nếu bộ môn Tâm lý học chịu sự quản lý của phân khoa Khoa học (Faculty of Science).

[7] Dựa vào tính cách đào tạo và chương trình học, tôi đề nghị dùng cụm từ "Cao học dự khuyết" cho văn bằng "Graduate Diploma."

[8] Ở hải ngoại, văn bằng Master thường được dịch là "Cao học." Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, chính quyền trong nước đã có văn bản chính thức gọi những người có văn bằng Master là "Thạc sĩ."

[9] "Doctorate" là một danh từ chung dùng để chỉ học vị "Tiến sĩ." Chữ "Tiến sĩ" có lẽ được xuất phát từ chữ Hán mà tiếng Anh phiên âm là "Chin-shih" (và tiếng Anh dịch là "Doctor"). Hình như văn bằng này được cấp lần đầu tiên vào năm 1313 (dưới triều đại nhà Tống); vào năm này, một cuộc thi tuyển đặt dưới sự chủ tọa của vua được tổ chức. Qua kết quả của kỳ thi này, có 300 thí sinh được cấp danh hiệu Chin-shih; trong số này, có 75 người gốc Mông Cổ, 75 người quê quán ở miền Nam Trung Quốc, 75 người quê quán ở miền Bắc Trung Quốc, và 75 người có quốc tịch ngoại quốc.

[10] Trong một bài báo gần đây ở trong nước, một nhà giáo dục đề nghị dùng cụm từ "Tiến sĩ cao cấp" để gọi các thí sinh này!

[11] Học vị Doctorat du Troisième Cycle thường được dịch sang tiếng Việt là "Tiến sĩ đệ tam cấp," và Doctorat d'Etat là "Tiến sĩ quốc gia." Tôi không rõ học vị Doctorat Université được dịch sang tiếng Việt là gì.

[12] Ở trong nước, Kandidat Nauk (Candidate in Science) được dịch là "Phó Tiến Sĩ," và Doktor Nauk (Doctor of Science) được dịch là "Tiến Sĩ." Tuy nhiên, trong năm 1999, Chính phủ Việt Nam đã có quyết định gọi cả hai văn bằng này chung là "Tiến sĩ." ●

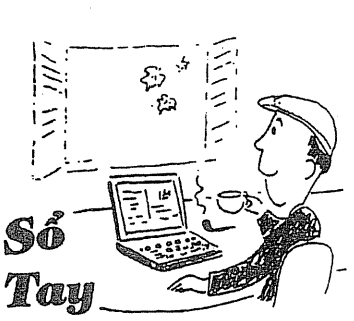

PHÁP LUÂN ĐẠI PHÁP TRANH ĐẤU NHƯ THẾ NÀO?

Hai năm sau khi chính phủ Bắc Kinh bắt đầu đàn áp, và một năm sau khi họ đặt phái Khí công Pháp Luân Đại pháp ra ngoài vòng pháp luật, các môn đồ của chưởng môn Lý Hồng Chí (đang sống ở New York) vẫn hoạt động. Nhưng làm sao họ có thể qua mặt hệ thống kiểm soát của công an cộng sản mà tổ chức những quộc biểu tình hàng trăm người ở Quảng trường Thiên An Môn? Đó là nhờ một mạng lưới liên lạc rất linh động của các môn đồ nhiệt tín, với những "cán bộ" làm mối dây liên lạc cho các bạn đồng đạo.

Một tờ báo ở Mỹ đã tiếp xúc với một người trong môn phái này, là ông Li Guoqiang (Lý Quốc Giang?) ở Bắc Kinh, thường được các bạn đồng đạo gọi là Lý huynh đệ. Trước đây, phương tiên liên lạc của phái Pháp Luân Công trước đây là internet, email và điện thoại lưu động, nhưng công an khám phá rất dễ, nay đã phải bỏ. Bây giờ họ dùng những điện thoại công cộng mới lập ở các thành phố, và các máy nhắn, gọi là bíp pơ (beeper). Sau 20 năm đổi mới, chế độ nhà cửa không còn bị kiểm soát, người ta có thể mua nhà dễ dàng, cũng giúp cho các môn đồ Pháp Luân Công dễ có nơi lẩn trốn khi tới Bắc Kinh. Nhiều người có thể kiếm ăn "ngoài luồng chính" và các tài xế taxi cũng không bị kiểm soát như xưa, khiến mạng lưới Pháp Luân Công dễ qua mặt mạng lưới công an.

Trước ngày có những cuộc biểu tình của pháp Pháp Luân Công, Lý huynh đệ đi thám thính Thiên an môn xem tình hình có bao nhiêu công an chìm, nổi, và họ đóng chốt ở đâu. Anh ăn mặc giản dị như hàng ngàn người Trung Hoa khác đang đi qua Quảng trường Thiên An môn. Theo quy luật của Pháp Luân Công thì môn đồ không được nói dối. Vì vậy, bất cứ ai đến gần Thiên An môn và bị công an hỏi "Có tập Pháp Luân Công hay không?" cũng phải nói thật và bị bắt giam ngay. Bình thường họ có thể được thả sau mấy tháng. Trong đám môn đồ có nhiều người là do công an cài vào nhưng dần dần họ cũng biết nhau cả.

Bỗng anh Lý nghe thấy típ "bíp" và đọc một số điện thoại có người nhắn vào. Anh đến góc đường có điện thoại công cộng, nhưng mấy cái máy đều bận. Anh định lấy điện thoại lưu động ra gọi, nhưng lại thôi, gọi như thế rất dễ bị tìm ra và sẽ bị theo dõi về tận nhà. Khi có một cái máy trống, anh tới gọi, người nghe ở đầu kia cũng ở một điện thoại công cộng khác.

Người gọi ở đầu kia là một phụ nữ, bà Trần, từ một tỉnh miền đông bắc Trung Quốc, muốn nhờ Lý huynh chuyển một email ra ngoại quốc. Bà Trần muốn loan tin một cô gái theo Pháp Luân Công mới chết khi bị cảnh sát bắt. Cô gái này đã nhẩy ra khỏi cửa sổ chiếc xe lửa đang chạy. Tại sao cô biết số bíp của Lý huynh? Nhờ một người bạn của một người bạn. Sau khi kiểm tra bằng mấy câu hỏi, biết bà Trần không phải công an giả dạng, Lý huynh bằng lòng hẹn gặp.

Bà Trần đã tới Bắc Kinh hôm trước, bà phải ngủ ngoài công viên vì không có tiền đi ở trọ. Hiện nay nhà Lý đã bị công an theo dõi, không thể cho ai ở được như trước, nhưng cũng tìm được những đồng đạo khác có chỗ ở.

Một ngày khác, Lý huynh nghe tiếng bíp lúc đang đi ngang Vận động trường Công nhân. Anh dùng một điện thoại công cộng khác, và tiếp xúc được với người gọi, một phụ nữ từ Quảng Đông lên Bắc Kinh để giúp các đồng đạo khác cũng từ đó lên thủ đô biểu tình. Sau khi thảo luận rất lâu, mà Lý huynh thì nói tiếng Quảng Đông không thạo lắm, anh thuyết phục được người kia hãy trở về tỉnh, vì nếu bà đi biểu tình sẽ bị bắt, sẽ mất một đầu mối liên lạc ở Quảng Đông! Bà này là một giáo sư dậy tiếng Anh 32 tuổi, bà sẽ về tỉnh loan báo tin tức những cuộc biểu tình mới cho các đồng đạo thêm nức lòng, những tin đó báo chí của đảng Cộng Sản không bao giờ loan báo. Mấy ngày hôm sau, bà gọi điện thoại báo tin đã về nhà bình an và hỏi thăm tin những quộc biểu tình mới.

Lý huynh đệ mới biết đến Pháp Luân Công mấy năm nay, nhưng khi tu tập thấy kết quả tốt thì cả hai vợ chồng anh đều theo. Anh vốn là một kế toán viên của một xí nghiệp dệt may, trước đây anh chỉ nghĩ đến chuyện làm sao được thăng cấp và có dịp ra nước ngoài. Nhưng tháng Mười năm ngoái vị chủ nhiệm của anh đã gọi anh lên bảo phải ngưng tập Pháp Luân Đại pháp. Thế là, sau

khi bàn với vợ, anh bỏ việc, bây giờ mỗi tháng lãnh khoảng 40 Mỹ kim về trợ cấp xã hội. Vợ anh làm thư ký, một con 12 tuổi, cũng đủ sống đạm bạc.

Anh nói với nhà báo: "Chúng ta sống trong một thế giới toàn người xấu, cần phải có những người thiện làm những việc thiện." Anh tự đùa mình, nói anh sống theo tôn chỉ người xưa, là "Người ở ẩn sống ngay giữa chợ. (Tiểu ẩn tại sơn, Trung ẩn tại thị, đại ẩn tại triều.)

Đang nói thì lại có tiếng bíp. Một đồng đạo từ xa tới, muốn nhờ ai ra phi trường đón. Lý huynh gọi cho một môn đồ Pháp Luân Công đang lái taxi (không đăng ký, như rất nhiều xe taxi khác ở Bắc Kinh). Người tài xế bằng lòng ra phi trường đón đồng đạo, miễn phí.

Đó là hoạt động của một môn đồ Pháp Luân Công, trong mạng lưới những người chỉ có một ước nguyện là được thở tự do! Lý huynh đã quyết định sẽ đi biểu tình ở Thiên An môn để bị bắt. Mạng lưới sẽ mất một nút quan trọng, nhưng anh muốn chia sẻ những gian khổ của người đồng đạo. Bao giờ được trả tự do, anh lại tiếp tục hoạt động.

Pháp Luân công đáp ứng một nhu cầu tâm linh của người dân Trung Hoa. Sau khi chủ nghĩa Cộng Sản không còn được tín nhiệm nữa, ở Trung Quốc có một khoảng trống tinh thần, các tôn giáo đều thịnh. Chính quyền Trung Quốc gọi Pháp Luân công là tà giáo, và kết tội họ xúi mọi người không dùng thuốc khiến hàng ngàn người chết. Nhưng hàng chục triệu môn đồ vẫn tiếp tục hoạt động. Trong tháng Tám, một phái khí công khác gọi là Dung công cũng bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, vị chưởng môn đã trốn ra ngoại quốc. Phái Dung công thường khuyến khích nhịn đói để tẩy sạch tâm thân.

Ở Việt Nam, cuối tháng Tám báo Công an Nhân dân loan tin ông Nguyễn Trung Thành bị bắt vì đi giảng đạo Tam Giáo. Ông Thành bị tố cáo là cho người bệnh uống nước lạnh đã dùng để cúng thay cho thuốc. Ở Quảng Bình công an tịch thu hàng trăm cuốn sách tôn giáo, họ ra lệnh dẹp bỏ những bàn thờ Tam giáo.

BẠO LỰC ẢNH HƯỞNG ĐẦU ÓC TRẺ EM

Mấy năm nay, ở Mỹ, mỗi khi xảy ra những vụ các thanh, thiếu niên vào trường bắn chết bạn bè và cô giáo, nhiều người lại hô hào hạn chế hoặc cấm những sản phẩm giải trí đầy hình ảnh bạo động và đề cao bạo lực, đặc biệt là các trò giải trí điện tử cho trẻ em. Mỗi lần như vậy, các nhà sản xuất phim ảnh lại nhân danh quyền tự do ngôn luận và phát biểu để chống lại. Họ nói rằng không có chứng cớ nào để kết luận các cảnh đâm chém, bắn giết người trong phim ảnh là nguyên nhân gây ra hành động giết người của mấy trẻ em phạm tội.

Năm hiệp hội y khoa ở Mỹ mới công bố kết quả một cuộc nghiên cứu tâm lý xã hội trong suốt 30 năm, kết luận rằng những hình ảnh bạo động trên màn ảnh, ti vi, âm nhạc, trò chơi điện tử đã khiến nhiều trẻ em ở Mỹ có các các hành vi bạo động hơn so với nhưng trẻ không chịu những ảnh hưởng đó.

Kết luận này không có gì đáng ngạc nhiên. Nhiều phụ huynh vẫn lo lắng khi thấy con em mình coi ti vi phải nhìn những cảnh bắn giết nhau nhiều quá. Họ càng lo ngại hơn khi trẻ em giải trí bằng các trò chơi điện tử trong đó có dịp "giết" những hình người, tiêu diệt các sinh vật, dù chỉ là phim hình hoạt họa. Ai cũng lo dần dần trẻ em sẽ thấy cảnh giết người là bình thường, hành động bắn giết không khiến các em kinh ngạc hay bị xúc động nữa. Cho nên nhiều phụ huynh đã hạn chế hoặc cấm đoán con cái không cho chơi các trò bạo động, dù chỉ trên màn ảnh ti vi hay máy vi tính, và hạn chế những phim ảnh nhiều bạo lực. Tất nhiên mối liên hệ giữa các sản phẩm giải trí và thái độ, hành vi con người thì rất phức tạp, không có tính cách nhân quả trực tiếp và duy nhất, khi hành vi của con người thường do cả mạng lưới những nhân duyên ở chung quanh gây ảnh hưởng. Cần có những nghiên cứu khoa học về vấn đề này.

Chính phủ Hoa Kỳ đã nhiều lần yêu cầu các nhà sản xuất phim, âm nhạc, trò chơi, tự nguyện hạn chế các loại đề cao bạo lực, nhưng lý luận của họ chưa đủ mạnh để Quốc hội làm thành luật bảo vệ thiếu nhi và thanh thiếu niên. Một đạo luật như vậy ra Quốc hội rất khó được thông qua, vì các nhà sản xuất sẽ vận động một số lớn đại biểu chống đối, không khác gì Hội Súng Toàn quốc Mỹ vẫn ngăn cản các dự luật kiểm soát súng.

Bản báo cáo của năm hội y khoa Hoa kỳ giúp cho những phụ huynh đang âu lo có thêm chứng cứ vững vàng để hành động. Hội Y sĩ Mỹ, Hội Bác sĩ Nhi khoa, Hội các nhà Trị liệu Tâm lý, và Hội Tâm phân học Thiếu niên và Thanh niên đã cùng bảo trợ

cuộc nghiên cứu kéo dài thời gian bằng một thế hệ để theo dõi các hành vi thanh thiếu niên đầy đủ hơn, mà kết quả mới công bố cho thấy những điều chúng ta lo ngại là có căn cứ.

Kết luận chính của cuộc nghiên cứu là: "Các cảnh bạo lực trong ti vi, trò chơi điện tử, phim ảnh, trong lời ca các bản nhạc, đã gây ra tính thích bạo động trong trẻ em... Hậu quả này có thể đo lường thấy được, và có ảnh hưởng lâu dài..." Dưới ảnh hưởng xấu của những sản phẩm giải trí đầy bạo động, trẻ em về sau sẽ có thái độ, quan niệm sống, hành vi nghiêng về bạo lực. Bản phúc trình cũng xác nhận những trẻ em làm quen với bạo lực qua các sản phẩm giải trí đó sẽ dần dần trở thành vô cảm, không còn biết xúc động trước những cảnh bạo động trong đời sống thật. Và các trẻ em đó cũng coi chuyện dùng bạo lực để giải quyết các bất đồng ý kiến là giải pháp tự nhiên và dễ được chấp nhận.

Cuộc nghiên cứu do năm hiệp hội y khoa lớn hàng đầu có thể coi là một biến cố mà ảnh hưởng lớn không khác gì kết luận của một cuộc nghiên cứu y học trước đây nói rằng thuốc lá có thể gây bệnh ung thư giết người. Căn cứ vào kết luận đó, trong 40 năm qua, các hội y khoa, những hội phụ huynh học sinh, các tổ chức người tiêu thụ, đã vận động các chính trị gia và toàn thể xã hội Mỹ liên tiếp gây phong trào chống thuốc lá, cấm hút thuốc nơi công cộng, và đưa tới những vụ kiện các nhà sản xuất thuốc lá, đòi bồ thường thiệt hại. Các nhà sản xuất thuốc lá phải chịu lui bước.

Nhưng việc ngăn cản các nhà sản xuất phim, nhạc và trò chơi điện tử bạo động chắc sẽ còn nhiều khó khăn. Muốn thuyết phục các nhà sản xuất phim, trò chơi, bài hát phải đặt quyền lợi của xã hội lên trên tư lợi, thì chúng ta cần gây phong trào phản đối của chính những người tiêu thụ. Trong một xã hội dân chủ và kinh tế thị trường, chỉ khi nào người tiêu thụ tẩy chay các công ty sản xuất và phân phối phim, nhạc, trò chơi bạo động, thì các công ty đó mới phải xét lại chính sách của họ.

Trong khi chờ đợi một phong trào như vậy thành hình, mỗi gia đình tự lo bảo vệ con em mình, thuyết phục các em không nên coi, nghe, chơi những trò giải trí nhiều bạo lực. Chúng ta hiện có những mạng lưới liên kết các phụ huynh qua các cơ sở tôn giáo, các hội đoàn văn hóa, xã hội, có thể dùng mạng lưới đó để gây ý thức cho mọi người về bản báo cáo của năm hiệp hội y khoa ở Mỹ, và cùng nhau tìm các biện pháp bảo vệ trẻ em của chúng ta.

KINH TẾ TRI THỨC

Đầu tháng Bẩy chúng tôi thuyết trình về "Giáo dục trong thời đại kinh tế trí não", tức kinh tế của tri thức, tại hội nghị của Hội Chuyên gia Việt Nam, tổ chức tại Paris. Lúc đó chúng tôi không biết rằng cuối tháng Sáu, Bộ Chính trị đảng Cộng Sản Việt Nam cũng được nghe ông Trưởng ban Khoa giáo thuyết trình về "Nền kinh tế tri thức" (Knowledge Economy). Và cuối tháng Bẩy Tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang ở Hà Nội đã công bố một lá thư kêu gọi phát triển kinh tế tri thức ở nước ta. Khi nói đến kinh tế tri thức là phải nói đến tin học và mạng lưới toàn cầu dùng internet.

Báo Sài Gòn Giải phóng loan tin ở Việt Nam hiện nay có hơn 70 ngàn người thuê bao để dùng mạng lưới thông tin internet. Internet là mạng lưới thông tin nối các máy vi tính nhỏ, loại để bàn hay xách tay đều dùng được. Quý vị ở Hoa Kỳ có thể thấy con cháu mình, các em từ năm, bảy tuổi trở lên đã biết dùng internet để liên lạc với bạn bè, trò chuyện, trao đổi các bản nhạc, v.v. Các em học sinh lớn thì vào trang nhà của thầy giáo để xem điểm, đọc đầu đề bài toán mới ra, tìm tài liệu trong các từ điển bách khoa hay thư viện để làm bài ở nhà, làm xong thì nộp bài cho thầy, cũng nộp qua internet.

Internet bây giờ có địa vị không khác gì điện thoại vào thập niên 1950-60. Những năm 1960 người ta có thể đo lường tỷ số người dùng điện thoại trong một nước để coi trình độ tiến bộ kinh tế và xã hội nước đó. Sự tiến bộ tùy thuộc phương tiện thông tin nhanh hay chậm, nên nước nào ít dùng điện thoại quá thì lo tương lai không sáng sủa. Ngày nay, có thể đo lường sự tiến bộ bằng tỷ số người dân dùng internet.

Internet không phải chỉ là phương tiện để trò chuyện, trao đổi tin tức, mà còn thay đổi đời sống kinh tế. Các xí nghiệp bán hàng cho người tiêu thụ qua internet (Business to Consumers, gọi tắt là B2C); hoặc mua, bán với nhau qua intenet (B2B); ngoài ra người tiêu thụ có thể mua bán trực tiếp với nhau qua internet như khi họ mua đấu giá trên EBay (C2C); hoặc cho biết nhu cầu mua một vé máy bay chẳng hạn, rồi các nhà cung cấp tranh nhau bán qua Priceline (C2B). Trong năm 1999 số

thương vụ qua internet ở Mỹ lên tới 150 tỷ Mỹ kim, trong đó 80% là giữa các xí nghiệp với nhau (B2B). Trong bốn năm nữa, con số sẽ lên đến hơn 3000 tỷ, tức là hơn một phần ba cả nền kinh tế Mỹ sẽ hoạt động qua mạng lưới vi tính. Muốn hiểu internet có ích lợi gì cho đời sống kinh tế, chúng ta thử tưởng tượng bây giờ một nước đang không có điện thoại, rồi sau đó cả nước biết dùng điện thoại để làm ăn, mua bán. Như thế liệu sinh hoạt kinh tế có khá hơn không?

Tỷ lệ người dùng internet ở Mỹ hiện nay khoảng 47%. Nhưng không phải chỉ những nền kinh tế lớn như Mỹ mới phát triển được internet. Nước Mỹ chỉ đứng hàng thứ ba trên thế giới về tỷ số người dùng internet. Đứng trên Mỹ là Na Uy (50%) và Singapore (49%), hai nước này đều nhỏ cả. Trong mười quốc gia đứng hàng đầu về tỷ số người dùng internet thì chỉ có Mỹ là nước lớn, còn toàn những nước nhỏ như Thụy Điển, Úc, Canada, Đan mạch, Tân Tây Lan, Hà Lan, v.v. và đó cũng là những nước kinh tế phát triển mạnh mẽ trong mấy năm qua. Tại Á châu, Đài Loan và Nam Hàn (đứng hàng 14, 15) đã qua mặt Nhật Bản về sử dụng internet (hạng 19).

Ở Việt Nam chỉ có 70,400 người thuê bao internet, tỷ lệ là 0.07%, tức trong 10 ngàn người có 7 người, hoặc cứ 1430 người Việt Nam mới có một người vào internet. So sánh với Trung Quốc còn thua, ở đó có 6.5 triệu máy vi tính vào internet, cứ 200 người lại có một cửa vào mạng lưới toàn cầu.

Các cơ quan chính phủ cũng đang liên hệ với dân qua internet. Trên bao thư nộp tờ khai thuế của quý vị ở Mỹ đều có lời nhắn của Sở Thuế IRS thông báo có thể khai thuế trên internet. Sở kiểm soát xe tự động tiểu bang Arizona đã dùng internet để người lái xe gia hạn bằng lái, mạng lưới làm việc 24 giờ một ngày. Dân lái xe đỡ mất công chờ đợi mà nhà nước cũng đỡ tốn tiền. Tính ra mỗi lần gia hạn bằng lái xe tiểu bang chỉ tốn 1.60 đô la, so với 6.60 đô nếu để dân đến xếp hàng làm giấy tại sở. Một năm Sở DMV Arizona tiết kiệm được 1.7 triệu Mỹ kim.

Mỗi năm các cấp chính quyền Mỹ từ liên bang đến cấp xã chi tiêu 550 tỷ Mỹ kim mua các món hàng. Nếu chính phủ Mỹ dùng internet như các hãng Ford, General Motors và DaimlerChrysler đang dùng khi mua tiếp liệu và bán xe cho các đại lý, tiết kiệm được 20% chi phí, thì mỗi năm chính phủ Mỹ sẽ dè sẻn được 110 tỷ Mỹ kim!

Không phải chỉ có chính phủ nước lớn mới cần dùng internet. Từ hơn một năm qua Singapore đã mở mạng lưới "eCitizen" để dân chúng tiếp xúc với nhà nước qua internet. Trường Trung học ở một khu nghèo là Outram đã dùng internet để giáo sư, học sinh và phụ huynh liên lạc với nhau thường xuyên 24 giờ mỗi ngày, mới một năm đã có 20% phụ huynh vào mạng lưới.

Ích lợi của việc dùng internet trong việc phát triển kinh tế, xã hội đã hiển nhiên như vậy, tại sao nước Việt Nam lại chậm trễ? Bất cứ chế độ độc tài nào cũng sợ thông tin nhanh chóng và mở rộng cho nhiều người. Khi người dân biết nhiều hơn thì họ sẽ không chịu nhục cúi đầu cho một thiểu số cai trị mãi.

Báo Hà Nội Mới vừa loan tin có những mạng lưới "internet chui" đã xuất hiện ở Việt Nam, họ mua được những dụng cụ trang bị nhờ hối lộ hải quan! Và công ty thông tin TheStandard đã viết một bài giới thiệu những người Việt ở Hà Nội mua bán cổ phần các công ty Mỹ trên các thị trường chứng khoán Mỹ, qua các nhà môi giới trên internet như E-Trade, Ameritrade! Có thanh niên 25 tuổi dùng số vốn 5 ngàn Mỹ kim đã lên thành 40 ngàn sau một năm. Tất nhiên những vụ mua, bán này cũng làm chui!

Dân Việt Nam cứ phải "chui" như thế, đến bao giờ mới được ngẩng đầu lên?

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA CẢM ƠN VÀ TỪ CHỐI

Tổ chức Liên Hiệp Quốc đã chịu khuất phục trước áp lực của chính quyền Trung Quốc, không mời Đức Đạt lai Lạt ma tới dự Hội nghị Hòa bình Thượng đỉnh của các nhà Lãnh đạo Tôn giáo và Tâm linh trong ba ngày bắt đầu từ Thứ Hai 28 tháng Tám năm 2000 tại trụ sở ở New York.

Hàng chục ngàn người khắp nơi đã viết thư phản đối ông TTK Liên Hiệp Quốc trong đó có những tu sĩ và các nhà lãnh đạo tinh thần danh tiếng. Mục sư Desmond Tutu, thuộc giáo hội Anh quốc giáo ở Nam Phi đã từ chối không dự Hội nghị vì bận việc, nhưng ông viết một lá thư gửi ông Kofi Annan nói rằng "nếu tôi đã chấp nhận tham dự thì tôi cũng sẽ xin rút lui để phản đối..." Mục sư Tutu đã lãnh giải Nobel hòa bình vì suốt đời tranh đấu cho tự do và quyền làm người của dân Nam Phi.

Sau cùng, ông TTK Kofi

Annan đã hiểu những áp lực dư luận như trên sẽ ảnh hưởng đến cả uy tín lẫn quỹ điều hành của Liên Hiệp Quốc trong tương lai, nên tìm cách thỏa hiệp. Ban Tổ chức đã mời Đức Đạt lai Lạt ma đến nói chuyện trong phiên họp sau cùng của Hội nghị, không ở trụ sở Liên Hiệp Quốc mà tại khách sạn Waldorf-Astoria. Chọn buổi họp sau cùng cũng có mục đích để nếu phái đoàn Trung Quốc có phản đối, bỏ ra về thì cũng không có ảnh hưởng lớn. Nhưng Đức Đạt lai Lạt ma đã nhã nhặn cảm ơn và từ chối. Là một người tu tập theo giáo pháp của Đạo Phật với mục đích "giải thoát chúng sinh khỏi phiền não do tham, giận gây ra," Đức Đạt lai Lạt ma viết thư trả lời rằng ngài không thể nhận lời mời này, khi giấy mời được gửi đi vì áp lực. Ngài cũng nói ngài nhất thiết muốn tránh không để cho một cá nhân hay một chính phủ nào vì ngài mà bị bối rối, tổn thương. Qua những lời nói đó ta thấy đức từ bi và tâm giải thoát khỏi sân hận oán thù, tấm lòng tự do vô hạn của vị tu sĩ vẫn được người Tây Tạng coi là hóa thân của Bồ tát Quán Thế Âm.

Chính quyền Việt Nam đã từ chối không cấp hộ chiếu cho Thượng Tọa Thái Hòa, thuộc Tổ đình Từ Hiếu để ngài có thể đi dự hội nghị, mặc dù Ban tổ chức đã gửi giấy mời và Bộ Ngoại giao Mỹ cho biết sẵn sàng cấp chiếu khán nhập cảnh. Ban Tổ chúc Hội nghị đã mờ Hòa thượng Thích Nhất Hạnh nhưng ông từ chối vì bận hướng dẫn những khóa tu cho người Việt Nam ở California trong cùng thời gian. Hòa thượng Nhất Hạnh, xuất thân từ Tổ đình Từ Hiếu, đã giới thiệu Thượng tọa Thái Hòa thay mặt mình. Thượng tọa Thái Hòa đã gửi một bài để đọc trước hội nghị, trong đó ông nhấn mạnh hạnh phúc của mọi người liên hệ chặt chẽ với nhau, không thể tách rời được. Thượng tọa cũng đề nghị áp dụng năm giới của Phật giáo và bốn phương pháp quán chiếu để mỗi người thực hiện hòa bình từ chính mình và cộng đồng mà mình sinh sống.

TRANH CỬ Ở MỸ: TỪ NỤ HÔN ĐẾN CÁC CON SỐ

Trong tháng Tám hai đảng Cộng Hòa và Dân Chủ lần lượt tổ chức đại hội để chính thức đưa ra các ứng cử viên Tổng thống và Phó Tổng thống năm 2000. Năm nay, cả hai ứng cử viên đều biểu diễn "nịnh vợ," chắc vì ai cũng chán cảnh ông Clinton lăng nhăng trong tòa Bạch ốc. Ở Philadelphia, Thống đốc George W. Bush được phu nhân là bà Laura hết lời khen ngợi. Ở Los Angeles sau khi bà Tipper Gore lên sân khấu giới thiệu chồng với đại hội đảng Dân Chủ, ông Gore bước ra ôm vợ để cảm ơn - như người ta thường vòng tay ôm nhẹ nhàng (hug) khi cảm ơn các phụ nữ. Nhưng ông Gore đã nhân cơ hội này ôm chầm bà vợ hôn thắm thiết rất lâu. Hình đăng trên báo và coi trên ti vi cho thấy hai ông bà đều nhắm cả hai mắt lại, lâu đến sốt ruột. Sau đó báo chí ở Mỹ đã bàn luận, và đăng nhiều thư độc giả bầy tỏ ý kiến về nụ hôn bất ngờ đó. Nhiều người đặt câu hỏi: Họ hôn nhau tự nhiên hay là có chuẩn bị, có đạo diễn? Họ có tập rượt với nhau từ mấy hôm trước hay không? Tại sao phải biểu diễn như vậy? Nhiều người phản đối những câu hỏi đó: Bộ mấy người không hôn vợ hôn chồng mình bao giờ hay sao?

Ứng cử viên Al Gore có một nhược điểm là cử tri Mỹ thấy ông ta chỉ chú ý đến các chương trình tranh cử đầy con số, con người thì lạnh lùng, cứng nhắc, không có gì hấp dẫn cả. Về cá tính, ông Gore thua xa ứng cử viên George W. Bush của đảng Cộng Hòa, một người được coi là có vẻ mặt và thái độ thân mật, đầm ấm, có dáng dấp một nhà lãnh đạo. Trong đại hội đảng Dân Chủ ông Gore đã phải xóa cái hình ảnh quá trí thức, quá khô khan của ông đi. Trước ngày ôm hôn vợ, buổi tối trước đó ông Gore đã "bất ngờ" bước ra sân khấu ôm con gái sau khi cô phát biểu ý kiến với các đại biểu. Cô con gái ông tỏ vẻ ngỡ ngàng! Bất ngờ thật hay không? Hay là hai cha con cũng đã chuẩn bị trước?

Nhật báo The Wall Street Journal nổi tiếng đạo mạo, không loan tin về nụ hôn kỷ lục của ông Gore, nhưng một tuần lễ sau khi ông Gore hôn biểu diễn, tờ báo bảo thủ của giới tài chánh Mỹ đã đăng tin về hậu quả của nụ hôn chính trị đó. Tựa đề bản tin là: "Gore thắng thế ở Tiểu bang Missouri, một phần vì Nụ hôn ở Đại hội."

Kết quả bầu cử Tổng thống căn cứ vào số phiếu cử tri đoàn, mỗi tiểu bang có một số phiếu, tùy theo dân số. Ông Gore có vẻ sẽ ăn tại California (54 phiếu) và New York (33 phiếu), nhưng ông Bush thắng thế ở nhiều nơi khác, nhất là Texas. Vào cuối tháng Tám tổng kết ông Bush hiện nắm được 161 phiếu cử tri đoàn, ông Gore được 158 phiếu. Muốn thắng cử phải được 270 phiếu. Hai đảng đang nhắm vào các cử tri độc

lập, nhất là giới trung lưu. Họ đang tranh giành nhau tại các tiểu bang miền Trung Tây (Mid West) và miền Nam, thí dụ ở Missouri.

Trong mười cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ gần đây nhất, tiểu bang Missouri luôn luôn dồn đa số cho người đắc cử. Cho nên hai ứng cử viên đều chú ý đến cử tri ở nơi này. Trước đại hội đảng Dân Chủ, ông Bush đã dẫn trước ông Gore ở Missouri, nhưng sau đại hội thì ông Gore đã đuổi kịp và có thể qua mặt ông Bush. Một cuộc phỏng vấn cử tri tiểu bang cho biết họ đã nhìn thấy rõ hơn khía cạnh tình cảm trong con người ông Gore, nhờ những nụ hôn ở đại hội đảng Dân Chủ. Một cử tri 54 tuổi, tự coi là độc lập và chưa quyết định bầu cho ai, nói: "Al Gore làm tôi ngạc nhiên. Trước đây tôi không biết ông ta có thể cũng say đắm như vậy!"

Một tuần lễ sau khi đại hội đảng Dân Chủ chấm dứt, những cuộc nghiên cứu dư luận cho thấy ông Gore đã vượt qua ông Bush về số phiếu của dân chúng, sau khi phải chạy đằng sau mấy tháng trời. Hãng Reuters và Zogby Poll cho biết sau đại hội đảng Cộng Hòa ông Bush đã dẫn trước với tỷ số 49%-32%, nhưng sau đại hội đảng Dân Chủ ông Gore đã lật ngược tình thế với tỷ số 44%-41%, tăng được 12 điểm. Trong số cử tri "trung lưu nghèo" không nghiêng về đảng nào (độc lập), với lợi tức từ 50 đến 75 ngàn Mỹ kim một năm, ông Gore đang đi sau ông Bush với khoảng cách 51%-32% đã vượt lên trước với tỷ số 49%-38%.

Yếu tố chính khiến ông Gore chiếm được cảm tình của nhiều người là bài diễn văn tại đại hội đảng Dân Chủ khi ông chấp nhận làm ứng cử viên của đảng. Trước đó, ông Bush chỉ đưa ra các khẩu hiệu đại cương trong đại hội Cộng Hòa, chú trọng đến cắt giảm thuế và đề cao sự hòa hợp quốc gia.

Trong tuần lễ chót tháng Tám ông Bush đã trình bầy về chương trình giảm thuế toàn bộ của ông và đem trình diện một trường hợp cụ thể. Ông giới thiệu với cử tri tiểu bang Louisiana gia đình ông Bechac gồm hai vợ chồng và hai con, chồng làm thầy giáo lương 40 ngàn một năm, bà vợ ở nhà trông hai con một và bốn tuổi. Ông Bush nói hiện nay ông Bechac đang đóng thuế 2075 Mỹ kim một năm cho chính phủ liên bang, nhưng với dự án giảm thuế 1300 tỷ Mỹ kim trong mười năm của liên danh Cộng Hòa, họ sẽ chỉ đóng 475 đô mà thôi. Nghĩa là nếu ông Bush đắc cử gia đình Bechac sẽ được bớt thuế 1600 đô ngay từ sang năm! Ông cũng cho biết với chương trình cắt thuế chỉ có 500 tỷ của ông Gore thì gia đình Bechac sẽ không được giảm thuế đồng nào hết!

Ngay lập tức, bộ tham mưu của ông Gore đã phản công với các con tính của họ. Họ cho biết đã phỏng vấn gia đình Bechac và biết họ có đóng tiền vào "quỹ tiết kiệm cho hưu bổng" cũng như đã đóng vào "quỹ tiết kiệm cho các con sau này đi học đại học". Phe Gore tính rằng nếu gia đình Becahc đóng cho hai quỹ tiết kiệm trên mỗi quỹ 1000 Mỹ kim thì, theo dự án của ông Gore, họ sẽ được liên bang trợ cấp bằng số tiền đó, cũng giống như được bớt thuế 2000 Mỹ kim. Ngoài ra, khi trừ bớt từ lợi tức số tiền 2000 đô la đã đóng, Bechac còn được giảm thuế 300 Mỹ kim, tổng cộng 2300 đô la! Bên ông Bush phản công lại, nói rằng con số 2300 đó giả thiết ông Bechac, 32 tuổi và bà vợ 29 tuổi, chịu đóng tối đa 2000 đô vào hai quỹ tiết kiệm. Nếu họ muốn tiêu xài thay vì tiết kiệm thì đâu có được hưởng! Trong khi đó theo chương trình của ông Bush thì Bechac sẽ được bớt thuế ngay 1600 đô! Cứ như thế, hai bên sẽ còn tranh cãi cho đến ngày bầu cử!

Chúng ta có thể thấy hai ứng cử viên giống như hai người bán hàng cạnh tranh với nhau. Bên này khoe mua hàng của tôi được bớt 1600 đô, người kia cãi lại, nếu mua của tôi lợi những 2300 đô lận! Y như ở chợ! Nhưng đó chính là chế độ dân chủ, đó mới là tranh cử tự do, bầu cử tự do. Ứng cử viên phải nghiên cứu đời sống thật của người dân, tìm hiểu nguyện vọng của họ và trình bầy các chương trình cụ thể. Người dân không phải chỉ được nghe các khẩu hiệu đại cương, nghe rất kêu nhưng trống rỗng. Người dân được biết ai làm gì với tiền thuế mình đóng, phải tính rõ lợi, hại của mỗi chương trình mà các ứng cử viên đưa ra, tính từng đồng bạc một! Ngoài ra còn được coi các ứng cử viên biểu diễn coi họ yêu vợ thương con như thế nào. Ít nhất cũng thấy có những con người sống thật giống như mình vậy, chứ không phải chỉ được nghe những khẩu hiệu như "Quyết tâm tiến đến Chủ nghĩa Xã hội" mà cả người nói lẫn người nghe đều không biết tiến đến đó thì thấy cái gì!●

KARENNA GORE SCHIFF - ÁI NỮ CỦA PHÓ TỔNG THỐNG AL GORE

THANH THẢO

Trong kỳ Đại Hội Đảng Dân Chủ Toàn Quốc Hoa Kỳ năm 2000 tổ chức tại Los Angeles, California năm nay, ngoài phần diễn thuyết của các chính khách nổi bật của đảng, khán giả trực tiếp và gián tiếp đều phải ngạc nhiên thích thú vì sự xuất hiện của một phụ nữ trẻ trung, duyên dáng, lịch thiệp, mới 27 tuổi mà đã chứng tỏ khuynh hướng thích hợp đặc biệt với chính trường. Đó là ái nữ của Phó Tổng Thống Hoa Kỳ, cô Karrena Gore Schiff. Phó Tổng Thống Al Gore là người đang chờ đợi được chính thức đại diện đảng Dân Chủ để tranh cử chức vụ Tổng Thống vào tháng 11 này, và vì được xem là diễn viên chính trong toàn chương trình Đại Hội Đảng Dân Chủ, nên đáng lẽ ông phải đợi giây phút chính thức được giới thiệu mới xuất hiện trên diễn đàn. Tuy nhiên, có lẽ vì không thể cưỡng lại sức thu hút và bài diễn văn chí tình của cô con gái, Phó Tổng Thống Al Gore đã bước ra khán đài để tỏ sự hãnh diện của người làm cha với cô. Sau đó, nhân viên phụ tá đã phải cố giữ ông lại dưới khán đài. Hành động này gây sự ngạc nhiên cho cử tọa và khán giả. Nhưng không riêng gì ông Al Gore, những người theo dõi bài diễn văn khởi sự cuộc đề cử chính thức của các đại biểu Đảng Dân Chủ tối Thứ Tư ngày 16 tháng 8 năm 2000 này cũng không khỏi cảm động với những lời kêu gọi của cô Karenna Gore Schiff để "Bầu cho một người không phải chỉ vì ông là một người cha tuyệt vời của cô và các em trong nhà, mà vì ông sẽ là một người cha tốt với toàn thể những người con của Hoa Kỳ thuộc thế hệ tới."

Theo những nhận xét thông thường về những chính khách, những người đàn ông tài năng và thành công thường có được sự hỗ trợ của người phụ nữ lúc nào cũng theo sát cạnh mình. Đối với đa số trường hợp, vai trò này là của người vợ, như trường hợp của Tổng Thống Bill Clinton, có bà Hillary Rodham Clinton, hay trường hợp Thống Đốc tiểu bang Texas George W. Bush có bà Laura Bush chẳng hạn. Tuy nhiên, với Phó Tổng Thống Al Gore, dù rằng bà Tipper Gore lúc nào cũng xuất hiện trong vai trò người vợ tốt, nhưng người phụ nữ trợ giúp đắc lực cho ông lại chính là cô con gái Karenna Gore Schiff. Không những chỉ là một ái nữ lúc nào cũng sẵn sàng bày tỏ quan điểm trung thực về những hoạt động của cha trong chính trường, Karenna còn là một phụ tá thân tín mà ông Al Gore tin cậy nhất trong việc vận động tranh cử của ông cho dù bên cạnh ông lúc nào cũng có hàng chục chuyên viên trong tư thế sẵn sàng phụ giúp ý kiến.

Theo bài viết của phóng viên Tamala M. Edwards trên tạp chí TIME, số phát hành ngày 21 tháng Tám năm 2000, cô Karenna Gore Schiff được xem là người có tài năng tiếp nối sự nghiệp chính trị của cha cô trong thế hệ tới, thay vì một người con trai, hoặc một em trai, theo lệ thường. Tuy rằng ông Al Gore có con trai, Albert III, và chưa ai xác định được rằng Albert III có theo bước cha trong chính trường hay không, nhưng không ai có thể phủ nhận rằng tương lai của cô gái đầu lòng Karenna sẽ là trong môi trường chính trị. Trong kỳ vận động tranh cử năm 2000 này của Phó Tổng Thống Al Gore, cô Karenna hiện là nhân vật đương đầu với những cuộc họp báo, phỏng vấn, trả lời câu hỏi của giới truyền thông...

Để thu hút được giới trẻ chú tâm đến những đề tài được đề cập đến trong thời gian tranh cử, những buổi tranh luận, và quan trọng nhất là đi bầu cử, cô Karenna đã lãnh trách nhiệm điều hành một vị trí trên mạng lưới điện toán toàn cầu mang tên Gorenet. Tại vị trí này, cô Karenna cho những người vào thăm được biết những mẩu chuyện nho nhỏ trong thời

gian phục vụ quốc gia của cha mình, những mẩu chuyện cho thấy ông là một con người có tình cảm chứ không phải lúc nào cũng lạnh lùng, đúng khuôn mẫu như những hình ảnh thu thập được từ giới truyền thông.

Còn nói về giá trị đạo đức con người? Khi được hỏi trong một cuộc phỏng vấn trên truyền hình rằng giá trị nào cha dạy mà cô cho là quan trọng và đáng nhớ nhất? Cô Karenna đã trả lời rằng đó là bài học hãy tương trợ và đứng bên cạnh một người bạn đang gặp hoạn nạn. Câu trả lời của Karenna được đánh giá là rất khôn ngoan và đúng thời điểm vì góp phần giải thích hành động tương trợ của cha cô ở vai trò Phó Tổng Thống trong lúc Tổng Thống Bill Clinton đang là mục tiêu bị chỉ trích bởi giới truyền thông, và gặp sự chất vấn liên tiếp từ các thành viên trong các ủy ban đặc trách từ lưỡng viện Quốc Hội. Khi nhắc đến sự đúng đắn đến độ bị chỉ trích là quá cứng cỏi của cha mình, cô Karenna đã bênh vực rằng cha cô là một người lúc nào cũng dùng lý trí để xử sự, mặc dù ông cũng có tình cảm nhưng ông đã khắc phục được cảm tình của mình. Và cô còn cho biết thêm sở dĩ hai cha con rất tâm đầu ý hợp là vì cùng xử sự bằng lý trí. Dù rằng đây không phải là việc lúc nào cũng dễ thực hiện, nhưng lại là cách xử thế cần thiết của một chính khách thành công trong những vấn đề liên quan đến công bằng xã hội và ảnh hưởng đến số quần chúng đông đảo.

Không phải tài năng của Karenna chỉ thu gọn trong những vấn đề công bằng xã

Karenna Gore Schiff

hội, mà dường như ưu điểm của cô là ở lãnh vực chính trị. Và không phải chỉ có tại những nơi công cộng hay ở khán đài hoặc nơi có đông cử tọa cô Karenna mới chứng tỏ khả năng đặc biệt của mình. Khả năng của cô có lẽ được nhận thấy rõ nét hơn tại hậu trường sân khấu. Theo lời những nhân viên phụ tá Phó Tổng Thống Al Gore thuật lại, cô Karenna đã tham dự buổi họp giữa cha cô và các phụ tá thân cận để tìm cách ứng phó trong cuộc tranh luận sắp đến với đối thủ chính trị Jack Kemp năm 1996. Jack Kemp là một chính khách Đảng Cộng Hòa, đứng phó trong liên danh ứng cử Tổng Thống của ứng viên Bob Dole. Ngoài vai trò chính khách, Jack Kemp là một cựu cầu thủ nổi tiếng bộ môn Bóng Bầu Dục, hay Foot Ball. Cử tri Mỹ rất ưa chuộng thể thao và các ngôi sao thể thao, cho nên Al Gore không dễ nắm phần thắng nếu dùng những thành tích về môi sinh của mình đối chọi với những thành tích thể thao nổi trội của Jack Kemp. Trong phòng họp rất đông người, cô Karenna đã nghĩ ra phương kế với những câu đã được cha cô theo đúng trong buổi tranh luận được trực tiếp truyền hình giữa ông và đối thủ chính trị. Đó là: "Nếu ông không nhắc đến những câu chuyện liên quan đến football, tôi sẽ không nhắc chút nào đến những mẩu chuyện ấm áp và tiếu lâm về hóa chất trong môi trường." Năm đó Karenna mới 22 tuổi.

Vào lúc cuộc tranh cử sơ bộ trong Đảng Dân Chủ đang diễn ra gay cấn giữa Al Gore và Bill Bradley tháng Ba năm nay, Karenna Gore Schiff đã là người giúp cha tìm ý để đặt thành những tiêu đề tranh luận. Cô đã giúp gợi ý quan trọng nhất là "Ngôi vị Tổng Thống Hoa Kỳ không phải là một cuộc thực tập giáo dục." Đây là nguyên văn của ý kiến đã được các chuyên gia cố vấn cho ông Al Gore khai triển để giúp ông thắng ông Bill Bradley và trở thành người đại diện chính thức Đảng Dân Chủ. Karenna cũng là người khuyên cha đừng dùng những ngôn từ hoa mỹ khi phát biểu trước công chúng, mà hãy dùng những ngôn ngữ bày tỏ tình cảm chân thật xuất phát từ đáy lòng. Ngay cả mẹ cô, bà Tipper Gore cũng khen con gái rằng cô là người không đánh bóng những ý kiến đóng góp, mà luôn chọn lựa sự thật... mất lòng khi khuyên ngăn cha. Ông Al Gore cũng đồng ý về khía cạnh thành thật của con gái khi nhắc lại thái độ của cô sau một buổi theo dõi ông diễn thuyết. Trong lúc tất cả những nhân viên cố vấn được trả thù lao đã khen tới tấp bài diễn văn của ông Al Gore rằng bài diễn văn quá hay, cô Karenna đợi lúc mọi người về hết mới đến gần cha thỏ thẻ rằng: "Bố ơi, bài diễn văn vừa rồi không phải là một bài hay."

Karenna Gore Schiff cũng cho cha cô cơ hội nhìn thấy xã hội thật khi cô khuyên ông phải đối diện với khó khăn, và phải giải thích với quốc dân về sai lầm của mình trong lời tuyên bố sẽ ủng hộ quyền lưu lại Mỹ vĩnh viễn cho cậu bé thuyền nhân Cuba Elian Gonzalez mùa Hè năm nay. Tuy rằng sự xuất hiện của Al Gore trên chương trình "Today" của đài NBC không hoàn toàn xóa bỏ được hậu quả của việc ông làm, nhưng nhờ nghe theo lời khuyên của con gái, ông Al Gore đã khiến cho giới truyền thông ngưng sự chỉ trích liên tiếp hàng ngày.

Có thể vì là con đầu lòng, Karenna Gore Schiff có khuynh hướng bảo vệ cha mẹ mình. Khi ông Al Gore tự rút lui trong cuộc vận động tranh cử năm 1988, hình ảnh khuôn mặt đẫm lệ của cô xuất hiện trên trang bìa nhiều tạp chí. Cô thương cha và chia xẻ nỗi thất vọng của ông lúc đó, nhưng cô cho biết cô khóc gấp nhiều lần ba năm trước khi giới truyền thông và giới chuộng âm nhạc chỉ trích mẹ cô trong nỗ lực của bà nhằm giảm bớt sự đồi trụy của lời hát những bài nhạc trẻ. Vào dịp cùng đi trên xe bus với những người trong giới truyền thông và chịu đựng sự châm chọc mẹ mình trong những câu chuyện trao đổi giữa họ, cô bé Karenna Gore 14 tuổi đã không khóc, mà giữ im lặng. Tuy nhiên, khi xe ngừng và mọi người sửa soạn xuống xe, cô đã nghiêm trang tuyên bố rằng "Quí vị không hề biết quí vị đang nói đến cái gì hết." Tất cả những người hiện diện trên chuyến xe hôm đó có lẽ không thể nào quên được khuôn mặt Karenna.

Karenna đã tốt nghiệp đại học Harvard, và đã lập gia đình với ông Andrew Schiff, một bác sĩ đẹp trai con một nhà công nghiệp giàu nổi tiếng đầu thế kỷ 20. Hiện cô đã sinh một con trai mới vài tháng tuổi. Karenna là một người được các chính khách đảng Dân Chủ cưng yêu và giới trẻ đồng lứa ngưỡng mộ. Trong toàn chương trình vận động tranh cử của ông Al Gore năm nay, cây bút của Karenna Gore Schiff đã góp phần sửa bài diễn văn của cha và mẹ mình, cũng như ý kiến của cô cũng được tham khảo mỗi khi cha cô họp để tìm hướng vận động mới. Theo nhận xét của giới phân tích gia chính trị, quyết định của ông Al Gore chọn Thượng Nghị Sĩ Joseph Lieberman đứng cùng liên danh tranh cử Tổng Thống chắc chắn phải có ý kiến chấp thuận của Karenna. Tương lai trong chính trường của Karenna Gore Schiff dường như đã được định sẵn với chiều hướng phát triển của cô ở lãnh vực này. Tương lai đó đã được một chính khách thế lực thuộc đảng Dân Chủ khẳng định: Bà Tipper Gore là vợ của một chính khách, và chắc chắn sẽ là mẹ của ít nhất một chính khách nữa.

TRÚNG SỐ ĐỘC ĐẮC

TRẦN QUÁN NIỆM

Muốn thành triệu phú trong nháy mắt, tiêu xài phây phá, nhưng lại chẳng muốn tốn công lao, vốn liếng, thì chỉ có cách mau nhất là mua xổ số. Bỏ ra chừng vài đồng, ghé chợ hay các sạp báo là bạn có thể mua được vài tấm giấy số và rất nhiều hy vọng. Tiểu bang nào cũng có chương trình xổ số. Trúng nhỏ thì ăn vài trăm, trúng trung bình thì ăn vài chục ngàn, trúng lớn thì ăn bạc triệu. Ấy là chưa kể loại xổ số liên tiểu bang, nhiều khi số tiền dồn lại nhiều tuần vì không có người trúng, lên đến hàng trăm triệu.

Đó là trường hợp xổ số Big Game được tổ chức bởi bảy tiểu bang: Georgia, Illinois, Maryland, Massachussets, Michigan, New Jersey và Virginia. Liên tiếp hai tháng, hàng tuần không ai trúng cả, nên số tiền tăng vùn vụt. Từ vài chục triệu, lên đến một trăm triệu, rồi hai trăm triệu. Thế là thiên hạ lên cơn sốt tiền. Cả những người rất ít khi chơi xổ số cũng ráng mua 5, 10 đồng, chưa kể là có ông bỏ cả nguyên tuần lương mua số, quyết ôm về vài trăm triệu. Nói chi đến các vị nghiện vé số. Các vị này dốc hầu bao, mua chết bỏ. Rồi sợ mình không đủ vận may để mời thần tài ghé lại, họ lập hội, nhiều người hùn lại mua chung và chia đều, người này nương nhờ vận may của người khác kéo mình đi hốt bạc. Cuối tháng vừa qua, lô trúng tăng nhanh như ngựa phi, lên 350 triệu. Ở đâu người ta cũng bàn tán về chuyện xổ số và làm giầu. Tuy không nói ra nhưng ai cũng thầm mong mình sẽ là người may mắn nhất, ẵm trọn 350 triệu, ăn chơi suốt đời không hết.

Cơ may run rủi

Giống anh chàng lười, nằm dưới gốc cây sung, há miệng chờ sung rụng, mua số thì dễ, trúng mới khó. Cơ may để trúng số độc đắc Big Game là 1 phần 76 triệu. Tỷ lệ trúng nhỏ như vậy nhưng có ai thắc

mắc. Ai cũng tin là mình sẽ được thần tài gõ cửa. Tùy phần phước của mình và của ông bà để lại. *"Số giàu đem đến, dửng dưng cũng giàu."* Mua $1 nếu trúng là trúng. Bằng chứng là hàng tuần, các tân triệu phú bất ngờ, nào có giỏi giang gì hơn ai. Họ cũng ghé tiệm mua cầu may. rồi tự dưng trúng lớn, chứ có tính toán gì được đâu. Nhưng mua mãi, không trúng cũng nản, nhiều khi mua xong để đó, quên dò nên trúng mà không hay. Hằng năm có nhiều số trúng không ai lĩnh, sau một năm được xung vào công quĩ. Chỉ béo ông nhà nước, tiền vào ngon ơ. Công bộc nhà nước tha hồ tiêu xài vô tội vạ số tiền chùa này.

Triệu nhưng không phải là triệu

Thí dụ bạn trúng số một triệu, bạn đừng tưởng là lãnh được một triệu đâu. Vì nếu lãnh tiền mặt ngay một lúc, thì chỉ còn khoảng một nửa, nghĩa là trên dưới $500,000. Nhưng rồi ông Sở Thuế đâu có để bạn yên thân, đánh thuế thẳng tay (chừng 40% thuế liên bang và tiểu bang). Do đó bạn chỉ còn lãnh chừng vài trăm ngàn thôi.

Như vậy số trúng một triệu, sở Xổ Số chỉ phát khoảng $500 ngàn, chẳng lẽ sở Xổ Số nói xạo sao? Không. Nếu bạn lãnh theo kiểu "niên kim" (annuity) mỗi năm $50,000 trong vòng 20 năm, là đủ số một triệu. Còn lãnh ngay (cash) thì chỉ có chừng năm hay sáu trăm ngàn thôi. Cái bí mật ở đây là khi lãnh niên kim, số tiền còn lại đẻ ra tiền lãi, tự nó nuôi nó, mỗi năm nó đủ sức cung cấp $50,000 cho tới 20 năm sau.

Làm sao để giữ được số tiền hàng triệu, "trên trời rớt xuống" này.

Vì không biết bạn thành triệu phú lúc nào, nên sẵn sàng chuẩn bị từ bây giờ là vừa. Nếu thình lình bạn trúng số, thì ngoài việc mừng rỡ, bàng hoàng ngây ngất, ngơ ngẩn trong sung sướng, tựa người mê ngủ, bạn cần bình tĩnh để :

1- Gọi ngay một luật sư (nếu ông luật sư trúng số thì không biết ông gọi ai). Luật sư có những lời khuyên hữu ích làm sao lãnh tiền mà không khiến nhiều người khác biết để quấy rầy bạn,

2- Nên kín miệng. Ngay khi bạn hở ra là bạn trúng số, chắc chắn bạn sẽ nhận được nhiều cú điện thoại cũng như những thăm viếng của những kẻ bạn không hề quen biết mà mục đích của họ là quấy rầy bạn kiếm chút cháo, như họ hàng và bạn bè "xa lắc, xa lơ," các vị sĩ quan tài chánh "rớm" cũng như những cơ quan "từ thiện" bá vơ.

3- Cần có một vài cố vấn. Ngoài luật sư, nên thuê một chuyên viên kế toán CPA, một chuyên viên tài chính có khả năng. Chuyên viên kế toán sẽ tính toán để biết chắc bạn phải trả bao nhiêu tiền thuế. Chuyên viên tài chính sẽ giúp bạn hoạch định một kế hoạch tài chánh lâu dài cho tương lai. Ông này sẽ khuyên bạn nên lãnh tiền mặt ngay hay lãnh rỉ rả kiểu "niên kim". Đồng thời có tiền rồi, cũng cần biết cách đầu tư sáng suốt để tiền đẻ ra tiền. Thiếu gì người trúng độc đắc, ăn xài vung vít, đầu tư bừa bãi, cuối cùng sạt nghiệp, của thiên trả địa.

4- Cần tiên liệu vấn đề thừa kế. Nếu bạn lãnh "niên kim" và từ trần trước khi hết hạn lãnh tiền trúng xổ số, người thừa kế lãnh tiếp, thì vấn đề thuế má cũng rất rắc rối, tốn kém.

PHỤ NỮ NĂM 2000 VÀ GIẤC MƠ QUYỀN LỰC

TQN

Bước tiến nhẩy vọt

Trong vài thập niên gần đây, giới phụ nữ tại Hoa Kỳ đã đạt những thành quả rực rỡ. Các khuôn mặt phụ nữ xuất hiện trên chính trường, tại các công ty lớn, trong quân ngũ và nắm giữ những chức vụ then chốt.

Năm 1984, bà Geradine Ferraro ứng cử Phó Tổng Thống cùng với ứng cử viên Tổng thống Walter Mondale.

Từ năm 1992, đảng dân chủ do ông Clinton là Tổng Thống đã hết sức o bế phụ nữ. Nhiều chức vụ quan trọng lọt vào tay phái nữ.

Phái nữ thấy thời cơ thuận lợi, nhất quyết không bỏ lỡ cơ hội, chuẩn bị hậu thuẫn cho những khuôn mặt phụ nữ sáng chói nhất tranh cử chức vụ nguyên thủ quốc gia, như đã từng xẩy ra tại hơn 20 quốc gia trên thế giới.

Năm 1992, các bà mệnh danh là Năm của Phụ Nữ (Year of Woman).

Năm 1996 các bà mệnh danh là Năm của các bà Thống Đốc (Year of the Woman Governor).

Năm 2000 các bà mệnh danh là Năm của Nữ Tổng Thống Hoa Kỳ (Year of the Woman President).

Người ta thường xuyên nhắc đến những kiện tướng sau đây:

Đảng Dân Chủ, bà Thượng Nghị Sĩ Dianne Feinstein, tốt nghiệp đại học Stanford năm 1955, và là nữ thị trưởng đầu tiên của thành phố San Francisco vào năm 1978. Năm 1992 bà thắng cử Thượng Nghị Sĩ với số phiếu cao kỷ lục. Bà thắng cử liên tiếp hai nhiệm kỳ Thượng Nghị Sĩ tiểu bang California. Ngoài ra còn có bà Phó Thống Đốc Kathleen Kennedy Townsend, dòng dõi họ Kennedy và bà Geradine Ferraro, cựu ứng cử viên phó tổng thống năm 1984.

Đảng Cộng Hoà, bà Elizabeth Dole có nhiều thành tích hoạt động. Bà tốt nghiệp từ những đại học danh tiếng Hoa Kỳ và Anh Quốc. Bà Dole không phải là tay mơ trong chính giới. Bà là một luật gia. Trong nội các Reagan, bà là bộ trưởng Giao Thông, Vận Tải từ 1983 tới 1987. Trong nội các Bush, bà là bộ trưởng Lao Động từ 1989-1990. Tuy chưa nắm một chức vụ dân cử nào, nhưng bà đã có nhiều kinh nghiệm trong các vận động tranh cử cũng như gây quĩ cho chồng. Ngoài bà Dole, còn có Nữ Thống Đốc Tiểu bang New Jersey là bà Christine Todd Whitman.

Ngày 2 tháng 1 năm 1999 bà từ chức Giám Đốc cơ quan Hồng Thập Tự để chuẩn bị ứng cử Tổng Thống.

Các vị phụ nữ Hoa Kỳ hồ hởi lắm, suýt soa: Có thế chứ, phụ nữ tiến mạnh, tiến mau, nắm thế chủ động của thiên niên kỷ mới. Năm 2000 là năm Phụ Nữ làm Tổng Thống.

Nghĩ vậy cũng đúng thôi, vì còn gì thích hợp cho bằng thời điểm này. Trên chính trường phe đàn ông suy thoái thấy rõ. Nổi bật là Tông Tông Clinton sau vụ xì gà Monica, kéo theo nhiều tiết lộ về các vụ lem nhem ái tình của các nhân vật dân cử cũng như công quyền nam giới làm người dân chán nản, muốn đổi mới.

Thấy bà từ chức tại hội Hồng Thập Tự, người ta lại càng tin tưởng vào quyết tâm của bà, và phỏng đoán là bà phải nắm chắc phần thắng mới quyết định như vậy, chứ dại gì mà thả mồi bắt bóng.

Thừa thắng xông... lui

Ai ngờ con bài đang sáng giá, bỗng từ chức cái rụp. Ngày 21 tháng 10, 1999 bà tuyên bố chính thức rút tên khỏi cuộc tranh cử Tổng Thống năm 2000. Mọi người, nhất là phe phụ nữ chưng hửng.

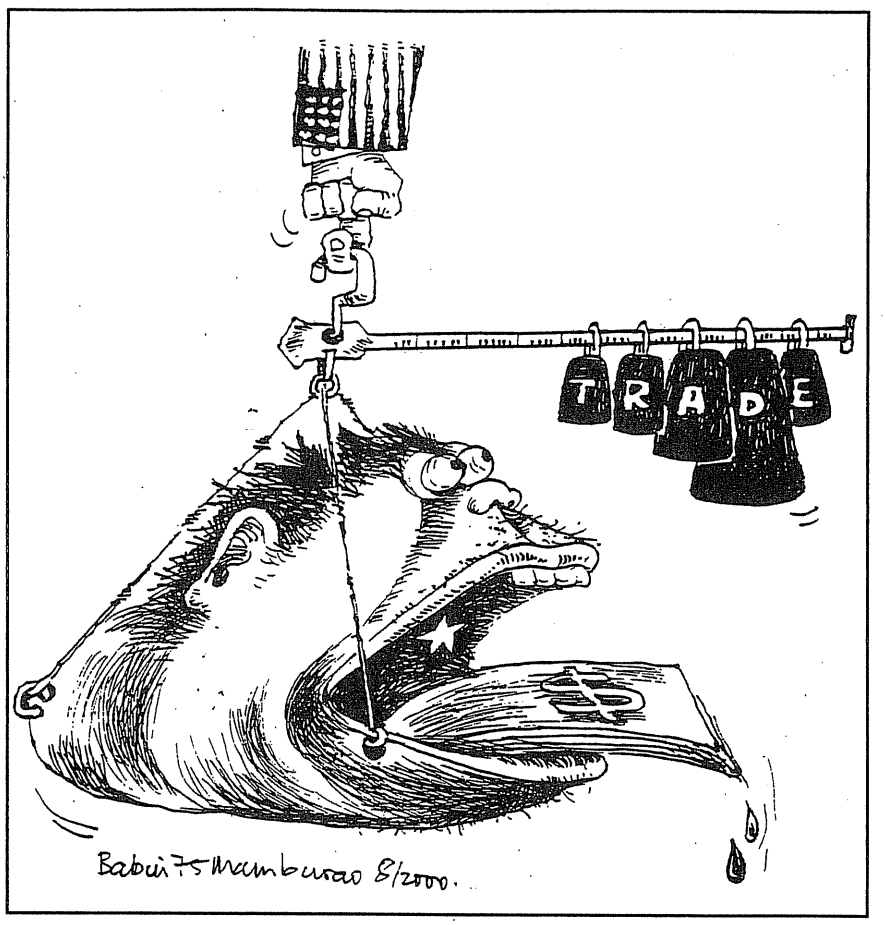

Bà Dole cho hay, tiền quyên góp từ người ủng hộ quá ít (chưa đầy 5 triệu so với gần 60 triệu của Bush). Có thực mới vực được đạo. Vai mang túi bạc kè kè. Nói quấy nói quá, người nghe ầm ầm.

Thế là giấc mộng phụ nữ làm Tổng Thống Hoa Kỳ năm 2000 đã tan thành mây khói.

Tuy nhiên, còn nước còn

tát. Nếu chưa làm Tổng Thống được thì làm Phó Tổng Thống vậy. Dù Ứng Cử Viên Tổng Thống thuộc đảng Dân Chủ hay đảng Cộng Hòa thì cũng cần một khuôn mặt phụ nữ làm Phó để câu phiếu giới phụ nữ. Theo sự thăm dò dư luận thì bà Dole được 58% đảng Cộng Hòa ủng hộ. Bà Diannne Feinstein được 24% đảng Dân Chủ ủng hộ.

Phái phụ nữ tiếp tục nuôi hy vọng.

Nhưng đùng một cái, tháng 8, 2000 trong cái khí thế tưng bừng của Đại Hội Đảng Dân Chủ cũng như Đảng Cộng Hoà, ông Cheney được ông Bush chọn là Ứng Cử Viên Phó Tổng Thống Đảng Cộng Hòa và ông Lieberman được ông Gore chọn là Ứng Cử Viên Phó Tổng Thống Đảng Dân Chủ.

Báo chí và dư luận chẳng ai nhắc tới giới phụ nữ cả. Thiên niên kỷ 2000 bắt đầu nhưng giấc mơ quyền lực của phụ nữ Hoa Kỳ hãy còn xa.

TAI NẠN TRONG LÒNG BIỂN

TQN

Thực trạng Hải Quân Nga ngày nay

Sau khi tình trạng chiến tranh lạnh giữa khối Cộng Sản và Tự Do chấm dứt, hai siêu cường Nga Mỹ thực sự bước vào vào chương trình tài giảm binh bị. Mọi loại vũ khí, chiến cụ xử dụng trong chiến tranh và phòng vệ an ninh quốc gia được giảm thiểu từ từ. Tuy nhiên số chiến hạm Hải Quân Nga giảm 84%, từ 613 chiếc xuống 95, trong khi Hải Quân Mỹ và Âu Châu chỉ giảm 40%. Thêm vào đó từ ngày Liên Bang Sô Viết

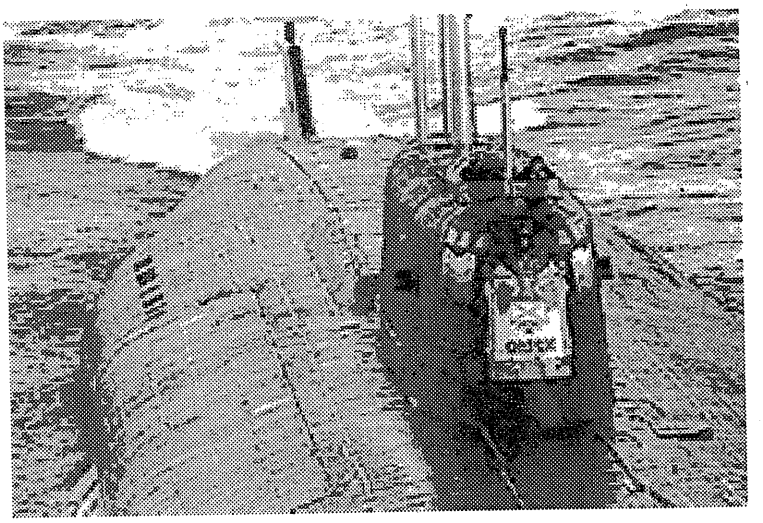

Tàu ngầm nguyên tử Kursk của Nga

sụp đổ, từ giã chế độ Cộng Sản và chia năm xẻ bảy, Nga không còn đứng vững ở địa vị cường quốc nữa vì kinh tế kiệt quệ. Ngân sách quốc phòng bị cắt giảm tối đa. Hải Quân bị ảnh hưởng nặng nề nhất vì số tiền ít ỏi kia được dồn qua Lục Quân và Không Quân cũng như tài trợ cuộc nội chiến tại Chechnya. Chiến hạm nằm ụ, rỉ sét tại bến và thủy thủ đoàn sa sút tinh thần vì lương không đủ sống. Chỉ khoảng 10% chiến hạm khiển dụng và có khả năng hoạt động ngoài khơi, do đó kinh nghiệm chiến đấu của thủy thủ đoàn thấp vì không có dịp thực tập huấn luyện.

Thao dượt thủy chiến

Nhận biết sự yếu kém này, Tổng Thống Vladimir Putin có tham vọng phục hồi sức mạnh của Hải Quân, ít ra không bằng Mỹ thì cũng ngang hàng với Hải Quân Pháp và Anh. Đó là lý do vào thượng tuần tháng 8, 2000, Hải Quân Nga mở cuộc thao dượt thủy chiến lớn, gồm 30 chiến hạm thuộc hạm đội Tây Bắc, tại vùng biển Barents Sea, khoảng 90 miles phía Đông Bắc hải cảng Murmanks.

Vào ngày thứ hai của cuộc thao dượt, sáng thứ bẩy 12 tháng 8, tiềm thủy đĩnh nguyên tử tối tân nhất của Nga, có khả năng bắn hỏa tiễn tầm xa, là chiếc Kursh, hải hành thực tập tại vùng nước tương đối cạn, 354 feet so với chiều dài của tiềm thủy đĩnh là 505 feet. Thủy thủ đoàn gồm 114 sĩ quan và thủy thủ do hạm trưởng Gennadi Lyachin 45 tuổi chỉ huy và năm sĩ quan cao cấp thuộc hạm đội tháp tùng quan sát. Vào 11 giờ 28 phút sáng, Kursh đang hải hành ở mực nước 60 feet và vừa hoàn tất một lần phóng ngư lôi. Hạm trưởng radio xin phép Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Nhiệm để phóng thêm một ngư lôi thứ hai. Cũng cần biết rằng Kursh có khả năng trang bị 24 hỏa tiễn tầm xa và 24 ngư lôi loại lớn dư sức đánh chìm hàng không mẫu hạm Hoa Kỳ. Kursh không được phép trang bị loại hỏa tiễn mang đầu đạn nguyên tử, như đã ấn định trong hiệp ước vũ khí nguyên tử đã ký kết giữa các cường quốc. Lệnh phóng ngư

lôi được chấp thuận. Chiến hạm và tiềm thủy đĩnh Hoa Kỳ ở xa 186 miles âm thầm theo dõi cuộc thao dượt ghi nhận một tiếng nổ nhỏ tiếp theo là một tiếng nổ lớn hơn, mạnh đến nỗi máy ghi địa chấn của Na Uy cách đó 2,000 dặm cũng ghi được. Một sức nổ tương đương hai tấn thuốc nổ TNT.

Tai nạn thảm khốc

Theo như quan sát được khám phá sau này, phòng chứa ngư lôi phía mũi chiến hạm bị nổ tung, thiệt hại nặng đến lớp vỏ của tiềm thủy đĩnh. Nước tràn vào làm ngập một số khoang kín nước, gây thương vong tức khắc cho thủy thủ đoàn và làm tê liệt hệ thống chỉ huy, nhanh đến nỗi không một tín hiệu báo nguy khẩn cấp nào được gửi ra. Kurst hoàn toàn mất điện, máy đẩy tầu chạy bằng nguyên tử lực bất khiển dụng, tầu chìm xuống đáy biển. Có một số ít thủy thủ sống sót, cố gắng liên lạc với bên ngoài bằng cách gõ vào vỏ sắt thành tầu liên tiếp vài ngày sau đó.

Giới chức thẩm quyền Hải Quân ngoại quốc đoán phỏng là vì một lý do bất cẩn nào đó, có thể do thủy thủ đoàn thiếu kém kinh nghiệm, ngư lôi phát nổ trước khi rời ống phóng. Trong khi đó Hải Quân Nga loan báo là Kurst đụng phải một tầu khác và chìm. Giả thuyết này không đứng vững vì vào thời điểm đó không có sự hiện diện của bất cứ tầu biển nào trong vùng. Và nếu có thì tầu này cũng bị hư hại nặng, không thể nào dấu nhẹm được.

Phản ứng của Nga

Các giới quan sát lấy làm ngạc nhiên trước phản ứng chậm chạp của Bộ Tư Lệnh Hạm Đội Tây Bắc. Mặc dầu tuần dương hạm Nga Peter the Great nghe được tiếng nổ qua máy sonar, nhưng có lẽ không biết xuất phát từ đâu nên hạm đội Nga không có phản ứng. Trong vòng 11 giờ sau tai nạn, hạm đội Nga và Kursh ở trong tình trạng im lặng vô tuyến một cách khó hiểu. Mãi đến 11 giờ đêm, khi mà Kursh có nhiệm vụ báo cáo vị trí hiện tại, nhưng không thấy lên tiếng, hạm đội Nga mới báo động và gởi toán cấp cứu đi tìm. Ngày chủ nhật, xác tiềm thủy đĩnh Kursh được tìm thấy dưới đáy biển. Và mãi đến thứ Hai, Hải quân Nga mới loan tin về tai nạn. Hải quân Mỹ, Anh, Na Uy đề nghị phụ giúp trong việc cấp cứu thủy thủ đoàn lâm nạn, nhưng bị từ chối.

Loan tin thất thiệt. Hoảng hốt. Không hữu hiệu

Ngay từ đầu, với thói quen tự hào của chế độ Cộng Sản thời cũ, Nga đã cố ý dấu diếm, báo tin chậm trễ về sự thật của tai nạn.

Thoạt đầu, Nga nói tiềm thủy đĩnh đụng tầu khác rồi phát nổ. Sau đó, thấy lời nói dối này khó đứng vững, nên Nga lại nói Kursh đụng phải một vật nào đó (mìn hay đáy biển). Sau khi loan tin cho thế giới biết về tai nạn, Bộ Tư Lệnh Hạm Đội Tây Bắc cho hay, tầu nổi đã nối được dây cáp xuống tiềm thủy đĩnh để cung cấp điện lực và dưỡng khí cho thủy thủ đoàn lâm nạn. Thật ra đây chỉ là một lời nói thất thiệt. Các tàu ngầm cấp cứu tí hon của Nga không sao thực hành được công tác cấp cứu vì biển động và có lẽ một phần vì thủy thủ Nga không được huấn luyện thuần thục. Chờ đến ngày thứ tư, khi mà thủy thủ đoàn tiềm thủy đĩnh Kursh có lẽ đã chết vì thiếu dưỡng khí, Nga mới đồng ý nhận sự trợ giúp cấp cứu của hải quân Anh và Na Uy. Trong thời gian này, Tổng thống Putin vẫn tiếp tục nghỉ hè nơi bãi biển Hắc Hải.

Cho đến một tuần lễ sau, thì tất cả đã quá muộn. Thợ lặn Na Uy mở được cửa tàu ngầm, nhưng thân tàu ngập nước, 118 thủy thủ đoàn không một ai sống sót. Những tưởng nhiệm vụ của người nhái Na Uy đến đây là xong, nhưng không, Hải quân Nga nhờ họ vớt hộ xác những người thủy thủ đã hi sinh lên bờ. Nước Nga quả đã xuống dốc một cách thảm hại.

Tập quán thời Cộng Sản vẫn còn

Trong suốt thời gian này, gia đình của thủy thủ đoàn Kursh không được chính quyền thông báo về số phận thân nhân họ trên chiếc tàu bị nạn. Họ chỉ nghe tin tức sơ sài qua đài phát thanh và truyền hình. Tin nọ trái ngược với tin kia. Họ phải bỏ tiền túi, tìm phương tiện đến căn cứ hải quân hạm đội Tây Bắc để biết về số phận thân nhân.

Dư luận công chúng và gia đình những người thủy thủ công phẫn vì nhà nước đã không những không coi trọng tính mệnh quân nhân, mà còn thờ ơ như trường hợp Tổng Thống Putin tiếp tục nghỉ hè, hoặc quá chậm trễ trong việc cấp cứu như trường hợp các giới chức cao cấp hải quân Nga. Dưới chế độ Cộng Sản, người dân chỉ là công cụ phục vụ Đảng và Nhà nước, tập quán đó xem ra vẫn còn tồn tại cho đến bây giờ.●

ĐẾN VỚI NƯỚC NGA

PHẠM XUÂN ĐÀI

Cho đến khi tôi được đến với nước Nga thì cảm tưởng của tôi về nước này rất trái ngược nhau, vừa thân thiện, vừa ác cảm. Thân với nền văn học, ác cảm với chế độ chính trị đã qua của nó. Đó là nói một cách rất tổng quát, ngoài ra tôi chẳng biết gì cụ thể về đất nước và con người tại đó. Nếu nước Nga không thay đổi chế độ chính trị cách đây gần một thập niên thì chắc tôi khó lòng đến với nó được. Nhưng dù sao Nga vẫn là một thế giới riêng biệt trong thế giới ngày nay, và đến với nước Nga vẫn là một điều đầy háo hức, thậm chí hồi hộp.

Tôi đi Nga với một người bạn, và người đón chúng tôi ở Mạc Tư Khoa là một người bạn khác. Thủ tục giấy tờ nói chung không nhiều, nhưng cũng có thể gọi là nhiêu khê, nhất là khi so với cách đi từ Mỹ đến những nước Tây Âu, chỉ việc mua vé máy bay, bỏ giấy thông hành vào túi và ra đi, chẳng phải bận tâm về một thứ giấy tờ nào khác, ngoài giấy đô-la, dĩ nhiên. Nhưng Nga là một nước thuộc một hệ thống khác hẳn, độc tài, khép kín, đối đầu với Tây phương đằng đẵng bảy mươi năm, thì những gì đã thành thâm căn cố đế trong nếp liên hệ quốc tế dễ gì thay đổi trong vòng chưa đầy mười năm, việc đụng phải những thủ tục xa lạ thì không có gì là lạ. Từ hai tháng trước khi đi chúng tôi đã phải liên lạc với anh chị Nguyễn Minh Cần - Inna ở Moscow để nhờ "mời" chúng tôi qua Nga. Chữ "mời" trong ngoặc kép là chữ dùng cho thủ tục giấy tờ, còn thực tế thì anh chị Cần - Inna đã ngỏ ý muốn chúng tôi qua thăm Nga từ lâu. Sau khi nhận được bản "lý lịch" của chúng tôi, chị Inna phải đến Vụ Lãnh sự thuộc bộ Ngoại giao Nga để làm đơn xin mời chúng tôi sang, với lý do là *công việc tôn giáo*, vì anh chị đang hoạt động cho Hội Phật giáo Thảo Đường bên ấy. Vụ Lãnh sự nhận đơn, cấp một biên nhận có số, anh chị Cần phải cho chúng tôi biết ngay con số đó để chúng tôi kèm với đơn xin Visa gửi cho Tòa Lãnh sự Nga tại San Francisco, gần nơi chúng tôi ở nhất. Nhờ tìm trên Internet, chúng tôi biết được bây giờ có thể xin Visa đi Nga bằng thư chứ không cần đích thân đến Sứ quán hay Lãnh sự quán như trước kia. Với đơn từ tài liệu in ra từ Internet, chúng tôi hoàn tất hồ sơ, gửi Bưu điện lên San Francisco vào cuối tháng Năm, và hai tuần sau thì nhận được Visa gửi về.

Về hình thức, Visa của Nga khác hẳn Visa các nước khác mà chúng ta thường thấy. Nó gồm một tờ giấy to màu xám, in toàn chữ Nga, ngay tên của mình cũng viết theo vần Nga, trên đó có dán hai tấm ảnh của người được cấp. Tuy không đọc được chữ Nga, nhưng tôi đoán biết đây là cả một hồ sơ an ninh của một người nước ngoài "xâm nhập" vào Nga. Dòng chữ tiếng Anh duy nhất người ta đọc được trên đó là lời căn dặn trong vòng ba ngày sau khi vào Nga, du khách phải trình diện với công an để được thị thực trên tấm Visa này. Đọc dòng chữ đó, tôi nghĩ đây có lẽ là những ấn chỉ của chế độ cũ còn lại, bây giờ vì tiết kiệm người ta vẫn dùng, chứ cái việc trình diện và chứng nhận thì chắc là không có nữa trong một nước Nga dân chủ. Đó là cái lầm đầu tiên của tôi về nước Nga. Giữa nhiều cái rất chung của thế giới ngày nay trên quả đất, Nga vẫn là một thế giới riêng. Hãy vào thám hiểm trong thế giới ấy.

Rời Los Angeles bằng máy bay của hãng Air France chiều ngày 01 tháng Bảy năm 2000, chúng tôi phải hạ cánh tại phi trường Charles De Gaulle, Paris, để thay máy bay. Có vẻ như là chuẩn bị cần thiết để vào một vùng đất lạ, nhưng thật ra Paris là giao điểm để gửi hành khách từ xa đi tiếp, theo những chuyến bay vùng. Sau một chuyến bay "lớn" từ châu Mỹ sang, hành khách đi đến các phi trường địa phương châu Âu đều phải đổi qua những chuyến nhỏ hơn. Chúng tôi đã bay 11 tiếng từ Los đến Paris với Boeing 747, bây giờ đi nốt ba giờ 45 phút nữa từ Paris đến Moscow, với máy bay Boeing 737. Sáu giờ chiều ngày 2/7 hạ cánh xuống phi trường Sheremetyevo của Moscow, trời mùa hè hãy còn sớm lắm, điều

đầu tiên tôi để ý là chiếc máy bay của Hàng Không Việt Nam đậu trên phi trường, có vẻ là loại tàu Air Bus của Âu châu, trang trí đơn giản, chỉ một dòng chữ màu xanh trên nền trắng hai bên thân máy bay, và một lá cờ đỏ sao vàng tương đối nhỏ ở đằng đuôi. Theo thói quen thời chiến tranh lạnh, thấy một cái gì thuộc thế giới cộng sản thì đều rất tò mò, bây giờ tôi đứng trên đất Nga đã là thế giới tự do, nhìn thấy tàu bay của Hà Nội thì một cảm giác tò mò rất đột nhiên lại nổi lên. Dù là thế giới cộng sản bây giờ chỉ còn là cỏn con, nhưng dù sao cũng là thế giới, chẳng thế, ông Lê Khả Phiêu, Tổng Bí thư đảng Cộng sản Việt Nam đã không đề nghị với Trung Quốc thành lập một "quốc tế" của dăm nước còn lại, chắc lại để... *dắt năm châu đến đại đồng.* Tôi nhìn máy bay của Hàng Không Việt Nam với cái tò mò thấy vật lạ bay từ cái "quốc tế" ly kỳ ấy ra, chứ đối với một người rời Việt Nam chưa đầy mười năm như tôi thì cái hãng hàng không ấy nào có xa lạ gì.

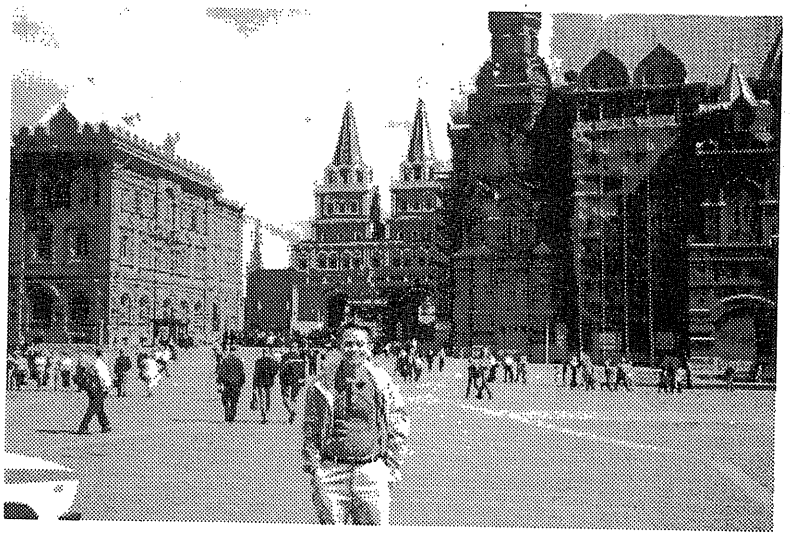

Cổng vào Kremlin

Phi cảng Sheremetyevo có một lối kiến trúc và trang trí khá lạ. Trên đường từ cửa máy bay ra chỗ nhận hành lý, đoàn hành khách chúng tôi đột nhiên phải dừng lại để nhường cho một đoàn khác đi cắt ngang con đường của chúng tôi. Đó là một sự lạ tôi chưa gặp ở một phi trường nào, vì thông thường người ta sắp xếp các lối đi từ các cửa ra không bao giờ cắt nhau để đoàn người này khỏi phải mất thì giờ chờ đoàn khác đi qua. Và trên khắp phi cảng, trần nhà được trang trí bằng những ống đồng đường kính độ một tấc, cắt ngắn xếp sát vào nhau miệng chĩa xuống dưới, giống như những ống đèn. Nhìn lên trần thì thấy toàn là những lỗ đen ngòm dòm xuống, trông cứ như một tổ ong khổng lồ. Kim loại đồng khi cũ màu xỉn lại làm cho khắp diện tích trần nhà mang một sắc màu thật u ám, với bao nhiêu vẻ bí mật ẩn dấu ở trong hàng ngàn cái lỗ đen, lối trang trí này đem lại một cảm giác nặng nề, nếu không nói là hơi ghê rợn.

Cũng như tại mọi phi cảng khác, khách quốc tế phải xếp hàng chờ trình thông hành. Nhưng sự xếp hàng ở đây cũng có chỗ khác các nơi khác. Thứ nhất là ít nhân viên và nhân viên làm việc chậm, phải chờ hơi lâu. Thứ hai là luôn luôn có những người xé rào đưa ngang giấy tờ vào quầy, với một mảnh giấy nhỏ của ai đó hoặc thì thào cái gì đó, thế là giấy tờ ấy được ưu tiên giải quyết, mặc kệ những người đang xếp hàng nóng ruột chờ nhích lên để đến lượt mình. Một ông du khách Mỹ không quen với lối làm việc *unfair* như thế liền lên tiếng phản đối, thì chỉ nhận được sự im lặng của những nhân viên người Nga. Sự im lặng như có vẻ muốn thay cho câu nói: "Biết rồi, khổ lắm! Nhưng đây là đất Nga, xin ngài nhớ cho điều đó."

Đất Nga, đúng thế, đất của bảy mươi năm cai trị độc đoán, đối với nhân viên nhà nước người ta chỉ có quyền nghe lời một cách nhẫn nhục chứ không có quyền phản đối. Nhân viên công lực là đại diện cho một thế lực to lớn ẩn phía sau, lúc nào cũng nhìn chằm chằm vào mọi diễn tiến của thế giới này với con mắt vừa nghi ngờ vừa kẻ cả, và những mảnh giấy nhỏ, những lời truyền miệng có giá trị hơn bất cứ thứ luật pháp thành văn nào.

Rồi cũng đến phiên mình. Đưa tờ khai viết sẵn từ trên máy bay, nhân viên khoanh tròn vào số tiền đô-la mà khách khai mang vào, đóng dấu chứng nhận bên cạnh, xem qua thông hành, nhất là tờ visa, rồi cho qua. Không xét hành lý.

*

Anh Cần và Long, chồng của Lan Hương,

đón chúng tôi đưa về khách sạn trên chiếc xe Volga nhỏ và cũ của Long. Đây là xe sản xuất dưới thời Xô Viết, loại thông dụng để bán cho dân chúng, kiểu dáng đơn sơ, ít để ý đến khía cạnh mỹ thuật và tiện nghi. Mà nghĩ cũng đúng, có cạnh tranh với ai đâu mà phải làm ra những sản phẩm đẹp đẽ tiện nghi, một người dân xô viết trước kia muốn mua chiếc xe này phải làm đơn nộp cho nhà nước và chờ ít nhất... mười năm mới có xe. Trong một nền sản xuất mà nhà chế tạo có quá nhiều ưu thế như vậy với khách hàng, thì làm ra một chiếc xe chạy được là coi như tốt quá rồi. Thời nay thì dân chúng được thoải mái nhiều, trên đường phố thấy có nhiều xe hiệu nước ngoài, từ Mercedes, BMW của Đức đến Renault, Citroen của Pháp, từ Ford của Mỹ đến Toyota của Nhật đua nhau chạy bên cạnh phần lớn những chiếc xe cũ kỹ thô kệch thời xô viết. Các hãng xe Nga bây giờ vẫn còn sản xuất, và giá rẻ đến không ngờ: một chiếc Volga vào hạng sang nhất kéo ở hãng ra (kéo tức thời sau khi trả tiền, không phải chờ đợi một phút nào) chỉ vào khoảng bốn, năm nghìn đô-la, còn loại thường chỉ vào khoảng hai nghìn là có ngay một chiếc mới toanh. Giá xăng ở Nga cũng rẻ, có lẽ đây là nước duy nhất ở Âu châu có giá xăng tương đương với giá ở Mỹ.

Chúng tôi chạy thẳng về khách sạn của bộ Quốc Phòng. "Khách sạn của bộ Quốc Phòng," nghe kinh quá, chắc nhiều độc giả hỏi chúng tôi làm cái gì mà nước Nga mời vào ở khách sạn đặc biệt thuộc giới quân sự của họ như thế. Chính tôi vào ở đây mà cũng phải buồn cười cho mình. Hơn một thập niên trước đây khi còn ở trong trại cải tạo bên cạnh núi Chứa Chan, Xuân Lộc, có khi nào tôi có thể tưởng tượng ra một chuyện hoang đường đến mức này: tôi đi từ Mỹ sang Nga với passport một công dân Mỹ, từ phi trường Mạc Tư Khoa về thẳng cư trú tại khách sạn của bộ Quốc Phòng Nga... Các biến đổi của thế giới đã hóa phép biến cái hoang đường như thế thành những chuyện rất đời thường, rất gần gũi, rất người. Chính cuộc chiến tranh lạnh đã chia hai thế giới, khiến người phía bên này nhìn về phía bên kia chỉ thấy đầy cái bí ẩn và cái ghê gớm, nào ngờ bí ẩn và ghê gớm ấy chỉ là những cái giả dối người ta đặt ra để hù dọa nhau, còn sự sống chân thật, con người tự căn bản thì đâu có khác gì nhau. Tôi ở khách sạn của bộ Quốc Phòng Nga chỉ đơn giản là vì khách sạn đó đã đi vào kinh doanh trong nền

Nhà thờ Chính Thống giáo tại Moscow

kinh tế thị trường, giá rẻ, độ ba mươi đô-la một ngày, và nhất là lo chuyện thị thực trên Visa cho khách nước ngoài rất nhanh chóng. Té ra cái câu tiếng Anh dặn phải trình diện công an để thị thực trên Visa là một câu rất nghiêm chỉnh, không phải là điều rơi rớt lại từ thời cộng sản xa xưa như tôi đã nghĩ. Anh Cần chọn cho chúng tôi ở khách sạn này cũng chỉ vì ưu điểm thị thực nhanh giấy tờ cho khách — chỉ qua một đêm là xong tất cả — mà không cần trình diện gì cả.

Dù là kinh doanh nhận khách dân sự, khách sạn này vẫn là của bộ Quốc Phòng với tất cả cung cách nhà nước và quân sự của nó. Một tòa building độ hai mươi tầng, bề ngoài trông cũ kỹ, hơi u ám, nếu so với chức năng một nơi cần khoe vẻ hấp dẫn mỹ miều của mình để thu hút du khách. Nhân viên ngồi sau quầy có kính che chắn là các bà các cô, hầu hết không biết nói tiếng Anh, tất cả mọi giao dịch trả tiền, lấy phòng, trao giấy tờ... hoàn toàn anh Cần và Long lo hộ chúng tôi. Có lẽ ít du khách ngoại quốc nào biết đến khách sạn này để tự họ đến ở, trừ những người có sẵn bạn bè ở Nga như chúng tôi. Cách bài trí trang hoàng bên trong hơi "cứng," chỉ vừa đủ để khỏi quá tẻ nhạt chứ không đưa lại một cảm quan mỹ thuật cho khách. Là sản phẩm của nhà nước xã hội chủ nghĩa, mà lại dành riêng

cho giới quân sự, thì phong cách này là điều hiểu được. Nó không có một chút nào xa hoa sang trọng, nhưng đâu ra đấy, vừa đủ, sạch sẽ, tươm tất, giống như hình ảnh một quân nhân kiểu mẫu.

Chen nhau trong một cái thang máy rất hẹp, chúng tôi lên tầng thứ 12, việc đầu tiên là phải đi tìm phòng của người quản lý tầng 12 để nhận phòng, đồng thời cũng để nhận ra cái cách quản lý rất rườm rà, quan liêu và phí phạm trong hệ thống cộng sản cũ. Mỗi tầng khách sạn lại có thêm một phòng làm việc, với một bàn giấy có nhân viên ngồi đằng sau để lo việc quản lý mấy chục phòng của tầng ấy. Chúng tôi thuê phòng hai giường, nhưng khi vào phòng thì chỉ thấy có một cái giường cá nhân rất hẹp, và một cái xô-pha. Long lại phải chạy đi kiếm người quản lý, lát sau một người đàn bà đi vào với một ôm chăn gối, loay hoay biến cái xô-pha thành một cái giường thứ nhì. Thế là chúng tôi có một phòng ngủ hai giường, với phòng tắm riêng và tiện nghi căn bản tạm đủ. Tính chất đơn sơ, đơn điệu, vừa đủ, kiểu nhà binh (hay tu viện) vẫn là nét chính nơi đây, và riêng tôi, tôi lại thấy thích hợp với mình. Xa hoa mà làm gì, mình đến xứ này để đi tìm những cái khác, chứ đâu phải sự xa hoa của một nơi mình chỉ cần đặt lưng để ngủ qua đêm? Cả cái thành phố Mạc Tư Khoa trải dài dưới kia, cả cái nước Nga mênh mông nhiều bí ẩn mới là cái tôi ao ước được đến, tiếp xúc, tìm hiểu; công việc của tôi đâu có phải để đi so đo hơn kém về tiện nghi của một nước mới bước ra khỏi cơn kinh hoàng của lịch sử?

Lấy phòng xong xuôi, chúng tôi đi ăn tối ngay trong restaurant của khách sạn. Phòng ăn lớn, trần cao vút, hai dãy bàn đặt song song chạy dài, một đầu phòng là quầy rượu, đầu kia là một bức tranh lớn treo trên tường, và hình như ngay dưới là một cái sân khấu nhỏ. Vẻ uy nghi của gian phòng làm tôi liên tưởng đến những bữa tiệc hội quân với thành phần tướng tá cao cấp có thể đã có lần diễn ra ở đây. Những phái đoàn quân sự "các nước xã hội chủ nghĩa anh em" trước đây dĩ nhiên rất nhiều lần đã cư ngụ tại khách sạn này và đã dự "chiêu đãi" tại phòng ăn này. Suốt cuộc chiến của Việt Nam đã có biết bao phái đoàn quân sự của Bắc Việt đã đến đây. Ngay cả mới đây thôi, trước khi chúng tôi đến, một phái đoàn quân nhân cao cấp của Hà Nội vừa cư ngụ tại khách sạn này, hình như họ qua để thương lượng mua vũ khí tàu bè gì đấy. Ngày nay dĩ nhiên căn bản thương lượng đã đổi khác, không còn là anh em, mà là khách hàng, và trong chuyện họ nói với nhau biết đâu chẳng có những mục bí mật, ví dụ như "rửa tiền" chẳng hạng. Tính chất chung của những nước từ cộng sản đang chập chững đi vào nền kinh tế thị trường là thế lực Mafia rất mạnh, và có gì ngăn cản mafia của nước này thương lượng với mafia của nước kia trong những cuộc trao đổi mua bán như thế?

Chúng tôi đến hơi trễ, phòng ăn rất vắng, chỉ có một cặp vợ chồng người Nga đang ngồi ăn. Tôi hơi hồi hộp, vì đây là lần đầu tiên tôi ăn một bữa ăn Nga. Thức ăn một nước rất quan trọng đối với người lạ, đó là lời giới thiệu trực tiếp nhất sự sống hàng ngày, sản phẩm, nghệ thuật biến chế thức ăn, và có thể, cả nhân sinh quan của dân tộc ấy. Các nước Âu châu thì hình thức dọn bữa ăn đều giống nhau, dùng muỗng nĩa và ăn trên đĩa, và có lẽ một số món ăn cũng na ná như nhau, đều dùng bánh mì và cách nấu nướng các món thịt cá phần nhiều chỉ khác nhau về tiểu tiết. Tôi được giới thiệu hai món thuần túy Nga, là xúp *borsh* và món xà-lách nga. Về món xà-lách, tôi hơi ngờ ngợ, ngày xưa ở Sài Gòn trong những tiệm ăn tây thấy trong thực đơn hay có món salade russe, có phải là món này không? Thập niên 60 tôi rất mê món này ở tiệm Chez Albert ở đường Đinh Tiên Hoàng, Đa Kao, Sài Gòn, một món xà-lách thập cẩm trộn với kem sữa và tôm cua. Khi món xà-lách được mang ra, tôi thấy quả nhiên về hình thức đúng là món ngày xưa ở Sài Gòn. Dễ đến mấy chục năm, ít ra từ sau 1975, tôi mới có dịp nếm lại món mình thích, mà lần này may mắn thay, tại ngay thủ đô của nước gốc đã khai sinh ra nó. Nhưng khi ăn thì thấy hương và vị không giống như ngày xưa mình đã ăn, và tôi hiểu ngay chuyện tam sao thất bổn trên thế giới này, nhất là một món ăn được sao đi chép lại qua nhiều nước thì làm sao khỏi sinh ra những dị bản? Món salade russe của Sài Gòn, như tên gọi theo lối Pháp của nó, dĩ nhiên là do người Pháp mang vào: may ra đó chỉ mới là lần sao chép thứ nhất, do người Pháp trực tiếp bắt chước người Nga. Có gì bảo đảm người Pháp đã không thêm bớt gia vị để cho hợp với khẩu vị của mình hơn? Điều này nếu xảy ra, và tôi chắc là phải xảy ra, thì dị bản thứ nhất đã ra đời. Khi nó sang Việt Nam, các đầu bếp bản xứ tại đây gồm chủ yếu là người Việt Nam

và người Tàu được người Pháp dạy cho, và khi làm món đó cho người bản xứ ăn thì một lần nữa phải điều chỉnh sao cho hợp miệng người Á đông. Bản sao đến đây chắc đã xa bản gốc khá nhiều rồi. Ở Sài Gòn tôi đã thưởng thức một phiên bản được sao chép ít ra đến hai lần, nay gặp bản gốc thì ngỡ ngàng là phải, thậm chí lúc mới nếm tôi còn nhăn mặt cho đây không phải là salade russe nữa kìa! Thô thiển hơn một tí, nhạt nhẽo hơn một tí, nhưng có lẽ đó đúng là cái "gu" gốc của người Nga.

Trên Quảng Trường Đỏ

Đây không phải là lần đầu tiên tôi trải qua kinh nghiệm này. Nhớ thời mới vào đi học ở Sài Gòn vào cuối thập niên 50, đầu 60, mỗi lần nhận được tiền ở nhà gửi cho thì thế nào tôi cũng đi ăn một bữa đồ tây, ở những tiệm cơm tây do người Việt hay người Tàu làm chủ, như Thanh Bạch, Chí Tài. Cũng không tốn kém gì nhiều, đó là những tiệm ngon giá rẻ, một miếng beefsteak giá mười đồng, chỉ nhích hơn tô phở chút đỉnh. Mà "cơm tây" của tôi lúc đó cũng chỉ có nghĩa là một đĩa bít-tết với xà-lách hay mì ống, và một chai bia, ít khi dám mạo hiểm gọi những món lạ. Beefsteak của những tiệm đó đối với tôi thời ấy là ngon nhất, bổ nhất, kiến thức và sự sành sỏi khẩu vị về đồ ăn tây phương của tôi thời đi học hầu như chỉ có thế. Bỗng có một lần tôi được một người bà con dẫn đi ăn ở nhà hàng Continental ở đường Tự Do, trước thực đơn rắc rối toàn tiếng Tây của nhà hàng lớn nổi tiếng chính cống Pháp này thì tôi cũng không biết gọi gì hơn là bít-tết xà-lách, dĩ nhiên với sự khuyến khích của ông anh họ nhiều tiền sành sỏi thì tôi gọi thêm một đĩa xúp hành. Đến món thịt bò thì tôi thấy dở quá, lạt lẽo vô duyên, thua xa Thanh Bạch hay Chí Tài. Tôi không ngại ngùng bày tỏ ý kiến của tôi với ông anh, ổng cười:

"Vấn đề là cái 'gu' thôi. Lâu nay chú chỉ quen cơm tây theo gu Việt Nam hay ba Tàu, nay ăn đồ tây chính cống thì thấy lạ. Thực ra beefsteak theo kiểu tây thì Continental là ngon nhất, đúng nhất, nghĩa là miếng thịt bò thật tươi, không ướp tẩm gì cả, chỉ chiên lên và ăn với gia vị muối và tiêu mà thôi. Như thế mới cảm thấy hết cái ngon ngọt của vị thịt tươi. Còn Thanh Bạch hay Chí Tài thì người ta đã ướp miếng thịt theo thói quen của người mình, ăn vào nghe mặn mòi và thơm hành tỏi thì người mình mới thích. Cơm tây kiểu đó đã bị lai căn theo gu Á đông, không còn đúng nữa. Tôi đã đi nhiều nơi, một món rất phổ thông của người Tàu là mì vịt, thế mà giữa Chợ Lớn, Hồng Kông, Đài Loan, Bangkok mỗi nơi vẫn một vị khác nhau, và tôi thì vẫn thích mì Lakay Nguyễn Tri Phương hơn cả. Quen rồi."

Cách đây hơn mười năm, sau khi đi thăm Hà Nội, tôi đã có viết: "Có lẽ không thể một sớm một chiều mà có thể thưởng thức hết cái ý nhị của món ngon một xứ, nhất là các món dân gian. Phải quen với khí hậu, phong thổ, cách sống xứ ấy mới nắm bắt được cái 'thần' của món ăn." Cùng trong một nước đã vậy, huống hồ xa xôi cách trở như Nga với Việt Nam!

Nhưng khác với thức ăn vật chất, các món ăn tinh thần của người Nga, là nền văn học của họ, thì đã chinh phục thế giới từ lâu. Trong lãnh vực này, họ có những thức ăn siêu việt. Tâm hồn Nga thâm trầm lớn lao, đời nào cũng được nhà văn Nga bộc bạch trên tác phẩm của họ, và con người trên khắp thế giới rất thân thuộc với những Natacha, Pierre, các anh em nhà Karamasov, với anh chàng ngố,

với Zhivago, Lara... mà đâu có cần phải đặt chân đến đất Nga!

*

Qua một đêm hoàn toàn không ngủ được vì thay đổi giờ, tôi bắt đầu ngày đầu tiên trên đất Nga, trái với điều lo của tôi, vẫn khỏe khoắn tỉnh táo như thường. Cái thân thể rất dễ mỏi mệt của tôi ở Hoa Kỳ khi sang đây dường như được tiếp một sức lực mới, từ thiên nhiên, từ khí hậu hay từ niềm hưng phấn được đến vùng đất ao ước bấy lâu nay? Tôi nghĩ ngoài lý do tâm lý, có thể từ trường ở một đất hoàn toàn xa và lạ có ảnh hưởng lên sức khỏe của tôi. Trong khi chờ đợi anh Cần đến để hướng dẫn chương trình ngày hôm ấy, chúng tôi đi ăn sáng, ngay trong khách sạn. Phòng ăn điểm tâm không phải là nhà hàng chúng tôi ăn đêm hôm trước, đó là một phòng ăn nhỏ, kê chừng dăm bảy chiếc bàn phủ khăn cẩm hoa rất lịch sự, nằm ở một tầng lầu khác. Tôi thấy đây là một ý rất hay của người thiết kế, khi tạo ra nơi ăn điểm tâm một khung cảnh khác hẳn vẻ uy nghi bề thế của nơi dọn các bữa chính. Phòng điểm tâm của một khách sạn nên là một nơi nhỏ nhắn thân mật, đượm đầy hương thơm của cà phê mới pha, nơi người phục vụ đến với khách trong cung cách của một người trong gia đình, săn sóc hỏi han khách về giấc ngủ đêm qua nơi một phòng ngủ lạ, và đề nghị vài món ăn sáng hợp với khẩu vị... Chúng tôi ăn bánh kẹp nóng, uống một tách cà phê khá ngon, nhìn ra bầu trời đang vần vũ mây hứa hẹn một ngày không mấy tươi sáng.

Nơi khách sạn tọa lạc không phải là nơi thị tứ, bây giờ trong buổi sáng trên cao nhìn xuống tôi mới nhận ra nó nằm giữa một... rừng cây. Bốn phía là cây xanh um kéo dài bất tận, thỉnh thoảng giữa cây ẩn hiện một tòa nhà, một building nhiều tầng nhưng những công trình xây cất ấy ẩn vào màu xanh của thiên nhiên chứ không ngạo nghễ chế ngự thiên nhiên. Nói Mạc Tư Khoa có nhiều công viên lớn trong thành phố là không đúng. Không phải thế, đó là một ý niệm khác. Ở đây là: phần lớn thành phố tá túc trong một khu rừng, và chịu chi phối bởi những quy luật của tự nhiên, chứ không phải ngược lại. Rừng đây là rừng thật với sự phát triển hoang dã của nó, chứ không phải công viên mà trước đây ở Việt Nam Thế Lữ đã mượn lời con hổ mô tả rằng:

Những cảnh sửa sang, tầm thường giả dối
Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng
Giải nước đen giả suối chẳng thông giòng
Len dưới nách những mô gò thấp kém

Đất đai Nga mênh mông, ngay trong một đô thị lớn như Mạc Tư Khoa người ta vẫn thấy chưa việc gì phải bức xúc về các khoảng không gian. Trước đây người ta đã cho rằng nước Nga có bốn đại tướng khiến nước ngoài không xâm chiếm được, là sự Mênh mông, Mùa đông, Tuyết, và sự Lạnh giá, thì bốn đại tướng thiên nhiên ấy ngày nay vẫn còn nguyên đấy. Sự mênh mông là cái có thể bớt đi do sự phát triển của dân số và kỹ nghệ, ít nhất đối với các đô thị, nhưng ngay với Mạc Tư Khoa, các yếu tố nhân văn ấy xem ra chưa thấm vào đâu. Đất đai còn thừa thãi, người và cây ở chung. Công sở, trường học, vô số các cư xá dân chúng đều nằm ẩn giữa những vạt rừng bạch dương thân thẳng cao vút đủ sức che lấp cả chiều cao của một cái building mười mấy tầng. Từ mặt sau của khách sạn, chúng tôi thấy trường đại học tổng hợp Mạc Tư Khoa với những tháp nhọn vươn lên khỏi tầng cây có vẻ huyền hoặc như hình ảnh thần thoại của lâu đài nằm giữa rừng.

(Còn tiếp)

CHÚC MỪNG

Được tin đến ngày 26 tháng 8 năm 2000,
ông bà Nguyễn Đình Nhạc
(Porland, Oregon)
sẽ làm lễ vu quy cho thứ nữ là

CÔ NGUYỄN THỊ NAM PHƯỢNG

đẹp duyên cùng

Cậu DAVID JARED KAIMAN

trưởng nam của
ông bà Arthur Kaiman (Park City, Utah).
Hôn lễ sẽ được cử hành tại
chùa Waimea Higashi Hongwanji
(Waimea, Kauai, Hawaii).
Thành thật mừng hai họ và mến chúc
cô dâu chú rể trăm năm hạnh phúc.

Ông bà Lưu Trung Khảo
Ông bà Phạm Quân Hồng
Ông bà Trần Ngọc Vân
Ông bà Trần Văn Dũng
Ông Nguyễn Hữu Bào
Ông bà Nguyễn Đình Cường

CHÚT PHẬN ĐÀN BÀ...

Tiểu luận

THUẬN VĂN

Thỉnh thoảng, Holywood lại chơi trò pha trộn hiện tại và quá khứ. Thí dụ, như một cuốn phim mới đây, mấy cậu học trò vô tình học được pháp thuật đi ngược thời gian: các cậu lần lượt đưa những Freud, Napoleon, Joan of Arc, Beethoven và Thành Cát Tư Hãn về với thời hiện đại để gây nên bao cảnh xáo trộn cười ra nước mắt.

Hãy theo đó mà tưởng tượng cái cảnh Lục Vân Tiên bước khỏi mấy trang thơ Đồ Chiểu để hoà nhập vào đời sống hiện đại. Rồi tưởng tượng thêm cái cảnh Lục ta ra tay cứu khổn phò nguy giữa một New York nhan nhản phường vô lại. Ngạc nhiên biết mấy! Bởi, trước những Kiều Nguyệt Nga của hôm nay, đăng anh hào làm gì có đủ thì giờ để "khoan khoan ngồi đó chớ ra"? Làm gì có cảnh lẩm cẩm khai trình gia thế hay xướng hoạ thi phú?

Trước Lục, những tên du đãng ở Harlem - cũng như tên ác tặc Phong Lai ngày xưa - sẽ "không kịp trở tay", sẽ bị "vật xuống bẻ ngay một giò". Nhưng trước những Nguyện Nga của đời hôm nay - với dáng dấp của Linda Trang Đài, Sharon Stone hay Demi More - cả người hùng cũng không kịp trở tay. Người đẹp sẽ bay chầm đến, ôm chặt và rồi làm nghẹt thở người hùng bằng một trận mưa hôn vừa nóng bỏng, vừa đắm đuối. Và, nếu hoàn cảnh cho phép, người đẹp sẽ còn "bay cao, bay xa" hơn nữa.

Lục ngạc nhiên cũng phải! Cô Nga đời nay có bao nhiêu dâng hết bấy nhiêu. Con người cô - linh hồn và thể xác - từ đây mặc người quân tử tùy nghi hưởng dụng. Cô Nga thời ấy có táo bạo và bốc lửa như vậy đâu? Cô e thẹn, giữ gìn. Cô khép nép, chừng mực. Và, dù đã trao trọn trái tim, "phận liễu dặm trường" kia vẫn còn là tù nhân của những lễ nghĩa kín cổng cao tường.

Trăm năm nước chảy qua cầu, cô Nga sao mà thay đổi! Và đã có mấy ai chịu khó giải thích sự thay đổi ở cái "phận liễu" của cô hay chưa?

Trong những tác phẩm được đánh giá là có ảnh hưởng nhất đối với thế kỷ 20, có The Second Sex của Simone de Beauvoir. Xuất bản năm 1949, cuốn sách chính là công trình lần đầu tiên, và cũng là công trình nghiên cứu hệ thống nhất về nữ giới trong lịch sử văn minh. Theo de Beauvoir, nữ giới không được sinh ra như một người nữ. Mà trở thành. Nghĩa là họ sinh ra như một người-giống-cái, rồi trở thành một phụ nữ trong khuôn khổ văn hoá bao quanh.

Từ lúc sinh ra cho đến những ngày chập chững bước đi chừng ba năm sau, về tâm lý và về thể chất, những bé gái không khác những bé trai gì mấy. Nhưng từ đấy về sau, khi nhận ra những khác biệt đặc trưng của cơ thể mình, khi đối diện với những cách thức đối xử hay phản ứng khác nhau của thế giới người lớn, chúng mới trở thành phái nữ. Đấy chính là sự điều kiện hoá. Những yếu tố sinh học, tâm lý hay kinh tế không thôi; không đủ để hình thành những gì mà xã hội quan niệm là nữ tính: toàn bộ nền văn minh đã góp phần định hướng, tạo nên khuôn mẫu đó (1). Giới tính không phải là một yếu tố bất biến. Nếu cấu trúc của nền văn minh thay đổi, nếu những khái niệm chính trị, xã hội thay đổi; "nữ tính" cũng có thể thay đổi.

Cũng như Kiều Nguyệt Nga táo bạo của Lục Vân Tiên mù mờ: văn minh càng tiến triển, cô càng đánh mất vẻ e lệ. Và, sau một trăm năm, người quân tử năm xưa không kịp cất tiếng khoan khoan. Giữa những miền đất khác nhau, văn minh cũng thay đổi đậm nhạt khác nhau. Và giữa New York hoa lệ, Lục ta còn lúng túng hơn nữa.

Những điều như thế, trước Simon de Beauvoir, ít ai bận tâm. Cả Sigmund Freud, người nổi tiếng với những nghiên cứu về tính dục, cũng gạt nữ giới sang một bên. Với nữ

giới, Freud chỉ đơn giản điều chỉnh những luận cứ mình đã xây dựng cho nam giới chút đỉnh. Đơn giản thế thôi. Theo ông, bản năng tính dục ở cả hai giới tính, về căn bản đều là nam tính. Với nữ giới, bản năng ấy chỉ là một sự "phân hoá phức tạp" từ bản năng đàn ông. Sự thỏa mãn bản năng mang tính chủ quan đối với nam giới, còn với nữ giới lại mang đậm màu sắc khách quan, tức "hướng về nam giới". Bởi vậy, theo Freud, nữ giới luôn mang nặng những mặc cảm của một thứ đàn ông chưa hoàn hảo, một thứ đàn ông què quặt (mutilated man) (2).

Trong sự chuyển hoá từ trật tự mẫu hệ sang trật tự phụ hệ, từ chỗ huyền thoại hoá khả năng làm mẹ của nữ giới, nam giới đã ý thức hơn về vai trò dự phần của mình. Và khi tỏ ra nổi bật hơn trong nỗ lực sinh tồn, họ nghiễm nhiên vươn lên vai trò chủ nhân cùng với quá trình tích sản.

Đó là thất bại lớn nhất của nữ giới trong lịch sử. Như thể bất kỳ cuộc cách mạng nào, người thắng bao giờ cũng đày đọa kẻ bại. Nam giới cũng vậy. Khi trật tự phụ hệ hình thành ở những xã hội thị tộc, ấy là lúc thân phận người phụ nữ trở nên khốn đốn. Thân thể họ, từng được thờ phượng như cội nguồn sáng tạo lại trở nên tởm lợm, bị hất hủi và bị cấm kỵ trong những nghi lễ tế tự. Những yếu tố nhân văn nảy sinh từ nền tảng xã hội đó, luật pháp, phong tục, ngôn ngữ v.v... đều hàm ý rằng nữ giới luôn thấp kém so với nam giới. Chính một môi trường như thế đã điều kiện hoá, biến những con người mang cặp nhiễm sắc thể XX trở thành nữ giới.

Cả khoa sinh vật học cũng góp tay sĩ nhục. Chúng ta thường nói "nghề cổ nhất" để ám chỉ cái nghề sớm đưa Tống Ngọc tối tìm Tràng Khanh, và bộ môn khoa học kia, với tiền đề "Man, the hunter", lại giả định rằng cuộc tiến hoá của nhân loại chỉ thực sự bắt đà gia tốc khi nữ giới khởi sự cái nghiệp bán thân nuôi miệng. Theo giả thuyết ấy, khi những đăng mày râu tràn trề sức lực có thể tự do bay nhảy để tìm lấy chân phúc, người phụ nữ chỉ có thể cầm chân anh ta trong một hình thức thoả thuận ở đó hai bên sẽ trao đổi cho nhau thực phẩm và thân xác. Lần đầu tiên trong lịch sử, con người đã phức tạp hoá đời sống bằng một hình thức hợp đồng "hai bên cùng có lợi".(!!!) Điều hiển nhiên là - hiển nhiên cho đến tận hôm nay - khi bắt tay thực hiện một hợp đồng, hai bên phải khai thác một cách triệt để những ưu thế của mình. Họ phải làm thế nào để việc "trao đổi" thực hiện sao cho có lợi nhất: nam giới phải vận dụng sức mạnh để săn lùng, càng nhiều càng tốt, những con thú béo bổ nhất; và, để đáp ứng, nữ giới cũng phải gắng hết sức để trở thành một "sexual object" tuyệt hảo nhất.

Xuất phát từ một "tiền đề" khinh mạn như thế, sinh vật học bị những nhà nữ quyền nhiệt tâm nhất công kích như một "ý thức hệ sặc mùi kỳ thị giới tính" (sexist ideology). Đó, theo họ, không thể là một khoa học nghiêm túc. Khoảng giữa thập niên 80, Christine Delphy, một nữ lý thuyết gia trên lĩnh vực nữ quyền, kêu gọi giới chị em đừng nên phí phạm thì giờ mà bận tâm với những thứ vớ vẩn như sinh vật học (4).

Như một ngạn ngữ của người Trung Hoa: Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô; một anh con trai cũng là có; còn mười chị phụ nữ thì cầm bằng như không. Nữ giới, như thế, bị xem như là chiếc bóng mờ nhạt bên cạnh nam giới. Dĩ nhiên, mỗi nền văn hoá thể hiện một mức độ kỳ thị khác nhau, có nơi hết sức khe khắt, có nơi tương đối ôn hoà; nhưng vẫn là một một bóng mờ. Nam giới có quyền sở hữu và chuyển nhượng, trao đổi họ. Như là hàng hoá. Họ không có tiếng nói định đoạt trong hôn nhân. Trong khi nam giới có thể thụ hưởng ê hề thị họ phải tự chế tối đa. Với nam giới, đó là tục đa thê, đó là lang chạ vô tội vạ với sự dễ dãi của đạo lý. Trong khi đó nữ giới buộc phải trung thành và chung thủy. Xâm phạm vào điều ấy, họ bị trừng trị bằng những hình phạt dã man như ném đá, đánh đòn và sự nhục mạ của cộng đồng. Chưa hết, để ngăn chặn sự bất trung, nữ giới còn bị đối xử như thể thú vật với những sản phẩm như "chasity belt": nếu con người điều khiển các loài trâu ngựa bằng các loại yên cương, hàm thiếc; nam giới đã không xem nữ giới khá hơn gì mấy khi sử dụng những vành sắt để kiểm soát những hoạt động tình dục (5).

Họ còn bị gạt ra ngoài như thể những gì thừa thãi. Bản Tuyên Ngôn Dân Quyền đọc ngày 27/8/1789 tại Paris sau khi Cách mạng Pháp bùng nổ chỉ hô hào: "Tất cả đàn ông sinh ra đều tự do và bình đẳng...." (Men are born and remain free and equal...). Tuy được ban bố đôi chút tự do, nhưng từ trong bản chất, phụ nữ Pháp vẫn bị khinh miệt: nói về nhân loại, về con người nói chung mà như thể nói về thế giới đàn ông, như thể sự bình đẳng

hãy còn là món hàng xa xỉ với nữ giới. Cả người Mỹ, hàng năm cứ đến ngày Thanksgiving, họ trân trọng tưởng nhớ đến những kẻ đã cập bờ tự do trên con tàu Mayflower để gieo những hạt giống đầu tiên cho mảnh đất này; tuy nhiên, mãi đến nay, 18 phụ nữ có mặt trên con tàu ấy vẫn còn bị bỏ quên: Tên tuổi họ không hề được ghi nhận trên đài tưởng niệm tại Plymouth, nơi cập bến đầu tiên.

Cuộc cách mạng kỹ nghệ vào đầu thế kỷ 18 tuy thay đổi bộ mặt của Âu Châu cũng đã đưa người phụ nữ tham gia vào những hoạt động sản xuất. Tuy không bị giới hạn trong công việc bếp núc và sinh con đẻ cái nữa, số phận của họ vẫn tiếp tục đen tối.

Hẳn nhiên, tùy theo giai tầng xã hội, nữ giới chịu đựng thiệt thòi một cách khác nhau. Nhưng giai tầng nào thì giai tầng, bao giờ họ cũng thấp hơn nam giới. Và, với sự hình thành của nền tảng kinh tế tư bản chủ nghĩa, số phận của những phụ nữ thuộc giới cùng đinh trở nên đen tối đến mức những nhà Marxist nhận đỉnh rằng giai cấp vô sản và phụ nữ là hai nạn nhân của chủ nghĩa tư bản. Còn với những phụ nữ trung lưu, Barnard Shaw nhận xét rằng họ tự nguyện bám vào những xiềng xích trói buộc của hôn nhân vì xem đó là những đặc quyền: rời khỏi người đàn ông, họ phải hoà nhập với những phụ nữ thợ thuyền để kiếm sống, và như thế, sẽ không còn thuộc về giai tầng mình đã sinh ra nữa (6). Như thế, phụ nữ

CỔ NGƯ

NGÀY Ở BIỂN

Bình minh
Uà vào biển,
Bàn tay vụng về tôi vùi sâu trong cát,
Moi tìm ký ức tuổi thơ,
Con ốc nhỏ trốn chui mất tích,
Viên đá cuội trời cao.
Tôi cầm chiếc lông chim biển
Vút bay lên theo gió,
Cánh tay dang rộng như diều
Áo quần ngũ sắc thơm tho.
Trên bãi ướt, tóc ngắn, em nằm nghiêng, ngực chín,
Da rám căng mùi nắng ngày hè,
Tôi bước đến,
Những dấu chân tròn năm lõm
Bỗng tẻ ngang ba nhánh vết hải âu.
Lũ vỏ sò màu nâu
Mòn nghiêng dốc núi
Cúi gầm mặt thẹn thùng, khi tôi đắm đuối
Tìm môi em.
Hạt muối mặn tan,
Mùi son ngọt vẹn,
Tôi nhớ tuổi mình,
Tuổi biển,
Thuỷ triều dâng...

Những thân sứa lửa bập bềnh,
Cánh tay rong,
Ngày tuột dốc,
Môi em vẫn mỉm cười,
Mặt trời chiều
Đỏ rực
Quả táo thơm.
Tôi ôm hôn muà hè
Hồn cuồng mê rạo rực,
Còn em chỉ khẽ
Chạm tay vào nước mặn,
Sóng đã cao.
Ầm ào,
Nôn nao,
Trời nhoài xuống thấp
Níu tóc biển
Hôn nụ
Hoàng hôn.

Villerville, 09.08.2000

trung lưu tuy có điều kiện nhưng bị ngăn cản những cơ hội giáo dục cũng chỉ để bảo vệ cân bằng này: họ phải phụ thuộc, không thể vượt trội nam giới.

Điều đáng chú ý là thân phận ấy lại được hết thảy những tư tưởng cách mạng, những ý thức hệ hướng đến sự thay đổi khai thác tối đa. Cách mạng Pháp 1789 đã cho phụ nữ tại đây nếm được chút ít mùi vị tự do theo kiểu vô chính phủ. Cách mạng Nga 1917 đã cho phép phụ nữ tham gia xây dựng nền chuyên chính vô sản. Những thể chế phát xít - tại Đức của Hitler, tại Ý của Musolini và tại Tây Ban Nha của Franco - cũng tâng bốc nữ giới lên tận mây xanh. Những kẻ chủ trương lập trường phát xít này nhìn nhận vai trò đáng kể của phụ nữ: có một sự phân định nhiệm vụ giữa hai giới tính nhưng không hề có một rào cản ngăn chặn nữ giới vươn lên vị trí cao nhất bằng chính tài năng của họ (7).

Nhưng, không cần đến những ý thức hệ độc tài hay mỵ dân, nữ giới rồi cũng vươn lên những địa vị từng bị ngăn cản. Họ bay lên vũ trụ. Họ điều khiển những phản lực cơ lao vào lửa đạn. Họ cầm đầu những nội các toàn nam giới. Và nay có người, như những phụ nữ Anh Giáo, còn lăm le trở thành linh mục; nghĩa là trở về với những địa vị như những nữ pháp sư của thời kỳ đồ đá.

Tuy nhiên, không phải là điều dễ để nữ giới có thể thoát hẳn quỹ đạo văn hoá mà những nhà tranh đấu nữ quyền luôn công kích là tạo dựng bởi phái nam. Họ, tuyệt đại đa số, đều gắn chặt một cách tự nguyện vào cái hệ lụy của môn sinh vật học: Trở thành một "sexual object" tuyệt hảo trong con mắt của nam giới. Nhiều người sẽ cho rằng đây là một nhận xét sặc mùi kỳ thị nhưng đó lại là sự thật. Thành công của kỹ nghệ thời trang là một bằng chứng: nó sẽ không bao giờ thành công nếu không có sự ủng hộ của hàng trăm triệu hay thậm chí hàng tỷ phụ nữ quanh thế giới.

Mặc tình những nhà lý thuyết nữ quyền nhiệt thành nhất la lối, hô hào; quán tính của nền văn minh phụ quyền khi đã ăn sâu vào tâm thức của mỗi cá nhân - kể cả phái nữ - không thể gột rửa một sớm một chiều. Giống như viễn tượng hãi hùng của một cuộc chiến hạt nhân vốn hủy diệt mọi phe phái tham gia; nỗ lực nhằm xoá bỏ những gốc rễ của nền văn minh đương đại để từ đó xây dựng một bản sắc của nữ giới "thật sự nữ", chứ không phải là nữ giới theo khuôn khổ tạo nên bởi phái nam mà những nữ lý thuyết gia hô hào, xét cho cùng, đều sẽ khiến cả hai bên lơ láo, mất cân bằng.●

Tài liệu tham khảo:

1. de Beauvoir, S. 1972. The Second Sex. Penguin Book.(tr.295)

2. Sđd (tr. 69-73)

3. Trong bài trước người viết đã khái quát hoá về sự chuyển hoá trong vai trò nam nữ trong lịch sử của văn minh.

4. Ehrenreich, B. 1999. 'The real truth about the female body'. Time. March. (tr. 36-46)

5. Chasity belt , làm bằng da và thép, được bọc quanh hông và che chắn bộ phận sinh dục của phái nữ. Khi đi xa làm ăn hay ra chiến trường, người chồng dùng nó để 'khoá' vợ lại, và mang theo chìa khoá. Sản phẩm này được du nhập vào Âu Châu khoảng thế kỷ 11 khi những binh đội tham gia cuộc Thập tự chinh mang về từ vùng Căn Đông. Người ta ghi nhận là đến thế kỷ 16, chúng còn được bày bán ngoài thị trường.

6. de Beauvoir, S. Sđd. (tr. 142)

7. Beard, M. R. 1976. Woman as Force in History. New York: Octagon Book (tr. 16-17)

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT

9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683

(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

VẤN ĐỀ TRỌNG ĐẠI NHẤT CỦA NGHÌN NĂM TỚI

ĐẶT VẤN ĐỀ

TRẦN NGỌC NINH

(Tiếp theo và hết)

Tôi tạm chia sách làm hai phần.

Phần thứ nhất là con đường đã đi qua. Tức là quá khứ trên dòng thời gian.

Phần thứ hai là con đường sắp đi, gồm có chỗ đứng hiện tại của ta, và con đường trước mắt. Trên dòng thời-gian, là hiện tại và tương lai.

Trong hiện-tại, chúng ta không cùng đứng một chỗ. Có người đi trước, và đã khá xa đằng trước. Có người đi sau, và còn lẽo đẽo đằng xa ở phía sau. Tôi nói "người," ta có thể hiểu là khu-vực, là nước *(state-nation)* nhưng cũng có thể hiểu được là một lớp người, hay một người, một cá-nhân. Sự bình-đẳng, hay đồng-đều chỉ là một trừu-hóa hay lí-tưởng-hóa, về một phương-diện nào đó, khoa-học, kĩ-thuật, nhân-quyền, dân-quyền, hay Phật-tâm và tình thương của Chúa. Những ước-vọng, có lẽ cho đến muôn đời, của con người trong Cõi Thế. Tôi cũng mong có như thế thực, ở khắp mọi nơi; trong sách này, giả thiết điều ấy để không nói đến nữa, cho đến khi đóng sách lại. Một trong những mục-tiêu của sách là tiến tới sự bình-đẳng của các người, các nước, và hòa-bình vĩnh cửu giữa loài người. Nhưng những lí-tưởng ấy ở ngoài hay ở sau sách; và nhiều sách như thế này nữa, không biết đến bao giờ.

Mục-đích gần là hi vọng làm bớt những đau-khổ của loài người trong những bước đường sắp tới.

Chúng ta không tránh được sự đi tới. Thời gian không chờ đợi ai. Trong giai-đoạn này, đi tới là tiến-bộ. Lẽ tất-nhiên, sự tiến-bộ về cả tinh-thần và vật-chất song-song là hơn hết, và ai cũng mong như thế. Nhưng không ai nghĩ hoàn-toàn giống ai về ý-nghĩa và nội-dung của sự tiến-bộ, nhất là sự tiến-bộ tinh-thần, và cũng ít ai dám nói thế nào là tiến-bộ song-song, để cho tinh-thần vẫn nắm vững và chỉ huy vật-chất, nghĩa là tinh-thần tối-thắng, hay là sao khác? Nếu ta đến hỏi được Lão tử hay Trang tử thì hai vị đại hiền ấy của Đông-phương chắc là sẽ bảo ta đừng theo đuổi vật-chất mà mất tinh-thần. Và nếu ta hỏi Karl Marx thì sẽ được trả lời là làm gì có cái gọi là tinh-thần, tất cả đều là do vật-chất quyết-định. Và nếu hỏi Khổng tử thì...

Tôi không đi vào những vấn-đề của tôn-giáo, hay của siêu-hình-học mà ngày xưa ở Phương-Đông người ta gọi là Hình-nhi-thượng-học. Đứng hoàn-toàn trong lãnh-vực thực-tế, hơn nữa của sự thực hiển-nhiên, tất-nhiên, không-thể-trốn-tránh-được, tôi khẳng định rằng *sự tiến-bộ là cần-thiết, là bắt-buộc, là phải có với chúng ta và với tất cả mọi người, kể cả sự tiến bộ về kĩ-thuật, nhất là sự tiến-bộ về kĩ-thuật, vì một lý do cốt-tủy, tiến-bộ có nghĩa là rời xa cái thân-phận hoàn-toàn sinh-học của giống vật trên mặt địa-cầu.*

Cho đến nay, chúng ta cũng chưa xa lắm với con người nguyên-thủy. Và có lẽ không bao giờ ta thoát hẳn khỏi cái thân-xác sinh-học của ta. Nhưng sự tiến tới vẫn còn, vẫn có, vẫn tiếp-tục, vô-tận. Ở mỗi bước đường, có những người hay những nhóm người không đi được nữa. Trong các khe bụi của châu Africa và đại đảo Australia, trong rừng rậm thâm-sâu ở gốc nguồn của sông Nil và sông Amazones, ta còn trông thấy một số những người bỏ cuộc không đi được nữa và chưa bị tiêu-diệt trong

tự-nhiên. Thực là đáng thương, thực là buồn, nhưng còn đáng thương đáng buồn đến đâu nếu loài người nói chung bỏ rơi không làm gì để giúp cho những người lạc lại phía sau có thể đi thêm được ít bước cho đỡ khổ, lại còn dìm họ vào đời sâu bọ.

Sự đau-khổ cũng có cả với những người đã tiến lên xa nhất, cao nhất. Trong quá khứ, mỗi bước tiến là một bước đau-khổ. Không phải như mặt trái và mặt phải của một đồng tiền. Không phải như sắc-thái hạt và sắc-thái sóng của ánh sáng. Đau-khổ không phải là cái gì nằm trong sự tiến-bộ, mà ta bắt-buộc phải chịu mỗi khi tiến tới. Cái đau-khổ siêu-hình, vô-sắc, có tính-cách đạo, tôi không đủ tư-cách nói đến. Tôi chỉ biết và chỉ nói đến những đau-khổ thật, hữu-hình, phàm-tục, mà người-bị cảm thấy trong thân xác và tâm-lí, và người ngoài cũng có thể thấy được nếu có mắt biết nhìn, có tai biết nghe. Một phần lớn những đau-khổ ấy thắng được, triệt được, làm mất đi được, và ta phải có thể tiêu diệt được những đau-khổ vô-ích ấy, không những vì ngày nay ta có khả-năng thực hiện được việc ấy, mà sự diệt-khổ trong bước tiến vật-chất có những lợi vật-chất to-lớn lâu dài không thể nào nói hết được.

Một quyển sách không hi-vọng trình bày được hết mọi sự dưới mọi khía-cạnh. Có người thích nói đùa, bảo tôi kê một đơn thuốc. Có lẽ trong tinh thần thì như thế, nhưng sự thực khó khăn phức tạp đến thế nào thì chắc không ai thấy. Ngày xưa Đức Như Lai cũng đã làm một người thầy thuốc đứng trong Vườn Lộc-Uyển, quay bánh xe Pháp-Luân, giảng về nguyên-nhân sự khổ và con Đường Cứu-Khổ mà Ngài đã thực nghiệm, thực chứng. Ngày nay, ai làm được Như-Lai, nếu không là tất cả nhân-loại văn-minh và giác-ngộ hợp lực cùng làm? Hay ít ra, trong một lục-địa, một khu vực, một nước, có sự đồng lòng chung sức cùng đi cùng tiến, mà không gây đau-khổ cho ai. Vả chăng, cuốn sách nhỏ này chỉ là để nêu vấn-đề. Trong những ngày chót của thế-kỉ khi thời-gian sắp sang số, và là những năm tháng cuối-cùng của cuộc đời, tôi chỉ mong khêu cao và sáng lên được một ý-thức để rồi để lại cho những người của thiên-kỉ đang rạng đông giải quyết tình trạng với những nghiên-cứu tiền-phóng, dự-tính, kế-hoạch, chính-sách tùy nghi cần-thiết.

Trong quá-khứ, đã có tiến-bộ. Tôi định nghĩa lại một lần nữa sự *tiến-bộ* là sự cách xa

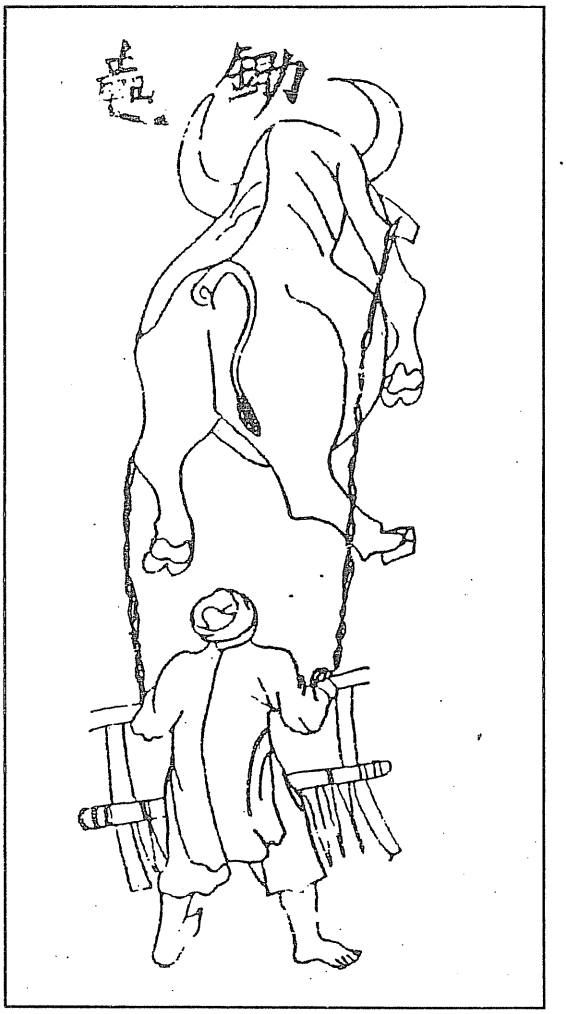

Bừa ruộng với trâu.
Cái bừa là một nông cụ đặc biệt của Miền Nam sông Dương Tử

dần sự sống nguyên-thủy, sự sống của một con thú giữa các loài thú khác trong tự nhiên của trời đất thời đó. Tôi cho sự tiến-bộ bằng sự thụ đắc những khả-năng cho phép ta sống đỡ đau-khổ, khó-nhọc, đỡ sợ-hãi, lo-lắng, đỡ lệ-thuộc, câu-thúc, đỡ ngu-tối, lầm-lạc, và có thể an vui với nhau, hòa hợp với tất cả. Có người nhìn cao hơn và cho rằng chưa đủ. Có rất nhiều người, cực-đại đa-số của loài người trong hiện-tại, không dám mơ nhiều đến thế. Tôi nghĩ rằng, nếu ta tự so sánh, không xa lắm-lắm chẳng hạn như với con người một triệu năm trước trong những đồng cỏ bát ngát giữa hươu, nai, voi, khỉ của vòng đai xích đạo Africa; gần hơn nhiều nữa, với con người chỉ một nghìn năm trước thôi ở nước ta còn đang bị người Tầu đô hộ, ở bên Tầu, một trăm triệu dân Đại-Tống ngày đêm nơm nớp lo quân

gan của Prometheut, người thần đã đem lửa trời xuống cho loài người; là cái gậy thần mà Chử đồng-tử, người kĩ sư nông-nghiệp huyền thoại của ta, dùng để dẫn thủy thoát điền, trị nước trong vùng châu-thổ Sông Cái, lấy lại đất từ lũ-lụt cho dân làm ruộng, dựng nhà, lập thành làng xóm và thành những *Bãi tự-nhiên*...

Nhưng tôi không nói huyền-thoại nữa. Huyền-thoại chỉ dùng để mở đầu câu chuyện, vì trong trí-óc của người ta không có gì có thể trai-đá, không còn biết xúc động trước cái thần-kì và cũng không còn biết thương xót con thỏ chết oan.

Chương II của Phần Một dài hơn, vì còn là cái thực-tại của nhiều khu-vực trên mặt đất. Việt-Nam nước tôi còn ngụp lặn trong cái thực-tại ấy. Chính mắt tôi cũng thấy, ở một nước lớn, có một phần tư số người của trái đất, đã có bom khinh-khí, có hỏa-tiễn tầm trung, và có một nền văn-minh thánh-hiền

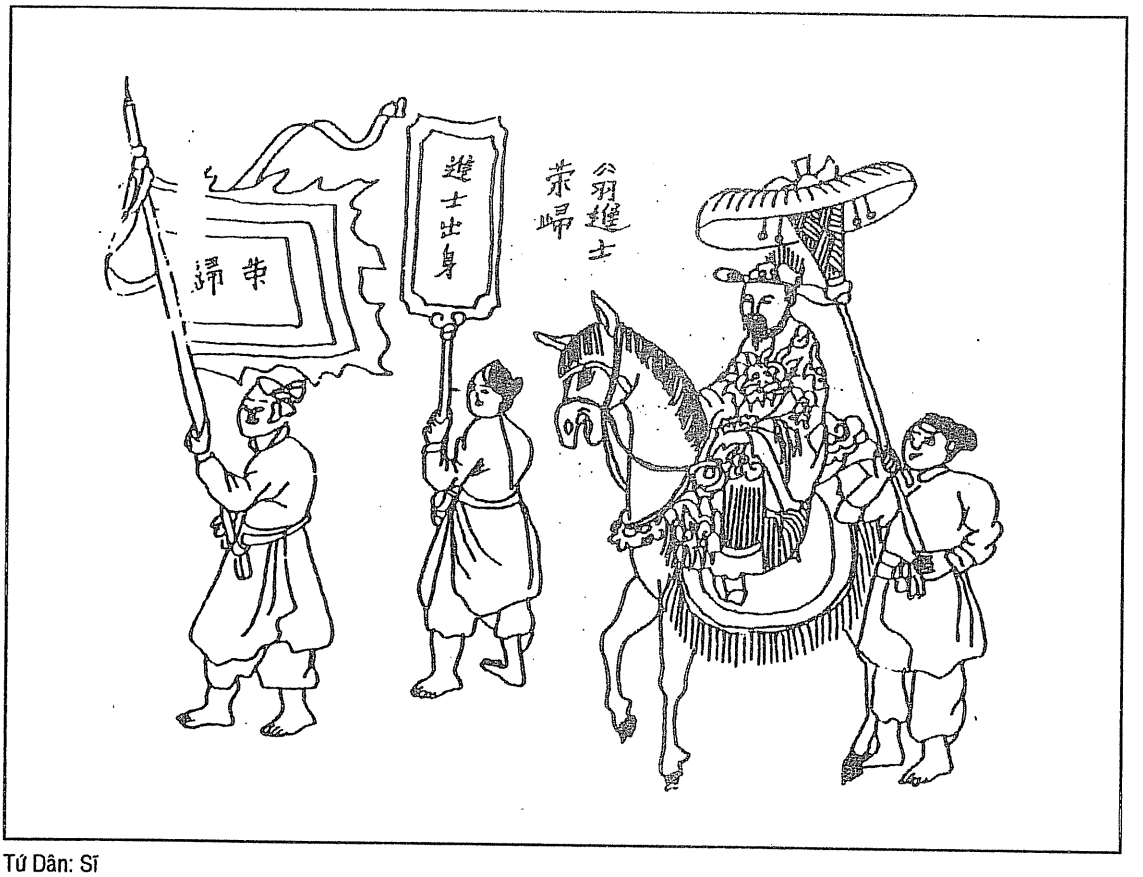

Tứ Dân: Sĩ

vĩ-đại, hùng-tráng, bi-thảm hay tươi-sáng hơn những chuyện huyền-bí đến mức thần-thánh, kì-diệu đến độ quái-đản, mà người xưa đã thêu dệt ra trên những sự-kiện họ thấy nhưng không hiểu nổi, như nay ta nghe nói và nhìn thấy trên màn ảnh nhỏ cảnh người đi trên mặt trăng, bơi trong không-gian, hay một thành-phố lớn chớp mắt thành tro bụi khi bị một trái bom "Thằng Mập" rớt vào trong một buổi rạng-đông yên-tĩnh. Các thực-hiện và tai-họa của tiến-bộ kĩ-thuật vẫn tiếp-tục không ngừng, trên một tầm-vóc lớn gấp trăm vạn lần đốm lửa giấu trong cái lá thìa-là của Prometheut, nhưng tâm trí người ta đã thành liên-tục hơn năm ngàn năm, mà nhiều nơi đàn bà còn hãy kéo cầy, dân chúng còn phải bầy những xâu chuột ở lề đường để bán, và nhiều nơi trong nước còn phải cấm con mắt ngoại-nhân không được nhìn tới. Hay ở một đại siêu-cường-quốc của ngày hôm qua, gồm những ruộng đất mênh-mông với những máy gặt lớn nhất thế giới, những đứa nhỏ đèo hai ba con gà còm trên ghi-đông một cái xe đạp cọc-cạch đi bán chợ đen và bên vệ đường, những người đàn bàn ngồi xổm đập đá như ngày xửa ngày xưa... Không, ta vẫn còn sống trong đời nông-nghiệp, nhiều nơi rất đông vẫn còn chân lấm tay bùn, lam lũ cực nhọc

Chồng cầy, vợ cấy, thằng con kéo bừa

và chỉ ra thoát được cảnh ấy để được trao cho một khẩu súng rỉ, không phải để đi săn con gà gô hay con beo gấm, như trong đời mọi rợ, mà để đi giết một người nước khác, đạo khác, giai cấp khác với một hiệu-lệnh hay một giáo-điều mà người ta truyền lại là của thánh-hiền hay một Messi mới.

Tôi vẫn coi nông-nghiệp và văn-minh tân-thạch nói chung là một tiến-bộ vượt-bực có tính-cách cách-mệnh trong lịch-sử của cuộc nhân-sinh. Không thể nào nói hết được cái hay, cái đẹp, cái tốt của cuộc đời nông-nghiệp, kể từ khởi-thủy khi người ta còn làm rẫy và mới biết trồng lúa, trồng ngô, trồng khoai, trồng cà ở một mảnh đất hoang nơi bìa rừng; sớm hơn nữa, từ khi có một người thấy rằng cây cỏ mọc ra từ một đống phân cũng là cây cỏ mọc tự-nhiên ở ngoài bãi và có thể ăn được. Tất cả văn-hóa của loài người khai sinh từ đây. Văn-hiến và văn-minh, cho đến khoa-học, thiên-văn, địa-lí, toán-học, hóa-học cũng do nơi đây. Văn-chương, nghệ-thuật bắt nguồn từ đây. Cả đến đạo-lí cũng mọc ra từ trong nông-nghiệp.

Từ lúc loài người bắt đầu biết làm thơ và ca hát, Hesiod đã viết *Việc và Ngày,* Vizgil đã viết *Georgic* để tả sự thơ mộng của công việc nhà nông, *Kinh Thi* đã mang tiếng hát đồng-quê vào để ở đầu của văn chương Đông Á. Ngay gần đây, trong đời chúng ta, ở nước đã đi tiên phong trong kĩ-nghệ và đã thực sự công-nghệ-hóa triệt-để, một thi-sĩ lớn (T.S. Eliot, nước Anh) còn viết một bài thơ dài, có thể nói trước là bất-hủ, đầu-đề là *Đất Hoang-Tàn (The Waste Land)* đầy tình quê-hương thương-nhớ. Trong âm-nhạc, ca-dao đồng-ruộng ngày cấy và ngày mùa là nền-móng chính, với nhạc trữ-tình và nhạc thờ-tự ở hai cánh đã dựng nên *Bản Hợp-tấu* tục gọi là *Cảnh Mục-Đồng (Pastoral)* của L.V. Beethoven. Còn về hội-họa, giữa bức bích-họa *Gặt Lúa* trong một cổ-mộ Ai-Cập và bức tranh *Những Người Mót Lúa* (Les Glaneuses) của Courbet rồi sau nữa, là bao nhiêu cảnh-vật ngoài trời và bao nhiêu hoa-quả, tĩnh-vật mà sự trồng-trọt bởi bàn tay người đã đem lại. Phải nói rằng, chúng ta đã được nuôi dưỡng trong thân-thể và tinh-thần bởi những thế-kỉ nông-canh từ trước đến nay. Đến nỗi rằng sự thưởng-thức văn-chương nghệ-thuật cũng được gọi bằng một siêu-dụ về sự nếm, là khẩu-vị *(gout, taste).*

Đi sau bao nhiêu tài-năng ấy của nhân-loại tân-tiến, ngòi bút của tôi không phải ca ngợi thêm sự thiện-mĩ của nghề nông nữa. Và cũng không cần phải tả sự cần-cù, than sự cực-nhọc của việc cày cấy chăn nuôi. Một câu tục-ngữ bảy chữ:

Đổi bát mồ-hôi lấy bát cơm

và một câu phong-dao sáu-tám:

Chăn tằm, thả cá, nuôi con
Trong ba nghề ấy, ai còn khoe hay

đủ nói lên sự nhọc-nhằn bất-trắc của nghề cầy và việc chăn-nuôi nhỏ ở Việt-Nam, nhất là trong những thời kinh nghiệm và truyền thống bất di dịch cả ngàn năm chưa được khoa-học soi sáng và kĩ-thuật cơ-giới giúp đỡ.

Tôi sẽ nói về sự phát-triển của nghề nông, nhất là ở vùng Đông và Nam-Á là nơi mà những chứng tích khảo-cổ chỉ mới được phát hiện chưa lâu và giới khoa-học nhân-văn còn có nhiều nghi-vấn. Mặc-dầu sự hiểu-biết của ta còn non-nớt và một phần nào bị u ám bởi những lí-luận quốc-gia chủ-nghĩa cường-điệu của các nước trong vùng, nhưng một kết-luận có lẽ đã có thể hình thành: là sự khuếch-tán của sự trồng lúa-gạo (và cây cải) đã xảy ra khá nhanh chóng trong hòa-bình và đưa đến sự phát-triển một vài nền văn-hóa cao (Hochkultur) có ảnh-hưởng sâu-rộng. Phần này trong sách không phải là phần vững nhất vì tùy thuộc nhiều vào những khám-phá mới, chắc-chắn là sẽ rất phong-phú, với những khai-quật còn đang tiến hành, ở dọc Dương-Tử-giang và ở miền Hoa-Nam.

Sự định-cư toàn-thời (cố-thổ) hay theo mùa (du-mục, du-canh) để canh tác và chăn nuôi không những tạo ra những phong-cảnh mới và những nếp sống mới, mà còn uốn nắn tâm-lí và xây dựng những mô-hình xã-hội mà đời sống nhặt-vặt săn-bắn không biết đến. Ngôn-ngữ, văn-hóa, khoa-học, tôn-giáo là những kiến-trúc hay sáng tạo song-song với kĩ-thuật trồng-trọt, chăn-nuôi. Dĩ nhiên là sự thích-nghi với môi trường là một yếu-tố rất lớn; nhưng sự biến-cải môi-trường để làm cho môi-trường thích hợp với một cách sống của đàn người cũng quan hệ không kém. Sự hòa hợp và quân bình của hai sự-nghiệp quyết định các cảnh-trí khác nhau của các văn-hóa biệt-lập.

Lịch-sử-tính của con người bắt đầu từ đây. Nông-nghiệp là nguyên-nhân chính của sự dị-biệt và chênh-lệch giữa mức sống và lối sống của các bầy-đàn cách biệt nhau về địa-lí.

Trong một lãnh thổ tương đối ổn-định, trong một bầy-đàn cố-kết, cũng lại có những chia-rẽ: trên chiều dọc là cái trục của quyền thế, có sự tôn-ti; ở bề ngang là sự phân công một phần nào theo khả-năng sinh lí, tùy phái-tính, tùy tuổi-tác, nhưng rất chóng cũng có những lí-do khác xen vào làm cho nhóm này có ưu-thế hơn nhóm kia. Sự bất-bình-đẳng, với thời gian, thành ra một định-chế của nông-nghiệp; các lớp người thành cố định, có những người cha truyền con nối bám chặt vào những địa vị ăn trên ngồi trốc, và những người dưới phải lao động đầu tắt mặt tối hay phải phục dịch nhọc-nhằn nhục-nhã. Và luôn-luôn, ở khắp mọi nơi, có những người không-người, bị từ bỏ và cấm đoán không được có một địa-vị gì trong xóm làng. Cùng với sự chuyên-biệt-hóa của các kĩ xảo thành những nghề trên nền móng của gia-đình hạch-nhân mà người ta lầm tưởng là có một căn bản di-truyền trong khi sức ép của cộng-đồng (đặt thành một ý-hệ có mầu-sắc tín-ngưỡng, gọi là thuật địa-lí hay phong-thủy trong văn-minh cổ-trung-Hoa) là lí-do chính, đã dần dần biến các cộng-đồng thành những xã-hội. Xã-hội chớm nở rồi phát triển trong các đô-thị. Nông-nghiệp chuyển sang giai đoạn thị-trường ở đây. Có hai hình-thức chính của thị-trường nông-nghiệp: hội-chợ và tỉnh-chợ. Tâm-lí con người cũng đổi thay theo những nếp sống mới.

Trong khi những biến-đổi trong nền văn-hóa vật chất và tinh-thần làm thành cái nền hay hạ tầng gọi là lịch-sử dài-hạn, thì ở bề nổi của cuộc sống xảy ra những sự-kiện được ghi chép bởi sử-kí cổ-điển, mà ngày nay các sử-gia mới đề-nghị gọi là lịch-sử biến-cố. Hầu hết các sự-kiện của lịch-sử biến-cố là những xung-đột giữa người và người. Chúng ta biết rõ những đau-khổ này hơn. Tuy chúng hời-hợt và khó thể kéo dài, mặc dầu có thể dữ-dội như động đất, như sóng thần, như bão-tố, như núi lửa, nhưng chúng liên-tục xảy ra, nơi này chưa hết hay vừa dứt thì nơi kia đã bùng nổ, và ở đâu thì cũng vẫn là người gây ra sự chết-chóc, sự tàn phá, sự tiêu-thổ đạp bằng và sự nô-lệ-hóa cho người. Khoa-học chưa bao giờ tìm thấy chứng tích của những sự-nghiệp ấy trong thời nhặt-vặt, săn-bắt. Và chỉ thấy khởi sinh ra những cướp-bóc, đốt-phá, tàn-sát là từ khi con người biết cấy cây lúa, nuôi con gà.

Có bốn diện đấu-tranh đã xảy ra trong thời văn-minh nông-nghiệp: Thứ nhất là những đấu-tranh giữa những dân du-mục và dân cố-thổ, một guồng máy lớn của lịch-sử trong thời kỳ cổ điển. Thứ hai là chiến-tranh giữa các quốc-gia hay khối quốc-dân. Trong khi diện thứ nhất có thể thu gọn và mục-đích chính là cướp thóc lúa và một mục-đích phụ, khi có khi không, là cướp đàn bà, diện thứ hai đã phức tạp hơn, vì ngoài vấn-đề cướp đất và mở rộng không-gian sinh tồn, còn có nhiều vấn-đề thuộc văn-hóa, ý-hệ, kĩ-thuật hay chính-trị và xã hội. Diện đấu-tranh thứ ba là giữa nông-dân và một giới quyền-lực khác trong xã-hội. Diện thứ tư là một biến-thể của diện trên, để bao gồm các cuộc nổi loạn của nông-dân chống lại chính-quyền. Sở dĩ có sự phân-biệt hai diện sau là vì trong văn-minh nông-nghiệp, chính-quyền được lập ra trên nguyên-tắc là để phục-vụ giới nhà nông theo những qui-ước cổ-truyền, nhưng vì một lí-do nào đó đã tạo ra một hình-ảnh phản-bội với những thiệt-hại lớn-lao phạm vào đời sống vật-chất và văn-hóa của những người sống bằng và quanh sự canh-tác, trồng-trọt, chăn-nuôi. Còn sự đấu-tranh giữa nông-dân với một giới khác là những xô xát xung đột quyền-lợi trong xã-hội giữa những người nắm guồng máy kinh-tế và giữa truyền-thống văn-hóa với những người không trực-tiếp sản-xuất nhưng có quyền-thế, hoặc vì tiền-tài hoặc vì chính-trị, và lại chủ trương một nếp sống khác-biệt. Sự xung-khắc phần nhiều chỉ nhỏ, giữa hai người hay hai nhà, nhưng trong những buổi giao-thời, có thể lan rộng và thành một sự khủng-hoảng, với đe dọa nội-chiến cục-bộ. Để nhái lại (Thày Cả) Abbé Sieyes trong những ngày tháng trước Cách-mệnh Pháp, tôi có thể viết dưới hình-thức câu hỏi và lời đáp (với giải thích):

- Nông dân là gì? (trong thực tế của dân số)
- *Là tất cả.* (= tối đại đa số)
- Nhưng chỉ là gì? (về phương diện quyền lực)
- *Không là gì hết.* (= con số không)
- Họ muốn gì?
- *Muốn được là một tí gì đó* (được coi trọng hơn, được có một chút thực quyền)

Trong thời Trung-cổ, với chế độ *féodal* ở Âuropa, nông-dân chỉ là những nông-nô (*serf*). Nhưng trong Thời Mới, có một số đã ngoi lên và thành những trưởng giả thị-thành (*bourgeois*), do đó có vấn đề. Ở Việt-Nam và Trung-Hoa, nông dân là căn-bản của xã hội. Nhưng từ đời Nhà Hán bên Tàu, Nhà Trần bên Ta, giới *sĩ* thành dân hạng nhất và ngăn

trở sự tiến-bộ của xã-hội cũng như sự canh-cải các nghề-nghiệp. Đến khi giới sĩ liên kết với các trọc phú, các ác-bá cường-hào, thì xã hội thành đồi trụy. Thêm vào đó là sự gia tăng dân-số trước sự ngưng đọng kĩ-thuật. Do đó, ở Á-Đông cũng có vấn đề. Các vấn-đề xã hội này đã bùng nổ trước khi Tây phương đem tầu chiến và súng ống đến uy hiếp Đông-phương.

Trên đây không phải là tất cả các vấn đề của nông-nghiệp. Nhưng tôi phải tự giới hạn vào những vấn-đề ấy. Đó là những vấn-đề đã làm cho nhiều người chết, nhiều người khổ, và tất cả nhân loại mất hướng.

Nhìn ngược trở lại, chúng ta thấy rằng, các người chết đã chết vô-lí, các người khổ đã khổ vô-ích, và sự mất hướng của loài người, bắt đầu từ lúc ta đi vào nông-nghiệp, vẫn còn nguyên hay đã chỉ nặng hơn khi ở nhiều nơi, ta đã tiến lên trên nông-nghiệp xa rồi.

Không ai đã có thể biết rằng một sự tiến bộ lớn-lao tốt-đẹp như thế lại có thể có những hậu-quả ghê-gớm kinh-hoàng đến như thế. Bao nhiêu văn-minh đã bị diệt, bao nhiêu nước đã bị xóa, bao nhiêu nhà đã tan, bao nhiêu mạng người đã mất, bao nhiêu chân tay đã bị cụt và tâm-trí đã thành rồ dại, bao nhiêu thế kỷ tiến-bộ ta đã để cho qua đi không bao giờ lấy lại được!

Những người thông minh nhất trong loài người nói rằng, ta phải suy-nghĩ: sự suy-nghĩ chứng minh rằng ta thực có; rằng ta phải biết thu thập hết các dữ kiện dưới mọi khía-cạnh để giảm thiểu sự lầm, sự sai, đến tối-đa; rằng mặc-dầu như thế vẫn không thể tránh được sự sai-lầm, nhưng ta vẫn cứ phải thử, sai thì chữa. Chữa rồi vẫn sai thì lại chữa nữa, gọi thế là biện-chứng hay là cứ thử rồi sửa, không thành vấn-đề. Sau bốn triệu mười hai ngàn năm tiến bước trên con đường văn-minh, con khỉ người là chúng ta đã bỏ lại bao nhiêu phần khỉ và thành người được bao nhiêu phần?

Phần thứ Hai của sách, tôi sẽ nói về sự tiến bộ huy-hoàng và ghê-gớm của cuộc *Cách-mệnh Kĩ-nghệ Tư-bản Chủ-nghĩa* rồi cuối cùng sẽ đi cùng với các độc-giả vào trong cuộc *Cách-mệnh Cao-kĩ Toàn-cầu* đầy ắp những hứa-hẹn và nguy-cơ. Cưỡi một phi-thuyền không-gian bay từ hành-tinh vệ-nữ sang hành-tinh Quan-công, chúng ta sẽ có dịp nửa cười nửa khóc khi nhìn xuống chị nhà quê gánh gạo ra chợ và anh nông-phu cắm chân trong bùn:

Trông trời, trông đất, trông mây,
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm,
Trông cho chân cứng đá mềm,
Trời yên, bể lặng, mới êm tấm lòng.

Có thực là bắt-buộc phải mãi-mãi mù-mịt cho đến khi *chân cứng, đá mềm* hay không? Đi đường nào cho ra thoát bây giờ?●

Chú thích

Các hình chụp lại tranh mộc-bản (khắc gỗ) là trích sách:

- Oger, H - *Technique du peuple annamite,* Planches, P. Geuthner x.b. 1908

- Huard, P. et Durand, M. - *Connaissance du Viet-nam,* Ecole Fr. Extreme Orient x.b. 1954.

- Nguyễn Mạnh Hùng - *Ký Họa Việt-Nam đầu thế kỷ 20,* nhà x.b. Trẻ, HCM, 1989.

(1) Những chữ tôi đề nghị bỏ dần (vì thuộc cổ-ngữ ngày hôm qua hay vì một cớ gì khác mà tôi không nói vì sợ lạc-đề), tôi đánh dấu hoa thị asterik.

(2) Như hiện tại ở Trung Quốc gần Beijing *(Bắc Kinh), ở Bắc Korea *(Bắc Hàn), ở Ethiopia-Ergythra, và ở rìa sa-mạc Mojave, California, America.

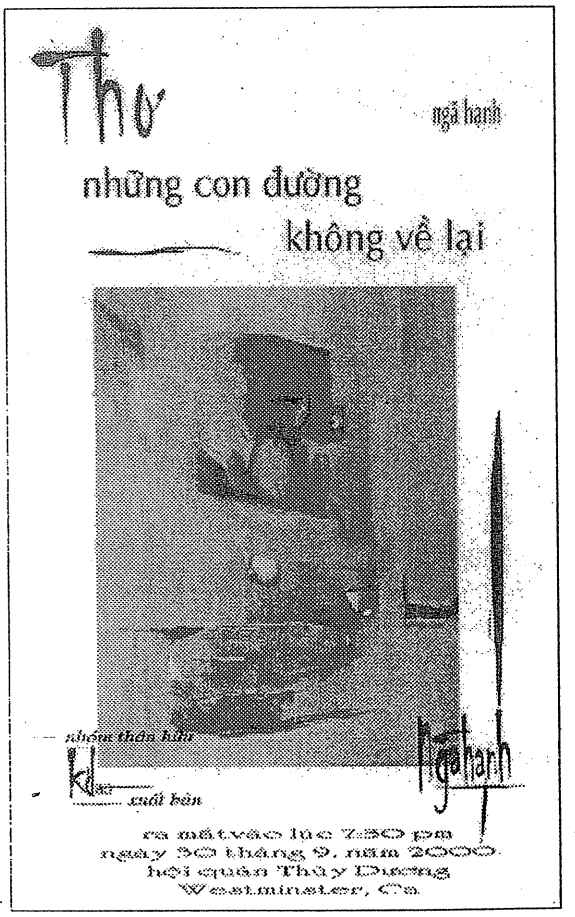

ĐÈN KÉO QUÂN

TÂM THANH

Tôi đi sau một người đàn bà gánh hàng rong. Vai bà oằn xuống. Khi bà đổi vai, tôi nhìn thấy qua cổ áo hở làn da bầm tím. Trong bốn năm rưỡi trong tù cải tạo, tôi quen nhìn những vết thương trên thân thể mình và thân thể bạn tù, nhưng chưa bao giờ nhìn một vết bầm trên vai một người đàn bà. Hình như bà còn trẻ. Và có thể đẹp nữa. Và yếu đuối. Tôi cũng đang vác một cần xế soài cát, và bỗng thấy cái cần xế nặng hơn. Tôi phân vân, nửa muốn vượt qua bà đi cho nhanh lên bắc, để nghỉ, nửa ngại ngùng vì cái cảm giác phải bước qua một người đồng hành bị thương. Tôi để cho một vài người từ sau chen lên trước. Họ vượt qua tôi và vượt qua người đàn bà. Nhiều người vượt qua tôi rồi khựng lại sau người đàn bà có cái gánh cồng kềnh. Xe cộ rầm rập lên phà. Đoàn người chen chúc lên xuống. Trong khi chân bước đi, tôi để cho đầu óc... nghỉ ngơi trong cơn bập bềnh của nắng trộn lổn ngổn với gió sông, và nhịp hổn hển của cả giòng người lam lũ xung quanh. Rồi người đàn bà vai bầm biến đi lúc nào tôi không để ý.

Tôi leo lên tầng trên, kiếm được một chỗ đặt cần xế và một chỗ ngồi trên băng. Khi nhìn xuống tầng dưới phía bên kia, gần cầu thang, tôi lại thấy người đàn bà. Bộ đồ đen. Đúng rồi. Mầu đen lúc này khiến tôi liên tưởng tới một người xưa kia chuyên mặc đồ đen. Lan Ngọc.

*

Không biết ai khéo nghĩ ra cái biệt danh "Tiểu Thư," nhưng thiên hạ "bắt" liền và chẳng bao lâu cả thành phố gọi như thế. Có người gọi với giọng hài hước, có người với giọng ngưỡng mộ, nhưng mọi người đều thừa nhận nàng đẹp một cách siêu phàm. Nước da trắng hồng như ngọc. Người ta đồn là cha mẹ nàng không cho con đụng ngón tay vào một vật gì ngoài đôi đũa và cái bút viết. Một cách ví von nàng chỉ biết ăn học. Nhà thuốc Phước Lộc Đường lớn nhất Miền Tây và giầu nhất tỉnh. Dân trong tỉnh đồn cha mẹ nàng không để cho một hạt bụi bám vào chân con. Riêng tôi, tôi chưa thấy một vật nào trên thế gian đẹp bằng bàn tay Lan Ngọc khi cầm bút. Lan Ngọc thường tới hỏi bài anh chàng dạy Việt văn trọ chung nhà với tôi. Khi ra về, có lần nàng để quên một bài thơ lãng mạn, mà do đó anh chàng dạy Việt văn cho rằng cô nữ sinh có tình ý với mình.

Lan Ngọc trổ mã và vượt hẳn lên giữa đám con gái trong trường ngay từ năm học đệ tứ,

đúng vào lớp tôi dạy môn thể dục. Nữ sinh thời đó mê không quân, sinh viên y khoa v.v. Có cô nào để ý giáo sư thì phải là giáo sư Việt văn, giáo sư sinh ngữ miệng trơn như cháo chảy; chắc không có cô nào điên mà để ý ông thầy vai u thịt bắp, tối ngày cầm còi thổi reng réc như tôi. Tôi luôn tự nhắc cho mình biết thân phận, không mơ mộng tới Tiểu Thư của cả thành phố, cho dù đó là học trò ngoan của tôi,và dù trong giờ thể dục, nàng nhìn tôi có vẻ tha thiết. Những khi cần chỉ vẽ, điều chỉnh động tác tập luyện, tôi cũng tránh đụng vào người Lan Ngọc.

Tôi chỉ còn chút oai phong vào ngày thi thể dục, một môn thi bắt buộc học sinh phải đủ điểm để được đi thi Trung học phổ thông. Ba môn đầu Lan Ngọc đậu cả. Nhảy cao được 105 cm. Con gái khỏi phải ném tạ, tôi lấy phấn vẽ mười cái vòng tròn, thí sinh đứng cách mười mét, thảy banh tennis, mỗi trái trúng vào vòng tròn được hai điểm. Lan Ngọc thảy trúng hết mười trái. Tôi mừng hết sức. Đến môn chạy 100 mét, Lan Ngọc chạy lẹt bẹt như còn vịt, hết 25 giây, tôi ghi 20 giây, để em đủ điểm đậu. Hai mươi năm qua, mà tôi còn nhớ những điều vụn vặn này, lạ thật. Tới môn leo giây, tôi lo lắm. Tôi đứng gần để phòng bất trắc. Lan Ngọc leo một cách khó nhọc được ba mét thì đuối sức, ngưng lại, tôi nói "Thôi, được rồi, xuống đi!" Lan Ngọc tuột xuống như một trái mít rụng. Tôi đỡ được em, nhưng hai lòng bàn tay em đã trầy trụa, đầy máu. Tôi bồng em vào phòng cứu thương. Ôi! Đôi mắt đắc ý của Lan Ngọc khi em nằm như nằm vạ trong cánh tay tôi. Khi cầm bàn tay mềm mại để băng bó, tim tôi như bị trầy xước.

"Ráng giữ cho mau lành, để còn... cầm bút, nghe không?" Tôi dặn.

"Thầy biết tại sao con ném banh trúng mười không?"

"Giỏi thôi?"

"Không phải. Tại con hình dung đó là trái tim một người..."

Tôi làm bộ không hiểu, hỏi sang chuyện khác:

"Thế sao leo giây thì té cái bụp như sung rụng?"

"Để có người đỡ."

*

Lan Ngọc đang học lớp đệ nhị thì tôi nhận được giấy gọi động viên. Tan học, nàng làm như tình cờ gặp tôi trên sân trường. Chúng tôi đi song song giữa hai hàng cây phượng vĩ.

"Bao giờ thầy đi?"

"Đầu tháng."

"Con muốn tới dọn đồ đạc cho thầy."

Anh chàng dạy Việt văn đã dọn sang nhà khác. Tôi chỉ còn ở một mình. Nếu Tiểu Thư tới nhà tôi thì hôm sau cả thành phố sẽ biết. Nhưng tôi không thể từ chối được. Không có cam đảm từ chối. Vả lại, tôi cũng sắp giã từ thành phố này. Kệ, tới đâu thì tới.

"Đồ đạc tôi có gì đâu? Nhưng em cứ tới chơi." Rồi tôi thêm cho tự nhiên "Cũng có mấy em khác tới từ giã.... Làm như tiễn Kinh Kha."

Nàng cố đi chậm lại khi nhìn thấy xe hơi nhà đang chờ trước cổng trường. Một trái banh bay tới gần trúng Lan Ngọc, tôi bắt và quăng trả lại trước vẻ biết ơn của thằng học trò ham chơi.

"Chiều mai có chị nào tới không?"

"Thầy không biết."

"Con tới."

Hôm sau, mưa như trút nước suốt buổi chiều. Tôi nghĩ Lan Ngọc tới lúc này thì thật là... ướt át. Và nàng tới thật. Nàng không mặc áo dài trắng đồng phục nữ sinh, mà mặc chiếc áo dài lụa đen, tương phản với nước da trắng trong như bông hoa lan. Một tay nàng che dù, một tay cầm một cái bao lớn.

*

"Có cho con vô không?" Nàng mỉm cười.

"Mời vào... Lan Ngọc vào đi." Tôi vội vàng đỡ cây dù và tránh sang một bên cho nàng vào.

Bỗng chốc ngôi vị bị đảo ngược - tôi trở thành khờ khạo trước cô học trò khoan thai đài các. Lan Ngọc thản nhiên ngồi vào ghế salông tôi mới biết mình quên mời. Tôi khớp trước nhan sắc của Lan Ngọc. Nàng lấy trong bao ra một cỗ đèn kéo quân đặt trên bàn. Tôi ngạc nhiên không hiểu cái đèn cũ này sẽ đóng vai trò gì trong buổi giã từ.

"Cây đèn này....? Tính đốt để tiễn tôi đi... kéo quân đây, chắc?" Tôi hỏi.

"Thầy còn nhớ cây đèn này không?" Lan Ngọc hỏi lại.

Tôi ngồi xuống chiếc ghế còn lại, ngắm cây đèn phất giấy trắng đã ngả màu ngà, lốm đốm nước mưa. Tôi đã làm nhiều cái đèn tương tự như cái này, cũng có thể là cái đèn Lan Ngọc mua ở chợ, nên không thể nhớ nó có liên hệ gì tới tôi. Tôi đưa tay quệt một giọt nước mưa còn bám vào một khung tre. Dựa vào ký ức mơ

hồ và nhất là vào chính câu hỏi của Lan Ngọc, tôi trả lời cầu âu:

"Cây đèn của lớp đệ tứ hồi đó."

"Thầy... giỏi quá!" Lan Ngọc phê.

"Sao em còn giữ được?"

"Những gì... như thế này... con giữ hết."

Tôi lặng người một lúc lâu mới lên tiếng:

"Em mang đèn tới đây làm chi?"

Lan Ngọc làm vẻ hào hứng:

"Con nhờ thầy sửa lại. Nó không quay nữa."

Bỗng cái đèn trở thành cần thiết để chân tay tôi khỏi thừa thãi, và để chúng tôi tránh chạm vào một cái gì nghiêm trọng hơn, mong manh hơn lớp giấy phất đèn. Tôi uốn lại các nan quạt bằng kẽm, và điều chỉnh vị trí trục quay một chút, xong, tôi thắp nến. Tôi lấy ngón tay trỏ xoay nhẹ các nan quạt, cái cốt bắt đầu quay đều, và quay mãi. Các đốm nước phai dần.

Trong lúc nhìn những bóng hình nhân cỡi ngựa đuổi nhau trong cái vòng tròn vô tận, Lan Ngọc kể cho tôi nghe cha mẹ đã ép gả cho một người con trai tên Huỳnh.

"Huỳnh nào? Huỳnh công tử?"

"Dạ, chính anh ta."

Huỳnh là con trai duy nhất của tiệm vàng Huỳnh Kim, nổi tiếng không những trong tỉnh, mà khắp miền Tây. Tiểu Thư với Công Tử xứng đôi vừa lứa quá rồi, tôi nghĩ, với một thoáng cay đắng. Nhưng liền sau là nỗi tội nghiệp cho Lan Ngọc. Người thanh niên tối ngày lái xe hơi mui trần đi tìm gái đẹp đó không thể là một người chồng tốt được. Nếu vì môn đăng hộ đối thì thà Lan Ngọc lấy chàng bác sĩ trẻ con ông Tầu chủ vựa gạo còn hơn.

"Tôi tưởng Lan Ngọc với ông bác sĩ trẻ người Tầu?" Tôi hỏi.

"Con nghe hai bên nói hai đứa kỵ tuổi sao đó."

Tôi đứng dậy, nói một cách vụng về:

"Để tôi đi mua nước đá cho em uống nhé?"

"Dạ, khỏi cần. Thầy ở lại nói chuyện với con. Những phút này... không bao giờ tìm lại được nữa."

Mưa ngưng bặt như để lắng nghe, rồi lại sầm sập đổ xuống.

Tôi ngồi xuống. Nhũn ra như một người đô vật vừa thua trận. Lan Ngọc sắp vĩnh viễn xa tôi. Tôi biết trong hoàn cảnh này, mình không làm gì được. Mỗi lời nói, mỗi cử chỉ chỉ có thể làm cho hoàn cảnh rắc rối thêm, Lan Ngọc khổ thêm. Chúng tôi im lặng nhìn nhau, tôi thấy hình ảnh Lan Ngọc nhạt nhòa. Quệt mắt, tôi thấy mặt nàng cũng giàn dụa nước mắt.

Nến cháy hết, quân đèn ngưng lại. Lan Ngọc lấy trong bóp ra, tặng tôi vài bảng tên

NGHIÊM BẰNG

KHOẢNH KHẮC

Như để lại
Những con mắt bụi
Đang
Lăn lăn phía trước
Đang
Lùi dần
phía sau
Khoảnh khắc
Như để lại
Nơi
dấu chân
Nơi
Cuối tia
nắng tắt

Úa dần
Những mắt lá
Úa dần
Những thân lá
Khoảnh khắc
Còn lại
Nơi
Mắt em
Dần
Khép

Đầu Thu 1995

thêu tay thật đẹp. Những ngón tay nhỏ thuôn dài nuột nà vuốt trên tên tôi, miếng vải oằn lên. Nàng nói:

"Để thầy khâu vào đồng phục khi vào quân trường."

Chúng tôi nói chuyện vu vơ cho tới khi mưa tạnh. Lan Ngọc nói:

"Con phải về. Thầy đi bình an."

"Lan Ngọc ở lại hạnh phúc."

Nàng nhìn tôi trách móc, rồi đứng lên. Tôi cầm cây đèn đưa cho nàng, nói tiếp:

"Còn cổ đèn này!"

"Thầy giữ giùm con. Con muốn nó quay hoài, mà con thì không biết giữ gìn, và con không tiện giữ nữa."

Tôi ôm cổ đèn trước ngực, nói:

"Tôi sẽ giữ nó cẩn thận. Mãi mãi."

Lan Ngọc cố tươi nét mặt. Nhưng rồi lại bậm môi. Nước mắt dàn dụa, nàng định nói một câu gì, nhưng nghẹn lời. Nàng nặng nề xuống lầu, như bị áp giải đi.

Nàng đến, nói để dọn đồ đạc cho tôi, mà ra đi chỉ làm cho lòng tôi ngổn ngang.

*

Tôi vào quân trường Thủ Đức, mang theo cổ đèn kéo quân. Ra trường, đi đơn vị, lấy vợ, dọn nhà, tôi cũng mang theo cổ đèn.

"Cái đèn rách đó, anh tha về nhà mới làm gì? Vất đi cho rồi!" Duyên, vợ tôi, đề nghị.

"Đâu có được. Để sau này... con nó chơi chứ!?" Tôi cảm thấy hổ thẹn vì một lời nói dối.

Nhưng Duyên hài lòng. Duyên luôn luôn lạc quan về cuộc đời và tin tưởng tôi.

Duyên đón tôi trước cửa, âu yếm:

"Anh mệt không?"

"Không."

"Khuân vác mà không mệt sao?"

Tôi cởi áo đưa cho vợ. Duyên cầm chiếc áo lính dầy cộm đẫm mồ hôi áp vào mặt.

"Xấp nhỏ đâu, em?"

"Dạ, chúng đi chơi đâu đó. Chắc chúng cũng sắp về... Anh uống miếng nước dừa Xiêm này rồi đi tắm ngay nhé. Em pha nước xong rồi."

Người phu khuân vác kiêm cựu tù nhân tôi đã lấy lại một vài tật xấu tiểu tư sản như tắm nước nóng buổi chiều và uống cà-phê buổi sáng. Ngoài ra, khoai sắn thế nào cũng xong.

Đang tắm, tôi nghe tiếng trẻ con chí chóe ở nhà trên. Ba đứa con, gái lớn mười tuổi, trai thứ nhì tám tuổi, trai út năm tuổi, không đứa nào tôi phải nuôi cả. Hai đứa đầu ông bà ngoại nuôi. Đứa thứ ba, sanh ra lúc tôi ở trong tù. Bây giờ cả ba đứa, không học hành gì cả, ra ngoài đường kiếm ăn như chó hoang. Tôi cấm chúng ăn mày, con lớn nói ba yên chí, chúng con "cứu nhơn độ thế," được đền ơn, đủ ăn. Sau tôi biết việc "cứu nhơn độ thế" của chúng là xách đồ giùm khách qua lại. Hai đứa lớn phụ mang đồ cho khách qua bắc. Chúng "ăn khách" không phải vì sức mạnh mà vì "thân chủ" muốn trả công thế nào cũng được, đồng bạc, cái bánh, trái chuối, trái quít. Cái gì nặng quá sức, hai đứa lớn hè nhau khiêng. Con lớn tay lại giắt theo thằng bé năm tuổi, ai thấy cũng tin tưởng, biết rằng chúng không phải loại ăn cắp vặt, chuyên giựt hành lý. Thế là bá tánh nuôi ba đứa nhỏ hai bữa, sáng và trưa. Bữa chiều trông vào Duyên; nàng đi bắt ốc bán, lấy tiền đong gạo. Được ít lâu, tôi sợ con cái sẽ trở thành bọn đá cá lăn dưa, bèn bắt ở nhà hết. Nhưng tôi chẳng kiếm được việc làm nào khác ngoài việc như ba đứa trẻ đã nghĩ ra, tức là đi khuân vác.

Tắm xong, tôi hỏi:

"Tụi con làm chi mà ồn ào quá vậy?"

"Thằng Hưng đá con đó, ba" Đứa con gái tên Tư Ngọc tố.

"Ai biểu chị Ngọc lấy hết tiền mua kẹp tóc?" Thằng Hưng tự bào chữa.

Tôi bồng thằng út lên lòng, mắt nhìn con bé đen đúa, khẳng khiu, chẳng ngọc ngà tí nào. Tất cả là lỗi ở tôi bất lực, không lo được cho các con. Tôi phân giải:

"Ba sẽ đền tiền cho Hưng. Để cho chị Ngọc giữ cái kẹp tóc. Tóc nó dài rồi."

"Thôi, tụi con cám ơn ba, rồi đi ăn cơm." Duyên hài lòng về sự phân xử gọn gàng của tôi.

Bé Ngọc nhảy lên, moi cái kẹp bằng nhựa đỏ kẹp vào mớ tóc đen dầy của nó. Trong bữa cơm có tép cháy và canh bầu, tôi nói với vợ:

"Từ ngày mai, em đừng đi bắt ốc nữa, ở nhà dạy các con học."

*

Hôm sau tôi lại thấy người đàn bà áo đen. Lúc bỏ một cần xế trái cây cho người chủ trước một quán cơm bình dân, tôi thoáng thấy bà áo đen ngồi bên kia đường bên gốc cây me, một cây me con èo uột, tàn cây chưa đủ che bóng mát. Bà ngồi trước một nồi nước gì đó, khói bốc nghi ngút. Giấc mơ đêm qua thấy Lan Ngọc trong chiều mưa, mặc áo dài đen,

khiến tôi có cảm giác gần gũi với người đàn bà này. Vác được chừng năm sáu chuyến, tôi đói bụng, tìm tới bà xem có cái gì ăn được không. Tới gần, tôi biết là bà bán bún riêu. Và khi bà ngước mặt lên, thì tôi buột miệng:

"Lan Ngọc!" Tôi gọi như trong mơ.

Người đàn bà ngước lên, nheo mắt ngơ ngác:

"Ăn bún hả?"

Giọng nói cũng quen thuộc. Nhưng tôi đâm nghi ngờ. Hay là mình nhìn lầm? Và tôi có thể lầm lắm, bởi vì trước mắt tôi là một người đàn bà tiều tụy xơ xác, tình cờ có vài nét tương tự Lan Ngọc. Tôi ngồi xuống một trong hai hòn gạch đặt làm ghế, chăm chú nhìn bà. Càng nhìn, thị giác tôi càng mơ hồ, ký ức và hiện thực chập chùng. Nhưng trực giác bảo tôi đây là Lan Ngọc. Vầng trán nhăn, mái tóc điểm nhiều sợi bạc phiền, da mặt xạm nắng, đôi môi khô, nhưng đúng là Lan Ngọc.

"Lan Ngọc! Em nhận ra tôi không? Hải đây..." Tôi tha thiết.

Người đàn bà trố mắt nhìn, rồi reo lên mừng rỡ:

"Thầy Hải? Con nhận không ra... thầy."

"Nhưng tôi nhận ra em. Em... vẫn thế."

Ngọc co người,bắt chéo tay trên ngực, như dáng người đi trong gió bão. Tôi cảm thấy như đang đứng giữa cơn bão lốc.

"Bán cho tô bún!" Một thằng bé vừa tới, nói. Nó ngồi xuống hòn gạch còn lại.

Lan Ngọc tay run rẩy gắp bún, rau muống luộc, rau thơm, bỏ vào cái tô chiết yêu, rồi chan nước riêu cua lên. Tôi nhận ra một vài dáng điệu sang trọng trong những cử chỉ tầm thường của Lan Ngọc. Ông khách tí hon làm thinh, ăn xoẹt một cái hết nhẵn tô bún, chùi mép, trả tiền. Tôi nghĩ tới ba đứa con tôi, biết đâu cũng đã có lần chúng sà vào đây ăn bún.

"Thầy... Thầy đói bụng không, con làm một tô cho thầy ăn, nghe?"

"Khỏi, tôi không đói..."

"Thầy đi đâu mà tới đây?"

"Đừng xưng thầy nữa... Gia đình tôi trốn kinh tế mới, về đây được hai tháng nay... Còn em? Gia đình em ra sao?"

Lan Ngọc nhìn lên tàn cây thưa. Cái cằm nhỏ tròn hất lên, gợi một nét xa xưa, trẻ trung. Rồi nàng lại quay ngang như tránh nhìn vào một vật vô hình trước mặt. Tôi biết câu hỏi của tôi vừa chạm vào một vết thương, tôi muốn nói một câu để khỏa lấp một câu hỏi lỡ đưa ra quá sớm. Nhưng đôi mắt nàng đã từ từ mọng nước. Nàng gục mặt vào hai đầu gối. thấy vai nàng rung. Đoàn xe do chuyến bắc đổ xuống ầm ì chạy qua, tung bụi mù mịt.

*

Mỗi ngày tôi ra bắc khuôn vác độ nhậ giúp Lan Ngọc gánh hàng bún riêu sang kia sông, những buổi chiều cùng ngồi chuyến bắc cuối cùng trong hoàng hôn đỏ láng, trở về bên này sông, tôi nghe Lan N kể về cuộc đời nàng bằng một giọng n nhục. Câu chuyện thiếu mạch lạc, như nh mảnh thủy tinh vỡ.

"Gia đình nhà chồng con bị tịch biên bộ tài sản. Huỳnh chỉ tiếc chiếc xe ăn chơi anh ta. Tối ngày thất thểu ngoài đường, xe hơi chạy qua là xông ra đòi trả xe cho Con sai hai đứa con lớn đi theo coi chừn chúng nó. Nhưng cái hôm đó, anh thấy c xe bộ đội bỏ mui, bèn ra cản trước mũi, đò Tên bộ đội bóp còi đuổi đi, anh ta làm dữ, rầm rầm trên đầu xe, tên bộ đội quát "đồ p động" và phất tay cho tài xế cứ việc chc chạy. Anh Huỳnh bị cán, đưa vào nhà thư thì chết, chết về tội cản trở cách mạng. bồng con bé út đi ra chợ, bán quần áo Toàn quần áo của con và của mấy đứa con. dài đen con tiếc lắm, cũng phải bán, chỉ dăm cái."

Lan Ngọc đỏ mặt. Tôi hỏi:

"Còn các bác?"

"Ông bà già chồng con tự vẫn chết. Bên đình con, tại mấy tấm hình ba con chụp ch với các ông tướng, ông tá treo trong ph mạch hồi đó, cũng bị bắt điều tra."

"Sao không đem cất hình đi?"

"Cất, nói làm gì. Còn đốt đi nữa. Nh nhà con, khách ra vào hà rầm. Có người được chuyện cũ đem làm quà với công an. thuốc bị trưng dụng làm trạm y tế nhân kiêm nhà thuốc dân tộc. Ba con được c mạng khoan hồng tạm bổ ngồi cắt thu lương 59 đồng một tháng. Thuốc thì toàn cỏ khô, làm gì có thuốc thiệt? Ông bà đem và xấp nhỏ xuống Rạch Giá vượt biên, bị và bị bắt, mất nhà mất hết vốn liếng còn Hiện ông bà ở chung với con để coi các ch Nhưng má con bị tê liệt nằm một chỗ, còn con đi bán thuốc tễ ngoài bến xe."

Tôi thấm thía với hai chữ đổi đời thiên thường nói ngày nay. Tôi cũng kể cho N nghe cuộc đổi đời của gia đình tôi. Tôi kể trừ chi tiết tôi cho là rất quan trọng thì giả

tôi yêu vợ tôi. Trong khi đó, tôi lại hỏi:

"Em có được hạnh phúc không?"

"Không, thầy ạ."

"Đừng gọi thầy nữa."

Lan Ngọc nhìn tôi, ánh mắt tha thiết. Rồi lắc đầu thở dài tiếp:

"Về nhà chồng, con mới biết một điều là chồng không hề yêu con."

"Anh ta lấy ai chẳng được, tại sao phải đi lấy người mình không thương?"

"Anh ta lấy con chỉ để chứng tỏ muốn lấy ai cũng được."

Cái ý tò mò muốn biết một con người trăng hoa như Huỳnh có bao giờ yêu không, khiến tôi đi quá xa:

"Huỳnh có yêu ai không? Ví dụ một mối tình đầu?"

"Anh ta thương một cô gái quê."

"Tại sao lại có chuyện lạ như thế?"

"Cô ta là bạn thiếu thời của Huỳnh, thời gia đình Huỳnh còn hàn vi ở bên Chợ Lách. Cái chuyện tại sao cha mẹ Huỳnh trở thành chủ bảy tám cái tiệm vàng Huỳnh Kim, là một huyền thoại, chắc ngày xưa thầy cũng có nghe rồi, con không cần kể. Nhưng chắc thầy chưa nghe tin về cô gái tự tử sau đám cưới của Huỳnh với con?"

"Các cô tự tử vì tình xảy ra như cơm bữa. Tôi không nhớ."

"Dạ, cô gái này uống thuốc độc tự vận chết. Huỳnh cuồng điên lên. Anh ta tuyên bố thẳng đó là tình đầu của anh. Mỗi ngày anh ta ra thăm mộ người yêu, cắm hoa, thắp nhang. Rồi lái xe đi uống rượu, trác táng. Hành vi trác táng công khai của Huỳnh là một sỉ nhục cho gia đình hai bên, nhất là gia đình con. Ba má con khuyên lơn, anh ta không nghe, lại còn nói hỗn. Ba má con phải nhờ ông bà Huỳnh Kim can thiệp. Cha mẹ Huỳnh rầy con, hắn không ăn chơi ở trong vùng nữa, mà lên thẳng Sài Gòn. Đồng thời hắn trút nỗi giận hờn lên con. Mỗi cú đấm, cú đá, hắn chửi thề và rủa "Tiểu Thư nè!" Mặt mày con lúc nào cũng bầm tím. Con không dám ra khỏi nhà, không dám đi chợ, không dám về thăm cha mẹ, lánh mặt cả kẻ ăn người ở trong nhà."

"Ông bà già chồng để như thế sao?" Tôi hỏi.

"Họ không ưa con. Họ gọi con là con ma trắng không con, mặc dù con bị hư thai hai lần vì bị chồng đánh đập. Cuối cùng con cũng sinh được một đứa con gái. Rồi hai đứa. Hai đứa con gái là hai cái phao trong những ngày đọa đày của con. Thêm vào đó, hy vọng có một đứa con trai khiến cho những trận đòn có phần thưa bớt, và nhẹ tay hơn. Huỳnh cũng thôi, không đi thắp nhang và cắm hoa trước mộ người yêu nữa. Nhưng anh ta vẫn ngang nhiên để hình người yêu trên bàn thờ trong nhà."

"Thật là bất công!" Tôi xen vào.

Tôi vẫn gánh hàng cho Lan Ngọc lên xuống phà. Tôi đã thoáng thấy làn da trên vai Lan Ngọc trắng ngần, không còn bầm tím. Chúng tôi vẫn kể cho nhau về quá khứ vui buồn trên chuyến phà chót trong hoàng hôn trên sông rộng. Má nàng đỏ ửng và giọng nàng ấp úng:

"Không hẳn là bất công đâu, thầy... Trong lòng con cũng có nơi riêng..."

*

Tôi về nhà, như thường lệ, vợ con mừng đón từ ngoài ngõ. Duyên ôm chiếc áo mồ hôi đưa lên mũi. Các con níu kéo khoe bài vở. Duyên phải nhắc tôi đi tắm, thoa nắn những nơi nàng cho là tôi bị nhức mỏi.

Trong bữa chiều có cơm trắng và bầu luộc chấm nước mắm trứng vịt luộc, Duyên khoe một tin mừng lớn:

"Ông y tá kiêm bác sĩ của xã vừa vượt biên,

TRẦN LỘC

ĐÊM THU UỐNG RƯỢU

Ngày ngắn quá không làm say điên đảo
Ta nhờ đêm đưa đẩy một vài ly
Đêm Thu, lạnh, trăng co ro ngoài cửa
Ta vung tay mời trăng ngự vào ly.

THƯA EM

Thưa em, phút ấy vẫn là
Gần trong gang tấc - mà xa ngàn trùng
Một sát na thôi, cõi thất tung
Đủ làm tâm động, tử sinh bồi hồi

Dù anh vượt cõi luân hồi
Còn nghe dạy dứt phút đầu gặp em.

người ta đang cuống lên tìm một y tá thay thế."

"Em muốn xin chỗ đó, chắc?" Tôi hỏi, nhưng nghĩ rằng trong tình trạng cư trú bất hợp pháp của chúng tôi, Duyên không dám nghĩ tới việc đó.

Nhưng duyên đã hí hửng:

"Dạ, em lên thẳng huyện xin việc. Gặp nữ hộ sinh quốc gia ngụy một trăm phần trăm, họ mừng quá, chỉ hỏi chứng chỉ nghề nghiệp, quên hỏi chứng chỉ cư trú."

"Nhưng đào đâu ra chứng chỉ cư trú để nạp hồ sơ lương bổng? Mình chường mặt ra, chẳng bao lâu lộ tẩy cái hộ khẩu giả."

"Em đã mua được hộ khẩu thiệt luôn. Em còn xin luôn cho các con đi học." Duyên hãnh diện.

"Tiền đâu ra vậy?" Tôi ngạc nhiên.

"Em bán đôi bông."

Đó là đôi bông tôi tặng Duyên dịp đám hỏi.

Suốt đêm đó, tôi thao thức không ngủ, một bên vì câu nói "Trong lòng em cũng có nơi riêng," một bên vì Duyên, đang nằm bên cạnh.

Tôi không phải là tình đầu của Duyên. Nhưng từ ngày gặp nhau, nàng yêu tôi tha thiết, chung thủy. Như thế chẳng đủ hay sao? Bốn năm sáu tháng tôi bị tù, nàng một mình nuôi ba con. Nhịn ăn nhịn uống để tiếp tế thuốc men và thực phẩm cho tôi trong tù. Mỗi lần đi thăm nuôi, nàng lặn lội đi bộ mười cây số, gặp những đoạn đường bùn lầy tới đầu gối, đi một bước kêu cầu Chúa một bước, vai cũng chảy máu, chân cũng trầy trượt, không một ai gánh đỡ. Muốn có thuốc men cho tôi nàng phải giả đau đủ thứ bệnh. Tôi ghẻ nàng khai nàng bị ghẻ lác. Tôi sốt rét nàng khai mình bị sốt rét. Tôi kiết lị nàng khai mình bị kiết lị.

"Đúng là một xương một thịt."

Mẹ tôi trêu như thế. Mẹ tôi cũng đã kể lại sự chống trả cao thượng của nàng như thế nào với sự cám dỗ của những người đàn ông khác trong lúc tôi vắng mặt. Khi tôi được phóng thích, và bị đuổi đi kinh tế mới, nàng theo tôi cuốc đất tới phồng tay mà cứ cười tươi, chỉ vì sợ tôi buồn. Tôi trốn về vùng đất xa lạ này, nàng đi theo, mò ốc nuôi con. Lúc nào cũng tươi cười.

Bên kia là Lan Ngọc, người đã cho tôi những rung cảm đầu tiên của con tim. Tuổi trẻ và cái quá khứ tươi đẹp của tôi ngưng tụ trong con mắt Ngọc. Chỉ ở trong đôi mắt đó, tôi mới còn là tôi. Nhưng nghĩ lại, khi xưa Ngọc chua xót bao nhiêu khi chồng tôn thờ một người tình đã chết, thì ngày nay vợ tôi sẽ thất vọng biết bao khi tôi còn dây dưa với một người tình cũ. Ngọc đang đau khổ, cần nâng đỡ, vâng, nhưng quả tình tôi không có trách nhiệm gì về những bất hạnh nàng phải chịu trong quá khứ. Đó là cái phần số của một người đàn bà đẹp, quá đẹp. Có điều cái phần số đã trở nên rắc rối do cuộc tái ngộ tình cờ này. Từ khi gặp lại tôi, Lan Ngọc đã phần nào được phục hồi tinh thần và thể chất; tôi không yên lòng nếu sau này nàng lại thất vọng và lại khóc một mình.

Duyên cựa mình, ôm vai tôi, nói mớ:

"Vai anh nổi chai như vai trâu!"

Lúc sau, nàng vẫn còn trong giấc mơ đó:

"Không được! Đại úy huấn luyện viên mà đi đội thúng cho mấy mẹ bạn hàng!"

Gần về sáng tôi chợp mắt được một lát thì lại nghe Duyên nói mớ nữa:

"Con mẹ kia! Không được bắt anh ấy vác cái cần xế dơ dáy đó!"

*

Tôi thức dậy trễ, Duyên đã đi nhận việc và các con đi học. Tôi ra "phòng khách," thấy trên bàn một ly cà-phê đen và tờ lịch với nét chữ của Duyên:

"Anh uống cà-phê, rồi ở nhà phất lại cái đèn kéo quân cho con. Hôm nay là trung thu đó! Anh hứa gì cách đây mười hai năm?"

Tôi ra chuồng gà lấy cái đèn kéo quân. Tôi nghĩ tới những người mà định mệnh buộc phải đuổi theo nhau mà không bao giờ gặp nhau êm ả được. Một người tự vẫn, một người ra điên bị xe cán chết. Còn ba người sống sót - Lan Ngọc, Duyên và tôi - chúng tôi làm được gì để cùng hạnh phúc? Ôi! "cùng hạnh phúc?" Điều này hình như vượt ra ngoài khả năng của tôi. Khả năng của tôi hình như chỉ là đừng gây thêm khổ đau cho một người, Duyên. Ngoài Duyên ra, tôi chỉ có cái tâm không nỡ vượt qua một người đồng hành đi chậm. Tốt hơn tôi nên rẽ sang đường khác. Trong tôi có một tiếng kêu gọi thương cảm. Nhưng làm sao phân biệt được lòng thương cảm với tình yêu? Mà đã là tình yêu thì có thể có hai không? Bề gì đi nữa, trong hoàn cảnh này tôi phải cư xử ra sao? Làm sao để không dấm lên tấm lòng của một ai.

Tối hôm đó, ngồi giữa vợ con quanh cỗ đèn, tôi nhìn lên vầng trăng và tự hỏi làm sao lòng tôi có thể vừa hữu tình vừa trong sáng như trăng?●

CÔNG CUỘC NGHIÊN CỨU VIỆT SỬ TẠI BẮC MỸ

(1975-2000)

Bài thứ Sáu: NHÓM BIÊN KHẢO

TRẦN ANH TUẤN

5. Giới Tu Sĩ và Nghệ Sĩ

Giới tu sĩ không nhiều với các nhà tu hành Phật giáo như Nguyễn Lang tức thiền sư Thích Nhất Hạnh, và một số huynh trưởng Gia Đình Phật Tử, Công giáo như các linh mục Cao Vĩnh Phan, Nguyễn Gia Đệ, Trần Phúc Long, và Phật giáo Hoà Hảo như Nguyễn Long Thành Nam.

Nguyễn Lang là bút hiệu của thiền sư Thích Nhất Hạnh, tục danh Nguyễn Xuân Bảo, người gốc Thanh Hoá. Thầy Nhất Hạnh là một tâm hồn thanh cao và thâm sâu đến độ mộc mạc. Thầy là biểu hiệu của một con người thuần Việt đã giác ngộ Phật pháp. Riêng ở Hoa Kỳ, Thầy là vị đạo sư Phật Giáo có nhiều ảnh hưởng thứ nhì trong giới trí thức Hoa Kỳ, sau đức Đạt Lai Lạt Ma của Tây Tạng.

Thầy Nhất Hạnh biên khảo nhiều về đạo Phật mà Thầy gọi bằng danh xưng thuần Việt là đạo Bụt. Từ hơn bốn thập niên qua, Thầy là vị tăng nhân tích cực hiện đại hóa Phật giáo. Dưới ảnh hưởng của Thầy, nhiều cộng đồng Phật Giáo được thành lập tại hải ngoại để những người con Phật từ khắp bốn phương trời tụ về tu tập: Làng Mai ở Pháp, Làng Cây Phong ở Gia-nã-đại, tu viện Kim Sơn, Rừng Phong và Thanh Sơn ở Hoa Kỳ... Thầy chỉ dạy đệ tử áp dụng Phật tính ngay trong đời sống hàng ngày, như khi đi, khi thở, khi ăn uống, khi nấu bếp, khi lái xe, thậm chí khi rửa tay, hay khi đi ngoài...

Thiền sư Thích Nhất Hạnh trước tác rất nhiều, đặc biệt Thầy có viết một bộ lịch sử Phật Giáo Việt Nam từ khởi thủy cho đến ngày nay. Đó là bộ *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận* với bốn tập. Ba tập đầu đã hoàn tất ở Việt Nam và Pháp và được nhà Lá Bối tái bản tại California năm 1993 (468, 288, và 492 trang). Tập Một trình bầy lịch sử Phật Giáo từ thời khởi nguyên đến thời Lý Trần. Tập Hai trình bầy lịch sử Phật Giáo thời Lê Nguyễn. Tập Ba trình bầy lịch sử Phật Giáo thời Pháp thuộc cho đến năm 1963 với sự thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất sau cuộc đảo chánh 1 tháng 11. Tập Bốn được tác giả dự định đã lâu nhưng cho đến khi chúng tôi viết những dòng này, chưa thấy xuất hiện trên thị trường. Thiền sư Nhất Hạnh viết về Phật Giáo Việt Nam nhưng Thầy không đứng trong vị thế của một sử gia. Thầy chỉ cốt viết về các thiền phái để giới thiệu tư tưởng của chư vị thiền giả Việt Nam cho hàng Phật Tử.

Với khối óc thông minh xuất chúng và trí nhớ phi thường, Thầy đã ghi lại những chi tiết về các thiền sư cùng những sinh hoạt Phật Giáo, nhất là trong Tập Ba, một cách rành rẽ, vô cùng phong phú, và sống động. Điều đáng nói ở đây là, khi chúng ta đọc Thầy, chúng ta sẽ thấy có những đoạn Thầy không viết rõ ra. Thí dụ như đoạn Thầy viết về thiền sư Đôn Hậu (Tập Ba, trang 261-262), chúng ta thấy nhiều chi tiết về Thượng Tọa Đôn Hậu đã không được Thầy kể đến, thành phần viết của Thầy về Thượng Tọa Thích Đôn Hậu có tính cách một chiều.

Ngoài ra, một tập thể các cư sĩ Phật Giáo gồm Cao Chánh Hựu, Hoàng Lệ Chi, Lê Hữu Đàng, Lê Hữu Đỗ, Nguyễn Thị Ngà, Phan Cảnh Tuân, Phan Huy Chiêm, Trần Văn Nhuận, và Vương Thúy Nga đã hoàn tất một tác phẩm rất giá trị về Gia Đình Phật Tử Việt Nam trong năm 1996, in tại California.

Chín tác giả này, vốn là các huynh trưởng

Phật Tử, đã xuất sắc hoàn tất một dự án lớn lao là cung cấp cho độc giả một tập tài liệu quí giá về lịch sử và sinh hoạt của tổ chức này trong hơn một nửa thế kỷ vừa qua. Sự quí giá của tập sách khổ lớn (22cm x 28cm) và dầy (535 trang) này dẫn xuất từ hằng hà sa số những hình ảnh và văn thư sách báo xưa cũ từ buổi đầu còn lưu giữ được.

Phương cách viết sử của nhóm tác giả này cũng rất mới: Lịch sử Gia Đình Phật Tử được hiển hiện qua những đoạn viết ngắn và những hình ảnh chân xác về người và việc. Những đoạn văn ngắn này tuy độc lập với nhau nhưng gộp chung lại, chúng đã dệt thành một diễn trình xác thực, sống động, và hào hứng trong suốt 55 năm của tổ chức này, từ khi khởi phát năm 1940 ở Huế cho đến năm 1995 tại khắp năm châu. Cách viết này rất thích hợp với nhịp sống bận rộn hiện nay tại hải ngoại, vì độc giả chỉ cần đọc đôi ba trang giấy là đủ nắm trọn vẹn một tiểu sử, một biến cố, hay một sự kiện quan trọng trong dòng lịch sử của Gia Đình Phật Tử Việt Nam.

Chính vì thế, công trình sưu tầm tài liệu và hình ảnh, công khó liên lạc tiếp xúc, và công phu in ấn đã làm tác phẩm *Gia Đình Phật Tử Việt Nam 50 Năm Xây Dựng* trở thành một mẫu mực cho những tổ chức nào muốn viết lịch sử của đoàn nhóm mình.

Linh mục Trần Phúc Long viết nhiều về lịch sử Giáo Hội Công Giáo Việt Nam.

Sau khi du học ở Pháp và Ý, linh mục Trần Phúc Long về nước năm 1952 và phục vụ trong các giáo xứ, đồng thời giảng dạy ở đại chủng viện và trông coi các trường đạo. Từ năm 1965, ông giảng dạy Anh văn tại Viện Đại Học Sài Gòn cho đến năm 1975 (?).

Sau biến cố 30/4, ông trở về sống tại Sài Gòn, rồi vượt biển tìm tự do. Cuộc vượt biển thành công, linh mục sang Hoa Kỳ định cư và tiếp tục phục vụ trong các họ đạo. Đồng thời linh mục trở nên tích cực trong những sinh hoạt báo chí và viết sách.

Tác phẩm *Kỷ Yếu Phát Diệm 1891-1991* (California, 1992, 299 trang khổ lớn) và *25 Giáo Phận Việt Nam 20 Năm Qua* (California, 1995, 327 trang khổ lớn) là những tác phẩm đồ sộ ghi lại lịch sử Giáo Hội Công Giáo Việt Nam mà ông đã hoàn tất. Giá trị của hai bộ lịch sử này nằm trong những hình ảnh, tài liệu, và tiểu sử các nhân vật trong hàng giáo phẩm mà linh mục Trần Phúc Long đã hiến cho độc giả, và nhất là cho những sử gia muốn tìm hiểu về lịch sử giáo hội Công Giáo VN sa
này.

Cao Vĩnh Phan là một vị linh mục khá
nguyên quán tại Quảng Bình. Sau khi th
phong linh mục tại Huế năm 1963, linh mụ
Cao Vĩnh Phan liên tiếp được bổ nhiệm là
chánh xứ Hàm Tân, Phan Thiết, và Mũi Né t
năm 1964 đến năm 1992. Linh mục mất nă
1993 tại thành phố Hồ-chí-Minh.

Linh mục Cao Vĩnh Phan viết rất nhiề
nhưng tác phẩm để đời của ông chính là quyể
Lịch Sử Giáo Phận Vinh in khổ lớn (17.5cm
26cm) và dầy (606 trang) do Hội Ái Hữu Đị
Phận Vinh Bắc California xuất bản năm 1996.

Số phận tác phẩm này rất đặc biệt. Nguyê
thủy, tác phẩm này có tựa đề *Giáo Phận Vinh
Nghệ Tĩnh Bình 1629-1975*, được tác giả đán
máy thành năm bản. Tác giả giữ một bản tạ
Sài Gòn. Ba bản được gửi cho vị Khâm Sứ
Toà Thánh Tại Việt Nam ngày 15 tháng Tư
năm 1975 để đem ra khỏi Việt Nam, lúc Sà
Gòn trên bờ sụp đổ. Còn bản cuối cùng đượ
tác giả gửi cho linh mục Trần Minh Công lú
ấy đang du học tại Thụy Sĩ. Sau hai thập niên
linh mục Trần Minh Công liên lạc với tác gi
còn ở Việt Nam để yêu cầu tác giả chỉnh đốn
lại bản thảo và cập nhật hóa tác phẩm đến
năm 1996 nhằm kỷ niệm 150 năm giáo phận
Vinh (1846-1996).

Lịch Sử Giáo Phận Vinh viết rất đầy đủ về
các giáo phận Thiên Chúa Giáo thuộc ba tỉnh
Nghệ An, Hà Tĩnh, và Quảng Bình, quê quán
của tác giả. Với những tài liệu chính thức của
giáo hội và các giáo phận, tác giả đã chi tiết
hoá những sinh hoạt phong phú và phức tạp
của các cộng đồng Thiên Chúa Giáo địa
phương, nhất là về hàng giáo phẩm. Lịch sử
tổng quát của giáo hội Thiên Chúa Giáo tại
Việt Nam cũng được tác giả đề cập đến trong
phần dẫn nhập.

Thêm phần minh họa với nhiều hình ảnh và
tài liệu cổ, tác phẩm trở thành món ăn tinh
thần quí hiếm của tất cả đồng hương và đồng
đạo với tác giả. Riêng đối với những nhà viết
sử, điều cần lưu ý khi tham khảo tác phẩm này
là nguồn tham khảo của tác giả chỉ gồm những
tài liệu xuất bản trước thời điểm năm 1975.
Nói cách khác, tác giả đã sử dụng những tác
phẩm xuất hiện sau năm 1975 một cách giới
hạn. Một bằng chứng cụ thể là khi liệt kê tên
họ của người Việt Nam, linh mục Cao Vĩnh
Phan chỉ biết căn cứ vào một tài liệu xưa cũ từ
đầu thế kỷ là *Việt Nam Sử Lược* của Trần

Trọng Kim để xác định Việt Nam chỉ có 131 họ (trang 454-455). Vậy là tác giả đã không biết tới những tài liệu mới đây, hoặc xuất bản tại Việt Nam như *Họ Và Tên Người Việt Nam* của Lê Trung Hoa (Hà Nội, 1992, trang 40-44) liệt kê 769 họ, hoặc xuất bản tại Hoa Kỳ như *Di Cảo 7. Tên Họ Người Việt Nam của Nguyễn Ngọc Huy* (California, 1998, trang 258-270) liệt kê 384 họ.

Trần Lục là một tuyển tập do 18 tác giả viết về công nghiệp của linh mục Trần Văn Triêm, thường được biết nhiều hơn dưới tên Cha Sáu tức Trần Lục, người cai quản hạt Phát Diệm và xây Nhà Thờ Phát Diệm, một kỳ quan đương thời. Tuyển tập là một bộ sách đồ sộ với 639 trang, xuất bản tại Montreal, Gia-nã-đại, năm 1996. Số 18 tác giả này gồm nhiều tầng lớp khác nhau (linh mục, giáo dân, lương dân, văn sĩ, nhạc sĩ, thi sĩ...) đóng góp cả thảy 24 bài.

Số bài giá trị lịch sử không nhiều. Nổi bật chỉ có ba bài của linh mục Trần Văn Kiệm, giáo sư Lê Hữu Mục, và Đức Giám Mục Tiên Khởi Nguyễn Bá Tòng viết về Trần Lục (trang 309-335, 337-395, và 511-547), và bài của Đức Ông Trần Văn Khả viết về Nhà Thờ Chính Tòa Phát Diệm (trang 31-74).

Nhưng tuyển tập đã in lại ba nguyên tác của Trần Lục. Đó là những bài lục bát Hiếu Tự Ca (1088 câu, trang 549-583), Nữ Tắc Thường Lễ (1016 câu, trang 585-617), và Nịch Ái Vong Ân (440 câu, trang 619-633). Nhờ đó, độc giả biết thêm một khía cạnh tài hoa và một vai trò cao quí khác của Cha Sáu.

Về Phật Giáo Hòa Hảo, một chức sắc quan trọng của giáo phái đã cung hiến cho chúng ta một tác phẩm đồ sộ, tựa đề *Phật Giáo Hòa Hảo Trong Dòng Lịch Sử Dân Tộc*. Sách được in năm 1991, 825 trang, và tác giả không ai khác hơn là Nguyễn Long tự Thành Nam. Thực ra, Nguyễn Long tự Thành Nam đã mất (1989) trước khi tác phẩm ra đời (1991). Chính nhà xuất bản Đuốc Từ Bi và thân nhân của ông đã hợp tác để xuất bản công trình nghiên cứu của ông như một đóng góp cuối cùng của ông cho Giáo Hội. Cư sĩ Nguyễn Long đã liên tục nắm giữ nhiều trọng trách trong tổ chức Phật Giáo Hoà Hảo, cả về phần đạo lẫn phần đời: tuy sinh ra ở miền Bắc, ông từng là nhân viên Ban Chấp Hành Tỉnh Bộ Long Xuyên của Dân Xã Đảng (1946-47), chủ biên cơ quan ngôn luận của quân đội Phật Giáo Hoà Hảo là tờ báo Chiến Đấu (1947), Đại Diện Phật Giáo Hòa Hảo trong tổ chức chính trị Mặt Trận Thống Nhứt Toàn Lực Quốc Gia (1955), và Chánh Thư Ký Ban Trị Sự Trung Ương Phật Giáo Hoà Hảo nhiệm kỳ IV. Lưu vong sang Hoa Kỳ ngày 30/4/1975, ông chính là người đứng ra thành lập Văn Phòng Phật Giáo Hoà Hảo Hải Ngoại và tổ chức Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng Hải Ngoại. Do đó, ông là người biết rất nhiều và rất sâu những uẩn khúc của Phật Giáo Hoà Hảo, kể cả phần giáo lý, để có khả năng trình bầy lịch sử của giáo phái này một cách đầy đủ và trọn vẹn.

Theo chỗ chúng tôi hiểu, ấn phẩm này có lẽ chính là thành quả của một dự án được tổ chức Social Science Research Council ở Hoa Kỳ tài trợ. Do đòi hỏi của một công trình nghiên cứu theo tiêu chuẩn đại học Hoa Kỳ, thành phẩm của những dự án được tài trợ này thường phải đạt được tiêu chuẩn nghiên cứu tối thiểu căn cứ vào những luật tắc chặt chẽ của ngành khoa học xã hội.

Để hoàn tất tác phẩm này, Nguyễn Long tự Thành Nam đã sưu tầm và đối chiếu phân tích tài liệu để tìm ra những sự kiện chính xác, phỏng vấn và tham khảo những chứng nhân cùng lắng nghe quan điểm của cả những người ngoại đạo hầu giảm bớt tính chủ quan của một người nghiên cứu vốn đã tiến quá sâu trong vai trò của người trong cuộc đối với đề tài đang khai thác. Do đó, sự kiện được trình bầy trong sách lúc nào cũng là những sự kiện đã được kiểm chứng (nhưng mức độ và giá trị của sự kiểm chứng lại là một vấn đề khác!)

Mặt khác, nếu vai trò người trong cuộc đôi khi khiến tác giả mắc bệnh chủ quan thì, ở một khía cạnh khác, vai trò người trong cuộc đã giúp tác giả có được những tài liệu quan trọng mà người bên ngoài không thể thụ đắc được: đó là những hình ảnh chân xác, hiếm quí làm hiển hiện người và việc trong lịch sử giáo phái. Đó lại thêm một phần giá trị của tác phẩm mà độc giả may mắn được thụ hưởng.

Về giới nghệ sĩ viết sách, chúng ta có thể kể Phạm Duy, Trường Kỳ, và Nguyễn Long.

Phạm Duy là một nghệ sĩ với tâm hồn cực kỳ nhậy cảm. Sau biến cố 30/4/1975, ông đã đặt lời ca thể hiện hết sức cô đọng mà đầy đủ ý nghĩa của việc đổi tên thành phố Sài Gòn: Sài Gòn đã chết vì phải mang tên xác người! Nguyên một chi tiết này cũng đủ làm người Cộng sản VN căm hận Phạm Duy khôn nguôi.

Bản nhạc *1954-1975* của Phạm Duy, hay *Một Chút Quà Cho Quê Hương* của Việt Dũng, chính là những tài liệu sử của thời hiện đại!

Đường Về Dân Ca của Phạm Duy (California, Xuân Thu xuất bản, 1990, 192 trang) là một tập khảo luận của người nghệ sĩ cả đời đắm mình trong đề tài ông viết. Do đó, tuy bản khảo luận không dài nhưng là một thiên nghiên cứu đầy đủ giúp độc giả thấu hiểu ngọn ngành từ lịch sử, qua cách kết cấu, đến những vấn đề của dân ca Việt Nam.

Trường Kỳ là một nhạc sĩ trẻ trong những năm 60 cho đến 75 tại Sài Gòn. Cùng với một nhạc sĩ khác, Nam Lộc, ông thường tổ chức những buổi trình diễn nhạc trẻ tại các công viên Sài Gòn, các vũ trường, và nhất là tại các câu lạc bộ của quân đội Đồng Minh tại Việt Nam. Nhờ những liên hệ với Mỹ như thế, ông đã có cơ hội vượt thoát Sài Gòn trước khi tướng Dương Văn Minh đầu hàng vô điều kiện quân Cộng sản Bắc Việt ngày 30 tháng 4 năm 1975. Trường Kỳ hiện định cư tại Gia-nã-đại.

Kể từ năm 1995 đến nay, Trường Kỳ đã kiên trì hoàn tất bộ *Tuyển Tập Nghệ Sĩ* gồm Tập Một (1995, 336 trang), Tập Hai (1996), Tập Ba (1997, 368 trang), và Tập Bốn (1999, 368 trang). Đây là tiểu sử của các ca sĩ, nhạc sĩ, và kịch sĩ do một người trong cuộc thực hiện qua những cuộc tiếp xúc hay phỏng vấn trực tiếp. Do đó, bốn tuyển tập này đầy ắp những chi tiết cụ thể, sống động và lý thú về giới nghệ sĩ trình diễn suốt dòng thời gian từ thời VNCH đến thời tị cư ra hải ngoại cho đến năm 1999.

Người viết đã có thể phân tích rất chi li, sắc sảo, và nhiều lúc chín chắn để đưa ra ánh sáng những cái hay của một giọng hát, những điểm tuyệt diệu của một bài ca, hay xuất xứ của một bản nhạc của cộng đồng người Việt trong hậu bán thế kỷ XX, ở trong nước cũng như tại hải ngoại. Nhưng người viết cũng luôn luôn bị tình cảm bạn bè quen biết và đồng nghiệp đồng ngành chi phối, do đó mà ông đã không tiếc những lời khen tặng và ca tụng thái quá, nhất là đối với trường hợp những ca sĩ ở các địa phương mà đại đa số độc giả và thính giả chưa hề biết đến.

Nguyễn Long là một nghệ sĩ sinh hoạt trong các ngành ca nhạc, kịch nghệ, phim ảnh từ năm 1946 khi ông gia nhập Đoàn Kịch Thiếu Niên Hoàng Diệu ở Hà Nội lúc ông mới 12 tuổi liên tục cho đến năm 1975, và sau này nơi hải ngoại. Do đó, khi ông viết về giới ca nhạc

TÙY ANH

MỘT MAI VỀ VỚI NÚI RỪNG

Một mai
dù có ngọt bùi
Cũng đừng quên
những ngậm ngùi xa xưa
Phận người
bong bóng hạt mưa
Cũng tan theo với
bốn mùa chuyển luân.

Một mai
từ bỏ phong vân
Lại thèm nghe
tiếng bước chân đội thầm
Bụi mù
khuất nẻo hồng trần
Ráng chiều
chợt sáng
mấy tầng sương buông.

Một mai
về với suối nguồn
Núi rừng còn nặng
nỗi buồn chia xa
Một mình
đứng giữa quan hà
Nghe trong nước mắt
chan hòa a niề m vui...

Thái Sơn, 22.7.98

sĩ là ông viết về những bạn hữu thân thiết cùng chung ngành nghề với ông qua nhiều thập niên. Và độc giả trông đợi những chi tiết dồi dào và hào hứng về những sinh hoạt mà ông đã gắn bó cả đời. Họ đã phần nào thỏa trí tò mò về cuộc đời của những nữ ca sĩ mà họ mến mộ. Điều đáng tiếc là, trong sách *32 Nữ Ca Sĩ* do ông xuất bản tại California năm 1997, độc giả đã nhàm chán vì những câu hỏi và những câu trả lời ước lệ vì kỹ thuật phỏng vấn của ông quá nghèo nàn: chỉ có chung bảy câu hỏi giống nhau cho tất cả 32 ca sĩ!

6. Những Tác Giả Chưa Được Biết Rõ

Trong nhóm biên khảo, có một số những tác giả mà chúng tôi rất tiếc chưa được hân hạnh biết rõ, do đó chúng tôi chỉ xin liệt kê tên người và tác phẩm. Hy vọng trong tương lai, khi loạt bài này ra mắt độc giả dưới dạng sách, chúng tôi sẽ có cơ hội giới thiệu họ với độc giả.

1) ĐỖ ĐỨC THÁI, *Thảm Họa Việt Nam. Chính Trường & Chiến Trường Việt Nam 1945-1975.* không nơi xuất bản (nơxb), không nhà xuất bản (nxb), không năm xuất bản (năxb), 246 tr.

2) Hoàng Tường, *Việt Nam Đấu Tranh 1930-1954.* California, Văn Khoa xb, 1987, 185 tr.

3) HỒ ĐỨC HÂN, *Lược Sử Giáo Phận Vinh (Nghệ Tĩnh Bình),* California, không nxb, không năxb, 165 trang.

4) HỒ SĨ KHUÊ, *Hồ Chí Minh Ngô Đình Diệm Và Mặt Trận Giải Phóng.* California, Văn Nghệ xb, 1992, 443 tr. 5) LÊ THỌ GIÁO, *Quảng Trị: Mạch Đất, Tình Người*, không nơxb, Hội Ái Hữu Quảng Trị xb, 1990, 246 tr.

6) NAM TRỰC, *Việt Nam: Khúc Quanh Lịch Sử 1995.* California, không nxb, không năxb, 477 tr.

7) PHAN THỨ LANG, *Trần Lệ Xuân, Giấc Mộng Chính Trường.* không nơxb, Á Châu xb, 1998, 204 tr. 8) ...

Alameda, tháng 8 năm 2000

Kỳ sau: NHÓM VIẾT HỒI KÝ

(1)PHẠM ĐÌNH NHÂN, Almanach Những Sự Kiện Lịch Sử Việt Nam, Hà Nội, 1999, các trang 604 và 611. (2)PHẠM KHẮC HOÈ, Từ Triều Đình Huế Đến Chiến Khu Việt Bắc, Sài Gòn, tái bản, 1985, trang 82-87. (3)ĐOAN THÊM, Hai Mươi Năm Qua, Việc Từng Ngày (1945-1964), bản in lại tại California, trang 11-12. (4)Thí dụ như các quyển Relation Abrégé (sic) des Missions et des Voyages des Evéques Francais, Envoys aux Royaumes de la Chine, Cochinchine, Tonquin & Siam của Francois Pallu in năm 1668, quyển Histoire et Description de la Basse-Cochinchine của Gabriel Aubaret in năm 1861, quyển Histoire de lõ Expedition de Cochinchine en 1861 của Pallu de la Barrière in năm 1864, hay quyển Les Premières Années de la Cochinchine Francaise của Paulin Vial in năm 1874, vân vân.

Một thiền sư khác, Thầy Thích Thanh Từ, đã viết Thiền Sư Việt Nam. Tác phẩm này được xuất bản tại California năm 1984, 364 trang.

ai hoc Hoa Kỳ, Nguyên trong thập niên 1980, tổ chức Social Science Research Cou ncil ở Hoa Kỳ cấp ngân khoản cho một số dự án về sử, văn học, tôn giáo, nghệ thuật ... Việt Nam. Mỗi dự án được trợ cấp khoảng $20, 000.00.

Phong Trào Giáo Dân Việt Nam Hải Ngoại, Thảm Sát Mậu Thân Ở Huế, Tuyển Tập Tài Liệu, ,,, 1998, 248 trang.

Mới phát hành

ở đây

Thơ của KHÁNH HÀ

Nhà thơ nữ tài hoa của xứ Na Uy thơ mộng

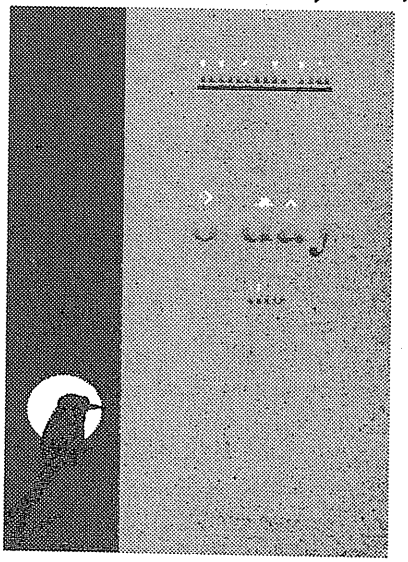

Liên lạc:

Nguyễn Thị Khánh Hà

Midtskogvn 7A - N-2020 Skedsmokorset - Norway

Điện thoại: (47)-63 87 80 53 e-mail: cucu@online.no

CHUYỆN MỘT NGƯỜI YÊU PHƯỢNG VỸ

HƯỚNG DƯƠNG

Mỗi độ hè về thì tôi lại có thể nhìn thấy những tàng cây jacaranda nở đầy hoa tim tím dọc theo nhiều con đường ở California, và hoa jacaranda đã khiến tôi nhớ nhiều đến màu hoa phượng vỹ (Royal Poinciana/ Caesalpinia) ở quê nhà, nhất là hai cây phượng vỹ thật to ngay trước cổng trường Lê Quí Đôn của tôi. Ai đã từng "mài đũng quần" trên ghế nhà trường ở Việt Nam chắc hẳn không thể không nhớ loài "hoa học trò" này. Cứ mỗi khi thấy hoa phượng nở đỏ rực trên cành, cùng với tiếng ve kêu vang rền là biết hè về, mùa thi đã đến và ngày bãi trường đã gần kề. Cánh phượng đỏ, hình trái tim, vừa mềm mại lại mượt mà như nhung vậy. Giữa trưa hè mà ngồi học bài hay ăn hàng dưới gốc cây phượng vỹ thì thật là thú vị nhưng hình ảnh mà tôi thích nhất vẫn là được ngắm các cô bạn tụm ba tụm năm lại trao nhau những cuốn lưu bút với một vài cánh hoa phượng đỏ ép vào giữa những trang giấy trắng học trò thật dễ thương.

Đã có rất nhiều người yêu thích và ca tụng hoa phượng, trong số đó có Dũng - thằng bạn học đa tài và quá ư "lý tưởng" của tôi. Ngay từ năm học lớp Sáu và có lẽ đến cuối đời, nó vẫn là người yêu phượng đến... điên cuồng nhất! Dũng đã viết rất nhiều bài luận văn, nhiều bài thơ, bài nhạc để ca tụng vẻ đẹp của phượng. Không những vậy, nó còn vẽ tranh, chụp rất nhiều tấm ảnh để "miêu tả trọn vẹn nét đẹp của phượng"! Nó có cả một "công trình" sưu tầm, nghiên cứu về phượng với hy vọng sẽ "để lại cho đời sau những tác phẩm bất hủ" về loại hoa này. Chưa hết, có lần nó đã đùa với chúng tôi: "Tao mà làm tổng trưởng giáo dục thì tao sẽ yêu cầu tất cả trường học ở Việt Nam trồng phượng khắp sân trường, hay ít ra cũng có hai gốc phượng ngay trước cổng trường. Tao sẽ cấm học trò khắc bậy bạ lên thân cây phượng..."

Tôi còn nhớ trong một lần cô giáo dạy văn

ra đề thi lục cá nguyệt cho môn tập làm văn của chúng tôi là "hãy miêu tả một loài hoa mà em thích nhất" thì bài văn của Dũng đã được điểm cao nhất. Khi cô giáo cho Dũng đứng lên đọc bài văn của nó, chúng tôi nhìn nhau cười khúc khích trước thái độ "trịnh trọng" và giọng đọc say sưa của nó nhưng nó vẫn cứ tỉnh bơ đọc. Đến khi cô giáo bảo chúng tôi lần lượt đọc những bài văn miêu tả hoa hồng, hoa lan, hoa cúc, hoa lục bình, hoa thược dược, hoa hướng dương... của chúng tôi xong thì nó mới đứng lên phê bình từng đứa chúng tôi sát sạt khiến cả lớp chúng tôi tranh cãi rùm beng lên với nhau. Dũng cứ một mực nói: "là học trò thì phải yêu hoa phượng vì hoa phượng là hoa học trò," còn tụi tôi thì khăng khăng cãi lại: hoa nào cũng có những nét riêng, có hoa thơm nhưng có gai, có hoa đẹp mà không thơm, có cái tốt, cái xấu của từng loại, không thể bắt buộc phải "yêu" mỗi một loài hoa như Dũng nghĩ được. Dù cho hoa phượng là "hoa học trò" đi nữa thì đâu thể nào bắt buộc tất cả học trò phải yêu chỉ mỗi một loài hoa phượng vỹ mà không có quyền tự do yêu thích loài hoa khác? Chưa kể là trình độ cảm nhận, thẩm mỹ, sở thích, hoàn cảnh, điều kiện sống của mỗi người cũng khác nhau thì suy nghĩ của mỗi người không thể giống nhau như "người máy" được! Nói thế nào, Dũng cũng chẳng thèm nghe, cứ cãi bướng cho đến khi cô giáo nổi sùng phạt cấm túc hết cả lớp và bắt buộc mỗi đứa phải chép phạt 200 lần chỉ một câu: "Từ nay em không được cãi nhau trong lớp học"! Từ đó, chúng tôi cứ mặc kệ cho nó "si tình" với phượng.

Vậy mà nó vẫn không tha tụi tôi. Ngay sau ngày 30/4/75, Dũng đến trường với mảnh vải đỏ quấn quanh cánh tay, cùng với ban quân quản tập họp các thầy cô và học sinh trường tôi lại để chào mừng "cách mạng thành công" và bước vào giai đoạn học tập "cải tạo tư tưởng." Lúc đó, tụi tôi bắt đầu thấy sợ nó, không còn coi nó là bạn học từ bé nữa vì nó đã ngang nhiên trở thành "cán bộ Đoàn," với lý lịch bây giờ chúng tôi mới biết: ba nó là một ông thợ mộc lỡ bị xe nhà binh Mỹ đụng gãy chân nên uất ức mà tham gia làm "nằm vùng," đến sau Tết Mậu Thân bị lộ nên bị bắt và đày ra Côn Sơn. Cuối năm 1972, ông đã chết trong nhà tù Côn Sơn, được chôn cất bên cạnh những cây phượng vỹ và sau 30/4/75 thì gia đình nó trở thành "gia đình liệt sĩ." Có lẽ từ quá khứ đó mà nó hoạt động tích cực trong mọi phong trào từ trường đến phường khóm; trong khi tụi tôi chưa biết tương lai sẽ ra sao khi mà cha vừa phải "tập trung cải tạo" và số phận "con Ngụy" của mình sẽ đau khổ như thế nào dưới chế độ mới. Ngay cả thầy cô cũng ái ngại trước một người học trò đang hừng hực "nhiệt tình cách mạng!"

Cuối học kỳ I của năm lớp 12, khi mà ngày lễ Giáng Sinh & Năm Mới không còn làm chúng tôi háo hức nữa mà phải ráo riết "làm quen" với những "danh từ cách mạng" rất mới mẻ trước khi thi thì Dũng lại đến lớp với vẻ mặt hí hửng, mở tờ giấy ra khoe với chúng tôi: " Các bạn, tôi vừa xin phép Ban Giám Hiệu cho phép tụi mình trồng thêm hai cây phượng ngay hai bên cổng chính như là một 'công trình' nhân dịp 'Tết trồng cây nhớ Bác' sắp đến, vừa là một kỷ niệm tốt đẹp để lại cho đàn em của mình sau này. Các bạn có 'nhất trí' không?" Eo ơi, nghĩ ngợi gì nữa cơ chứ, cả lớp chúng tôi đều vỗ tay trước "sáng kiến" vô cùng hay ho này của Dũng. Thầy chủ nhiệm cũng cười hớn hở đến bắt tay khen ngợi Dũng.

Cho dù sắp đến ngày thi tốt nghiệp phổ thông cấp ba (tú tài 2), tụi tôi vẫn phải thay phiên chăm sóc, tưới bón cho hai cây phượng vỹ sao cho tươi tốt và làm vui lòng thằng bạn trưởng lớp của mình. Lắm lúc bực mình nó với đủ thứ phong trào văn nghệ, thể thao, báo chí, học tập, sinh hoạt nọ kia nhưng tụi tôi vẫn phải khâm phục nó ở chỗ nó rất khỏe, ăn uống kham khổ nhưng bao giờ nó cũng xung phong đi đầu trong mọi sinh hoạt, công tác mà điểm môn nào cũng cao nhất lớp. Hay nhất là cứ sáng thứ hai đầu tuần là nó lại đến chăm sóc hai cây phượng để coi cây phượng có lớn lên thêm được phân nào hay không! Ngay như đám đoàn viên Thanh Niên Cộng sản và con em cán bộ ngoài Bắc mới vào trường tôi cũng không thể nào trội hơn Dũng về mọi mặt nên cũng thường tỏ thái độ ganh tị, ghen ghét Dũng mỗi khi có dịp "phê và tự phê."

Khi trường tôi đi công tác thủy lợi, nó xắn đất, bắn leng rất "thiện nghệ," lại còn "biểu diễn" nấu cơm, rồi đàn hát, ăn nói lưu loát như một cán bộ nòng cốt rất mẫu mực và tài giỏi, khiến biết bao cô bạn trong trường tôi cảm mến và bọn con trai tụi tôi cũng phải thán phục. Ai bảo "gươm lạc giữa rừng hoa" là sướng chứ nguyên cả lớp tôi chỉ có mười một đứa con trai thì con trai lại bị "lép vế", cứ phải gánh hết mọi việc cho các o con gái chỉ hay làm điệu với mấy thằng con trai... lớp khác

nhưng lại giỏi "bắt nạt," "ăn hiếp" và biết cách "đì te tua" đám con trai học cùng lớp - trừ với Dũng! Mấy o thường làm bộ hỏi bài hay nhờ Dũng làm giùm đủ thứ chuyện tào lao trên đời chứ hiếm khi nào thèm ngó đến mười thằng "cù lần" còn lại trong lớp. Vậy mà trong buổi tối cuối cùng trước khi trở về trường ôn tập chuẩn bị thi học kỳ hai, cô bí thư chi đoàn Thúy Liên vẫn cố lôi kéo đám con trai theo phe cô ta để moi móc phê bình Dũng là có "quan hệ nam nữ... linh tinh," có tinh thần "anh hùng cá nhân... tiểu tư sản"(!) khiến cả bọn tụi tôi chỉ biết cười thầm mà ngao ngán. Tuổi học trò của chúng tôi đã không còn vô tư, ngây thơ trong trắng nữa khi mà người ta đã nhồi nhét vào đầu óc chúng tôi về chủ nghĩa Mác-Lê và tinh thần "đấu tranh giai cấp," dạy chúng tôi phải biết phân biệt rạch ròi giữa ta và địch, gieo vào chúng tôi lòng "căm thù kẻ địch" và môn chính trị trở thành môn học quan trọng nhất quyết định kết quả đánh giá cả một quá trình học tập chứ không còn là những môn khoa học tự nhiên, nhân văn, xã hội thuần túy nữa. Tình bạn giữa chúng tôi cũng đổi thay rõ rệt khi mà trong lớp học đã có những đoàn viên Thanh nien Cộng sản từ Bắc mới chuyển vào trường chúng tôi, nhưng cái mặt của họ dường như lúc nào cũng vênh váo, ăn nói xấc xược, thái độ kiêu căng của kẻ chiến thắng nhưng cách ăn mặc thì hết sức... quê mùa lạc hậu! Chính họ đã tạo ra một khoảng cách, với tật ưa soi mói, đố kỵ, ánh mắt họ cứ như dò xét từ lời nói, cử chỉ đến... tư tưởng của thầy cô lẫn bạn bè. Sợ nhất là những buổi "phê và tự phê," mỗi người làm phải một tờ tự kiểm, cứ cố moi ra cái xấu nào đó để bày tỏ thái độ thành khẩn rồi nghe họ "góp ý" bằng giọng dạy đời, kẻ cả rất khó ưa trước khi mình "rút kinh nghiệm để phấn đấu tốt hơn!" Có lẽ cũng phải cám ơn "cách mạng" đã sớm chỉ cho chúng tôi thấy được những kịch cỡm và dối trá của trò đời mà trước kia chẳng ai trong nhà trường và gia đình thèm dạy cho chúng tôi biết!

TRẦN YÊN HÒA

NGỎ TÌNH PHAI

Lời tình nào em cho ngày nọ
Cũng tàn phai theo tháng năm rồi
Như con nước tràn qua cát nóng
Tan nhòa trên vị đắng bờ môi

Thấp thoáng đó một bờ vai cũ
Màu tóc xưa hong đậm tình nhau
Ta chen chúc nhục nhằn đủ thứ
Bỗng hốt nhiên em nhạt phai màu

Con sông nước vỗ tràn thơ dại
Gợi lòng ta nỗi nhớ thương xưa
Cơn mộng dữ mười năm lưu lạc
Đất khách hoài ngóng một chiều mưa

Tình đã cạn mà ta lú lẫn
Tưởng như ta trẻ mãi không già
Ngỏ phai nhạt là em biển lận
Cuộc tình nào cũng có điêu ngoa
Ta vẫn mãi một lòng hoài vọng
Như lưu vong vọng tưởng quê nhà.

Thi tốt nghiệp phổ thông cấp ba (tú tài hai) xong, tụi tôi lại bù đầu ngay với việc ôn thi vào Đại Học nên đứa nào cũng viện đủ lý do để "đào ngũ," mặc cho trưởng lớp của mình muốn làm gì với hai cây phượng vỹ thì làm! Bẵng cho đến khi có kết quả, tụi tôi lại chưng hửng: tám đứa "con Ngụy" có cha "học tập cải tạo" đều "trợt vỏ chuối," chỉ có Dũng và hai đứa có cha mẹ là công nhân hay buôn bán nhỏ là "qua ải." Thế mà Dũng lại xin "tạm hoãn" việc vào học ở đại học Y Dược để tình nguyện đi thanh niên xung phong. Nó giải thích với tụi tôi: "Đất nước đang cần mình xăn tay áo lên đắp đập, làm thủy lợi, đem nước ngọt về tưới cho đồng ruộng để có đủ lúa gạo nuôi dân, xây dựng và phát triển đất nước. Thanh niên phải lên đường ngay hôm nay, trước là đáp lời sông núi cống hiến tuổi trẻ cho đất nước, sau là qua lao động sẽ tự cải tạo chính mình trở thành con người mới tiến bộ hơn. Còn việc học của mình đợi vài năm nữa cũng đâu có muộn."

Thấy nó "bôn-sê-vích" quá nên ngày nó đi lên nông trường Lê Minh Xuân cũng không có mấy đứa bạn cùng lớp đưa tiễn nó lên đường. Thực tình chúng tôi không ngờ nổi Dũng lại thay đổi đến như vậy, nhất là qua những hành động và suy nghĩ quá ư... lý tưởng của nó. Từ những ngày chúng tôi tham gia phong trào hướng đạo với thầy Linh vào năm lớp Sáu cho đến lúc chúng tôi tổ chức được một đội túc cầu đầu tiên của trường vào năm lớp Tám, Dũng vẫn là một thằng bạn rất tốt và xuất sắc trong mọi lãnh vực. Hình ảnh của một đội trưởng tháo vát tài hoa vừa biết đàn ca, vừa làm bích báo hay mà đẹp đã khiến cả trại hè Suối Tiên phải thán phục thiếu đoàn Lê Quý Đôn của chúng tôi. Chưa kể đến vai trò thủ quân đá vai tiếp ứng lên công về thủ hết sức dẻo dai, xông xáo luôn làm cho chúng tôi mến phục Dũng. Nó đến nhà đứa nào cũng được cha mẹ chúng tôi ân cần giữ lại ăn cơm vì sự lễ độ, khiêm tốn, bình dân và tánh thành thật tốt bụng của nó. Bất cứ điều gì người ta cần đến sự giúp đỡ của nó, nó đều vui vẻ, sốt sắng làm tới nơi tới chốn. Vậy mà chỉ một vài ngày sau 30/4/1975, Dũng đã trở nên một thanh niên tràn đầy "nhiệt tình cách mạng" và "lý tưởng" đến mức chúng tôi đâm ra dè dặt khi gặp nó và hầu hết thầy cô cũng... "hết ý" với nó!

Cuối năm 1981, khi tôi vừa ra khỏi trại giam Cây Gừa đến bến xe Hộ Phòng để về Sài Gòn sau hơn mười tám tháng "gỡ lịch" vì tội vượt biên ... hụt, bất chợt tôi gặp lại Dũng. Nó vừa đen sạm và dày dạn phong sương hơn cả tôi vừa ở tù lao động cải tạo ra, mà ăn nói thì y hệt cán bộ nên tôi phải tỏ ra dè dặt hơn với nó chứ không còn dám giỡn chơi thoải mái như trước nữa. Dũng khoe nó đã "chuyển ngành" sau khi hoàn thành "nghĩa vụ quốc tế" trên chiến trường Kampuchea, vừa học xong lớp "cán bộ kiểm sát nhân dân" và chuẩn bị cưới vợ. Tôi cứ tưởng vợ nó là Vân, là Nga, hay là Thủy - những cô bạn học cùng trường, cùng lớp ngày xưa vẫn ái mộ Dũng. Ai dè cô dâu lại là cô Phụng nào đó, lớn hơn nó đến hai tuổi, từng là dân chơi có tiếng ở các vũ trường Sài Gòn trước khi bị bắt vô trường "phục hồi nhân phẩm" Bình Triệu, rồi được chuyển qua đơn vị thanh niên xung phong của Dũng. Trong những ngày lăn lộn trên các nông trường và chiến trường biên giới Tây Nam, chú nai tơ Dũng đã bị lọt vào bẫy tình và nó đã về Cà Mau để ra mắt bên vợ của nó. Không biết cuộc tình này "lý tưởng" đến cỡ nào chứ nghe nó kể mà tôi cứ lo cho nó bởi tôi vẫn suy nghĩ hết sức cổ hủ: dù lấy vợ làm điếm hay lấy điếm làm vợ thì... cũng vậy thôi!

Dù biết tôi mới được "tạm tha," nó chỉ biết "động viên" và nhắc nhở tôi phải cố gắng "phấn đấu" chứ không đãi tôi được một tô mì hay hủ tíu mà tôi thèm không chịu được khi ngó thấy mấy người khách cứ húp xì xụp hết sức ngon lành ngay trong một quán trước phòng vé của bến xe. Dũng trưởng lớp hết sức chịu chơi trước 1975 đã không còn nữa. Trước mặt tôi giờ đây là một cán bộ tên Dũng đã bị "nhuộm đỏ" từ đầu đến chân! Thật khó mà tin nổi chủ nghĩa cộng sản đã làm bạn tôi thay đổi đến độ cuồng tín và ngây thơ đến như vậy.

Sau đó tôi lại vượt biên thất bại một lần nữa, phải "nằm ấp" ở Bà Rịa. Bạn học cũ biết được tôi sắp phải lao động cải tạo tận Phước Long nên mày mò đến nhờ Dũng tìm cách cứu tôi nhưng nó thẳng thừng từ chối, còn nhắn với tôi là "học tập cho tốt rồi hãy về xây dựng cuộc sống mới cho đàng hoàng hơn!" Nghe kể lại, tôi tức giận nó thì ít nhưng lo cho sự cuồng tín của nó thì nhiều, không chừng nó sẽ là Paven trong *Thép đã tôi thế đấy* hay *Ruồi trâu* (best seller về tuyên truyền trong thanh niên) của Liên Sô thì khổ cho nó. Bạn bè đều thương nó nhưng chưa ai dám nói thật với nó những suy nghĩ thầm kín từ đáy lòng mình về chế độ mới. Nói nôm na, chúng tôi cứ phải tập "nín thở" để "qua sông"!

Trốn tù, tôi lên Đà Lạt làm phó nhòm và bỏ luôn Sài Gòn cho đến khi vượt thoát qua Mã Lai sau 23 ngày lênh đênh trên biển, vừa đói khát, vừa bị hải tặc Thái Lan cướp bóc te tua. May mắn là một thuyền đánh cá Singapore đã cứu chúng tôi, đưa vào Johor trước khi chuyển về đảo tị nạn Pulau-Bidong. Chín tháng sau, tôi đến Mỹ với hai bàn tay trắng. Tất cả đều phải làm lại từ đầu trên xứ này, tuy cực khổ nhưng tôi vui mừng khi bước vào trường đại học - một ước mơ mà tôi đã bị "nhà trường xã hội chủ nghĩa" từ khước một cách tàn nhẫn khi còn ở trên quê hương mình chỉ vì tôi là một đứa "con Ngụy"!

Cuộc sống mới ở Mỹ cũng không cho tôi thời gian rỗi rảnh để tìm hỏi xem Dũng biến đổi đường nào. Tôi vừa "cày" full-time, vừa học 15, 16 units nên cũng chẳng cần biết cuộc sống của Dũng bây giờ ra sao? Thỉnh thoảng lái xe trên đường về nhìn thấy những tàng cây jacaranda nở đầy hoa tim tím vào đầu hè, tôi

lại nhớ về mái trường Lê Quí Đôn năm xưa của tôi, với kiến trúc Pháp thật đẹp, với những cây phượng vỹ nở hoa đỏ rực. Rồi tôi lại nghĩ đến bạn bè cũ, trong đó có Dũng, không biết nó có còn yêu phượng vỹ nữa hay không, nó có nhớ chăm sóc hai gốc phượng năm xưa hay không? Thật tình mà nói, chúng tôi đã xa nhau không chỉ trong khoảng cách địa lý mà cả trong cách nghĩ, cách sống, từ khi Dũng quyết định chọn "con đường Bác đi," còn tôi lại không muốn cuộc sống của mình cứ ngày càng bi đát!

Mãi đến cuối năm 1988, tôi nhận thư gia đình từ Việt Nam cho biết hôm đi lãnh quà do tôi gửi về, em tôi đã gặp vợ Dũng. Cô ấy được "chuyển ngành" qua Hải Quan - một ngành béo bở nhất ở Việt Nam hiện nay. Tình cờ khi xét thùng quà, cô thấy tấm hình tôi chụp chung với các thầy cô và bạn cũ trong buổi họp mặt cuối năm các cựu học sinh trường Lê Quý Đôn tại Mỹ, cô ấy liền hỏi thăm và khoe chồng cô ấy cũng là một cựu học sinh LQĐ. Qua chuyện trò và sự "gợi ý" của vợ Dũng, em tôi mới có dịp đến thăm vợ chồng Dũng tại nhà riêng, trước là xã giao, sau là "biết điều" một chút để lãnh cho xong mấy món quà "quý hiếm" từ Mỹ gửi về mà bớt được chút ít thuế! Em tôi còn kể, Dũng đinh ninh tôi qua Mỹ mấy năm rồi thì bây giờ chắc cũng khá lắm. Nó không ngờ là tôi phải vừa "cày" toát mồ hôi với đồng lương tối thiểu của một *assembler*, vừa tằn tiện sống bám vào tiền *student loan, scholarship, grant...* để học cho xong một cái bằng cấp lận lưng hòng kiếm *job* khá hơn một chút để vừa nuôi sống bản thân, vừa còn giúp đỡ gia đình còn kẹt lại bên nhà. Nó mà biết tôi khổ sở như thế này thì chắc nó sẽ chửi tôi ngu khi cố "ôm chân đế quốc" để kiếm chút "bơ thừa, sữa cặn" (!). Thế cho nên tôi lập tức viết thư về bảo em tôi nên tránh tiếp xúc với vợ chồng Dũng, nhất là đừng cho nó biết gì về tôi, cả địa chỉ của tôi cũng nên giấu kín.

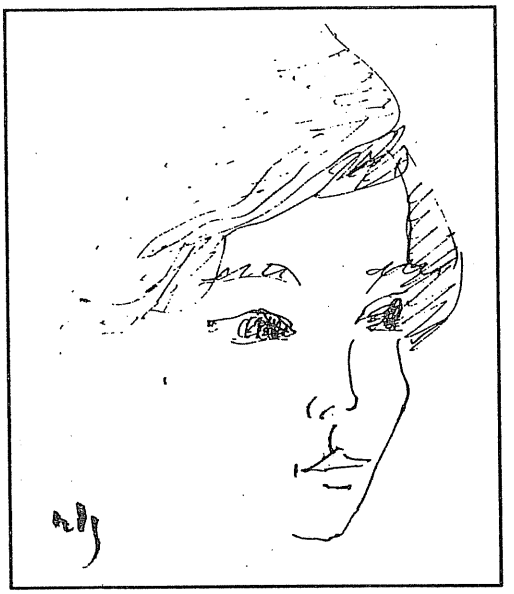

Bặt tin hoàn toàn cho đến năm 1992, tôi gặp lại Đạo - một hậu vệ trứ danh của lớp tôi ngày xưa vừa đến Mỹ theo diện di dân. Đạo cho tôi biết một tin giật gân: Vợ Dũng đã bỏ nhà đi theo một cán bộ thương nghiệp cỡ gộc. Con gái Dũng, nó đặt tên là Phượng như dạo nào nó đã yêu thích hoa phượng, bây giờ cũng đã 10 tuổi. Phượng cũng không muốn sống với một ông bố nghèo mà gàn, cứ khư khư ôm mãi mớ "lý tưởng" cũ rích mà không chịu thay đổi theo trào lưu đổi mới! Đạo khuyên tôi nên viết thư thăm Dũng, hùn tiền mua ít quà tặng nó vì Dũng bây giờ "rách" lắm rồi mà vẫn cố "giữ lấy lề"! Đạo cho biết hai gốc phượng trước cổng trường xưa đã bị ban giám hiệu đốn bỏ vì nhà trường cần làm bãi giữ xe để thầy cô có thêm điều kiện "cải thiện đời sống." Ngay cổng sau trường LQĐ cũng cho tư nhân thuê mặt bằng để mở quán cà phê và nhiều loại dịch vụ khác. Ngày xưa, trường tôi nổi tiếng nề nếp kỷ luật, thầy cô nghiêm khắc, phòng ốc khang trang. Vậy mà cuộc sống khó khăn đã làm thay đổi quá nhiều, trường tôi cũng không tránh được tai kiếp. Chính Dũng cũng không ngờ được tai kiếp lại đến với nó một cách bất ngờ và thảm thương!

Chỉ trong vòng sáu tháng trong thời gian gần đây, Dũng liên tiếp lãnh trọn nhiều cú đau điếng. Phượng, con gái của Dũng, vừa bị ông chồng Đài Loan bỏ rơi sau khi có bầu vừa gần hai tháng! Dũng giận lắm mà không biết làm sao hơn khi mà chính vợ Dũng cũng sa lầy trong bùn nhơ: Phụng đã cùng lão giám đốc công ty ngoại thương nhận bao che cho nhiều vụ buôn lậu lớn. Qua nhiều chuyến hàng béo bở, Phụng cùng lão ta vui hưởng nhà cao, xe mới, áo quần sang trọng, du hí đó đây, xài tiền vung vít, làm nhiều trò chướng tai gai mắt nên một số "chóp bu" bực mình ngầm ra lệnh cho điều tra và bắt trọn ổ. Oái oăm thay, Dũng lại được giao trách nhiệm xử lý vụ án kinh tế có liên can đến nhiều "ô long" tầm cỡ này. Nó lại trở chứng gàn bướng, cứ muốn làm cho tới nơi

tới chốn để "trong sạch hóa" hàng ngũ cán bộ, đảng viên như các đồng chí cấp cao trong Bộ Chính Trị vẫn ra rả kêu gọi, nhắc nhở. Mặc kệ những lá thư nặc danh, những cú điện thoại cảnh cáo, bỏ qua cả những lời khuyên can chân tình, Dũng cứ điên cuồng lao vào điều tra vụ án - nói đúng hơn là một vụ tranh ăn, trả thù lẫn nhau giữa các phe phái "cá mập" trong hàng ngũ lãnh đạo Cộng Đảng Hà Nội. Có lời đồn là Dũng ghen tức với lão giám đốc cướp vợ mình nên mới cố tình lợi dụng cơ hội này nhằm triệt hạ "tình địch."

Hư thực ra sao chưa rõ thì tôi nhận được một lá thư từ các bạn bên nhà gửi qua kèm theo mẩu tin trên báo Tuổi Trẻ về việc một cán bộ Viện Kiểm Sát Nhân Dân thành phố đã bị một xe hơi đụng phải ngay trên đường từ cơ quan về nhà. Dũng chết ngay tại chỗ. Đám tang của Dũng cũng chỉ có vài người trong gia đình quyến thuộc và ít bạn bè tiễn đưa nó đến nơi an nghỉ cuối cùng ở Thủ Đức, không có mặt của vợ lẫn con gái của nó. Thế là tôi đã vĩnh viễn mất đi một người bạn học cũ. Không biết Đảng có đau lòng khi mất đi một cán bộ gương mẫu, trung kiên như Dũng hay không mà chỉ nghe đâu vụ án đã "chìm xuồng" sau khi vài con cờ thí đã chịu vô tù thế cho các xếp lớn. Đau lòng cho Dũng là những tên tù loại này lại được ăn ngon, nằm giường nệm, có cả video và karaoke để giải trí trong lúc nằm khám nữa chứ! Dũng ơi, tao không hiểu giờ đây mày nghĩ sao về chế độ mà mày đã tận tụy cống hiến, hy sinh? Mong rằng giờ phút này, mày đã hiểu vì sao tụi tao phải bỏ nước ra đi, bất chấp tù đày, hải tặc, bão biển, đói khát và cả kiếp sống nhục nhằn của một người tị nạn phải chịu lưu vong. Trước ngày Dũng mất, Dũng đã uống rượu và than thở với một người bạn học cũ: Có không ít người vẫn hoài nghi là Đảng có thật sự sẽ xây dựng đất nước giàu mạnh, dân tộc ấm no, hạnh phúc, hay là Đảng chỉ muốn củng cố và bảo vệ địa vị lãnh đạo độc tôn của Đảng?

Tiếc là Dũng chưa kịp tỉnh ra thì nó đã yên giấc ngàn thu. Những cán bộ trẻ có trình độ, lương thiện như Dũng hiện còn được là bao? Họ có làm được những gì mà họ mong ước sẽ làm cho đồng bào và quê hương của họ hay không? Bao nhiêu "chất xám" đã mất đi hay trôi dạt xứ người, chế độ "vắt chanh bỏ vỏ" vẫn cứ tồn tại với những tệ nạn tham nhũng, quan liêu hống hách, đĩ điếm, ma túy, cướp giật ngày càng lộng hành. Tuổi trẻ Việt Nam sẽ đi về đâu? Tương lai Việt Nam sẽ ra sao khi mà người ta chỉ muốn chụp giựt rồi bỏ chạy mà không cần đến sự lương thiện tối thiểu? Đất nước Việt Nam sẽ như thế nào khi mà cứ phải vơ vét rồi bán đổ bán tháo, bất kể ngày mai sẽ còn lại gì?

... Hè lại về, mùa hè năm 2000. Tôi không biết học trò ở Mỹ có thích hoa jacaranda hay một loài hoa học trò nào không chứ chúng tôi thật khó quên hoa phượng vỹ. Có lẽ một ngày nào đó, chúng tôi sẽ về trồng thêm nhiều cây phượng vỹ cho trường chúng tôi sẽ rợp mát hơn và sân trường sẽ đỏ tươi rực rỡ những cánh phượng giữa trưa hè. Chúng tôi cũng sẽ trồng bên mộ Dũng một gốc phượng hồng để một người yêu phượng vỹ như Dũng sẽ còn chút an ủi vì ít ra một trong những mơ ước của nó cũng có thể thành sự thật chứ không quá ảo tưởng như cái chủ nghĩa cộng sản đầy lừa mị mà nó đã lầm lỡ đi theo để lãnh một cái chết bất đắc kỳ tử.

Dũng đã nằm xuống nên cứ để cho chuyện của nó đi vào quá khứ như một câu chuyện cổ tích và tình bạn giữa nó với chúng tôi vẫn đẹp như thời còn cắp sách đến trường. Những đúng sai, tốt - xấu, hay - dở của nó sẽ là bài học cho thế hệ đàn em của chúng tôi. Tuổi trẻ vốn dĩ nhiệt tình, lý tưởng nhưng cũng không nên suy nghĩ hay hành động một cách cuồng tín, nông cạn, bốc đồng, để dẫn đến những quyết định sai lầm, tai hại khó lường như chính cuộc đời Dũng. Dù sao, một người trẻ như Dũng đã có những nét đáng yêu bởi nói cho cùng, Dũng cũng đã sống trọn vẹn cho điều mà nó vẫn tin là tốt đẹp, không chút tư tư tự lợi, không hề tính toán hơn thiệt. Nó nằm xuống, chúng tôi vẫn không sao ngăn được nước mắt thương tiếc cho một người bạn tài hoa, một người yêu phượng vỹ, loài hoa thân yêu của nhiều thế hệ học sinh Việt Nam - không giống như chủ nghĩa cộng sản đã chết ở Nga và Đông Âu cả chục năm rồi mà đến bây giờ vẫn cứ làm khổ đồng bào tôi.

Tuy Dũng không còn nữa nhưng chúng tôi vẫn hy vọng mơ ước của nó được thấy tất cả trường học tại Việt Nam sẽ trồng thật nhiều phượng vỹ được thực hiện, bởi phượng vỹ đã là "hoa học trò" của Việt Nam chúng ta. Cánh phượng hồng sẽ vừa góp phần tô điểm cho những mái trường, vừa lưu giữ những hình ảnh và kỷ niệm đẹp nhất về tuổi học trò của một đời người.●

5/2000

LỜI CỦA BUỔI SÁNG

Tùy-bút

NGUYỄN-HÒA-TRƯỚC

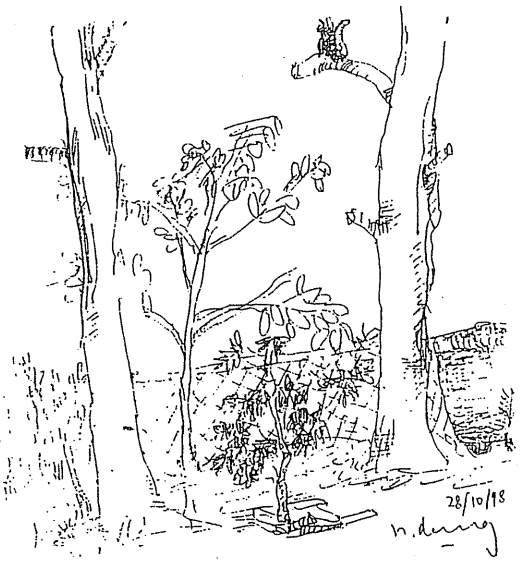

Tôi, hơn một lần, nghe những khúc hòa-âm quá đỗi thướt-tha đến che mờ cả giòng nhạc chủ.

Tôi, khá nhiều lần, thấy, sau son phấn, hình-tích một dung-nhan.

Tôi, chỉ một lần, một lần đủ là tất cả, cảm, qua điệu vũ điểm-trang, thời-gian tái-sinh trong những ngón tay huyền-diệu. Của người.

1

Thời-tiết khắc-nghiệt làm uể-oải đã đành, mà thời-tiết êm-đềm đôi khi vẫn khiến chàng tê-điếng. Nét khả-ái dịu-dàng xoắn-siết lòng chẳng thua sự sỗ-sàng hách-dịch. Mùa đông, song rất nhiều buổi mai, buổi chiều nắng giăng chùng bốn góc, đầy, ấm, tiêm-chích thịt da đâu khác gì giữa hạ; vẫn có những đêm, đầu mê-man mấy trong giấc ngủ, cũng thỉnh-thoảng choàng thức cựa mình hất tung tấm chăn trên người đã trở nên một lò hấp khó chịu. Mùa đông không cặp theo nó sắc chì ảm-đạm như đặc-tính di-truyền mà đã hỏi mượn màu nhũ óng của người bạn mùa vừa bàn-giao. Hoa vẫn nở (mọi năm, vào tiết cuối, loài thảo mỹ-miều này đang ngủ đông). Lũ cọ trẻ trồng ven lộ trước nhà ghi thêm chứng-cớ rõ-rệt nói rằng mùa chưa qua. Da cây mượt-mà như cánh tay người đã ôm giáp nửa vòng thế-kỷ nhưng vẫn một cách bí-ẩn được miễn-dịch hoàn-toàn trước mức tác-hại lạnh-lùng lên nhan-sắc của khoảng giao mùa, trên đó trăm nghìn nhánh-nhóc mởn-mơ ngăn-ngắt như mỗi ngày là mỗi hoàn-thiện nhẹ-nhõm trong quãng sống khác nào một cuộc la-cà rong-chơi khám-phá kỳ-thú của người. Lại gần, ngạc-nhiên sửng-sốt: các con số biểu-trưng cho các tháng giữa năm, theo dòng nhựa ngà rịn từ mọi nách cây đan-quấn vào nhau ở nơi nào thì nơi ấy nẩy một chồi lộc. Tốc-độ đâm chồi tính theo tích-tắc, thoắt, đến nỗi chưa trông kịp búp này, thì cạnh đó, vẩy vuốt tí-hon khác vừa nhú nhọn. Cuối những nhành nâu đâm từ thân, màu ngọc xanh của búp như mớm luồng nhựa non vào đó, khiến màu của thân được trộn-pha rồi sáng dần. Độ sáng thêm cũng tính bằng phần rất nhỏ của giây, gần bằng độ nhanh của ý-nghĩ. Màu của chúng (thân và cành) phối-hợp, hòa-tan vào nhau, tươi quá, rộng quá, căng như chiếc võng lớn bềnh-bềnh loáng-loáng lẩn vào sắc lục xanh của bầu trời (hay biển?) tịnh mây. Ở đó, trên cao, màu sắc (bây

giờ đang bay lên) như một thỏi gương di-động mẫn-cảm, linh-tính, quyền-biến, bởi di-động đến một góc nào đó mà chỉ chúng biết, thì nhận được thêm màu lúa đồng chờ gặt của mặt trời. Một vòi tím nẩy như tia nước khoan-thai lách ra khỏi vòng sóng nhỏ trong tầm mắt, tuy thực không, song giống như lúc ta ngó thẳng vào vầng dương. Nó nhấp-nhô, nhưng không ngã, vẫn trụ hình, độc-lập dù quanh nó, các màu khác tiếp-tục lung-linh đâm bổ vào nhau giật-xô sát bờ đuối-đắm. Vượt muôn xôn-xao, rập-rã trong vạn lời phủ-phục làm nền trận sóng, thế điềm-nhiên tĩnh-tọa của sắc màu là chiếc bè nổi hiện bệ ngai nữ-chúa uy-nghi. Như vậy, chàng tự hỏi, phải chăng sắc tím kia đã thay cho màu trắng (của quang-học và hội-họa) làm điểm gặp-gỡ của bảy sắc màu riêng-rẽ (trong hỗn-hợp ấy, nó là một thành-phần)? Dù tỉnh-táo và tự-tin mấy, vẫn khó mà không nghĩ rằng chàng đang mê. Tuyệt-vời sao, giữa bầu đông ấm nồng nưng-nức hương hoa và cay-se mùi cỏ rang nửa nắng rộn-ràng tiếng lũ sẻ chao cánh tranh nhau các mẩu bánh dọc thành lan-can rồi bay vọt về các gờ mái ngói đỏ tươi được tắm-phết lại bởi cơn mưa ba giờ sáng nhỏ-nhẻ quý-hiếm mà trong đường ranh không ranh giữa giấc ngủ sâu và tỉnh-thức chàng ngỡ người đến thăm đang hỏi đứa gái lớn ngoài cổng "bố có nhà không cháu?," giọng nói duy-nhất trong đời hoài thì-thào tuốt đáy tiềm-thức và cả sát mép ý-thức nhớ-nhung của chàng; trước tất cả báu-vật ảo-diệu thiên-nhiên và con tim gửi tặng cho lại nhởn-nhơ lòng dửng-dưng mắt được ư? Kìa một chú chim bé bằng hai ngón tay chập đứng (chàng đặt tên "chim muỗi" vì dáng thon-mảnh và thế bay tiêm-kích của nó) đang cố sức quạt cánh giữ thăng-bằng hí-hoáy lách sâu chiếc mỏ dài hơn cả thân vào tâm những lá lan đủ màu. Những đợt số lồ-lộ trong mắt chàng, nằm giữa khoảng từ 1 đến 10: mốc thời-gian lý-tưởng nhất để sinh-sản và dậy-thì. Chúng đã xong thời-kỳ chập-chững thăm-dò. Đoạn đường qua, tính thì tối-ám mà

thể thì gian-truân song vô-vàn trân-quý bởi đó là giá trả sướt-mẻ gay-go đổi lấy chặng thông-suốt hiện-tại. Kinh-nghiệm hôm qua là vốn-liếng cho dặm dài hôm nay. Sỏi đá hẳn cũng đã hết chê-bai gót đỏ sơ-sinh; có nghĩa, chân người đã so gan được cùng sỏi đá. 12 tháng của một năm. 12 con số. Chúng không đi tới cuối dãy. Tránh đụng vào cả hai thái-cực (cực nào cũng khiến ta run-sợ!). Thực-hiện hoàn-hảo thế "trung-dung" (juste milieu). Ngừng lại ven tận-điểm (kết-thúc chỉ là sửa-soạn cho lữ-trình kế-tiếp). Khôn-khéo, và thông-minh — thông-minh tại khởi-điểm đã đành, còn thông-minh ở chờm mức đến — một mức đến chỉ hứa-hẹn mây xám và tuyết trắng. Trong chiếc áo, phần che ấm hơn cả vẫn là tấm lưng. Vùng no-nê yên-ổn hơn cả vẫn là khoang bụng. Có phải thế không mà con-người, ở vị-thế "giữa" trời và đất, ứng-biến, khéo-khôn... và trăm ngàn thuộc-tính tích-cực cùng tiêu-cực khác... nhất?

2

Tôi (chàng nghĩ) đang đứng đây. Mùa đông (hay hạ? — các tiết của tiểu-bang này cứ lồng xích vào nhau) với hàng cọ, bụi hồng chung-quanh (chỉ tiếc rằng thiếu sắc tinh-khiết của các đóa quỳnh!) là bạn-bè quen-thuộc (lắm những ngày, bận-rộn đến không còn góc tâm-trí nào tưởng đến đất trời hoa cỏ, song chàng biết chúng vẫn có ngoài đó, chờ chàng. Thảo-mộc vẫn là loài chung-tình hơn cả). Chữ "tôi," xét theo cách cấu-tạo trong Việt (đã đành), Anh hoặc Pháp-ngữ (và trong một vài ngôn-ngữ khác mà chàng chưa biết, có lẽ) thì chỉ gồm hai, ba, hoặc bốn mẫu-tự là cùng. Đọc lên thì cũng chỉ gọn một hoặc hai âm. Thế mà chứa trong nó cả bao trùng hiểm-trở. Không cam lòng với việc chỉ là một tiểu vũ-trụ, nó tham-lam muốn thôn-tính, nuốt gọn, đồng-hóa cả cái đại vũ-trụ vào. Trong đôi mắt kẻ tự cuồng, trái đất quả bé bằng hạt tiêu. Với tư-tưởng, nó nghĩ sẽ làm được tất cả. Vouloir, c'est pouvoir. Khốn, cái muốn thì vô-hạn; khả-năng lại hữu-cùng! Bây giờ thì tham-vọng ấy chàng biết chỉ như quả bóng tội-nghiệp muốn phủ-lấp cả bầu trời bằng cách giục người bán rong cứ thúc mãi hơi vào... Thế nhưng vài mươi năm trước, nó gần-gũi (và xa-xôi) với chàng biết mấy! Chàng chưa tường mặt, không biết tuổi nó, chỉ biết là nó theo-đuổi, kiểm-soát mọi hành-động và dự-tính của chàng; thấy là bóng của nó trùm trĩu lên chàng. Lúc nào chàng cũng như đang bước dưới bụng khí trời tưng-tức. Nó cùng chàng sinh-hoạt ban ngày. Ban đêm, khi chàng ngủ thì nó vẫn thức. Nó muốn, và bắt chàng thao-thức với nó. Nó bảo chàng nếu cần thì đốt phăng một số giai-đoạn nào đó để nhanh đến mục-tiêu. Sức thanh-niên của chàng, như bao người cùng lứa tuổi, khang-kiện, bột-phá là thế mà vẫn bị nó bỏ lại khá xa. Nó vọt trước

KHÁNH HÀ

DẤU CHÂN NGÀY

Tôi một mình ở lại
Ngày tháng biệt mù tăm
Giọt nước mắt thì thầm
Chiều phất phơ ngoài ngõ
Bàn chân ai qua đó
Hay gió đọng thềm sương
Lòng tôi những con đường
Hằn dấu chân buồn bã
Người mỗi ngày một xa
Tôi mỗi ngày một già
Từng chiều từng chiều qua
Đêm rót tràn nỗi nhớ

bằng dãi bay của khích-vọng, song đôi mắt thì vẫn ném phía sau. Không cử-chỉ, lời-lẽ, không cả cảm-nghĩ nào của chàng thoát khỏi vòng kềm-tỏa của nó. Cho đến khi chàng hụt hơi ("lực bất tòng tâm") lăn kềnh xuống trong hố thất-bại, nhìn lên, thì lạ sao, chàng nhìn thấy chân-dung nó (nó chẳng cần ngụy-trang nữa: cho chàng "phát ân-huệ;" cười mũi lên ý-định phản-kháng của chàng). Chẳng xa-lạ gì: đó là hóa-ảnh của chàng, một "cái tôi khác" cùng cư-ngụ sinh-hoạt chung trong một con-người. Ước-ao có được Thần Kim-Quy phẫn-nộ quắc mắt chỉ tay gầm lên đánh thức "bản-lai diện-mục" trong chàng: "Kẻ ở trong ngươi chính là giặc đấy! Hãy giết ngay đi!" Trong phút tuyệt kỳ áo-não, thời-gian xuất-hiện như vị cứu-rỗi. Vết thương lành trên xương thịt, cất dư-vị trong ký-ức. Ký-ức này tiếp-tục sống với chàng. Nó kiểm-soát, song tính-chất đã khác: tích-cực, hướng-thượng: kiểm-soát chỉ để chàng chớ gục-ngã lần nữa. Hãy mở to đôi nhãn-cầu của đời và của chính mình, của thân và của ý! Chớ dẫm lên bước lỡ sờ-sờ chứng-tích! Hoàn hồn lại, chàng thấy yêu thêm con-người khiếm-khuyết thất-thế của chàng hệt như người mẹ dành nhiều luyến-ái quan-hoài cho đứa con hư-đốn hơn những đứa con ngoan-ngoãn khác của bà. Nhìn từ lăng-kính tình-thương vời-vợi của con tim, cặp mắt, suy-nghĩ của bà thấy rằng tấm hình-hài thiếu-sót kia (cần gì nó là của bà, của ai khác cũng thế thôi?) là cái gì đang rất cần đến một sự bổ-sung; rằng cái quả lỗi-lầm hiện-tại của đứa con (của bà) chính là do chiếc nhân kém chăm-bón của bà trong quá-khứ. Tác-phẩm tì-vết là do tài-năng và (nhất là) nhân-đức chưa vẹn. Trìu-mến (xót-xa!), bà nghĩ, sẽ là phần đền-bù cho khoảng thua-thiệt mà nó phải gánh-chịu. Đó là bản-chất của bà, của âm-phái, như lòng đất: phục dưới, hướng lên, lồng-lộng, thể-tất, nhận vào tất-cả: ngọt-ngào, (đặc-biệt) chua-chát; tuyển-lọc chúng cho thành chất nồng-nàn tinh-tuyền dưỡng-nuôi, để ban-phát. Cho đi, không hề một ly ý-thức về hành-động cho đi, đó là hạnh-phúc. Đó là lý-luận của con tim. Bà

không cần thứ lý-luận nào khác. Lý-luận mà bà áp-đặt cho bà không thuộc lý-trí hay dựa trên cơ-sở diễn-dịch nào. Nó độc-đáo trong hỗn-hợp. Nó thuần-nhất, thơm-tho, leo-lẻo như những hạt lệ mà bà vẫn còn âm-thầm nhỏ xuống hàng đêm. Một thứ lý-luận "của nước," nên khó bẻ gãy. Lỗi-lầm của tuổi trẻ, chàng không chủ-quan, chỉ cần chút rộng-lượng mà nói, chẳng khác gì một thứ "xấu cần-thiết" (mal nécessaire): vấp-váp cần-thiết, trầy-trụa cần-thiết để có được sự ăn-năn quay hướng phục-hồi lành-lặn; đoạn đường hầu hết tuổi trẻ (như chàng) phải trải qua để khám-phá, tự xác-định, xây-dựng cho chính cái "ngã" của chàng. Đã từng bay lên cao (trong khi thực ra đôi chân vẫn chằng-chịt rễ đất), tự tách-lìa khỏi nhân-quần, nghĩ mình là một hiện-tượng đặc-thù đích ngắm của ngàn ngàn luồng ngưỡng-mộ, đến lúc gió cuốn lâu-đài thoi-thóp trần-truồng rớt trở xuống thế, đinh-ninh và cam lòng với hình-phạt tương-ứng, thế mà đất đá cỏ cây đồng-loại vẫn khoan-dung chào-đón chấp-nhận và tôn-trọng cái "tôi" (đã quá ê-chề!) của chàng thì lúc đó "đứa con hoang-toàng" trong chàng mới thấy ân-hận đớn-đau và mới biết quý yêu những người đó, cảnh đó... xiết bao! "Đứa con hoang trở về." You can go home again! (có như Gide: "You can't go home again")?

Lời chàng nói ở đây không chỉ dành cho riêng chàng, mà còn (chính là) gửi cho người ấy. Hạnh-phúc hoặc khổ-đau, người ơi, người chỉ cảm, kinh-nghiệm lấy và chỉ có ý-nghĩa khi

người sống giữa cuộc trần này. Cái "tôi" của người, xấu-xa hay tốt-lành (với người, nó hẳn là tốt-lành) phải được xét-nét và chứng-thị ngay trong thế-giới này. Ở trên kia, độc-tôn độc-chiếm, vừa thủ trò diễn-viên vừa đóng vai khán-giả, vùng thanh-bình phúc-báu ấy người dám khẳng-định chăng nó không phải là hình-thức tự dối-lừa, là một niềm tin giả (mauvaise foi)? Mà giả nó có thực chăng nữa, liệu người gắn-bó với nó được bao lâu trước khi nó biến thành nhàm-chán nặng-nề? Giá-trị (hầu hết) nẩy từ so-sánh. Chiến-thắng là chiến-thắng trước đối-thủ. Buộc có khởi-điểm. Vạn sự khởi đầu nan. Nhưng là tiền-đề tối cần. Người muốn lờ nó, lướt qua nó. Người muốn thu khoảng-cách, thủ-tiêu mọi ràng-buộc nhân-quả. Cảnh-giới hôm nay người đến không bằng đôi hia do chính người bện lấy. Dù thật khéo tay, dù ý-chí thật mãnh-liệt, người cũng không thể chế-dựng chúng khi người không chút vật-liệu trong tay. Từ cái không, không thể có cái có. "Có bột mới gột nên hồ." (ý-chí của người, dù được tiếp thêm sức từ đam-mê, vẫn chưa thổi đủ hơi cho nó vươn thành đức tin. Rốt lại, nó có tính mỹ-học nhiều hơn). Người không tạo được vật-liệu. Người cần thứ đó từ một cá-nhân khác; cá-nhân đó biết, sở-hữu thứ đó trước người. Giá-trị là do thông-dự, trao-đổi. Quay lưng với ân-nghĩa không xóa-nhòa được sự có mặt của chúng trong chính người. Phản-ứng kiểu đà-điểu ấy chỉ làm tang-thương tơi-tả bước quay lui của người. Trốn-lánh việc tiếp-cận đồng-nghĩa phủi tay với tất cả những ai, những gì trực-tiếp hay gián-tiếp tác-động lên cuộc sống của mình. Một thứ hất-hủi có tính-cách dây thun: lực dun xa càng bạo, sức bật về càng mạnh. Chiếc hình đuổi-xô được ư chiếc bóng của nó?

3

Dạo này, thỉnh-thoảng hay nặng đầu. Bác-sĩ bảo nghĩ-ngợi nhiều quá đâm ra thế đấy. Các thứ Tylenol, Advil, ... chẳng giải-quyết được gì. Ông phải là bác-sĩ của chính ông! Ừ, có lý! Ai lại không muốn là bác-sĩ của chính mình nhỉ? Vấn-đề là, con bệnh thì cứng cổ, mà bác-sĩ thì lại quá nể-vì. Nghiêm-khắc với mình, nghĩ cho cùng, trong đại đa-số trường-hợp chỉ được hiểu trên quyết tâm, còn trong thực-tế, chưa hẳn. Cuộc sống không chờ-đợi con-người. Trong những đặc-tính của thời-gian, không tìm thấy chữ "chiều-chuộng." Chàng ít thành-công trong việc thực-thi ý-chí, cũng không năng-khiếu về khoa-học. Song, nói tới chuyện váng đầu, chàng chợt vẩn-vơ nhớ lại những lời đã diễn-giải với cậu em mấy mươi năm trước về một vấn-đề có tính-cách khoa-học (song càng nói, chàng biết mình càng xa rời mảnh đất khoa-học để bước vào lãnh-địa của cảm-tính, xoáy suy-đoán thành lập-luận; thế nên trong những lời kia, chàng cũng chẳng dám tin mấy là thật) là trong cơ-thể con-người, nơi nào máu không lưu-thông đến thì nơi đó không có sự sống. Con-người đứng trên hai bàn chân của chính nó. Với vị-thế này, hai bàn chân hưởng hết ưu-đãi (máu dồn xuống đó nhiều nhất); đối lại, chức-năng mà chúng phục-vụ cho con-người, hay nói từ hướng đối-diện, cái mà con-người trông-cậy vào chúng thì đâu đáng là mấy. Trong khi cơ-phận vi-diệu và kỳ-vọng nhất của con-người là bộ não thì đầu nằm ở vị-thế "thượng-phong" (so với phần bụng và chân, như Platon đã hài-lòng phân-chia) thì chỉ nhận được giới-hạn sự đến thăm của máu (bởi nó nằm ngược với chiều lưu-thông của máu, không thuận với nguyên-lý "nước chảy chỗ trũng.") Thế nên con-người chỉ xử-dụng được phần rất nhỏ trong công-suất cơ-hữu của bộ óc. Làm thế nào khai-thác hết cường-lực của nó, bộ não kia, để con-người vượt lên đến mức siêu-nhân? Làm thế nào bộ não nhận được lượng máu tối-đa (hay ít ra là đáng phải có)? Cách gợi ý của một số y-sĩ (thường là đông-y) là khi nằm, hoặc khi ngủ, nên đặt đầu thấp hơn chân cho máu dễ-dàng đến được óc. Vị-thế tốt nhất là nằm võng với đôi chân chổng cao hơn đầu. Nếu vị-thế này hiệu-quả (có thể, nơi người khác; song với chính chàng thì kết-quả ngược hẳn: càng váng đầu hơn) (cái mẫn-tiệp, sáng-láng, nếu "đụng" tới được cũng phải sau một thời-gian hành-luyện thường-xuyên; mà chàng thì quá nhút-nhát với việc đuổi-đeo lối tập-tành khá lạ này!) thì có-thể tin chút gì vào cách "đi (hay đứng) bằng đầu" mà bọn trẻ con và các đạo-sĩ Ấn hay áp-dụng. Tìm hiểu kết-quả của thế-thức này nơi bọn trẻ thường rất khó-khăn. Lời chúng chẳng là bao khả-tín, bởi, về chủ-quan, chắc chúng chưa từng bị nhức đầu, càng chưa hiểu thế nào là "sáng-láng, thông-minh," và khách-quan là bởi người lớn chúng ta thường nhận-chân sự-kiện qua chiếc khuôn thành-kiến có sẵn: trò chơi "nhìn-đất" kia phải được hiểu là lối thể-hiện bản-tính phá-phách

"bốc-trời" của chúng. Còn đi hỏi các vị đạo-sĩ thì cũng bằng không, bởi họ vốn "thủ-khẩu" tuyệt-đối; giả-sử họ có "ngộ," "đạt" đến chân-lý hoặc cảnh-quang chói-lòa nào đó thì kinh-nghiệm ấy cũng chỉ họ là có thể "cảm" mà thôi. Ngôn-ngữ của thế-giới mọi người đang sống diễn-tả được chăng "thực-tại" của thế-giới chỉ một người đã sống? Mà ngay trong cùng loại thế-giới, nếu ở một số trường-hợp, câu của A. De Saint-Exupéry [lúc này, chắc mẩm câu đó là của Exupéry rồi; chứ mấy giấy trước đó, và có lẽ mấy giây ngay sau, nó đã lại, và sẽ là của Camus mất thôi! (chàng bị ám-ảnh liên-kết với vở kịch "Malentendu" của Camus): chàng bắt đầu rồi ngờ-vực khả-năng của bộ nhớ mà xưa kia chàng vẫn tự-hào là

"điện-tử!" Thời-gian mài mòn khá nhiều thứ!] "lời nói là cội-nguồn của mọi ngộ-nhận" (le language est source de malentendus) là đúng thì ắt phải bỏ qua chuyện này! Như thế, cái chân-lý bị nắm bắt bởi các đạo-sĩ trên kia càng là "bất-khả-truyền": "biết thì không nói!" ("... ai có qua cầu mới hay.")

Mà chắc buông lời vậy! Căn-do là chàng chưa đủ sérieux, nghiêm-chỉnh, khi bàn đến. Để cho có cớ lơi tay, chàng lẩn-thẩn nghĩ, đặt não-bộ con-người trên cùng biết đâu lại là lối "dè chừng" (thật kiến-hiệu) của "tác-nhân sáng-tạo" hòng tạo nên khoảng cách bất-khả-vượt giữa tạo-nhân và tạo-phẩm (cái khôn-ngoan thì để trên, nom có vẻ trân-trọng thật đấy, song lại khó với tới, xử-dụng)? Cũng chỉ vớ-vẩn một thoáng ghé về quá-khứ thả lỏng chút lãng-mạn chưa tiêu-pha hết trong chàng. Con tim dễ bị kết-án, song cũng dễ được tha-thứ. Hy-vọng việc này không làm bận trí chàng để có thể đổ thừa ngược lại nó là nguyên-do của chứng nặng đầu.

Duy có điều dù muốn, chàng khó lơ-là được: ấy là hình-ảnh (âm-thanh, màu-sắc, mùi-vị...) người đàn-bà (chàng cứ mãi muốn gọi người là "con-gái" như hai mươi mấy năm trước; ấn-tượng ban đầu vẫn "phi-thời-gian-tính") mà chàng định danh là "ngọn-hứng-khởi-và-rễ-khổ-ải" của chàng. Quả tim chàng ứ-ừ máu mỗi lần nghĩ đến người. Tiếng gọi tên người phát ngay trong trái tim; khi bộ óc bắt được tín-hiệu hoặc âm kia thì đã không còn gì nữa. Cứ như viên sỏi đã chạm đáy nước; trên trán, vết nhăn đã được hàn. Con tim càng mê-đắm, đầu óc càng rỗng-suông. Máu không đến được não. Máu đọng ngay tim. Lượng máu quá thừa và quá không nên ấy lẩn-quẩn nơi cơ-quan bé bằng nắm tay trẻ kia có làm nẩy xung được mầm sống mới nào không? Hay chỉ lạm-thực? Cùng lúc, trí óc trơ lì xoăn khô do bị cắt đứt nguồn tiếp-tế sinh-tử đang trở thành môi-trường thuận-tiện và miếng mồi béo-bở cho cơn trì-trệ hôn-mê. Ánh nhìn lúc nào cũng như ám sương và đầu óc như gót chân đeo kiềng. Lẫn-lộn ảnh trong người, hàm-hồ giữa thực và mơ. Khi yêu, con tim lấn sang phạm-vi hoạt-động của trí óc (và khiến hỏng-hóc cả bộ-phận này!) Nó xét việc, và ra lệnh. Đối-tượng được nó thần-thánh-hóa triệt-để. Nó không ghé ngang chỗ chỉ nhìn đối-tượng ở "trắc-diện" (profile). Nó đi quá xa. Nó tảng-lờ luôn nguyên-tắc thông-thường. Nó thiếu (và cũng không cần) mắt để nhận thấy rằng trong hầu hết lần, đối-tượng chỉ là ảnh nhân ra từ chính nó. Nó thèm-khát chinh-phục chiếm-đoạt hưởng-thụ hành-hạ khuất-tất khổ-lụy tràn-trề cạn-kiệt vì chính nó, cho chính nó. Vượt quá biên-độ cho phép thì tình-yêu mang bộ mặt như thế. Có điều, biết, và thỏa-hiệp với điểm này là, người ấy, bây giờ, hơn lúc nào hết, là gia-sản độc-nhất và cũng là món nợ độc-nhất mà chàng phải chắt-chiu, thanh-thỏa. Hơn nửa đời, chàng nghiệm ra, với đối-tượng hào-quang rạng-đông và ánh chiều chạng-vạng là người hiện nay, chàng tìm thấy thuộc-tính trung-thực nhất của chính con-người chàng: yếu-tính tựu-thành theo thời-gian, tựa như bức họa ngày thêm hình-vóc (song đến đây lại dễ-dàng sa vào vế song thai đối-chọi hẳn: yếu-tính (tính-chất) của sự-vật có (trong ý-nghĩ của người sáng-tạo) trước (khi chính nó) hiện-hữu; quả là mê trận: thế nên, có cần cảm ơn Sartre không (dầu chỉ một nửa) khi bàn tay xoa dịu cơn đau óc của chàng sẽ lại là bàn tay siết chặt nó hơn?). Trả người về chốn cũ; gửi người vào cõi quên, tim bớt ứ, đầu bớt căng, tất cả thảnh-thơi liền-lặn. Trong trạm bình-an, điểm lại, chàng còn được gì?

4

Vầng nguyệt tròn thường gợi cảm-tưởng bủa-vây, bứt-rứt, sa-lầy, lạnh-lẽo. Sự đầy-đặn làm nản mọi cận-kề hỏi-han. Móng trăng non dễ khơi xúc-động, chào-gọi việc góp tay, tham-dự, hứa-hẹn lấp đầy. Ta thấy sự có mặt của ta là cần-thiết, hữu-ích.●

một. 2000

XÓM ĐÌNH ĐA CÁT

truyện

TRẦN HUY SAO

Tưởng nhớ hai anh Phạm Lạc, Phạm Đông người cùng xóm đình Đa Cát.

Đố ai mà không nhớ có một thời mình đã sống, nơi nào đó trong đời, một nơi chốn rất riêng tư và rất là thân thuộc. Quê hương đó, phải chăng? Mà trong quê hương lớn rộng còn có thầm lén một quê hương nhỏ, không kém phần ray rứt bồi hồi. Đi xa thì nhớ quá chừng. Về lại, thì buồn thêm nặng. Bởi lẽ, có gì mà không thay đổi theo thời gian. Nét đổi thay đôi lúc rất tàn nhẫn và, rất là ngỡ ngàng. Ôm cả một quê hương để nhớ, chi bằng nhớ rất nhỏ nhoi thôi, một nơi chốn mình đã gắn bó rất đậm đà thân thuộc.

Trong quê-hương-lớn-rộng đời tôi, tôi nhớ, một-quê-nhỏ của tôi: Xóm đình Đa Cát!

Gọi là đa cát, chắc nghĩ là Xóm nhỏ của tôi có nhiều cát. Không, không hề có cát. Có đất cằn và cỏ cú thì nhiều. Hay là cát đây có nghĩa là điều tốt. Đa Cát: nhiều điều tốt. Chắc cũng không đâu, vì chẳng có gì gọi là tốt cả! Đau khổ và đói nghèo cùng cực, thì làm sao mà tốt cho được. Nhưng thôi, cứ nghĩ là vậy đi, ở một nghĩa nào cũng được, nhưng cứ là Đa Cát. Cứ là cái Xóm nghèo cùng cực, cơm bỏ vào miệng chưa đầy, nhai hoài không muốn nuốt. Sợ nuốt đi rồi còn có miếng nào thêm! Đó là những năm, tháng khi tôi còn bé nhỏ. Nhìn trăng đêm Rằm mà sao thấy to lớn, cao xa. Ngó mưa trời mà cứ phập phồng lo sợ. Những mái nhà tranh vách ván đơn sơ làm sao chịu nổi phũ phàng, vùi dập. Vậy mà, tuổi thơ cứ bình bồng trôi đi trong nỗi thăng trầm thôn xóm nhỏ. Có ông, bà, chú, bác, anh em, bạn bè, bà con làng xóm. Có chuyện rất vui và, có chuyện rất buồn. Có nét đẹp thanh tao ngọt ngào như vị ngọt của những trái ổi nồng nàn hương thơm nhà bác Nghi. Có vị đắng của trái đào lông xanh nhà ông Thưởng. Có vị ngọt chua ê răng, ứa nước miếng của những trái mận vàng lườm nhà ông Cai Hoành. Có vị chát đắm thấm của những trái vả sau vườn chùa Linh Quang. Có bâng khuâng thương nhớ của những đêm bạn bè cùng trang lứa rượt bắt cứu tù, đạp lon hay trò ma-da-trốn-tìm dưới ánh trăng sân Đình xưa cũ... Bây giờ, lớp đàn anh đàn chị đã đi xa, đã nằm lại. Lớp tụi tôi cũng nằm lại, cũng đi xa... Nhưng cái xóm đình Đa Cát thì vẫn còn gần đó, xa đó lung linh mờ ảo trong hoài niệm. Mà khi nhắc lại, chắc cũng chạnh lòng xao xuyến và cả ngẩn ngơ. Hỏi ai mà không nhớ quê hương cho được. Quê hương theo dọc cả một đời người. Kỷ niệm cũng ôm hoài một nỗi nhớ. Đó, nói đâu xa, năm trước gặp anh Đông trên đất quê người, nhắc lại xóm đình Đa Cát, anh cám cảnh bùi ngùi. Đi xa lâu rồi, anh

thèm nghe những gợi nhắc quê hương. Nghe hoài không thấy chán. Hai đứa thức thâu đêm mà nói hoài không hết chuyện. Cái xóm đình thì nhỏ mà sao chuyện cứ dài, dài mãi, nhắc nhớ hoài không thôi! Kể chưa hết chuyện ông Năm Le, miệng ăn trầu đỏ chót, gặp con nít ông le lưỡi đỏ lòm, cho vui thôi, nhưng làm tụi mình sợ xanh cả mặt, sớn đái lúc nào không hay (mà anh cũng sớn đó nghe, chớ đâu phải riêng mình tôi). Anh cười, có vẻ ngượng. Uống đẫy đà một hơi bia tâm đắc rồi bắt qua chuyện trộm ổi nhà Bác Nghi, bị bắt trói vô cây ổi chờ cha, mẹ tới lãnh, để bị mắng vốn đủ điều. Bữa đó về, bị cắt phần cơm, tôi đứng trong góc nhà vòng tay chịu phạt rồi ngủ quên lúc nào không biết nữa! Còn anh, chắc cũng bị mấy roi xoắn đít, nổi lằn. Còn khoe nhau những bữa lòn hàng rào nhà bác Ba Cận trộm mận "bạch tạp," giống mận độc đáo vàng vỏ đỏ lòng cắn tê đầu lưỡi mát chân răng. Bữa đó, anh bị con chó xù nhà bác "tợp" cho một phát. Về, mông đít bôi mù-hóng-dầu-mè đen ngòm, phát khiếp. Thuốc chữa dân gian vậy mà cũng tốt, có điên dại chi đâu! Nghĩ mà thương cái Xóm nhỏ của tụi mình. Đau quặn bụng thì nhai lá ổi. Nhức đầu xổ mũi có lá bưởi lá chanh lá sả trong vườn (nhớ tới nhà ông Cai Hoành nài xin cho được nhúm lá thù-đủ-tía). Làm một nồi xông, sớm mai dậy, chạy chơi cùng làng cuối xóm. Còn ho hen hả? Khó gì, cứ tới nhà thím Ba Hồng xin ít lá Tần về giã nhuyễn nhừ, thêm chút muối, cũng là "thần phương". Tụi mình, hồi đó, tóc có nhuộm đâu mà vàng hoe, khét nắng. Nòi giống da vàng mà da cứ xám như chì. Gan bàn chân thì dày như da trâu. Mặt có vằn có vện, lang beng lẫn lác đồng tiền. Thiệt chẳng giống ai. Vậy mà, cũng không ai giống mình. Điệu nghệ bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông... Mùa Xuân thì đi săn lùng ổ chim se sẻ ở mái Đình hay bắt bướm hái hoa giả làm trò chơi đám cưới với tụi con Lý, con Mai. Vui hơn hết thảy là những ngày Hội Xuân. Được ăn uống no nê lại tha hồ chạy nhảy

chẳng ai trách cứ phiền hà. Bởi vì mấy cụ bận khề khà mâm trên chiếu dưới, mấy bà thì bận tíu tít phục vụ hỏa-đầu-quân, thở chẳng ra hơi... Mùa Hạ thì đi bắt dế, thả diều trên đồi Trọc. Đánh đáo, thảy vụ, chơi ô quan trong sân Đình. Vui nhất là đêm đêm trăng sáng chơi rượt bắt cứu tù, đạp lon và đôi khi ngồi tụm nhau nói chuyện dóc rồi cười nghiêng ngửa. Trăng soi vằng vặc khoảnh sân Đình, trẻ con, người lớn tụ nhau ồn ào như một xóm chợ nhỏ. Lâu lâu, lại có gánh hát-bộ từ một phương trời xa xăm nào đó, ghé về dựng rạp ở sân Đình. Đó là những đêm đầy âm sắc rộn ràng. Tưởng như đâu đây còn vang tiếng cầm-chầu điệu nghệ của Ông Cai Hoành, Ông Lào, bác Ba Cận... Khi thì rời rạc như trống cầm canh, khi thì thúc giục hả hê làm nôn nả cả lòng người... Kịp đến khi đoàn hát-bộ chuẩn bị lên đường tiếp nối quãng đời phiêu giạt, thì đã biết mùa Thu sắp đến. Đó là lúc buồn vui bịn rịn chia tay, không ngăn nổi những tâm tình trai gái... lưu luyến lúc phân kỳ! Ôi! Cái cảnh kẻ ở người đi sao mà buồn sầu lắm vậy! Đã có bao nhiêu chàng trai, bao nhiêu cô gái dứt lòng xa lìa xóm nhỏ mà ra đi dọc theo con đường gió bụi, theo giấc mơ của ánh đèn sân khấu và, theo tiếng gọi của tình yêu!... Mùa Thu thì co cụm lại, vui đùa trong góc Đình khuất gió. Và mưa, ôi chao, mưa chi vùi dập nhẫn tâm. Cây trút lá, ngả nghiêng, xô dập tiêu điều. Gió rít từng cơn nghe nhót xói cả tâm can. Mưa lê thê, dai dẳng suốt ngày đêm. Trò chơi là những con thuyền giấy mỏng manh thả trôi theo dòng nước, chở những ước mơ bé nhỏ trôi giạt tận những phương trời xa tít. Chỉ còn lại cái đói, cái lạnh lùng bơ vơ trơ trọi của xóm đình nhỏ nhoi dưới bao la đất trời một màu mưa trắng mù, sầu thảm... Mùa Đông thì quá đỗi buồn. Chẳng có trò chơi nào chịu nổi với tiết trời lạnh thấu xương. Biếng lười gặp nhau. Đi đâu cũng co ro cúm rúm. Xóm nghèo quá, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc. Da dẻ lúc nào cũng ửng đỏ, rát không chịu nổi. Có nhà, về đêm, con cái đắp bao-tời mấy lớp. Cũng có nhà, anh em rúc nhau trong ổ rơm lúc nhúc, ôm nhau mà run lạnh nhớ nắng Xuân. Sân Đình, những ngày Đông càng hiu hắt buồn. Đêm đêm, mọi nhà xúm nhau bên bếp lửa ngo, nghe kể chuyện ma quái mà rùng mình, cố xích lại gần nhau hơn nữa. Tiếng mõ rời rạc của chú A khi tọ khi nhỏ giữa đêm trường, trong cơn gió chướng, nghe buồn lay. Thỉnh thoảng, có tiếng chó tru đêm, não nuột. Sợ quá, là mùa Đông! Đói, lạnh và, nhớ không khí bạn bè.

Mùa Đông, hình như là mùa để trổ lớn và chín chắn hơn. Cũng đúng thôi, vì đó là mùa của cuối năm, luôn là cái mốc thời gian để dợm mình lớn thêm một tuổi. Rồi, cũng lấy đi những người già không sức chịu cái nghiệt ngã của tháng ngày đông giá. Biết là tre-tàn-măng-mọc, nhưng mà sao buồn quá!

Ôi! Những mùa Đông của tháng ngày thơ ấu ấy, đã lấy đi rất nhiều những khuôn mặt mà tôi thương, tôi kính. Có Ông tôi, có cả Bà tôi trong đó nữa! Gần hơn, có chú Quý nhà ở cạnh bà Hoàng di cư, chú Thứ xe ngựa ở cạnh hố rác Bà Sơ, chú Mười Mươi nhà kế bên chú Tín cây-dầu-gió, ông Ba Guốc và Chú Đính hai nhà kế cận nhau, dượng Tuần ở sau nhà tôi, bà Năm Thiên nhà có cây ổi sẻ và cái lu nước mưa đành uống đủ bốn mùa, bà Cửu Om nhà gần bác Ba Cận, thím Biên cháu bà Côn, Ôn Cai Tư hương sư đã từng khai tâm cho lớp đàn anh của tôi ngày ấy, ôn mụ Lào nhà sau chùa Linh Quang cạnh cái chợ Chiều của Xóm, ôn Cai Hoành nhà sát cạnh khu Bà Sơ Vincent sau lưng nhà chú Đán, chú Duy thợ mộc... Chà, nhiều quá cho một mùa Đông và nhiều mùa Đông đã đi qua trong đời. Quê hương bé nhỏ của tôi ơi! Sao mà đau thương lắm vậy? Còn đó thì thôi, thì chỉ là thoáng nhớ ngậm ngùi. Nhưng nay đã đi xa rồi, tất cả bỗng trở thành một cái gì đó thiêng liêng quá, trong tôi, mỗi lần nhắc nhớ...

Và cả anh nữa, anh Đông!

Đêm đó, trên đất lạ xa quê, hai tâm hồn chụm lại đốt lên chút lửa hoài niệm mà rũ rượi buồn. Khoan! Khoan nhắc đã anh. Anh đi lâu quá rồi, anh chắc không còn nhớ. Tôi, thì tôi nhớ. Nhớ như điên, như khùng. Cái xóm đình Đa Cát ấy! Nó thật nhỏ nhoi và lắng chìm trong muôn vàn xóm đình trong lòng quê hương mình. Nhưng nó lớn rộng quá, khơi dậy quá trong lòng tôi, trong lòng anh và cả những người đã từng sống, từng ôm đồm quá nhiều kỷ niệm. Dù nay, đã ra đi hay còn lại, vẫn hoài nhớ mãi chẳng thể nào quên. Dù nó chỉ là một xóm đình nhỏ nhoi, nhưng chính là cái gốc tình tự của quê hương là vậy!

Nay thì anh đã đi xa rồi, thật xa. Có thể, anh đã trở về với xóm đình Đa Cát nghèo khổ của tụi mình, thuở nào. Trên bước đường ly xứ, tôi rất mừng được gặp lại anh, nhưng tiếc thay tháng ngày ngắn quá, anh lại bỏ ra đi. Nôn nóng chi mà đi sớm vậy? Tụi mình chưa nhắc hết chuyện năm, tháng đổi thay của xóm đình ngày thơ ấu. Chưa nhắc tới cuộc thăng trầm nghiệt ngã đã làm vỡ tan bao kỷ niệm ngày xưa.

TRẦN HUY SAO

CHUYỆN XƯA

tôi đưa em về dưới trăng
muốn hôn em, lại ngại ngần - vậy thôi!
bây giờ chuyện đã xa rồi
nhắc nhau mà tiếc một thời xưa, qua
một thời lược-giắt-trâm-cài
tóc thơm bông bưởi, áo dài gót sen...

TỪ SAU LẦN HẸN

cũng vừa chia nhớ đấy thôi
em về, nắng đã bỏ trời bơ vơ
cho nên chiều hóa ngẩn ngơ
trái tim tôi cũng thẩn thờ nhịp đau
bao giờ mình lại gặp nhau
để tôi lành được vết sầu vì em...

Ngày xưa... Xóm đình xưa... Nghe sao mà não nuột. Ngày xưa, thì mình vẫn còn nhớ và nhắc đó. Xóm đình xưa! Thì xóm vẫn còn đó, nhưng đình thì đã không còn dấu tích. Chỉ còn lại một khám thờ nhỏ nhoi, hiu quạnh bên đường. Đâu còn nữa anh, những ngày chiêng trống vang lừng, cờ phướng phất phới, bô lão kỳ hương khăn đóng áo dài trang trọng, hàng ngũ lễ sinh áo mũ chỉnh tề sinh động đứng, quỳ theo nhịp xướng "hưng, bái." Phụ nữ mọi nhà được "sức" tới để phục dịch nấu nướng trong những ngày tế Xuân, Thu định kỳ. Đâu còn cái cảnh tụi mình, ngày đó, chạy đùa nô giỡn, ăn uống thả dàn trong suốt mấy ngày xóm đình vô Hội. Sao mà vui. Sao mà đầm ấm tình nghĩa xóm làng đến vậy!

Bây giờ, anh đã nằm xuống, thân xác đã hóa thành tro bụi, chờ dịp trở về quê cha đất tổ. Chuyện đêm nào, chưa nói hết, anh đã bỏ đi xa. Anh chưa thỏa lòng là vậy. Một dịp nào, tôi đưa anh về quê hương, đưa anh về xóm đình Đa Cát của tụi mình. Để anh, nằm yên đó, ngắm nhìn ngày tháng xưa - mãi nhớ, mãi thương cho hả lòng hả dạ lòng người, đã một thời xa quê hương yêu dấu...●

San Diego, CA

VỀ CÁI CHẾT CỦA NHÀ VĂN NHƯỢNG TỐNG

LÊ NGUYỄN THÁI THUẬN

Hồi hè năm ngoái có một người bạn trẻ ngoại quốc về Việt Nam để kiếm tài liệu thêm cho luận án tiến sĩ của anh về giai đoạn nửa đầu thế kỷ 20 của Việt Nam (anh đọc thông viết thạo tiếng Việt), tình cờ anh đã được đọc mấy cuốn sách của Cộng Sản Việt Nam có liên quan đến cái chết của nhà văn Nhượng Tống, anh đã chụp và gửi cho chúng tôi.

Chúng tôi nghĩ rằng, nhà văn Nhượng Tống mất hơn 50 năm rồi, đã đi vào lịch sử đấu tranh bất khuất của Dân Tộc Việt. Nhưng, những người còn lại có kẻ đã phủ nhận sự thật, chụp cái mũ chủ mưu vào đầu người khác mà không có một tí lương tri tối thiểu của người bình thường.

Nêu lên, chỉ là muốn làm sáng tỏ vấn đề *ai là người giết nhà văn Nhượng Tống* và gọi là có chút suy nghĩ về tư cách của người cầm bút hôm nay nơi *vụ xử* này.

Phần dẫn tài liệu theo thứ tự thời gian xuất bản

* Cuốn *VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG - Lịch Sử Đấu Tranh Cận Đại* của Hoàng Văn Đào, tái bản kỳ II năm 1970, bản in ở hải ngoại không đề năm, viết như sau:

"Sáng ngày 26 tháng 7 năm Kỷ Sửu (20-8-1949) vào hồi 8 giờ sáng, Nhượng Tống vừa đi chơi tổ tôm về, mệt mỏi định đi nghỉ thì có một đứa nhỏ đến mời đi thăm bệnh cho người cha nó vừa bị mệt nặng nhà ở sau khu nhà rượu: Nhượng Tống từ chối không muốn đi, nhưng sau lại nghĩ "cứu nhân như cứu hỏa," nên ông lại khoác áo ra đi.

Vì quãng đường không bao xa, nên Nhượng Tống cùng đứa nhỏ lững thững đi bộ.

Đi được một quãng cách nhà độ 500 thước, thì có một tên lạ mặt đi xe đạp tiến đến bắn một phát súng lục xuyên qua gáy chết.

Có nhiều giả thuyết về cái chết của Nhượng Tống, nhưng theo sự điều tra riêng của tác giả thì tên lạ mặt bắn Nhượng Tống là Nguyễn Văn Kịch người làng Mai Động, Quỳnh Lôi, ngoại thành Hà Nội, là Biệt động đội nội thành của Cộng Sản.

Chứng cứ cụ thể, là ngay sau khi Nhượng Tống bị ám sát, Cộng Sản đã cho tuyên truyền ầm ỹ ở hậu phương, xác nhận chính CS đã thi hành xong bản án xử tử Nhượng Tống năm 1945."

(các trang: 466-467)

* Cuốn: *THỦ ĐÔ HÀ NỘI - Lịch Sử Kháng Chiến Chống Thực Dân Pháp (1945-1954) - Quân Khu Thủ Đô, nhà xuất bản Hà Nội, năm 1986,* viết như sau:

"Cũng trong chiến dịch Tổng phá tề toàn thành, lực lượng công an đã trừng trị tên Nhượng Tống, uỷ viên Trung ương Quốc dân đảng phản động; Đặng Trần Học, phó giám đốc Nha công an Bắc Việt và một số tên việt gian, phản động khác... làm, chấn động bọn ngụy quyền tay sai."

(trang 246)

* Cuốn: *LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - Sơ Thảo 1926-1954, Đảng Cộng Sản Việt Nam Thành Uỷ Hà Nội, nhà xuất bản Hà Nội, 1989,* viết:

"Công an đã diệt trừ một số tên Việt gian lợi hại, uy hiếp tinh thần bọn ngụy quân ngụy quyền thành phố.

Trong một đợt phá tề trừ gian, ta đã diệt tên Nhượng Tống, uỷ viên Trung ương Quốc dân đảng phản động, tên Đặng Trần Học, phó giám đốc Nha công an bù nhìn Bắc Việt."

(trang 297)

* Cuốn: *CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ CAN THIỆP Ở HÀ NỘI - Ban Nghiên Cứu Lịch Sử Đảng trực thuộc Thành Uỷ Hà Nội,* không thấy đề năm xuất

bản, viết:

"Cuối năm 1949, trong một đợt phá tề toàn thành, công an đã diệt trừ một số tên Việt gian lợi hại như Nhượng Tống, uỷ viên trung ương Quốc dân đảng phản động; Đặng Trần Học, phó giám đốc Nha công an bù nhìn Bắc Việt."

(không thấy ghi số trang, có lẽ có mà người bạn chúng tôi không chụp và ghi đầy đủ)

* Vì chúng tôi không có cuốn sách của Nguyễn Thạch Kiên nên, xin được ghi theo lời dẫn ra trong bài đăng ở số Khởi Hành tháng Mười Một năm 1996, nơi trang 22, 23, 24 với tựa đề LÊ NGỌC CHẤN GIẾT NHƯỢNG TỐNG, do Nguyễn Tà Cúc viết.

Căn cứ vào cuốn sách *Về Những Kỷ Niệm Quê Hương* của Nguyễn Thạch Kiên, xuất bản năm 1996, bài trên trích dẫn như sau:

"Cựu Tổng Trấn Bắc Phần Nghiêm Xuân Thiện (thời 1948-1949) đã cho tác giả biết chính ông Lê Ngọc Chấn (chồng nhà thơ Vân Nương) bí danh Chấn Quang Minh, lãnh đạo Chi Bộ Hà Nội lúc bấy giờ ra lệnh ám sát học giả Nhượng Tống:

Trong khi hàn huyên, nhắc đến học giả Nhượng Tống, thốt nhiên ông Nghiêm Xuân Thiện bảo tôi: Ở Anh Quốc, được tin ông Nhượng Tống bị ám sát chết, tôi biết ngay chính Chấn Quang Minh ra lệnh!"

(bài trên, trang 22)

Phần nhận xét:

* Tác giả cuốn VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG đã viết đúng sự thật: **Cộng Sản Việt Nam là thủ phạm giết nhà văn Nhượng Tống, chứ không phải bất cứ ai khác.** Tác giả Hoàng Văn Đào đã phải dè dặt mặc dù khẳng định theo nguồn tin tức từ hậu phương cho biết: Cộng sản đã tuyên truyền là giết được nhà văn Nhượng Tống vì có nhiều nguồn dư luận khác nhau về cái chết này.

Cũng hơn mười năm sau khi cuốn sách Việt Nam Quốc Dân Đảng của Hoàng Văn Đào ra đời, thì mấy cuốn sách của đảng Cộng Sản Việt Nam in ra và đều tự nhận là thủ phạm giết nhà văn Nhượng Tống.

* Thế mà hơn hai mươi năm sau, Nguyễn Thạch Kiên viết cuốn *Về Những Kỷ Niệm Quê Hương* lại chỉ tin nghe lời nói của một người để rồi kết tội người đồng đảng với mình là: Quang Minh Lê Ngọc Chấn ra lệnh giết nhà văn Nhượng Tống! Quả là một điều hiếm thấy ở những người cầm bút. Sao trước năm 1975, Nguyễn Thạch Kiên không viết ra điều này, khi các ông Hoàng Văn Đào, Lê Ngọc Chấn... còn sống?

* Thay lời tựa cuốn *Về Những Kỷ Niệm Quê Hương*, Nguyễn Thạch Kiên viết: *"Thận trọng, dè dặt khi viết."* Chúng tôi rất nghi ngờ lời này!! Nếu thận trọng và dè dặt thì chắc chắn phải nghiên cứu đến nơi đến chốn những điều mình viết, thế mà chờ cho người ta nằm xuống rồi mới dùng ngòi bút viết liều, quả thật là văn đức là chỉ như vậy thôi sao!

* Nguyễn Tà Cúc căn cứ vào cuốn *Về Những Kỷ Niệm Quê Hương* của Nguyễn Thạch Kiên để trình bày ý kiến về cái chết của nhà văn Nhượng Tống trên tờ báo *Khởi Hành* số 157 (22) tháng 11 năm 1996. Ngay cái tựa đề của bài viết (*Lê Ngọc Chấn giết Nhượng Tống*) đã cho biết tác giả cũng đồng ý với Nguyễn Thạch Kiên là Quang Minh Lê Ngọc Chấn ra lệnh giết nhà văn Nhượng Tống!

Lời kết:

Cách nay 15 thế kỷ, tác giả Văn Tâm Điêu Long đã viết:

"Văn chi vi đức dã đại hỉ; dữ thiên địa tịnh sinh hà giả tai?" (Lưu Hiệp. Văn Tâm Điêu Long Nguyên Đạo)

Xin được tạm dịch như sau:

"Đức nghiệp của văn chương, đúng thật là cực to lớn và phong phú! Với trời đất cùng sinh ra, là biết bao duyên cớ?"

Mượn lời của Lưu Hiệp chúng tôi muốn nói lên:

- Văn đức của người cầm bút là vô cùng quí giá nếu có một tâm hồn ngay thẳng, đúng đắn, công minh,... thì ích lợi lớn lao đối với con người.

- Hãy trả sự thật về cho sự thật, một cách công chính vô tư.

- Nhưng nếu chỉ là giả danh thì nguy hại cũng không nhỏ.

Vậy, kính xin quí vị lượng thứ cho ý nghĩa thô thiển của chúng tôi thì đó là một điều hân hạnh vô cùng.

Thiên san phố, Canh Thìn, ngũ nguyệt, sơ ngũ.

(Tạp chí Dân Văn, Âu Châu)

Đính kèm:

Hình chụp tên sách và trang sách có đoạn trích dẫn:

a. *Thủ đô Hà Nội - Lịch sử kháng chiến chống Pháp* (1945-1954) - trang 246.

b. *Lịch sử Đảng bộ đảng Cộng Sản Việt Nam thành phố Hà Nội* - trang 197.

GIỚI THIỆU SÁCH:
VĂN HỌC VÀ CÁCH MẠNG

HOÀNG NGUYỄN

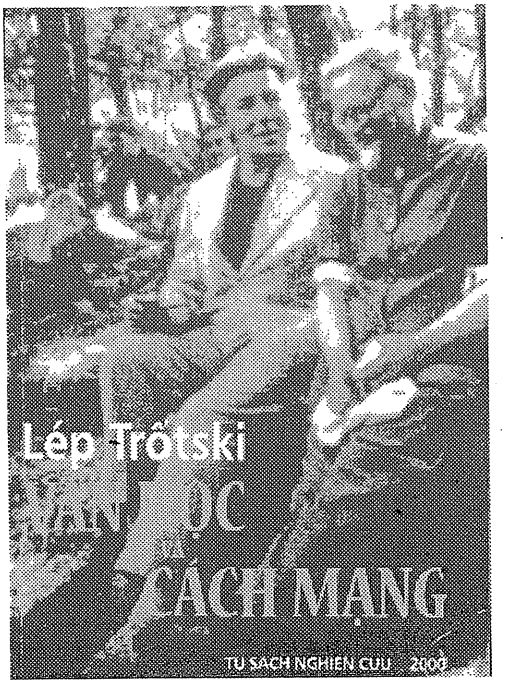

LTS: *Sau đây là trích đoạn bài viết của tác giả Hoàng Nguyễn, giới thiệu cuốn sách* Văn Học và Cách mạng *của Lép Trốtski, do nhóm Tủ Sách Nghiên Cứu ở Paris dịch sang Việt ngữ và xuất bản. Chúng ta ai cũng biết Trốtski là lãnh tụ của Đệ tứ quốc tế cộng sản, nhưng những sự thật về đời ông đã bị phe Đệ tam dấu giếm và xuyên tạc quá nhiều, nên ít người, nhất là người Việt Nam, biết ông là tác giả của nhiều cuốn sách, trong đó có cả sách bàn về văn học. Hy vọng những trang giới thiệu dưới đây giúp độc giả đi đến chỗ tìm hiểu thêm về con người Trốtski, vốn đã bị che dấu gần suốt chiều dài của thế kỷ 20.*

*

Văn học và cách mạng là một tác phẩm quan trọng của Lép Trốtxki, bao gồm những bài viết về văn hóa và văn học. Là một nhà cách mạng chuyên nghiệp vào đầu thế kỷ XX, đồng thời cũng là một cây bút nổi tiếng, một diễn giả hùng biện có sức thuyết phục, Trốtxki là một người am hiểu và say mê nghệ thuật. Vì thế quan điểm của ông rất đáng được quan tâm trên cả các vấn đề *văn học* cũng như *cách mạng.*

Ngày nay, khi nhắc đến Trốtxki, do tác động của thời gian và do ảnh hưởng của những nguồn thông tin thất thiệt, đa số những người ít quan tâm đến chính trị chỉ biết ông như một nhà cách mạng cực tả, người đề xướng và chủ trương *"cách mạng hoàn cầu"* không ngừng nghỉ. Thậm chí, vì không hiểu một cách thấu đáo thuyết *"cách mạng thường trực"* do Trốtxki khởi thảo, một học thuyết mác-xít có tác động rất lớn đến các cuộc cách mạng Nga đầu thế kỷ XX, nhiều người còn coi ông là một kẻ quá khích. Thêm vào đó, mặc dù rất được biết đến trong giới trí thức phương Tây, Trốtxki vẫn là một khuôn mặt khá xa lạ đối với độc giả Việt Nam bởi một lẽ đơn giản: những trước tác của ông không hề được ấn hành tại quốc gia cộng sản *"hiện thực."* Ngược lại, sự nghiệp của Trốtxki lại thường xuyên là đề tài chỉ trích, bôi

nhọ của chính quyền tự nhận là *"cộng sản"* này.

Trong bài giới thiệu sơ lược này, chúng tôi chỉ muốn đề cập đến một khía cạnh nổi tiếng trong sự nghiệp của Trốtxki: *hoạt động cầm bút* của ông. Để khỏi đi quá xa đề tài, chúng tôi cũng xin khoanh vùng với tác phẩm *Văn học và cách mạng*, cùng sự phát triển của những quan niệm phê bình và lý luận văn học của Trốtxki (1).

*

Không thể thấu hiểu tường tận, cũng không thể đánh giá chính xác nội dung và giá trị của *Văn học và cách mạng*, nếu chúng ta không điểm lại một số nét cơ bản của đời sống chính trị và văn hóa nước Nga sau cách mạng tháng Mười.

Chính biến tháng Mười năm 1917 là cuộc nội chiến đẫm máu kéo dài bốn năm sau đó đã đưa nước Nga từ một quốc gia có chế độ quân chủ mục nát, sự phát triển tư bản kém cõi, thành một nước đầu tiên trên thế giới tiến theo mô hình của chủ nghĩa xã hội. Nhưng cạnh đó, những thiệt hại, tổn thất khủng khiếp về người và của đã làm nước Nga - Xô Viết suy sụp về kinh tế và lung lay về chính trị, khiến Lênin và ban lãnh đạo bôn-sê-vích phải tạm ngừng bước và áp dụng chính sách *Tân kinh tế* (N.E.P.). Trong những năm 1921-1928, song song với việc nới rộng phạm vi và thành phần kinh tế và khuyến khích nhân dân (đặc biệt là nông dân) hoạt động kinh tế có hiệu quả, mối tương giao đồng thuật ở một mức độ nhất định giữa ban lãnh đạo đảng bôn-sê-vích và giới trí thức cũng được thiết lập và duy trì, nhiều nhân tố *"cởi mở"* xuất hiện trong lĩnh vực báo chí và phát hành sách vở. Nhờ đó, đời sống văn hóa - tinh thần hết sức đa dạng và muôn màu muôn vẻ của nước Nga đã có những năm tháng phát triển rực rỡ.

Dường như là một hệ quả của N.E.P., trong thập niên 20, nền văn học Nga đã phát triển đến mức cực thịnh với vô số những xu hướng, những trường phái và tổ, nhóm khác nhau. Cho đến ngày nay, giới nghiên cứu vẫn thống nhất cho rằng *"những năm 20"* là đỉnh cao chói lọi nhất của nền văn học Nga thế kỷ XX, với những tên tuổi lớn mang tầm vóc quốc tế như Baben, Blốc, Êxnhin, Maiacốpxki, Bungâcốp, Paxtecnắc, Manđenstam, Pinniắc, Scơlốpxki, Dôsencô, Akhơmatôva, Damiatin... Về sau, giới nghiên cứu văn học sử gọi đây là *thời kỳ thử nghiệm* của văn học Liên Xô.

Nói một cách chính xác *"những năm 20"* - thời kỳ *"hoàng kim"* của văn học Nga - Xô Viết - kéo dài chừng một thập niên rưỡi kể từ cuộc cách mạng tháng Hai 1917 đến năm 1932, khi Hội Nhà Văn Xô Viết được thành lập theo chỉ thị của tổng bí thư Xtalin, chấm dứt khoảng thời gian các nhà văn nghệ sĩ tương đối được *"thả lỏng,"* được tự do thành lập các tổ, nhóm văn học, được theo đuổi các trường phái, khuynh hướng khác nhau. Mốc thời gian 1932 cũng đánh dấu sự độc tài hóa toàn diện của chính quyền xta-lin-nít trên các ban ngành nghệ thuật và văn hóa, chuẩn bị cho hai thập kỷ đen tối nhất trong lịch sử Liên Xô - mở đầu với việc lãnh tụ cộng sản Kirốp bị ám sát (1934) và kết thúc bằng cái chết của nhà độc tài Xtalin (1953) - với nhiều hậu quả vô cùng tai hại trong suốt những năm dài sau đó.

Đọc tác phẩm *Văn học và cách mạng*, độc giả có thể có một khái niệm tương đối rõ nét về đời sống văn học Nga thời kỳ này.

*

Sự ra đời của *Văn học và cách mạng*, cũng như hàng loạt bài viết, khảo luận... của Trốtxki trong thời điểm những năm đầu của thập niên 20, không phải là ngẫu nhiên. Cuối năm 1920, đầu 1921, sau khi bị thiểu số trước Lênin trong cuộc tranh luận về vấn đề nghiệp đoàn tại Đại hội X đảng Cộng Sản (bôn-sê-vích) Nga, hoạt động chính trị của Trốtxki có phần bị chững lại. Đồng thời, phù hợp với sở trường văn hóa của Trốtxki, có một dự tính đưa ông lên cương vị lãnh đạo những cơ quan có vai trò tối quan trọng trong chính sách văn hóa của đảng bôn-sê-vích, kể cả việc thay thế dân uỷ Văn hóa Lunatrácxki. Rốt cục, những dự tính trên đã không thành; tuy vậy, vào đầu thập niên 20, Trốtxki vẫn giữ vị trí của một chính trị gia có thẩm quyền của đảng bôn-sê-vích trong các vấn đề văn hóa.

Cuối năm 1922, từ ngày Lênin lâm trọng bệnh, Trốtxki gặp nhiều thất bại trong chính trị, cụ thể là thất bại trước Xtalin cùng Camênhép và Dinôviép, hai cộng sự thuộc bộ *"tam mã"* của Xtalin. Khi đó, Trốtxki quyết định dùng vũ khí văn hóa và tư tưởng để đáp lại những đối thủ của ông trong nội bộ đảng. Đây là một lĩnh vực mà *"nhà nghệ sĩ cách mạng"* - cái tên phương Tây đặt cho Trốtxki, để đánh giá vai trò lãnh đạo của ông trong các cuộc cách mạng 1905 và 1917 - hầu như không

có đối thủ. Và quả thực, sự tái hồi của Trốtxki trên vai trò một nhà phê bình và lý luận văn học sáng giá vào đầu thập niên 20 đã gây tiếng vang lớn, bù lại sự kiện từ năm 1917 trở đi, ông được biết đến nhiều hơn trong những vấn đề chính trị cấp thời. Trốtxki đã tiếp nối công trình của mình từ những năm trước cách mạng tháng Mười, với nhiều bài báo, nhiều công trình nghiên cứu được giới chuyên môn đánh giá cao.

Đây cũng là giai đoạn Trốtxki có nhiều thời gian để đọc, để nghiên cứu, để viết lách, tức là tiếp tục những sở thích, đam mê từ thuở thiếu thời mà trong hoàn cảnh nội chiến, trên cương vị dân uỷ Quốc phòng và chủ tịch Hội đồng Quốc phòng, ông đã không có điều kiện theo đuổi. Dựa trên những trang hồi ký được viết đều đặn trong những năm Thế Chiến Thứ Nhất, năm 1923, nguyệt san *Đất hoang đỏ* (Krasnaia Nov) của Vôrônxki - tạp chí văn học có uy tín và chất lượng nhất trong thập niên 20 ở Liên Xô - đã đăng tải hồi tưởng của Trốtxki về những ngày tháng tù đày ở Tây Ban Nha và chuyến viễn du cưỡng bức qua bờ bên kia Thái Bình Dương (2). Ông cũng cho in kỷ niệm về những cuộc gặp gỡ của ông với Lênin và ban biên tập tờ báo *Tia lửa* giai đoạn 1902-1903 trong một bài viết có giá trị văn học *(Lênin và tờ "Tia lửa" cũ,* 1924). Theo đề nghị của nhiều nhà xuất bản, Trốtxki còn đều đặn viết lời giới thiệu, lời nói đầu cho một số tác phẩm văn học, như trường ca *Mười hai* của thi hào Blốc và cuốn *Tuần lễ* của nhà văn *"vô sản"* Libêđinxki. Cạnh đó, loại bài khảo cứu và tổng kết tình trạng thất học của nước Nga sau cách mạng của Trốtxki, được in năm 1923 với tựa đề *Văn hóa và những vấn đề của đời sống thường nhật,* cũng có giá trị về mặt văn chương và chứa đựng nhiều thông tin về xã hội học.

Tuy nhiên, ảnh hưởng lớn nhất của Trốtxki trong nền văn nghệ và trong giới văn nghệ sĩ Nga - Liên Xô sau cách mạng tháng Mười, là ở cuốn *Văn học và cách mạng,* một tác phẩm vừa có tính nghiên cứu lịch sử văn học, vừa mang tính phê bình và lý luận văn học mà độc giả đang cầm bản dịch Việt ngữ trong tay.

Đôi nét về ảnh hưởng của Văn học và cách mạng đối với nền văn hóa, văn nghệ Liên Xô.

Trốtxki quan niệm hoạt động phê bình, lý luận văn học cũng là một phần của hoạt động chính trị. Sau khi Lênin mất, nhưng có thể nói ngay từ năm 1922 trở đi, Trốtxki phần nào đã là lãnh tụ chính trị đối lập lỗi lạc nhất ở Liên Xô; những lập luận văn học của ông ngày càng chứa đựng nhiều động lực chính trị, chủ yếu là sự phê phán cái gọi là *"đường lối trung ương"* của Xtalin và Bukharin. Đồng thời, có thể nhận thấy một sự tranh đua nhất định giữa Trốtxki và Bukharin, hai lãnh tụ có học vấn uyên bác và xuất sắc nhất trong ban lãnh đạo bôn-sê-vích. Trong giai đoạn đó, mặc dù Bukharin cũng như Lunatracxki là những chính trị gia có quan niệm tương đối cởi mở đối với văn nghệ và giới văn nghệ sĩ, nhưng Trốtxki đã vượt họ với những nhận định tinh tế hơn, cấp tiến hơn và có giá trị lâu dài hơn về tầng lớp trí thức Nga.

Như đã nói ở phần trên, trong nội bộ ban lãnh đạo đảng bôn-sê-vích, Trốtxki là người có cái nhìn khoan dung hơn và đối với những giá trị tinh thần của xã hội cũ nói chung, và với lớp văn nghệ *"ngoài Tháng Mười"* nói riêng. Cũng nhờ ảnh hưởng của *Văn học và cách mạng* và bài phát biểu (3) có tiếng vang lớn của Trốtxki trong cuộc hội thảo văn học, do các nhóm *"văn học vô sản"* đề xướng, tổ chức vào tháng Năm 1924 tại trụ sở Ban Trung ương đảng bôn-sê-vích, mà dòng văn học độc lập, không chịu sự quản thúc của ý thức hệ giáo điều, đã không bị loại trừ như ý muốn của phe *"cộng sản"* cuồng tín. Không phải ngẫu nhiên mà rất nhiều đại diện thuộc giới trí thức *"bạn đường"* như Paxtécnắc, Baden, Êxênhin, và các văn sĩ thuộc nhóm *Huynh đệ Xêrapiôn* v.v... đã luôn nhắc đến Trốtxki với thái độ trân trọng, coi ông như một ân nhân, một người bảo trợ, một lãnh tụ cộng sản am tường văn nghệ. Và, như một phản ứng vô ý thức trước sự hình thành và bành trướng không gì ngăn cản nổi của bộ máy độc tài, quan liêu xta-lin-nít, trong những năm 1926-1928, khi Trốtxki đã bị loại khỏi chính trường, rất nhiều văn nghệ sĩ, kể cả một số nhà văn *"vô sản"* vốn có quan niệm mỹ học hoàn toàn xa lạ với quan niệm của Trốtxki, đã tự coi mình là người trốt-kít trong những khoảng thời gian dài ngắn khác nhau. Có thể nhắc đến ở đây xôxnốpxki, nhà báo chính luận tài ba; vôrônxki, tổng biên tập tờ *Đất hoang đỏ,* nhà phê bình văn học, người cha của phong trào văn học Nga - Xô Viết; các thành viên của nhóm văn học *Pereval* (Đỉnh đèo) như Cataiép, một thi sĩ được ưa chuộng, hoặc Bêđumenxki, người được coi là nhà thơ *"chính thức"* của đoàn Thanh niên Cộng sản Liên Xô (Comsomol)... Ngay cả nhà cách mạng nổi tiếng Raxcônnhicốp và vợ ông,

Larixa Rây xne, hai trí thức bôn-sê-vích say mê văn nghệ, cũng từng chịu ảnh hưởng của quan niệm về văn học của Trốtxki.

Từ những năm giữa của thập niên 20, Xtalin dần dần thắng thế trong đảng bôn-sê-vích và một chiến dịch vu cáo, nhục mạ vô liêm sỉ chống Trốtxki được mở ra. Đa số các tác phẩm của Trốtxki bị xuyên tạc, cắt xén rồi bị thu hồi và cấm phát hành (4). Trong số đó, *Văn học và cách mạng* là cuốn sách có *"tuổi thọ"* lớn nhất: chỉ sau khi Trốtxki bị trục xuất khỏi Liên Xô một đôi năm, theo chỉ thị của *"cấp trên,"* cuốn sách mới bị đưa vào danh mục *"sách cấm"* của mọi thư viện trên lãnh thổ Xô Viết (5). Dường như ở Liên Xô, tác phẩm này chỉ được tái bản vào năm 1991 và lần đầu tiên sau bao nhiêu năm trời, chúng ta mới có dịp đọc một bài nghiên cứu tương đối nghiêm túc của một tác giả Nga trong nước về *"mỹ học Trốtxki"* (6).

Sau năm 1930, trong cảnh lưu đày biệt xứ nay đây mai đó, giữa bao nhiêu hoạt động chính trị bề bộn - trong đó đáng kể nhất là việc tập hợp các tổ chức trốt-kít quốc tế trong khuôn khổ một Quốc tế mới (Đệ tứ Quốc tế), vạch trần bộ mặt thật của chính thể quan liêu xta-lin-nít, lên án những vụ án ngụy tạo ở Mátxcơva... - Trốtxki không có điều kiện tiếp tục công việc của một nhà lý luận và phê bình văn học. Tuy nhiên, từng tự coi mình là một nhà văn (7), thỉnh thoảng ông có viết những bài về đề tài văn học như chân dung một số văn sĩ (8) (Goócki, Maiacốpxki, Biétnưi, Manrô, Xilônê...) đăng trên báo chí quốc tế, chủ yếu là trên tạp chí *Thông tin Đối lập* (9) do Lép Xôđốp, con trai thứ của ông, làm chủ nhiệm. Chỉ đến thời gian cuối đời, khi vợ chồng Trốtxki định cư ở Mêhicô, ông mới trở lại nghiền ngẫm mối quan hệ giữa biến chuyển cách mạng và nghệ thuật; những suy nghĩ của ông về vấn đề này cũng được tờ *Thông tin Đối lập* đăng tải.

Trong thập niên 30, nói chung quan niệm của Trốtxki về văn học, trong đó có *"văn học vô sản,"* không thay đổi nhiều so với thời kỳ năm 1923, khi ông cho in *Văn học và cách mạng*. Nhưng cần nhấn mạnh một điểm: sau những thăng trầm trong đời sống chính trị và đời sống thường nhật, khi không còn bị bó buộc trong khuôn khổ một thể chế, một đảng phái nhất định, khi đã có dịp chiêm nghiệm lại mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị, văn nghệ và cách mạng, văn nghệ và quyền lực, Trốtxki có nhiều ý kiến *"thoáng"* hơn, *"cởi mở"* hơn về vai trò của *sáng tạo trí tuệ* và *nhu cầu độc lập* của người nghệ sĩ chân chính, của nền văn hóa đích thực, dĩ nhiên vẫn trong khuôn khổ phụng sự cách mạng. Cạnh đó, ông tiếp tục lên án, có phần gay gắt hơn, về những biến tướng của *"văn hóa vô sản"* nói riêng (đặc biệt, về cái gọi là *"văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa" (10),* một khái niệm rất thịnh hành và mang tính bắt buộc ở Liên Xô từ thập niên 30, khi Xtalin dùng các biện pháp hành chính để cưỡng bức văn nghệ sĩ phải sáng tác theo một phương châm duy nhất: *phục vụ chính trị, tô hồng chế độ, sùng bái lãnh tụ...*, và của những nền văn hóa dưới chế độ độc tài, toàn trị nói chung. Đó cũng là một phần nội dung bản tuyên ngôn do ông (11) và Ăngđrê Brơtông, đại diện nổi tiếng của nền thi ca siêu thực

TÔN NỮ THU NGA

THÁNG NGÀY

Tặng Kim T.

Tôi muốn viết bài thơ nho nhỏ
Cho anh em, cho các bạn bè
Kể huyên thuyên tháng ngày lẩm cẩm
Giả như người ngoại cuộc u mê

Tôi không dệt những lời chải chuốt
Ca ngợi tình yêu với gấm hương,
Vì tôi hiểu trong đời lẩn quẩn,
Quanh chúng ta giấy giụa tình buồn.

Tôi lững thững bước vào hiu quạnh,
Cõi tàn phai chợt đến không hay
Chỉ biết đồi xuân hoa chớm nở
Rồi chợt thu về cánh lá bay.

Tôi nắn nót ngây ngô hàng chữ
Mảnh hồn tôi gỗ đá đơn sơ
Trái tim tôi ngàn con sóng vỗ
Nhắm đôi mi, khắc khoải mong chờ.

Pháp, chấp bút vào tháng 7-1938. Mang tên *Vì một nền nghệ thuật cách mạng độc lập,* thực chất đây là một lời kêu gọi, trong đó những người đứng tên thôi thúc giới văn nghệ sĩ thế giới đồng lòng trong một trận tuyến chống chủ nghĩa xta-lin-nít và chủ nghĩa phát-xít, theo phương châm *"Độc lập của nghệ thuật - vì cách mạng; Cách mạng - vì sự giải phóng vĩnh viễn nghệ thuật."*

Vì một nền nghệ thuật cách mạng độc lập là một bước tiến dài trong tư tưởng và quan niệm văn hóa, văn nghệ của Trốtxki. Nếu như trong thời gian đầu sau cách mạng tháng Mười và trong bốn năm thời nội chiến, Trốtxki còn đứng về phía những người chủ trương kiểm duyệt văn hóa, cấm đoán báo chí tự do và là một trong những người đứng đầu bộ máy tuyên truyền chống tôn giáo, thì Trốtxki của những năm cuối thập niên 30 đã lên án *"những kẻ ý định chỉ huy việc sáng tạo bằng trí óc của xã hội,"* thông qua *"những kẻ muốn làm hoạt động trí óc lệ thuộc vào những mục đích không phải của nó, coi thường mọi qui luật lịch sử dành riêng cho nó, muốn quản lý các đề tài nghệ thuật khi vin vào cái cớ được gọi là nhà nước.* Ông coi *"sự tự do lựa chọn các đề tài nghệ thuật và việc hoàn toàn không hạn chế những môi trường tìm hiểu của nhà văn là một quyền lợi quí giá đối với người nghệ sĩ," "người nghệ sĩ có quyền đòi hỏi không bị tước đi quyền lợi đó"* và lên tiếng *"dứt khoát phản đối tất cả những ai dù hôm nay hay ngày mai muốn ép buộc chúng tôi chấp nhận rằng nghệ thuật phải tuân theo một khuôn phép mà chúng tôi thấy hoàn toàn không phù hợp với phương tiện của nó."* Ở đây, Trốtxki đã chấp nhận công thức *"hoàn toàn tự do trong nghệ thuật"* và ông đòi hỏi nhà nước cách mạng *"ngay từ đầu,... phải thiết lập và đảm bảo một chế độ vô chính phủ"* đối với sáng tạo trí tuệ, trên cơ sở *"không dựa trên một quyền lực nào, không chịu một sự ràng buộc nào, không hề có một biểu hiện chỉ huy nào!"* Và Trốtxki còn đi xa hơn nữa: vì mục đích *"phục vụ cách mạng bằng những phương pháp của nghệ thuật và bảo vệ sự tự do cho chính nghệ thuật,"* ông cho rằng *"những người mác-xít có thể cộng tác với những người vô chính phủ," "đại diện của những khuynh hướng mỹ học, triết học và chính trị học... khá cách biệt nhau"* cũng có thể gặp gỡ nhau, *"với điều kiện người này hoặc người kia phải đoạn tuyệt với tinh thần công an mật vụ hay phản động"...*

Đáng quí biết bao thái độ cấp tiến, phóng khoáng và rõ ràng ấy của Trốtxki, một người cộng sản mác-xít kiên định! Xét trên phương diện này, có thể coi ông là *"hiện tượng"* độc nhất vô nhị trong thế giới cộng sản tự cổ chí kim!

Chú thích

(1) Có thể tham khảo một số chi tiết về văn nghiệp của Trốtxki trong *Lời nói đầu* hồi ký *Đời tôi* (tập 1), Tủ Sách Nghiên Cứu xuất bản năm 1998.

(2) Về sau, Trốtxki đã đưa phần này vào hồi ký *Đời tôi* (xin xem *Đời tôi* tập 1, chương XXI: *Qua Tây Ban Nha).*

(3) Chúng tôi đăng lại bài phát biểu quan trọng này trong phần Phụ lục (của cuốn sách Văn học và Cách mạng).

(4) Ngày 7-3-1935, Ban Trung ương đảng Cộng Sản Liên Xô chính thức ra chỉ thị thu hồi và niêm phong toàn bộ các tác phẩm của Trốtxki tại các thư viện Xô Viết. Điều trớ trêu là ngay cả những sách vở chống phá Trốtxki cũng phải chịu chung số phận đó!

(5) Ngay vào thời *"cải tổ"* và *"công khai"* ở Liên Xô, các sử gia, các nhà nghiên cứu nước này vẫn gặp rất nhiều khó khăn khi họ muốn mượn cuốn *Văn học và cách mạng* trong thư viện.

(6) Iuri Bôrép: *Mỹ học Trốtxki* (1991). Đây là lời giới thiệu bản tiếng Nga *Văn học và cách mạng,* do Nhà xuất bản Văn Học Chính Trị ấn hành (Mátxcơva, 1991).

(7) Trong hồi ký *Đời tôi,* Trốtxki cho rằng ông trở thành một nhà văn vào năm 1900, khi ông bị Nga hoàng bắt đi đày lần thứ nhất và bắt đầu cộng tác với tờ báo dân túy *Tạp chí phương Đông* của tỉnh Léccút. Xin xem *Đời tôi* tập 1, chương IX: *Đi đày lần thứ nhất.*

(8) Một số bài trong số đó được Tủ sách Nghiên Cứu tuyển dịch và đăng trong phụ lục cuốn *Văn học và cách mạng.*

(9) *Thông tin Đối lập* ra được cả thảy 87 số trong thời gian 1931-1941. Đa số các bài báo do Trốtxki viết: có lúc ông ký tên thật, có lúc dùng biệt danh "X" hay "Alpha," có lúc ông không ký tên.

(10) Từ giữa thập niên 30 trở đi, theo gương Liên Xô, hầu hết các đảng Cộng sản trên thế giới đều thi nhau đề cao khái niệm *"văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa."*

(11) Vì những lý do "chiến thuật," Trốtxki đã yêu cầu họa sĩ người Mêhicô Điêgô Rivêra ký thay mình. Xin xem bài này trong phụ lục *Văn học và cách mạng.*

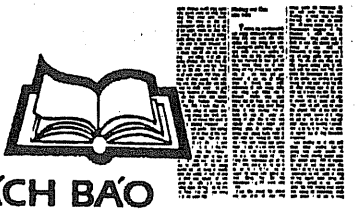

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Chiến Tranh Đông Dương 3

biên khảo của **Hoàng Dung**, Văn Nghệ xuất bản, 249 trang, giá US$13.00, ngoài nước Mỹ $15.00. Liên lạc: Văn Nghệ, 9351 Bolsa Ave. Westminster CA 92683 USA. Tel: (714) 934-8574.

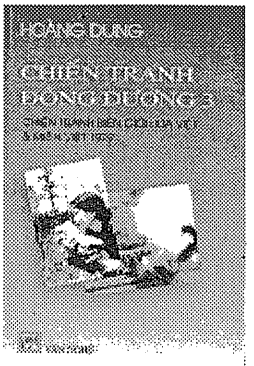

Cả nhan đề cuốn sách đọc đầy đủ là "Chiến tranh Đông Dương 3, Chiến tranh biên giới Hoa Việt và Miên Việt 1979." Tác giả gọi cuộc chiến tranh Việt Pháp từ 1946 đến 1954 là cuộc chiến 1, chiến tranh giữa hai miền Nam Bắc Việt Nam và với Mỹ là cuộc chiến 2, và trận đánh nhau giữa Việt Nam với Cambốt và Trung Quốc năm 1979 là cuộc chiến tranh Đông Dương 3.

Vừa xong chiến tranh vào năm 1975, chỉ bốn năm sau Cộng sản Việt Nam lại tiến hành hai cuộc chiến khác, lần này không phải với kẻ thù đế quốc tư bản mà là với hai người đồng chí anh em rất thiết thân trong mấy mươi năm chiến đấu vừa qua, là Khơme Đỏ và Trung Cộng. Để nhìn cho ra nguyên ủy sâu xa dẫn đến điều bất thường này, tác giả đã bỏ công đọc và ghi chép rất nhiều tài liệu, và sắp xếp theo một mạch lạc sáng sủa hiếm có.

Về trận chiến với Cam-puchia, ông đã đi ngược thời gian để nhìn qua lịch sử Căm-pu-chia từ lập quốc đến thời cận đại, trong đó có sự lấn chiếm lãnh thổ Cao Miên của Việt Nam cũng như các tranh chấp Việt Miên xảy ra liên miên trước 1975, đưa đến tâm lý thù hận người Việt của một số lãnh tụ Miên. Diễn tiến cuộc chiến được ghi lại rất chi tiết, từ cuộc lấn chiếm đầu tiên của quân Polpot vào lãnh thổ Việt Nam đến cuộc tấn công ào ạt của quân Việt chiếm đóng toàn lãnh thổ Miên và sa lầy mười năm ở đó, từ tổ chức xã hội quái dị của Khơme Đỏ đến câu tuyên bố hoang tưởng của họ trên đài phát thanh Nam Vang ngày 10 tháng Năm năm 1978: *Cho đến nay, chúng ta đã đạt được tỷ số một người lính Căm-pu-chia chết sau khi giết được ba mươi người Việt. Như vậy chúng ta chỉ cần hy sinh có hai triệu người Khmer để tiêu giệt trên năm chục triệu người Việt, và chúng ta vẫn còn sáu triệu.*

Về cuộc đánh nhau giữa hai người anh em xã hội chủ nghĩa môi hở răng lạnh Hoa Việt cũng được tác giả mô tả kỹ lưỡng từ bối cảnh lịch sử giữa hai nước đến cái thế đi dây đầy chông chênh của Cộng sản Việt Nam giữa hai đàn anh lớn đang bất hòa với nhau. Nhưng dù làm xiếc khéo đến đâu cũng phải có lúc không thể làm vừa lòng cả hai ông chủ chi tiền, và bị một ông đánh đòn để dạy dỗ, đó là thân phận tất yếu của kẻ chư hầu. Phía Trung Hoa tự giới hạn cuộc chiến, sau khi chiếm được một số vị trí của Việt Nam dọc theo biên giới (với một tổn thất nhân mạn đáng kể), đã rút về, và cả hai bên đều tuyên bố mình thắng trận.

Tác giả đã giữ thái độ khách quan của một người nghiên cứu, mô tả nguyên nhân xa gần, và cuộc diện khá chi tiết của các trận đánh với tài liệu có được từ các phía. Điều đó giúp người đọc Việt Nam, dù ở phía nào, có được cái nhìn xác thực về các sự kiện lịch sử nhuốm nhiều vẻ bí ẩn đã xảy ra. Một thiếu sót rất đáng tiếc của cuốn sách là không có bản đồ để minh họa cho các sự kiện quân sự đã được tác giả tả vừa lôi cuốn vừa đầy đủ.

Tính chất khách quan và xác thực của cuốn sách đã cho thấy những tiếng như "anh em," "tình cảm quốc tế trong sáng" v.v... của khối Cộng sản chỉ là những lối nói trống rỗng và lừa dối. Và cũng minh chứng một cách dứt khoát rằng *Hơn ai hết, các lãnh tụ Cộng sản biết rằng tình hữu nghị anh em giữa các nước Cộng sản chỉ là chiêu bài cho sự thống trị của một đảng Cộng sản nước lớn đối với đảng Cộng sản nước nhỏ, và đảng Cộng sản nào cũng đặt quyền lợi của mình lên trên hết.*

Thuở Mơ Làm Văn Sĩ

hồi ký của **Nguyễn Thụy Long**, Tuổi Xanh xuất bản, Tự Lực phát hành, 261 trang, giá US$14.00. Liên lạc: Tự Lực, 14318 Brookhurst St. Garden Grove CA 92843, USA. Tel: (714) 531-5290.

Nguyễn Thụy Long là một nhà văn đã thành danh từ thập niên 60 ở miền Nam, nổi tiếng với những cuốn tiểu thuyết về mặt trái của xã hội Sài Gòn thời bấy giờ, như *Loan Mắt*

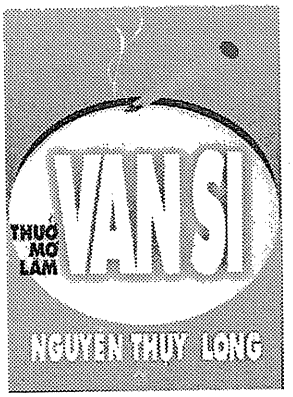

Nhung, Kinh Nước Đen v.v... Sau 1975 ông ở lại trong nước, chỉ mới được cầm bút lại thời gian gần đây, và *Thuở Mơ Làm Văn Sĩ* là cuốn hồi ký đầu tiên của ông về cuộc đời viết văn, được chuyển ra xuất bản tại nước ngoài.

Ông kể lại cuộc đời viết lách của mình, bắt đầu từ một buổi họp của "thi văn đoàn Lãng Bạc" với các bạn học lớp Đệ Ngũ, trong đó Lê Đình Điểu là Tổng thư ký. Rồi dần dần theo ngày tháng, dù đời sống có nhiều cơ cực và chẳng may, duyên văn nghệ vẫn đưa đẩy, tác giả đã gặp gỡ, kết bạn với những bạn cùng trang lứa mê làm thơ viết văn: Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Viên Linh, Đỗ Quý Toàn, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Nhật Duật, Tú Kếu, Duyên Anh, Trần Tuấn Kiệt v.v... những người thời bấy giờ hầu hết còn gọi bằng tên cúng cơm chứ chưa có những bút danh nổi tiếng như sau này. Một trong những điểm thú vị của cuốn hồi ký này là giúp cho người đọc biết được thời kỳ "khởi nghiệp," có thể gọi là "thủa hàn vi" của nhiều nhà thơ nhà văn miền Nam có tuổi trưởng thành vào khoảng đầu thập niên 60. Cuốn sách cũng phần nào mô tả bức tranh xã hội thời đó, mặc dù chỉ được nhìn dưới khía cạnh rất tiêu cực của một người liên tiếp gặp chuyện rủi ro về gia đình cũng như xã hội ngay ở tuổi vừa mới lớn. Số phận đã dành cho Nguyễn Thuỵ Long những cơ cực như thế hình như là để rèn cho ông một tâm hồn cũng như ngòi bút có khả năng đào sâu vào mặt trái của xã hội, một điều không người cầm bút nào cùng lứa với ông có khả năng hơn ông.

Cuốn hồi ký mở ra với một kỷ niệm về Lê Đình Điểu, và kết thúc cũng bằng buổi "tái ngộ" với nhà báo này:

Hôm rồi, những ngày mưa gió, tôi đi đón hài cốt của Lê Đình Điểu hồi cố hương, như lời nhắn nhủ của anh với gia đình ... Tôi ngồi ở chùa An Lạc nghe kinh siêu thoát cho Điểu. Trong mấy chục năm qua nhiều người bạn đã ra đi. Lê Đình Điểu là bạn tôi, từ những ngày đầu "thuở mơ làm văn sĩ."

Có nghĩa là những giòng cuối của cuốn hồi ký này chỉ mới viết cách đây chừng vài ba tháng. Cuốn sách bao gồm những chuyện rất cũ và rất mới, và người đọc cảm nhận được cái ma lực lạ lùng trong đời một người văn sĩ, với giấc mơ có từ thủa thiếu thời, và đeo đẳng người ấy suốt đời...

Việt Nam Thương Khúc

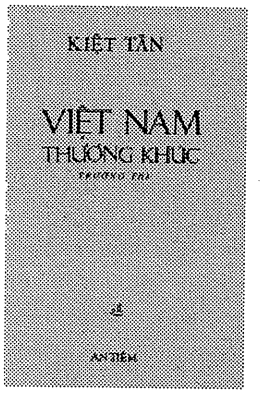

trường thi của **Kiệt Tấn**, An Tiêm xuất bản, 144 trang, giá US$7.00, ngoài nước Mỹ $8.00. Liên lạc: An Tiêm, 3 Vincent Van Gogh, 95170 Deuil La Barre, France.

Xong cuộc chiến từ 1975, nhiều nhà cầm bút, nhất là bên phía chiến thắng, đã mơ tưởng đến những "tác phẩm lớn" mô tả lại các trang lịch sử vừa qua, nhưng 25 năm sau một tác phẩm như vậy cũng chưa thấy xuất hiện, dù là ở bên nào. Sau những biến động dữ dội của lịch sử, khi mọi chuyện tạm lắng xuống thì điều mà người Việt Nam cảm nhận rõ rệt nhất là sự đau thương, một nỗi đau thương kéo dài, quằn quại, đủ kiểu, từ quá khứ qua hiện tại và rõ ràng đang có khả năng gặm nhấm cả tương lai. Ghi lại đau thương ấy cũng là nhiệm vụ của người cầm bút. Chuyện tác phẩm lớn hay không lớn ngẫm lại, không phải vấn đề, mà vấn đề là có nói được cái đặc trưng chính yếu của mình hay không.

Kiệt Tấn đã làm. *1984. Vào một đêm cuối hạ ở miền Nam nước Pháp, say rượu nghe dế kêu chợt nhớ nhà, tôi cầm bút khởi viết "Việt Nam Thương Khúc."* Khúc đau thương của Việt Nam. 1984 chỉ là thời điểm chín mùi, nỗi đau thương của dân tộc tác động tâm hồn tác giả từ rất lâu trước đó, suốt đời ông, có lẽ từ lúc ông bắt đầu có ý thức. Ông dựng lên một câu chuyện, cho các nhân vật bắt đầu sống vào khoảng thập niên 20 của thế kỷ 20, và chuyện kéo dài đến ba thế hệ, với các thương đau liên tục qua lịch sử, mà sự kiện mới nhất là cảnh tù cải tạo và vượt biên vị cướp bóc hãm hiếp trên biển...

Tác phẩm gồm 3100 câu thơ song thất lục bát, một thể có âm điệu bổng trầm réo rắt thích hợp để tả nỗi ai oán. Năm 1954, lính cộng sản vào Hà Nội, tác giả viết:

Chín tháng Mười tiếp thu Hà Nội
Tay trong tay bộ đội vô thành
Sao vàng cờ đỏ phục xanh
Dép râu nón cối Hà thành từ đây

hoặc đúc kết cả tấn tuồng ra đi tị nạn của

người Việt nơi nước ngoài:

Đại dương nọ từ đây đôi ngả
Tàn đao binh keo rã hồ tan
Quê hương anh tấm thân tàn
Xứ người em gót bàng hoàng ngẩn ngơ

Kiệt Tấn lại làm một khúc đoạn trường, khúc của thời đại. Ông dùng đúng hình thức mà từ nhiều thế kỷ trước Đoàn Thị Điểm, Ôn Như Hầu... đã dùng, viết trường thi bằng song thất lục bát, kể lại những đoạn trường của thời đại họ. Những âm điệu cổ truyền của dân tộc vẫn vang dội trong tâm hồn Việt Nam, mong rằng khúc đau thương này của thế kỷ 20 sẽ tiếp tục đánh động tấm lòng của người Việt bây giờ và nhiều trăm năm sau nữa, như một lưu giữ, khi một trang sử đã lật qua...

Cõi Người Trong Văn Chương Bình Dân

biên khảo của **Huỳnh Văn Phú**, Văn Mới xuất bản, 114 trang, giá US$10.00. Liên lạc: Văn Mới 1528 South La Cienera Blvd. Los Angeles CA 90035, USA. TEl: (310) 559-0413.

"Cõi người" gợi một khái niệm rất rộng, thường là đối tượng của triết học. Nhưng xin bạn đọc đừng lo gặp phải một đề tài nhức đầu, tác giả là người vui tính, cái "cõi" này tác giả chỉ dùng, có lẽ một cách hơi đùa đùa, để chứa đựng những gì rất đời thường mà chúng ta vẫn gặp trong cuộc sống hằng ngày. Và "văn chương bình dân" ở đây hẳn là ca dao. Sưu tầm, phân loại ca dao tục ngữ thì kể ra cũng nhiều người làm từ lâu rồi, nhưng cái kho văn chương dân gian quả thật rất mênh mông, không ai một mình có thể sưu tầm hết được. Và đến phiên Huỳnh Văn Phú quả nhiên ông cũng đưa ra được một số câu mới (không hoặc ít thấy trích dẫn trong những công trình trước ông), cộng với lời bình giảng nghiêng về tính cách trào lộng, làm cho cuốn sách có một sức sống mới, mặc dù đề tài thì rất là... muôn thuở, và ý nghĩa lời bình của ông thì cũng không có gì mới.

Do đâu tác giả sưu tầm được lắm câu ca dao như thế? Do ông khai thác nơi vợ ông. *Bất cứ trường hợp nào, bả cũng có thể phụ họa vào câu chuyện bằng một câu ca dao thích hợp. Tôi ngạc nhiên lắm, không hiểu bả sưu tầm từ hồi nào, ở đâu mà chứa đầy bụng thế.* Nhờ có một từ điển văn học sống như thế bên cạnh, tác giả đã tha hồ bình giảng ca dao theo những chủ đề mà mình cần. Ví dụ:

Tôi nói với bả:

- Nè, bà có thuộc những câu ca dao nào đề cập đến coi bói, xem tướng, bà cung cấp cho tôi để viết bài cho báo Tết đi.

Bả cười tình với tôi:

- Ca dao nói về xem tướng và coi bói đều có cả. Đúng hay sai thì tui không biết chứ đọc lên nghe cũng rất vui. Để tui chép ra, chiều mai ông đi làm về là có sẵn trên bàn cho ông rồi...

Vì được "thuận lợi" như thế, Huỳnh Văn Phú đã khai thác nhiều đề tài độc đáo trong ca dao, như những cách cười, những cái hôn, cái khôn, cái dại v.v... chứa đựng trong những câu văn vần nằm tản mác trong dân gian. Nhờ đó, chúng ta biết thêm được cái "cõi người" của dân Việt Nam nó phong phú và dễ thương biết chừng nào!

Giai Thoại Thiền Sư

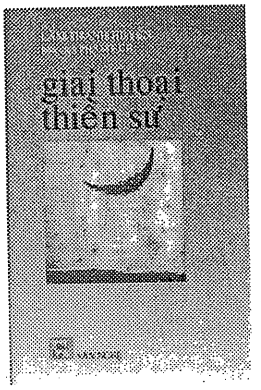

sách Thiền học của **Lâm Thanh Huyền**, bản dịch của **Phạm Huê**, Văn Nghệ xuất bản, 234 trang, giá US$10.00, ngoài nước Mỹ $12.00. Liên lạc: Văn Nghệ, 9351 Bolsa Ave. Westminster, CA 92683, USA. Tel: (714) 934-5874.

Trong các môn phái tu của Phật giáo, Thiền tông có nhiều chuyện kể linh động nhất, dùng như những bài học cho người tu theo môn phái này. Nhưng vì tính chất đôi khi rất cô đọng và đặc thù — xảy ra giữa những cá nhân nhất định, trong một hoàn cảnh và trạng thái tâm lý nhất định — có những chuyện không dễ hiểu chút nào, đôi khi đến độ thành những câu đố về con đường tu tập, thường gọi là những công án, đòi hỏi sự nghiền ngẫm rất lâu để vỡ ra ý nghĩa. *Giai Thoại Thiền Sư* là một cuốn sách kể nhiều giai thoại trong việc tu thiền, và đặc biệt có phần diễn giảng rất uyên bác mà lại ngang tầm hiểu biết của người thường.

Chúng ta thường hình dung Thiền là cái gì lặng lẽ, tĩnh mịch, rỗng lặng, là những đặc tính khác xa và chẳng ăn nhập gì với cuộc sống thường nhật của chúng ta. Nhờ những câu chuyện này, người ta biết được rằng Thiền là một lối tu rất sống động, *Thiền là quả tim có nhịp sống chớ không phải đoạn diệt. Tâm Thiền*

hoạt bát chứ không khô héo. Thiền ấm áp như nắng mùa Xuân chứ không lạnh lẽo như băng tuyết mùa Đông. Thiền là trái tim lúc nào cũng chăm chú nhìn vào những sinh mạng chứ không phải quay đầu né tránh sinh linh.

Những câu chuyện đầy tuệ giác mà cũng đầy hơi ấm của nhân tình và cuộc sống trong cuốn sách này giúp người đọc tiếp cận với chân lý của đạo Phật một cách dễ dàng, lắm khi rất thú vị với tính cách phóng khoáng, ngang tàng, phúng thích, đánh thẳng vào sự phẳng lì của cuộc sống, làm vỡ ra khả năng giác ngộ đang tìm ẩn đâu đó trong mỗi chúng ta.

Phòng 111

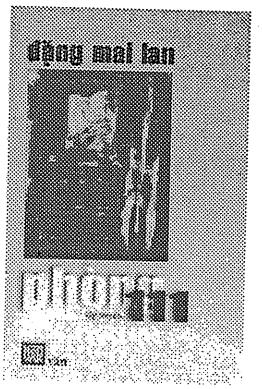

tập truyện của **Đặng Mai Lan**, Văn xuất bản, 177 trang, giá US$12.00. Liên lạc: Văn, P.O. Box 611626 San Jose CA 95161, USA. Tel: (408) 263-5283.

Mười ba truyện, với lời Tựa của Nguyễn Xuân Hoàng. Mười ba câu chuyện tình mà như chỉ là lời độc thoại của một người, một người đàn bà đang yêu. Cây bút nữ viết về tình yêu một cách phong phú lạ lùng, vì nhân vật luôn luôn là một người đàn bà lãng mạn, đa tình mà cũng thông minh rất mực. Nàng nhìn thấu suốt được lòng mình và lòng của người tình, nhìn thấu suốt được tất cả hoàn cảnh éo le của những mối tình không "hợp pháp," nhưng mà nàng yêu, nàng hiến dâng, nàng nhận lãnh. Và dĩ nhiên dằng vặt, đau khổ. Người đàn bà ấy nhìn thấy hết, biện biệt được tất cả các tình huống, nhưng những cánh tay bạch tuộc của tình ái vẫn ghì trói, vật vã nàng.

Phòng 111 là một tra vấn không ngừng về tình yêu, là người đàn bà nói về người đàn ông đang liên hệ tình ái với mình, là một lời thủ thỉ kể lể vô tận về cái thế giới ẩn dấu mênh mông trong tâm hồn đang yêu của người đàn bà. Thế giới ấy, được mô tả rất thông minh nhạy bén, chứa đầy tấn công và phòng thủ, khôn ngoan và khờ khạo, gìn giữ và mời gọi, hạnh kiểm và buông thả nơi một người đàn bà thường trực đối diện với nỗi cô đơn, mặc dù vẫn thường trực đối diện với tình yêu.

Đặng Mai Lan, đó là mê đắm một cách đầy ý thức.

Tuyển Tập Thơ Văn Hải Ngoại Năm 2000

do **Nhóm Việt Thường** thực hiện, Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành, 611 trang, giá US$20.00. Liên lạc: Văn Mới, 1528 South La Cienega Bl. Los Angeles, CA 90035, USA. Tel: (310) 559-0413.

Tính đến năm 2000 thì thời gian người Việt Nam chính thức di tản ra nước ngoài để sống đời tị nạn là đúng 25 năm, một phần tư thế kỷ. Hăm lăm năm ấy biết bao nhiêu tình, Nhóm Việt Thường đã cố gắng gom góp lại những tình tự mà người Việt hải ngoại đã ghi lại dưới dạng văn và thơ từ khắp thế giới, làm thành một tuyển tập, như một bằng chứng cụ thể về sinh hoạt tinh thần, tình cảm của họ.

Các tác giả có mặt trong tuyển tập gồm có: Bắc Phong, Chân Phương, Cao Đăng Khánh, Cung Trầm Tưởng, Du Tử Lê, Dương Kiền, Đỗ Kh., Đỗ Quyên, Hà Thúc Sinh, Hoàng Anh Tuấn, Hoàng Chính, Hoàng Du Thụy, Hoàng Khởi Phong, Hoàng Lộc, Hoàng Nga, Hồ Xuân Sơn, Hồ Đình Nghiêm, Hồ Trường An, Khế Iêm, Kiệt Tấn, Kinh Dương Vương, Lâm Chương, Lâm Hảo Dũng, Lê Minh Hà, Lê Thị Huệ, Lê Thị Thấm Vân, Luân Hoán, Lưu Nguyễn, Mai Kim Ngọc, Miêng, Ngô Nguyên Dũng, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Đức BạtNgàn, Nguyễn Hưng Quốc, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Ngọc Ngạn, Nguyễn Quý Đức, Nguyễn Quốc Trụ, Nguyễn Sao Mai, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Xuân Thiệp, Phạm Đình Cường, Phạm Thị Hoài, Phạm Việt Cường, Phan Nhật Nam, Phan Ni Tấn, Phan Thị Trọng Tuyến, Song Thao, Tâm Thanh, Thái Tú Hạp, Thành Tôn, Thảo Trường, Thế Uyên, Thi Vũ, Tô Thùy Yên, Trang Châu, Trần Doãn Nho, Trần Hoài Thư, Trần Long Hồ, Trần Mộng Tú, Triều Hoa Đại, Tưởng Năng Tiến, Võ Kỳ Điền.

Những người thực hiện tuyển tập nói rằng 67 cây bút trên *không thể tiêu biểu cho tất cả mọi giới cầm bút tại hải ngoại, nó chỉ tượng trưng cho sự đáp ứng tích cực của lời mời cộng tác, lời mời có phần nào bị hạn chế vì hoàn cảnh và phương tiện mà nhóm Việt Thường có*

thể thực hiện được.

Dĩ nhiên là không thể tiêu biểu hết, nhưng giá trị tiêu biểu của tuyển tập thì vẫn có, và đây chính là một điểm son phải ghi cho nhóm thực hiện. Người Việt hải ngoại không phải là dân chúng trong một quốc gia, họ phải sống nhờ nơi nhiều quốc gia khác nhau, nhưng từ góc nào của thế giới cũng cố vươn lên nói ra cho được cái đời sống nội tâm của họ. Liên lạc, gom góp bài vở trong một hoàn cảnh như thế không phải là dễ, nếu không có một tấm lòng thiết tha và một ý định vững chắc thì khó mà làm được một công việc như thế này.

Các tác phẩm được đăng có lẽ do chính các tác giả chọn trong những gì mình ưng ý nhất, cái tiêu chuẩn chủ quan đó của người cầm bút có nghề thật ra không mấy khi sai lầm: có thể nói đây là một tuyển tập khá đặc sắc. Người đọc hôm nay có thể yên tâm thong thả nhìn lại một phần thành tựu của văn học Việt Nam hải ngoại 25 năm qua, và điều quan trọng hơn, người đọc của ngày mai, những thế hệ thứ hai, thứ ba và tiếp theo của người di dân, sẽ có được một phương tiện tốt *để gìn giữ và hãnh diện tiếng mẹ đẻ của mình*, như ước ao của nhóm thực hiện.

Thiên Hùng Ca Dân Tộc Việt

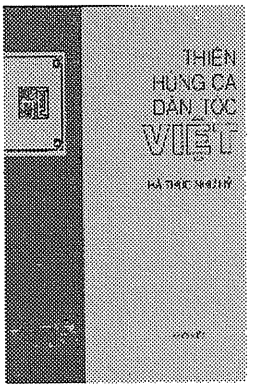

trường thi của **Hà Thúc Như Hỷ**, Khôi Việt xuất bản, 178 trang, giá US$20.00. Liên lạc: Khôi Việt, 14922 Moran Street #B, Westminster CA 92683, USA. Tel: (909) 465-0716.

Điều đáng chú ý đầu tiên là sách rất đẹp. Bìa trình bày mỹ thuật, sang trọng một cách cổ kính, ruột in trên giấy quý, các phụ bản màu trên giấy láng; công việc trình bày in ấn rất chu đáo cẩn thận. Đặc biệt hơn nữa, chính tác giả là người trình bày bìa và vẽ minh họa; điều này và những điều đọc ở phần ghi chú về tác giả (là một bác sĩ y khoa, một họa sĩ có tranh triển lãm, chơi violon và là một ca đoàn trưởng, giáo sư Nhu đạo, viết truyện dài, truyện ngắn, thơ, kịch...) thì không thể không kết luận đây là một con người đa tài. Chỉ về phương diện hình thức, sách xứng đáng mang cái tên lớn lao mà tác giả dành cho nó.

Thiên trường thi dài 2095 câu dẫn người đọc đi từ *Thời Mở Nước* thoạt tiên giới thiệu phần địa lý nhân văn rồi qua các triều đại từ Hùng Vương đến nhà Nguyễn; *Thời Giữ Nước* gồm các chủ đề chống thực dân, Cần vương, khởi nghĩa Yên Báy, đến Việt Minh... rồi đi mãi tới hiện tại với người Việt tị nạn; *Thời Dựng Nước* gồm nhiều suy nghĩ của tác giả liên quan đến việc xây dựng đất nước, ví dụ bài học rút từ chiến tranh Việt Nam, các vấn đề lãnh đạo, đoàn kết, tôn giáo, kinh tế, giáo dục, y tế v.v...; và cuối cùng là phần *Kết từ*.

Tác giả dùng lối thơ tương đối tự do, không bị bó buộc số chữ và vần cho mỗi câu nên sự diễn đạt được dễ dàng và hiệu quả. Ví dụ:

Vẫn còn đây
Một kỷ nguyên sáng chói
Văn học võ công một thời thịnh trị
Phá Tống Bình Chiêm
Vẻ vang thay triều Lý

Dòng thơ đi theo các triều đại của lịch sử Việt Nam, khi hào hùng cảm khái, lúc lắng sâu một tình cảm thiết tha, chứng tỏ tác giả mang một tấm lòng yêu nước sâu đậm, và lại có tài diễn ca một cách dài hơi.

Nhưng cảm hứng thi ca dễ bắt nguồn từ tình cảm lịch sử bao nhiêu thì lại khó thành hình với những vấn đề có tính cách chính luận bấy nhiêu. Làm sao người ta có thể "làm thơ" với những vấn đề chủ thuyết, vấn đề lãnh tụ, dân chủ và đối lập, vấn đề kinh tế, giáo dục, y tế...? Dĩ nhiên mọi vấn đề đều có thể trình bày bằng văn xuôi hoặc bằng văn vần, nhưng mỗi loại văn có đặc tính riêng của nó, và chỉ nên dùng để diễn tả những gì thích hợp với đặc tính ấy. Một kế hoạch cụ thể nhằm xây dựng đất nước thì trình bày bằng văn xuôi chắc thích hợp hơn văn vần nhiều.

Sự phân chia các thời kỳ lịch sử của tác giả là một điều cần bàn: thời mở nước kéo dài từ Hùng Vương đến triều Nguyễn, thời giữ nước chỉ bắt đầu từ khi Pháp xâm lăng và kéo dài đến biến cố mất miền Nam, thời dựng nước là một thời... tương lai, với các ý kiến xây dựng của tác giả. Sự phân chia không hợp lý như thế không phản ảnh đúng thực tế lịch sử Việt Nam, vì một chuyện như *giữ nước* chẳng hạn thì thời nào cũng phải có, dựng nước xong là phải lo giữ nước ngay, chứ không thể có một "thời kỳ" riêng cho công tác ấy. Và dựng nước nữa, đó là một công việc liên tục triều đại nào cũng làm, mỗi thời một ít, thì chúng ta mới có nước Việt Nam như ngày nay.

Nhưng nếu đừng đi vào những chi tiết kỹ thuật, nhìn chung tổng thể hơn hai nghìn câu thơ, ta vẫn có một bức hoành tráng rất đẹp về dân tộc Việt Nam, gợi nhiều tình cảm và niềm kiêu hãnh nơi con dân thuộc giống nòi này.

PHẢI TÌM ĐỌC

Cuốn tiểu thuyết vào hàng hay nhất của thời đại chúng ta

Bên giòng sông Hằng

của tác giả Nhật Bản **VIỄN ĐẰNG CHU TẮC - ENDO SHUSAKU**
Dịch thẳng từ bản Nhật ngữ: **NGUYỄN VĂN THỰC**
(dịch giả rất thành công cuốn ***Sao Chúa Mãi Im,*** cùng một tác giả)

Endo Shusaku mà nhà văn Nhật Bản được độc giả Nhật và Tây phương biết đến và yêu mến còn hơn cả Kenzaburo Oe, nhà văn Nhật đoạt giải Nobel văn chương năm 1994. Ông đã nhận được những giải thưởng văn chương cao quý nhất của Nhật, và nhiều lần được đề cử tranh giải Nobel về văn chương.

Sự khó khăn của Kitô giáo trong tiến trình hội nhập vào tâm thức Nhật Bản là đề tài lớn trong sự nghiệp sáng tác của ông. Nhưng phải chờ đến BÊN GIÒNG SÔNG HẰNG (Thâm Hà) người ta mới thấy được thị kiến về một tâm-thức-mới chuyên chở được muôn giòng sông tư tưởng và tôn giáo, trong đó có Công giáo, là tôn giáo của tác giả.

Tất cả lồng trong một câu chuyện rất hiện đại, đầy linh hoạt và trắc ẩn, của một nhóm du khách Nhật Bản đến bên giòng sông Hằng, chạm đến cái mênh mông của giòng sông thiêng cũng như của tâm linh muôn thuở...

THẾ KỶ xuất bản, 325 trang, giá 14 mỹ kim. Ở xa xin gửi thêm $2 cước phí. Riêng quý bạn đọc tạp chí Thế Kỷ 21 ở trong nước Mỹ, điền và cắt phiếu dưới đây gửi về để mua sách thì sẽ được miễn tiền cước phí (chỉ gửi $14.00 cho một cuốn).

Liên lạc, chi/lệnh phiếu (check, money order) xin đề:

YEN TRAN
9702 Bolsa Avenue # 112, Westminster CA 92683 - USA
Tel: (714) 839-8746

PHIẾU ĐẶT MUA SÁCH "BÊN GIÒNG SÔNG HẰNG"

Yêu cầu gửi cho tôi ..... cuốn với giá US$14.00 một cuốn.

Tôi kèm theo đây chi/lệnh phiếu mang số tiền:_____

Họ tên:_____

Địa chỉ:_____

Điện thoại:_____ E-mail:_____

CẦN CÓ CĂN BẢN ANH VĂN VỮNG CHẮC ĐỂ

THÀNH ĐẠT Ý MUỐN

TRAU GIỒI ANH NGỮ NHANH NHẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP TÂN TIẾN

MODERN ENGLISH

Kinh nghiệm hơn 40 năm của giáo sư **Lê Bá Kông** đã được tập trung để soạn bộ sách **Modern English**. Bộ sách rất giá trị này đã được các nhà chuyên môn ngữ học Việt và ngoại quốc khen ngợi. Bộ gồm 4 cuốn giáo khoa từ sơ cấp đến hoàn bị, 4 cuốn hướng dẫn để tự học, và 8 cassettes C-90, giọng cô Ruth Ascher, xướng ngôn viên New York, hướng dẫn phát âm điêu luyện, hơn hẳn những phương pháp khác. Phần văn phạm và cú pháp căn bản vững vàng, hợp với người Việt, được giảng giải cặn kẽ, mạch lạc, dễ hiểu và đầy đủ. Các bài tập nhằm vừa áp dụng những điểm mới học, vừa ôn lại thường xuyên những điều đã học. Bài vở nhằm giúp học viên vui học.

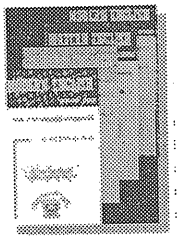

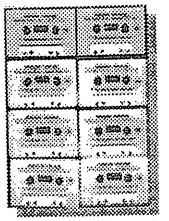

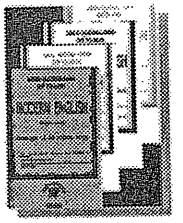

Sau đây là một số thư từ, khen ngợi cũng như tâm sự, chúng tôi đã nhận được trong những năm qua. Ý nguyện của cố giáo sư Lê Bá Kông là tiếp tục phục vụ đồng bào đồng hương.

Chúng tôi nhận thấy sách này học dễ hơn các thứ sách khác, nó dễ là vì phù hợp với trình độ của chúng tôi và lối phiên âm nó dễ theo giọng người Việt của mình. - TVD

Bộ sách này mà anh gửi về bên nhà, thì giúp ích rất nhiều cho những ai muốn học Anh ngữ. Cộng đồng Việt Nam ở Mỹ thật là may mắn có ông thầy như anh để hướng dẫn thật là quý hóa vô cùng. - PMC

Một lần nữa chúng tôi xin chân thành cảm tạ giáo sư. Giáo sư đã tốn nhiều công lao soạn bộ sách Modern English thật vĩ đại, thật vô cùng cần thiết không những cho lớp trẻ mà cho cả lớp già như chúng tôi, cho những ai muốn học Anh văn thật căn bản . - NĐB

Bộ sách của Thầy sẽ thay Thầy để tiếp tục chỉ dạy cho em và chắc chắn kết quả sẽ hoàn toàn mỹ mãn như ý muốn. - TCT

Những chữ mà Thầy dậy chúng tôi thuở nhỏ, theo thời gian tàn tạ, chúng tôi gần như quên hết. Trí nhớ của chúng tôi lúc này như tỉnh như mơ ... nhận được sách của Thầy quý báu sẽ cho chúng tôi hồi sinh và có thêm nghị lực để sống nơi quê hương mới. - NQ

Sự đóng góp không nhỏ vào gia tài văn học của nước nhà, sự đào tạo của quí giáo sư cho thế hệ trẻ Việt Nam trong những thập niên qua đã làm cho mọi người Việt Nam trong nước dù kẹt dưới chế độ gông cùm Cộng sản Việt Nam hay di tản khắp năm châu hiện nay thật rất ngưỡng mộ. - NHT

Các cháu đang học bộ Modern English. Rất có triển vọng tiến bộ nhiều . - NTĐ

Giá toàn bộ **Modern English** là **US$99 và US$10 cước phí.**

Giá đặc biệt khi mua chung bộ **Modern English** và bộ **TỰ ĐIỂN ANH-VIỆT & VIỆT-ANH**, loại mới, hơn 900 trang, chữ lớn, đặc biệt có 2 lối phiên âm Quốc Tế và Ziên Hồng (phát âm tiếng Anh theo vần Quốc ngữ ta), bìa bọc plastic, là **US$120 và US$12 cước phí.**

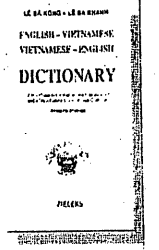

Canada xin thêm 15%, các nước khác xin thêm 30% cho cước phí.

Rất hay và hữu ích cho việc học tiếng Anh và đa số các bài học đều chọn lọc và có giá trị rất cao ... Con cũng đã giới thiệu bộ sách giáo khoa của Thầy với một số bạn bè ở đây để họ có cơ hội học hỏi và nâng cao trình độ ngoại ngữ. - LTNS

Những ngày trong lao tù cải tạo chữ nghĩa bay theo mây theo gió, hay nói một cách khác "đã trả lại Thầy" ... Cơ trời run rủi, đến được đất Mỹ, nhưng không nói được tiếng Mỹ, thật buồn cho thân phận ... Thấy có bộ sách học Anh văn Modern English của Thầy, vui mừng hết sức vì như vậy có cơ hội và điều kiện dễ dàng để học lại Anh văn. Coi như đã đạt thành ước nguyện. - TCT

Đối với tôi, những công trình của giáo sư cống hiến cho dân tộc rất to lớn. Tôi là một phần tử được hưởng những kết quả tuyệt vời của giáo sư đã dày công và cần mẫn sáng tác. - NNC

Vấn đề học Anh ngữ đối với tôi thật khó khăn vì tuổi đã lớn rồi, học ít nhớ. Hơn nữa thì lo làm để kiếm sống vất vả lắm ... Nhưng điều buồn là sống ở xứ người mà không biết nói tiếng người, nghe được người ta nói nhiều lúc thấy xấu hổ. - NU

Zieleks Company Inc.
(Ban Tủ Thư Ziên Hồng)
2109 Kilkenny Dr. - Dept. TK
Pearland, TX 77581, USA
(281) 481-3783
Xin gửi check hay money-order
Có nhận credit card

Bolsa Medical Center

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - **(714) 531-2091**

AMVI, AMVI / PROSPECT SỐ 27 & BOLSA MEDICAL GROUP

in affiliation with

FOUNTAIN VALLEY REGIONAL HOSPITAL

17100 Euclid Ave., Fountain Valley, CA 92708 - **(714) 966-7250**

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN
PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THỬ NGHIỆM

- Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất của thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.
- Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê, bác sĩ chuyên khoa về lâm thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.
- Trung tâm được công nhận bởi các cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.

CHUYÊN TRỊ:

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già, Bệnh Đường Tiêu Hóa, Ruột....
* Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe Chương trình Hội Thoại Y Khoa của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2:15 PM - 3:15 PM và sáng thứ Sáu từ 6:15 AM tới 6:30 AM trên băng tần 106.3 FM, VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

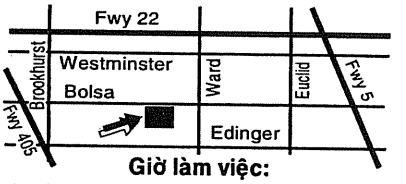

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM & Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet HealthSystem

DANH SÁCH CÁC BÁC SĨ CỦA BOLSA MEDICAL GROUP

B.S. PHẠM ĐĂNG LONG CƠ, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THỊ LĂM THÚY, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. NGUYỄN HỮU HÙNG, M.D.
Nội Khoa, Bệnh Người Già

B.S. VĂN KỲ CHƯƠNG, M.D.
Giải Phẫu Tổng Quát

B.S. NGUYỄN VĂN LỘC, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. DƯƠNG HỒNG TẠO, M.D.
Tim Mạch, Nội Thương

B.S. HOÀNG THANH VINCENT, M.D.
Nội Khoa và Y Khoa Gia Đình

B.S. HOÀNG THẢO CHRISTINE, M.D.
Sản Phụ Khoa

B.S. NGÔ NGỌC TRÂN, M.D.
Chỉnh Xương

B.S. DAVID NGUYỄN, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. PHẠM VIỆT ANH, M.D.
Gia đình, Gây mê, Đau nhức

B.S. PHAN QUỐC QUANG, M.D.
Bệnh Bao Tử, Đường Ruột

B.S. QUẢN TRỌNG THANH LAN, M.D.
Nhãn Khoa

B.S. PETER NGUYỄN, M.D.
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

B.S. VŨ QUỐC ĐỊNH, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THIỆN TRIỆU, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Trẻ Em

BS. NGUYỄN SONG ANH TÚ, M.D.
Nội Khoa, Y Khoa Gia Đình

B.S. LƯU THỊ LỢI, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. LAUREN YẾN CHÂU TRẦN, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. HOÀNG QUÝ MINH, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

B.S. NGUYỄN THANH THÙY, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

Khi quý vị chọn BOLSA MEDICAL GROUP, quý vị đã chọn một Trung Tâm Y Tế có khả năng đem lại cho quý vị những dịch vụ y tế đầy đủ và phẩm chất cao. Trung Tâm Y Tế Bolsa được trang bị bởi những dụng cụ tối tân nhất như hệ thống Laser, Video và đặt trọng tâm vào lãnh vực săn sóc sức khỏe, chẩn và trị bệnh cho cộng đồng Việt Nam. Ngoài Phòng Thử Nghiệm và Phòng Quang Tuyến tối tân đúng tiêu chuẩn của Cơ Quan Y Tế Tiểu Bang California, Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn của Bolsa Medical Group còn chuyên về các dịch vụ giải phẫu mà bệnh nhân không cần ở lại qua đêm, giúp quý vị tiết kiệm thời gian và tiền bạc.

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Mới phát hành CD và Cassette THƠ THIỀN

TRÚC LÂM THIỀN PHỔ

Thi phẩm: Trần Nhân Tôn - Thiền sư Vạn Hạnh - Tuệ Trung Thượng Sĩ

THƯỜNG CHIẾU THIỀN PHỔ

Thơ kệ: Thiền sư Thường Chiếu - Thiền sư Thanh Từ - Thiền sư Nhật Quang

TỰ TẠI

Tự tại không vướng mắc
Thong dong dường mây trôi
Không gì chẳng là Đạo
Vui tươi an nhiên thôi.

Thiền Sư Nhật Quang

MỘNG

Gá Thân Mộng — *Ghi Lời Mộng*
Dạo Cảnh Mộng — *Nhắn Khách Mộng*
Mộng Tan Rồi — *Biết Được Mộng*
Cười Vỡ Mộng — *Tỉnh Cơn Mộng*

Thiền Sư Thích Thanh Từ

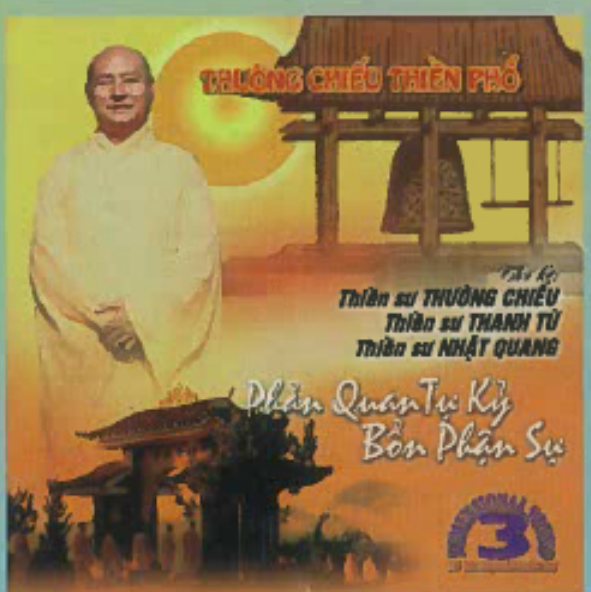

Diễn ngâm: Việt Hùng, Phương Dung, Quỳnh Hoa, Phương Hạnh, Xuân Phát.

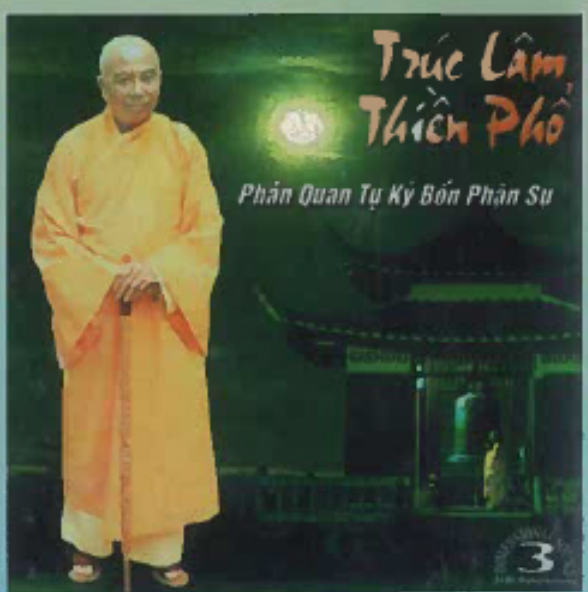

Diễn ngâm: Minh Nguyệt, Bích Thuận, Phượng Vũ, Trọng Nghĩa.

Để chào mừng Thiên niên kỷ thứ III, trong tinh thần Từ Bi, Trí Tuệ, Nhân Bản và Khai Phóng của đạo Phật, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu *CD & Cassette* **TRÚC LÂM THIỀN PHỔ và THƯỜNG CHIẾU THIỀN PHỔ** gồm các thi kệ bất hủ của: ***Thiền Sư Vạn Hạnh,*** vị Quốc sư đầu tiên khai sáng triều đại Lý; ***Thiền sư Thường Chiếu,*** một cao tăng tài ba lỗi lạc vào cuối thế kỷ 12; ***Tuệ Trung Thượng Sỹ*** là thầy của Vua Trần Nhân Tông (Sư tổ phái Thiền Trúc Lâm Yên Tử, vào thế kỷ 13); Thiền sư khả kính hiện đại ***Thích Thanh Từ,*** Ngài có công khôi phục Thiền Tông Việt nam cuối thế kỷ 20, đầu thế kỷ 21, Viện trưởng Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt; ***Thiền sư Thích Nhật Quang,*** trụ trì Thiền Viện Thường Chiếu, Long Thành, Đồng Nai.

Phát hành tại: Hoa Phát Dịch Vụ: (714) 531-2700
hay liên lạc **Đạo hữu Mãn Tâm An: (714) 839-6704**
Địa chỉ: 9490 Madison Ave., Westminster, CA 92683. USA
Chúng tôi có phát hành Video và băng Cassette Học Phật

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim